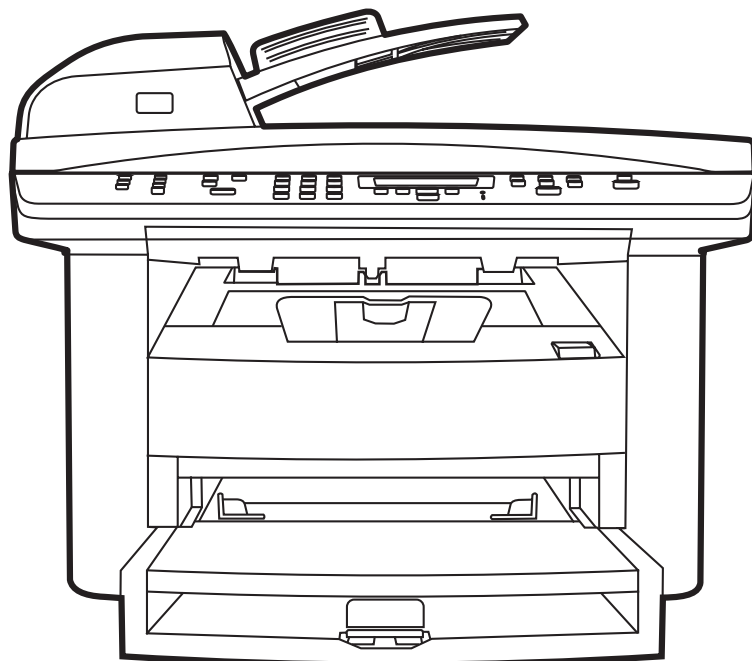


# HP LaserJet M1522 Bộ sản phẩm MFP

## Hướng dẫn sử dụng





# HP LaserJet M1522 Bộ sản phẩm MFP

## Hướng dẫn sử dụng



## **Bản quyền và Li-xăng**

© 2007 Copyright Hewlett-Packard Development Company, L.P.

Nghiêm cấm việc sao chép lại, phóng tác hoặc dịch mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản, ngoại trừ trường hợp được luật bản quyền cho phép.

Thông tin có trong tài liệu này có thể được thay đổi mà không cần phải thông báo.

Các bảo hành duy nhất dành cho các sản phẩm và dịch vụ HP đều được lập ra ở trên trong các bản tuyên bố bảo hành rõ ràng đi cùng với những sản phẩm và dịch vụ như thế. Không có gì trong tài liệu này được hiểu như là sự tạo thành một bảo hành phụ. HP sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với các lỗi hoặc sai sót kỹ thuật hoặc biên tập ở trong tài liệu này.

Edition 1, 12/2007

Số bộ phận: CB534-90980

## **Công nhận Nhân iệu**

Adobe®, Acrobat®, và PostScript® là các nhãn hiệu thương mại của Adobe Systems Incorporated.

Microsoft®, Windows®, và Windows NT® là các nhãn hiệu thương mại đã được đăng ký tại Mỹ của Microsoft Corporation.

UNIX® là nhãn hiệu thương mại đã được đăng ký của The Open Group.

---

# Mục lục

## 1 Thông tin cơ bản về sản phẩm

So sánh sản phẩm .....	2
Tính năng của Sản phẩm .....	3
Mô tả sản phẩm .....	4
Mặt trước .....	4
Nhìn từ phía sau .....	4
Các cổng giao diện .....	5
Vị trí số sê-ri và số model .....	5
Các hệ điều hành được hỗ trợ .....	6
Phần mềm sản phẩm được hỗ trợ .....	7
Phần mềm kèm theo sản phẩm .....	7
Các trình điều khiển máy in được hỗ trợ .....	8

## 2 Bảng điều khiển

Mô tả panen điều khiển .....	10
Các menu trên bảng điều khiển .....	11
Sử dụng các menu bảng điều khiển .....	11
Các menu chính trên bảng điều khiển .....	11

## 3 Phần mềm cho Windows

Hệ điều hành được hỗ trợ dành cho Windows .....	22
Các trình điều khiển máy in được hỗ trợ cho Windows .....	23
Chọn đúng trình điều khiển máy in cho Windows .....	24
Ưu tiên cho cài đặt in .....	25
Thay đổi cài đặt trình điều khiển máy in cho Windows .....	26
Các loại cài đặt phần mềm cho Windows .....	27
Xóa phần mềm cho Windows .....	28
Các tiện ích được hỗ trợ dành cho Windows .....	29
HP ToolboxFX .....	29
Máy chủ Web nhúng .....	29
HP Web Jetadmin .....	29
Các thành phần và tiện ích Windows khác .....	29
Phần mềm cho các hệ điều hành khác .....	31

## 4 Sử dụng sản phẩm với máy Macintosh

Phần mềm cho máy Macintosh .....	34
Các hệ điều hành được hỗ trợ cho Macintosh .....	34
Các trình điều khiển được hỗ trợ cho Macintosh .....	34
Ưu tiên cho cài đặt in cho Macintosh .....	34
Thay đổi cài đặt trình điều khiển máy in cho Windows .....	35
Các loại cài đặt phần mềm cho Windows .....	35
Xóa phần mềm khỏi hệ điều hành Macintosh .....	36
Các tiện ích được hỗ trợ dành cho Macintosh .....	36
Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in Macintosh .....	38
In .....	38
Quét từ sản phẩm và HP Director (Trình Chủ Đạo HP) (Macintosh) .....	41
Các tác vụ quét .....	41
Fax tài liệu từ máy tính Macintosh (chỉ dành cho kiểu máy fax) .....	42

## 5 Khả năng kết nối

Kết nối trực tiếp sản phẩm với máy tính bằng USB .....	44
Từ chối dùng chung máy in .....	45
Các hệ điều hành mạng được hỗ trợ .....	46
Các giao thức mạng được hỗ trợ .....	47
Cài đặt sản phẩm trên mạng .....	48
Cấu hình sản phẩm mạng .....	49
Cài đặt xem .....	49
Thay đổi các cài đặt .....	49
Địa chỉ IP .....	50
Cài đặt tốc độ liên kết .....	50

## 6 Giấy và Phương tiện In

Hiểu cách sử dụng giấy và phương tiện in .....	54
Các cỡ giấy và vật liệu in được hỗ trợ .....	55
Các nguyên tắc đối với giấy hay các vật liệu in đặc biệt .....	57
Nạp giấy và phương tiện in .....	58
Khay nạp giấy ưu tiên .....	58
Khay 1 .....	58
Cấu hình các khay .....	59

## 7 Thao tác in

Thay đổi trình điều khiển máy in cho phù hợp với loại và kích thước giấy .....	62
Các loại giấy và khả năng chứa của khay được hỗ trợ .....	62
Tìm sự trợ giúp về các tùy chọn in ẩn .....	64
Hủy lệnh in .....	65
Tạo sổ tay .....	66
Thay đổi thông số cài đặt chất lượng in .....	67

Thay đổi mật độ in .....	68
In trên phương tiện đặc biệt .....	69
Sử dụng giấy và bìa in khác nhau .....	70
In trang đầu tiên trắng .....	71
Chỉnh lại kích thước tài liệu .....	72
Chọn kích thước giấy .....	73
Chọn nguồn giấy .....	74
Chọn loại giấy .....	75
Đặt hướng in .....	76
Sử dụng hình mờ .....	77
Lưu bột mực .....	78
Tạo và sử dụng các lối tắt in trong Windows .....	79
In trên cả hai mặt giấy (in hai mặt) .....	80
In nhiều trang tài liệu trên một trang giấy trong Windows .....	81
Cài đặt tiết kiệm .....	82
Chế độ tiết kiệm .....	82
In lưu trữ .....	82
Phông .....	83
Chọn phông .....	83
In danh sách các phông hiện có .....	83

## 8 Sao chép

Nạp tài liệu gốc .....	86
Sử dụng bản sao chép .....	88
Sao chép một lần chạm .....	88
Nhiều bản sao chép .....	88
Hủy lệnh sao chép .....	88
Thu nhỏ hoặc phóng to bản sao chép .....	89
Thay đổi cài đặt đối chiếu bản sao .....	90
Cài đặt sao chép .....	91
Chất lượng sao chép .....	91
Xác định cài đặt sao chép tùy chỉnh .....	93
Sao chép vào các loại giấy và khổ giấy khác nhau .....	93
Khôi phục cài đặt sao chép mặc định .....	95
Sao chép một quyển sách .....	96
Sao chép ảnh chụp .....	97
Sao chép các bản gốc có khổ giấy hỗn hợp .....	98
Các lệnh in hai mặt .....	99
Sao chép tài liệu hai mặt thủ công .....	99

## 9 Quét

Nạp tài liệu gốc để quét .....	102
Sử dụng chức năng quét .....	104

Các phương pháp quét .....	104
Sử dụng tính năng Scan To (Quét Vào) .....	106
Đang hủy một lệnh quét .....	108
Cài đặt quét .....	109
Định dạng tập tin .....	109
Độ phân giải và màu sắc của máy quét .....	109
Chất lượng quét .....	110
Quét một quyển sách .....	112
Quét ảnh chụp .....	113

## 10 Fax

Các tính năng fax .....	116
Cài đặt .....	117
Cài đặt và kết nối phần cứng .....	117
Cấu hình cài đặt fax .....	119
Quản lý danh bạ .....	121
Cài kiểm soát vòng fax .....	125
Bảo mật .....	125
Thay đổi cài đặt fax .....	127
Cài đặt âm lượng .....	127
Gửi cài đặt fax .....	127
Nhận cài đặt fax .....	132
Dùng fax .....	138
Phần mềm gửi nhận fax .....	138
Hủy bản fax .....	138
Xóa bản fax khỏi bộ nhớ .....	139
Dùng fax trên hệ thống DSL, PBX, ISDN, hoặc VoIP .....	139
Gửi fax .....	140
Nhận fax .....	150
Giải quyết sự cố khi fax .....	152
Thông báo lỗi fax .....	152
Bộ nhớ fax được lưu giữ trong trường hợp mất điện .....	156
Các báo cáo và nhật ký fax .....	156
Đổi tính năng sửa lỗi và tốc độ fax .....	159
Các sự cố khi gửi fax .....	160
Các sự cố khi nhận fax .....	161
Các sự cố về hoạt động của máy .....	164

## 11 Quản lý và bảo trì sản phẩm

Trang thông tin .....	166
HP ToolboxFX .....	168
Xem HP ToolboxFX .....	168
Tình trạng .....	168



Cảnh Báo .....	169
Fax .....	169
Trợ giúp .....	172
Thông số cài đặt Hệ thống .....	172
Thông số cài đặt In .....	174
Các cài đặt Mạng .....	175
Máy chủ Web nhúng .....	176
Các tính năng .....	176
Sử dụng phần mềm Web Jetadmin software của HP .....	177
Các tính năng bảo mật .....	178
Bảo vệ máy chủ Web nhúng .....	178
Khóa các menu bảng điều khiển .....	178
Nhận riêng .....	178
Quản lý nguồn cung cấp .....	179
Kiểm tra và đặt mua mực in .....	179
Thay mực in .....	181
Lau dọn sản phẩm .....	182
Cập nhật chương trình cơ sở .....	185

## 12 Khắc phục sự cố

Danh sách khắc phục sự cố .....	188
Khôi phục cài đặt mặc định gốc .....	190
Các thông báo ở bảng điều khiển .....	191
Thông báo cảnh báo và cảnh giác .....	191
Thông báo lỗi nghiêm trọng .....	194
Sự cố hiển thị của bảng điều khiển .....	196
Xử lý kẹt giấy .....	197
Nguyên nhân kẹt giấy .....	197
Nơi cần xem xét khi kẹt giấy .....	197
Xử lý giấy kẹt trong khay ADF .....	197
Xử lý giấy kẹt trong khay nạp giấy .....	200
Xử lý giấy kẹt ở ngăn giấy ra phía sau .....	202
Xử lý giấy kẹt ở khu vực hộp mực in .....	203
Tránh tình trạng kẹt giấy tái diễn .....	204
Giải quyết các sự cố về chất lượng hình ảnh .....	205
Các sự cố khi in ấn .....	205
Các vấn đề sao chép .....	211
Các vấn đề khi quét .....	215
Các sự cố về fax .....	217
Tối ưu hóa và cải thiện chất lượng hình ảnh .....	218
Giải quyết sự cố kết nối .....	220
Giải quyết sự cố kết nối trực tiếp .....	220
Các vấn đề về mạng .....	220

Giải quyết sự cố phần mềm .....	222
Các sự cố thông thường của Windows .....	222
Các sự cố thông thường của Macintosh .....	222
Giải quyết lỗi PostScript (PS) .....	224

## Phụ lục A Thông tin đặt hàng và phụ kiện

Mực in (S) .....	228
Cáp và các phụ kiện giao diện .....	229

## Phụ lục B Dịch vụ và hỗ trợ

Chế độ bảo hành có giới hạn của Hewlett-Packard .....	231
Dịch vụ bảo hành trường hợp khách hàng tự sửa chữa .....	233
Tuyên bố bảo hành có giới hạn dành cho hộp mực .....	234
Chăm sóc Khách hàng HP .....	235
Các Dịch vụ Trực tuyến .....	235
Hỗ trợ qua điện thoại .....	235
Thông tin về các phần mềm tiện ích, trình điều khiển thiết bị, các thiết bị điện tử .....	235
Đặt mua phụ tùng và mực in trực tiếp từ HP .....	235
Thông tin về dịch vụ của HP .....	235
Thỏa thuận về sử dụng dịch vụ HP .....	235
HP ToolboxFX .....	236
Các thông tin và dịch vụ hỗ trợ của HP dành cho máy tính Macintosh .....	236
Thỏa thuận về bảo trì của HP .....	237
Đóng gói lại thiết bị .....	237
Bảo hành mở rộng .....	237

## Phụ lục C Thông số kỹ thuật

Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể .....	240
Các đặc điểm kỹ thuật về điện .....	241
Điện năng tiêu thụ .....	242
Các đặc điểm kỹ thuật về môi trường .....	243
Độ ồn .....	244

## Phụ lục D Thông tin về Tuân thủ Quy định

Quy chuẩn FCC .....	246
Chương trình Quản lý Sản phẩm Bảo vệ Môi trường .....	247
Bảo vệ môi trường .....	247
Sản sinh ra khí ozone .....	247
Điện năng tiêu thụ .....	247
Tiêu hao mực in .....	247
Sử dụng giấy .....	247
Bộ phận làm bằng chất dẻo .....	247
Nguồn cung cấp .....	247

Hướng dẫn Hoàn trả và Tái chế .....	248
Giấy in .....	248
Giới hạn về vật liệu .....	248
Vứt bỏ thiết bị thải ra bởi người dùng ở hộ gia đình riêng tại Liên minh Châu Âu .....	249
Tờ Thông tin An toàn đối với Nguyên Liệu (MSDS) .....	249
Thông tin thêm .....	250
Đạo luật Bảo vệ Người tiêu dùng Sử dụng điện thoại (Hoa Kỳ) .....	251
Các yêu cầu IC CS-03 .....	252
Quy định của EU về hoạt động viễn thông .....	253
Các công bố về viễn thông của New Zealand .....	254
Tuyên bố về tính thích hợp .....	255
Tuyên bố về tính thích hợp .....	256
Tuyên bố về an toàn .....	257
An toàn laser .....	257
Các quy định DOC tại Canada .....	257
Tuyên bố EMI (Hàn Quốc) .....	257
Tuyên bố về laser cho Phần Lan .....	257
Bản hóa chất (Trung Quốc) .....	258
<b>Bảng chú giải .....</b>	<b>259</b>
<b>Bảng chú dẫn .....</b>	<b>263</b>



---

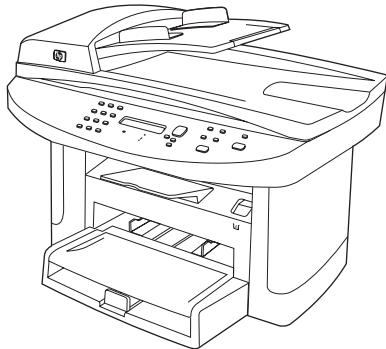
# 1 Thông tin cơ bản về sản phẩm

- [So sánh sản phẩm](#)
- [Tính năng của Sản phẩm](#)
- [Mô tả sản phẩm](#)
- [Các hệ điều hành được hỗ trợ](#)
- [Phần mềm sản phẩm được hỗ trợ](#)

# So sánh sản phẩm

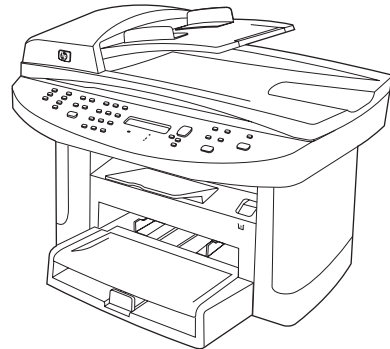
Sản phẩm hiện có trong các cấu hình sau.

---



## HP LaserJet M1522n MFP

- In các trang khổ letter với tốc độ 24 trang/phút (ppm) và các trang khổ A4 với tốc độ 23trang/phút.
- Các trình điều khiển máy in PCL 5 và PCL 6 và mô phỏng postscript mức 3 HP.
- khay nạp giấy ưu tiên có thể chứa đến 10 tờ giấy in.
- khay 1 chứa tối đa 250 tờ giấy in hoặc 10 bì thư.
- Cổng USB 2.0 tốc độ cao và cổng mạng 10/100 Base-T.
- Bộ nhớ truy xuất ngẫu nhiên (RAM) 64-MB.
- Máy quét hình phẳng và khay tự động nạp tài liệu (ADF) 50 trang.



## HP LaserJet M1522nf MFP

HP LaserJet M1522n MFP, cộng thêm:

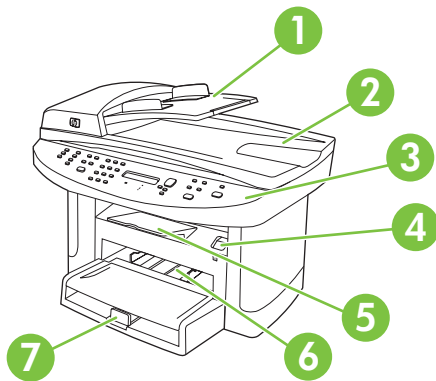
- Fax modem v.34 và bộ nhớ lưu trữ fax flash 4 megabyte (MB).
  - Hai cổng đường dây điện thoại fax RJ-11.
-

# Tính năng của Sản phẩm

<b>Hoạt động của máy</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• In lên đến 24trang/phút (khổ letter) hoặc 23trang/phút (khổ A4).</li></ul>
<b>Print quality (chất lượng in)</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• 600 x 2 điểm trên inch (dpi) với Công nghệ Tăng cường Độ phân giải (RET).</li><li>• Bao gồm các cài đặt có thể điều chỉnh để tối ưu hóa chất lượng in</li><li>• Hộp mực in HP UltraPrecise có công thức mực mịn hơn cho hình ảnh và chữ sắc nét hơn.</li></ul>
<b>Fax</b> (chỉ dành cho kiểu máy fax)	<ul style="list-style-type: none"><li>• Các khả năng fax đầy đủ chức năng với fax V.34; bao gồm sổ danh bạ, fax/ĐT và các tính năng fax tạm hoãn.</li></ul>
<b>Sao chép</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Bao gồm khay ADF cho phép thực hiện tác vụ sao chép nhanh hơn, hiệu quả hơn với các tài liệu nhiều trang.</li></ul>
<b>Quét</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Sản phẩm cung cấp chất lượng quét 1.200 pixel/inch (ppi), màu 24-bit qua kính của máy quét khổ letter/A4.</li><li>• Sản phẩm cung cấp chất lượng quét 300 ppi, màu 24-bit qua khay tự động nạp tài liệu (ADF).</li><li>• Bao gồm một ADF cho phép các tác vụ quét nhanh hơn, hiệu quả hơn với các tài liệu nhiều trang.</li></ul>
<b>Hoạt động mạng</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• TCP/IP<ul style="list-style-type: none"><li>◦ IPv4</li><li>◦ IPv6</li></ul></li></ul>
<b>Các tính năng của trình điều khiển máy in</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Các lợi ích của ngôn ngữ máy in PCL 6 là hoạt động in nhanh, các công nghệ Intellifont tích hợp và chia tỉ lệ TrueType và các khả năng in ảnh tiên tiến.</li></ul>
<b>Các kết nối giao diện</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Cổng USB 2.0 Tốc độ Cao</li><li>• Cổng mạng ethernet 10/100 Base-T (RJ-45).</li><li>• Cổng nối cáp điện thoại/RJ-11 cho fax (chỉ dành cho kiểu máy fax).</li></ul>
<b>In tiết kiệm</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Cung cấp tính năng in N-up (in nhiều trang trên một trang giấy).</li><li>• Cài đặt EconoMode.</li></ul>
<b>Mực in</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Trang tình trạng cung cấp hiển thị dung lượng mực còn lại của hộp mực in.</li><li>• Sản phẩm này được bán kèm theo hộp mực in ban đầu với công suất 1.000 trang (công suất trung bình). Công suất in trung bình của hộp mực in thay thế là 2.000 trang.</li><li>• Xác nhận các hộp mực in HP .</li><li>• Bật chức năng yêu cầu cung cấp.</li></ul>
<b>Tiện dụng</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Hướng dẫn sử dụng trực tuyến tương thích với các trình đọc văn bản trên màn hình.</li><li>• Có thể lắp và tháo các hộp mực in bằng một tay.</li><li>• Có thể mở tất cả cửa và nắp bằng một tay.</li></ul>

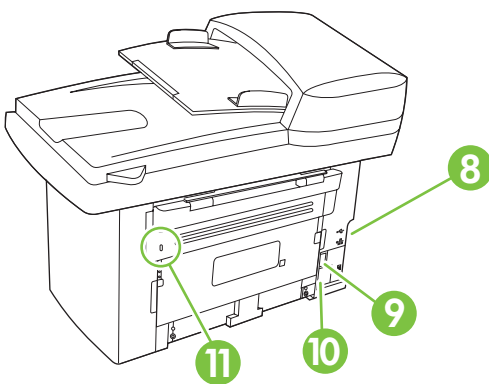
# Mô tả sản phẩm

## Mặt trước



1	Nạp thêm giấy vào khay tự động nạp tài liệu (ADF)
2	Khay xuất giấy ra khay tự động nạp tài liệu (ADF)
3	Bảng điều khiển
4	Chốt nắp hộp mực in
5	Ngăn giấy ra
6	Khay nạp giấy ưu tiên
7	Khay 1

## Nhìn từ phía sau

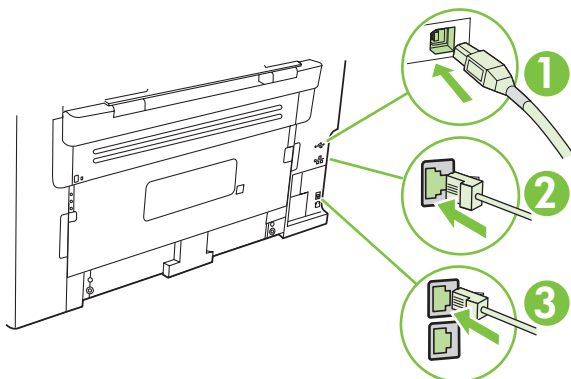


8	Các cổng giao diện
9	Công tắc nguồn
10	Kết nối nguồn
11	Khóa Kensington



## Các cổng giao diện

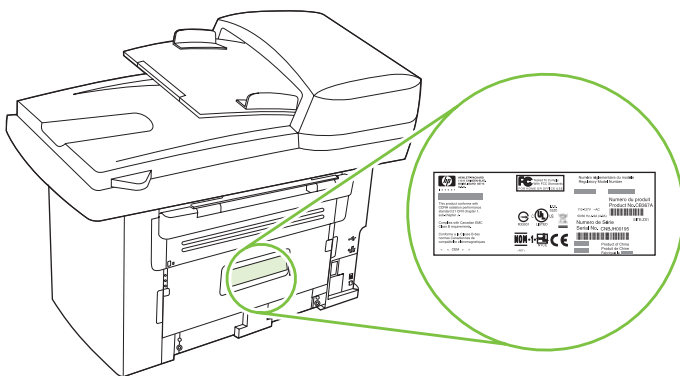
Tất cả các kiểu máy đều có cổng nối mạng 10/100 Base-T (RJ-45) và cổng USB 2.0 tốc độ cao. Tất cả các kiểu máy fax đều có cổng fax.



- |   |                                      |
|---|--------------------------------------|
| 1 | Cổng USB 2.0 Tốc độ Cao              |
| 2 | Cổng mạng                            |
| 3 | Cổng fax (chỉ dành cho kiểu máy fax) |

## Vị trí số sê-ri và số model

Nhãn số sê-ri và số kiểu sản phẩm nằm ở phía sau sản phẩm.



# Các hệ điều hành được hỗ trợ

Sản phẩm này hỗ trợ các hệ điều hành sau:

## Cài đặt phần mềm đầy đủ

- Windows XP (32-bit và 64-bit)
- Windows Vista (32-bit và 64-bit)
- Mac OS X v10.3, v10.4, và phiên bản mới hơn

## Trình điều khiển máy in và máy quét

- Windows 2000
- Windows 2003 Server (32-bit)

## Chỉ trình điều khiển máy in

- Linux (chỉ Web)
- Các tập lệnh model UNIX (chỉ Web)



**GHI CHÚ:** Đối với Mac OS X v10.4 và phiên bản mới hơn, PPC và Intel Core Processor Macs được hỗ trợ.

---

# Phần mềm sản phẩm được hỗ trợ

## Phần mềm kèm theo sản phẩm

Có nhiều tùy chọn để hoàn tất một cài đặt được đề xuất. Easy Install sẽ hoàn tất cài đặt với các cài đặt mặc định. Advanced Install cho phép bạn chọn các cài đặt tùy chỉnh và chọn các thành phần sẽ được cài đặt.

### Cài đặt đề xuất dành cho Windows


- Trình điều khiển HP
  - Trình điều khiển máy in PCL 6
  - Trình điều khiển máy quét
- Phần mềm HP MFP
  - HP ToolboxFX
  - Chương trình HP LaserJet Scan
  - Trình điều khiển và chương trình HP Send Fax
  - HP Fax Setup Wizard (Trình Hướng dẫn Cài đặt Fax HP)
  - Uninstall program (Gỡ bỏ chương trình)
- HP Update program (Chương trình Cập nhật HP)
- Chương trình Khách hàng Tham gia HP
- Mua chương trình Nguồn Cung cấp HP
- Các chương trình khác
  - Readiris OCR (không được cài đặt với phần mềm khác; yêu cầu cài đặt riêng lẻ)

### Express installation (Cài đặt nhanh) (USB hoặc mạng)

Các phần mềm sau có chức năng Express installation (Cài đặt nhanh):

- Trình điều khiển máy in PCL 6
- Trình điều khiển máy quét

---

 **GHI CHÚ:** Express installation (Cài đặt nhanh) hỗ trợ việc fax bằng cách sử dụng bảng điều khiển.

**GHI CHÚ:** Có thể cài đặt trình điều khiển mô phỏng postscript cấp 3 PCL 5 và HP bằng cách sử dụng trình hướng dẫn cài đặt Microsoft Add Printer.

---

### Phần mềm Macintosh

- HP Product Setup Assistant (Hỗ trợ Thiết lập Sản phẩm HP)
- HP Device Configuration (Cấu hình Thiết bị HP)

- HP Uninstaller
- Phần mềm HP LaserJet
  - HP Scan
  - HP Director
  - Chương trình Fax
  - Quét chương trình e-mail
  - HP Photosmart

## Các trình điều khiển máy in được hỗ trợ

Hệ điều hành	PCL 5	PCL 6	Mô phỏng cấp 3 HP
Windows	✓ <sup>1</sup>	✓	✓ <sup>1</sup>
Mac OS X v10.3, v10.4, và phiên bản mới hơn			✓
Linux <sup>2</sup>			✓

<sup>1</sup> Trình điều khiển có thể được cài đặt bằng cách sử dụng trình hướng dẫn cài đặt Microsoft Add Printer.

<sup>2</sup> Với Linux, hãy tải xuống trình điều khiển mô phỏng cấp 3 postscript HP từ trang web [www.hp.com/go/linuxprinting](http://www.hp.com/go/linuxprinting).

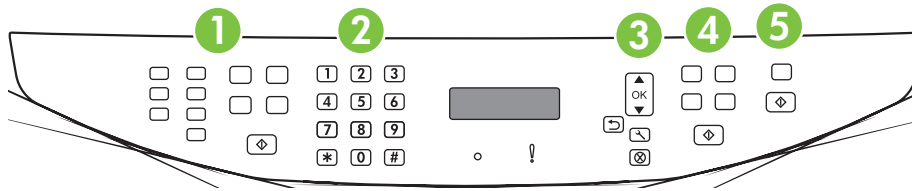
Trình điều khiển máy in bao gồm mục Trợ Giúp trực tuyến có các hướng dẫn cho những thao tác in phổ biến và cả mô tả các nút, các hộp chọn, và các danh sách thả xuống có trong trình điều khiển máy in.

---

## 2 Bảng điều khiển

- [Mô tả panen điều khiển](#)
- [Các menu trên bảng điều khiển](#)

## Mô tả panen điều khiển



- |   |   |
|---|---|
| 1 | <b>Fax controls</b> (Bộ điều chỉnh fax) (chỉ dành cho kiểu máy fax). Sử dụng bộ điều chỉnh fax để thay đổi các cài đặt fax thường sử dụng.        |
| 2 | <b>Các nút chữ và số.</b> Sử dụng các nút chữ và số để nhập dữ liệu vào màn hình bảng điều khiển sản phẩm và quay các số điện thoại để gửi fax.   |
| 3 | <b>Thiết lập và hủy bộ điều chỉnh.</b> Sử dụng bộ điều chỉnh này để chọn các tùy chọn menu, xác định tình trạng sản phẩm, và hủy tác vụ hiện tại. |
| 4 | <b>Sao chép bộ điều chỉnh.</b> Sử dụng bộ điều chỉnh này để thay đổi các thông số thường sử dụng và để bắt đầu sao chép.                          |
| 5 | <b>Quét bộ điều chỉnh.</b> Sử dụng bộ điều chỉnh này để quét e-mail hoặc một thư mục.   |

# Các menu trên bảng điều khiển

## Sử dụng các menu bảng điều khiển


Để truy cập vào menu bảng điều khiển, sử dụng các bước sau.

1. Bấm **Setup (Cài đặt)** (↖).
2. Sử dụng các nút mũi tên để điều hướng các danh sách.
  - Bấm **OK** để chọn tùy chọn tương ứng.
  - Bấm **Cancel (Hủy bỏ)** để hủy một thao tác và trở về trạng thái Ready (Sẵn sàng).

## Các menu chính trên bảng điều khiển

Các menu này hiện có trong menu chính trên bảng điều khiển:

- Sử dụng menu **Fax Job status (Tình trạng Lệnh Fax)** (chỉ dành cho kiểu máy fax) để hiển thị danh sách tất cả các fax đang chờ để gửi, hoặc đã nhận được nhưng đang chờ để in, chuyển tiếp hoặc tải sang máy tính.
- Sử dụng menu **Fax functions (Các chức năng fax)** (chỉ dành cho kiểu máy fax) để cấu hình các chức năng fax như lên kế hoạch cho một bản fax đang tạm hoãn, hủy chế độ **Receive to PC** (Nhận về máy PC), in lại các bản fax đã được in trước đó, hoặc xóa các bản fax được lưu trong bộ nhớ.
- Sử dụng menu **Copy setup (Cài đặt photocopy)** để cấu hình các cài đặt sao chép mặc định như độ tương phản, đối chiếu, hoặc số các bản sao chép được in.
- Sử dụng menu **Reports (Báo cáo)** để in các báo cáo cung cấp thông tin về sản phẩm.
- Sử dụng menu **Fax setup (Cài đặt fax)** (chỉ dành cho kiểu máy fax) để cấu hình danh bạ fax, các tùy chọn fax nhận và gửi, và các cài đặt cơ bản cho tất cả các bản fax.
- Sử dụng menu **System setup (Cài đặt hệ thống)** để thiết lập các thông số sản phẩm cơ bản như ngôn ngữ, chất lượng in, hoặc các mức âm lượng (chỉ dành cho kiểu máy fax).
- Sử dụng menu **Network config (Cấu hình mạng)** để cấu hình các cài đặt mạng, ví dụ như cấu hình TCP/IP.
- Sử dụng menu **Service (Dịch vụ)** để khôi phục lại các cài đặt mặc định, xóa sản phẩm, và kích hoạt các chế độ đặc biệt có ảnh hưởng đến bản in ra.

 **GHI CHÚ:** Để in danh sách chi tiết menu trên bảng điều khiển cũng như cấu trúc của nó, hãy in bản đồ menu. Xem [Trang thông tin thuộc trang 166](#).

**Bảng 2-1 Fax Job status (Tình trạng Lệnh Fax) menu (chỉ dành cho kiểu máy fax)**

Mục menu	Mô tả
Fax Job status (Tình trạng Lệnh Fax)	Hiển thị các tác vụ fax đang chờ, và cho phép bạn hủy các tác vụ fax đang chờ.

**Bảng 2-2 Fax functions (Các chức năng fax) menu (chỉ dành cho kiểu máy fax)**

Mục menu	Mô tả
Gửi fax sau	Cho phép gửi một bản fax vào ngày và thời gian sau đó.
Dừng Recv to PC (Nhận về máy PC)	Tắt cài đặt <b>Receive to PC</b> (Nhận về máy PC) cho phép máy tính tải lên tất cả các bản fax hiện tại chưa được in ra và tất cả các bản fax mà sản phẩm sẽ nhận được trong tương lai.
In lại bản mới nhất	In lại các bản fax được lưu trong bộ nhớ sản phẩm.
Nhận vòng	Cho phép sản phẩm gọi đến một máy fax khác có bật chức năng gửi vòng.
Xóa các bản fax được lưu	Xóa tất cả các bản fax trong bộ nhớ sản phẩm.

**Bảng 2-3 Copy setup (Cài đặt photocopy)Trình ??n**

Mục menu	Mục menu phụ	Mô tả
<b>Chất lượng Mặc định</b>	<b>Phối hợp</b>	Cài đặt chất lượng sao chép mặc định.
	<b>Hình ảnh</b>	
	<b>Hình Film</b>	
	<b>văn bản</b>	
<b>Mặc định sáng/tối</b>		Cài tùy chọn độ tương phản mặc định.
<b>Mặc định. Đối chiếu</b>	<b>On (Bật)</b>	Cài đặt tùy chọn đối chiếu mặc định.
	<b>Off (Tắt)</b>	
<b>Mặc định # bản sao</b>	(Khoảng: 1-99)	Cài số lượng các bản sao mặc định.
<b>Mặc định Giảm/Tăng</b>	<b>Góc=100%</b>	Cài phần trăm mặc định để thu nhỏ hoặc phóng to tài liệu được sao chép.
	<b>Lgl-&gt;Ltr=78%</b>	
	<b>Lgl-&gt;A4=83%</b>	
	<b>A4-&gt;Ltr=94%</b>	
	<b>Ltr-&gt;A4=97%</b>	
	<b>Toàn trang=91%</b>	
	<b>Vừa trang in</b>	
<b>2 trang/tờ</b>		
<b>4 trang/tờ</b>		
<b>Tùy chỉnh:25-400%</b>		
<b>Mặc định Sao chép Nháp</b>	<b>On (Bật)</b>	Cài đặt tùy chọn chế độ nháp mặc định.
	<b>Off (Tắt)</b>	
<b>Mặc định Nhiều trang</b>	<b>On (Bật)</b>	Cài đặt tùy chọn sao chép nhiều trang phẳng mặc định.
	<b>Off (Tắt)</b>	
<b>Restore defaults (Khôi phục mặc định).</b>		Cài đặt tất cả cài đặt bản sao tùy chỉnh sang các giá trị gốc mặc định.



**Bảng 2-4 Reports (Báo cáo)Trnh ??n**

Mục menu	Mục menu phụ	Mục menu phụ	Mô tả
Trang thử nghiệm			In trang có giới thiệu chất lượng in.
Fax Reports (Báo cáo Fax)	Xác nhận Fax	Không bao giờ	Cài đặt sản phẩm in hoặc không in báo cáo xác nhận sau khi một tác vụ gửi hoặc nhận thành công.
		Mỗi bản fax	
		Chỉ gửi fax	
		Nhận fax	
	Bao gồm trang đầu tiên	On (Bật) Off (Tắt)	Cài đặt sản phẩm bao gồm hoặc không bao gồm một hình thu nhỏ trang đầu tiên của bản fax trên báo cáo.
Báo cáo lỗi fax		Mọi lỗi	Cài sản phẩm in hoặc không in báo cáo sau khi một tác vụ gửi hoặc nhận không thành công.
		Gửi lỗi	
		Nhận lỗi	
		Không bao giờ	
Báo cáo cuộc gọi mới nhất:			In báo cáo chi tiết hoạt động gửi hoặc nhận bản fax mới nhất.
Nhật ký hoạt động fax	In nhật ký ngay	In nhật ký Tự động	<b>In nhật ký ngay:</b> In danh sách các bản fax đã được sản phẩm gửi đi hoặc nhận về. <b>In Nhật ký Tự động:</b> Chọn <b>On (Bật)</b> để tự động in bản báo cáo sau mỗi tác vụ fax. Chọn <b>Off (Tắt)</b> để tắt tính năng in tự động.
Báo cáo danh bạ			In danh sách các số quay nhanh đã được thiết lập cho sản phẩm này.
Danh sách chặn-fax			In danh sách các số điện thoại đã bị khóa không cho gửi fax đến sản phẩm này.
Báo cáo cước phí			In danh sách các mã hóa đơn đã được sử dụng cho các bản fax gửi đi. Bản báo cáo này hiển thị số lượng các bản fax được tính hóa đơn cho từng mã. Mục menu này chỉ xuất hiện khi các mã hóa đơn được bật.
Tất cả bản báo cáo fax			In tất cả bản báo cáo có liên quan đến fax.
Cấu trúc menu			In bản đồ bố cục menu trên bảng điều khiển. Các cài đặt hiện có cho từng menu sẽ được liệt kê.
Báo cáo cấu hình			In danh sách tất cả các cài đặt sản phẩm. Bao gồm thông tin mạng khi sản phẩm được kết nối với mạng.
Tình trạng các nguồn cung cấp			In tình trạng hộp mực in. Bao gồm các thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>Ước lượng các trang còn lại</li> <li>Số seri</li> <li>Số các trang được in</li> </ul>
Báo cáo mạng			Hiển thị tình trạng cho: <ul style="list-style-type: none"> <li>Cấu hình phần cứng mạng</li> <li>Bật các tính năng</li> </ul>

**Bảng 2-4 Reports (Báo cáo)Trình ??n (còn tiếp)**

Mục menu	Mục menu phụ	Mục menu phụ	Mô tả
			<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông tin TCP/IP và SNMP</li> <li>Số liệu thống kê mạng</li> </ul>
Số lượng trang đã dùng			Hiển thị các trang đã được sản phẩm in, fax, sao chép và quét.
Danh sách kiểu chữ PCL			In tất cả các kiểu chữ PCL 5 được cài đặt.
Danh sách kiểu chữ PS			In danh sách tất cả các kiểu chữ PS được cài đặt.
Danh sách kiểu chữ PCL6			In danh sách tất cả các kiểu chữ PCL 6 được cài đặt.
Trang dịch vụ			Hiển thị các loại giấy, các cài đặt sao chép và các cài đặt khác của sản phẩm được hỗ trợ.

**Bảng 2-5 Fax setup (Cài đặt fax) menu (chỉ dành cho kiểu máy fax)**

Mục Menu	Mục menu phụ	Mục menu phụ	Mô tả
Tiêu đề Fax	Số fax của bạn		Cài đặt thông tin xác nhận bản fax đã được gửi đến sản phẩm nhận.
	Tên công ty		
Số Điện Thoại	Cài đặt cá nhân	Thêm/Sửa	Sửa các mục quay số nhóm và quay số nhanh trong danh bạ fax. Sản phẩm hỗ trợ lên đến 120 mục danh bạ, được phân loại theo các mục nhóm hoặc cá nhân.
		Xóa	
	Cài đặt nhóm	Thêm/Sửa nhóm	
		Xóa nhóm	
		Xóa # trong nhóm	
Xóa tất cả			

**Bảng 2-5 Fax setup (Cài đặt fax) menu (chỉ dành cho kiểu máy fax) (còn tiếp)**

Mục Menu	Mục menu phụ	Mục menu phụ	Mô tả
Fax Send setup (Cài đặt Gửi Fax)	MĐ Độ phân giải	Mịn:	Cài đặt độ phân giải cho các tài liệu gửi đi. Hình ảnh độ phân giải cao hơn có nhiều ảnh mỗi inch (dpi) hơn sẽ hiển thị chi tiết hơn. Hình ảnh độ phân giải thấp hơn có ít điểm ảnh mỗi inch hơn sẽ hiển thị ít chi tiết, nhưng kích cỡ tập tin sẽ nhỏ hơn.
		Siêu mịn:	
		Ảnh chụp	
		Chuẩn	
	Mặc định độ sáng/ tối		Cài đặt độ tối cho các bản fax gửi đi.
	Mặc định kích thước kính	Letter (Thư) A4	Cài đặt kích thước giấy mặc định cho các tài liệu sẽ được quét từ máy quét hình phẳng.
	Chế độ Quay số	Âm Nhịp điệu	Cài đặt sản phẩm sẽ sử dụng chức năng quay số âm hoặc nhịp điệu.
	Quay số lại khi bận	On (Bật) Off (Tắt)	Cài đặt sản phẩm sẽ quay hoặc không quay số lại khi đường dây bận.
	Quay số lại khi không trả lời	On (Bật) Off (Tắt)	Cài đặt sản phẩm sẽ quay hoặc không quay số khi số máy nhận fax không trả lời.
	Quay số lại nếu Bị lỗi Truyền tín hiệu	On (Bật) Off (Tắt)	Cài đặt sản phẩm quay hoặc không quay số lại số máy nhận fax khi xảy ra lỗi truyền tín hiệu.
Mã số đầu	On (Bật) Off (Tắt)	Xác định mã số đầu phải quay khi gửi các bản fax đi từ sản phẩm.	
Xóa âm quay số	On (Bật) Off (Tắt)	Cài sản phẩm kiểm tra hoặc không kiểm tra âm quay số trước khi gửi fax.	
Mã hóa đơn	On (Bật) Off (Tắt)	Cho phép sử dụng mã hóa đơn khi cài sang <b>On (Bật)</b> . Một thông báo nhắc sẽ xuất hiện yêu cầu bạn nhập mã hóa đơn cho bản fax gửi đi.	

**Bảng 2-5 Fax setup (Cài đặt fax) menu (chỉ dành cho kiểu máy fax) (còn tiếp)**

Mục Menu	Mục menu phụ	Mục menu phụ	Mô tả
<b>Fax Recv. setup</b> (Cài đặt nhận fax)	<b>Chế độ trả lời</b>	<b>Automatic (Tự động)</b>	Cài đặt kiểu chế độ trả lời. Có các tùy chọn sau: <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Automatic (Tự động):</b> Sản phẩm sẽ tự động trả lời một cuộc gọi đến dựa trên số kiểu chuông được cấu hình.</li> <li><b>TAM:</b> Máy trả lời điện thoại (TAM) được gắn vào cổng điện thoại Phụ của sản phẩm. Sản phẩm sẽ không nhận bất kỳ cuộc gọi đến nào, nhưng chỉ nghe các âm fax sau khi máy trả lời đã nhận cuộc gọi.</li> <li><b>Fax/Điện thoại:</b> Sản phẩm phải tự động nhận cuộc gọi và xác định xem đó là cuộc gọi thoại hay cuộc gọi fax. Nếu là cuộc gọi fax, sản phẩm sẽ xử lý cuộc gọi như thường lệ. Nếu là cuộc gọi thoại, sản phẩm sẽ phát ra tiếng chuông tổng hợp để thông báo cho người sử dụng biết có cuộc gọi thoại đến.</li> <li><b>Manual (Thủ công) :</b> Người sử dụng phải bấm nút <b>Start Fax (Bắt đầu Fax)</b> hoặc sử dụng điện thoại nhánh để sản phẩm trả lời cuộc gọi đến.</li> </ul>
		<b>TAM:</b>	
		<b>Fax/Điện thoại:</b>	
		<b>Manual (Thủ công)</b>	
	<b>Reo để trả lời</b>	(Khoảng từ 1-9)	Cài đặt số kiểu chuông sẽ reo trước khi modem fax trả lời.
<b>Answer Ring Type</b> (Loại chuông trả lời)	<b>All Rings (Tất cả Kiểu chuông):</b>	<b>Single (Đơn):</b>	Cho phép người sử dụng có hai hoặc ba số điện thoại trên cùng đường dây, mỗi số có một kiểu chuông khác nhau (trên một hệ thống điện thoại với kiểu chuông đặc biệt). <ul style="list-style-type: none"> <li><b>All Rings (Tất cả Kiểu chuông):</b> Sản phẩm sẽ trả lời tất cả cuộc gọi gọi đến qua đường dây điện thoại.</li> <li><b>Single (Đơn):</b> Sản phẩm sẽ trả lời bất kỳ cuộc gọi nào tạo ra kiểu chuông đơn.</li> <li><b>Double (Hai tiếng):</b> Sản phẩm sẽ trả lời bất kỳ cuộc gọi nào tạo ra kiểu chuông hai tiếng.</li> <li><b>Triple (Ba tiếng):</b> Sản phẩm sẽ trả lời bất kỳ cuộc gọi nào tạo ra kiểu chuông ba tiếng.</li> <li><b>Double&amp;Triple (Hai&amp;Ba):</b> Sản phẩm sẽ trả lời bất kỳ cuộc gọi nào tạo ra kiểu chuông hai tiếng hoặc ba tiếng.</li> </ul>
		<b>Double (Hai tiếng):</b>	
		<b>Triple (Ba tiếng):</b>	
		<b>Double&amp;Triple (Hai&amp;Ba):</b>	
<b>Extension Phone</b> (Điện thoại nhánh)	<b>On (Bật)</b>		Khi tính năng này được bật, người sử dụng có thể bấm các nút <b>1-2-3</b> trên điện thoại nhánh để sản phẩm trả lời một cuộc gọi fax đến.
	<b>Off (Tắt)</b>		
<b>Silence Detect</b> (Dò tĩnh)	<b>On (Bật)</b>		Cài sản phẩm có thể nhận hoặc không nhận các bản fax từ các máy fax đời cũ, loại không thể phát tín hiệu chuông được sử dụng trong quá trình gửi fax.
	<b>Off (Tắt)</b>		
<b>Fit to page</b> (Vừa trang in)	<b>On (Bật)</b>		Rút ngắn các bản fax dài hơn khổ giấy Letter hoặc A4 để chúng có thể vừa với trang khổ Letter hoặc A4. Nếu tính năng này được cài sang <b>Off (Tắt)</b> , các bản fax dài hơn khổ giấy Letter hoặc A4 sẽ được in trên nhiều trang.
	<b>Off (Tắt)</b>		
<b>Stamp faxes</b> (Tem fax)	<b>On (Bật)</b>		Cài sản phẩm để thêm ngày tháng, giờ, số điện thoại của người gửi, và số trang cho từng trang fax mà sản phẩm này nhận được.
	<b>Off (Tắt)</b>		
<b>Forward fax</b> (Chuyển tiếp fax)	<b>On (Bật)</b>		Cài sản phẩm gửi tất cả các bản fax nhận được sang một máy fax khác.
	<b>Off (Tắt)</b>		

**Bảng 2-5 Fax setup (Cài đặt fax) menu (chỉ dành cho kiểu máy fax) (còn tiếp)**

Mục Menu	Mục menu phụ	Mục menu phụ	Mô tả
	<b>Block faxes (Chặn fax)</b>	<b>Add entry (Thêm số)</b> <b>Delete entry (Xóa số)</b> <b>Clear all (Xóa tất cả)</b>	Sửa đổi danh sách fax bị chặn. Danh sách fax bị chặn có thể chứa đến 30 số. Khi sản phẩm nhận một cuộc gọi từ một trong các số fax bị chặn, máy sẽ xóa bản fax nhận được. Máy cũng sẽ theo dõi bản fax bị chặn trong nhật ký hoạt động cùng với thông tin tính toán tác vụ.
	<b>Nhận riêng</b>	<b>On (Bật)</b> <b>Off (Tắt)</b>	Việc chỉnh giá trị <b>Private receive</b> (Nhận riêng) sang <b>On (Bật)</b> bắt buộc bạn phải cài mật khẩu vào mục bảo mật sản phẩm. Xem <a href="#">Bảo mật thuộc trang 125</a> . Sau khi cài mật khẩu, cài tùy chọn sau sẽ được cài: <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Private receive</b> (Nhận riêng) sẽ được bật.</li> <li>• Tất cả các bản fax cũ sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ.</li> <li>• <b>Fax forwarding</b> (Chuyển tiếp fax) hoặc <b>Receive to PC</b> (Nhận vào máy tính) sẽ được cài sang <b>On (Bật)</b> và sẽ không cho phép cài.</li> <li>• Tất cả các bản fax gửi đến sẽ được lưu trong bộ nhớ.</li> </ul>
		<b>In các bản fax</b>	In các bản fax đã được lưu khi tính năng nhận riêng được bật. Mục menu này chỉ xuất hiện khi tính năng nhận riêng được bật.
	<b>In lại các bản fax</b>	<b>On (Bật)</b> <b>Off (Tắt)</b>	Cài để in lại hoặc không in lại các bản fax nhận được được lưu trong bộ nhớ.
	<b>Thời gian chờ chuông F/T</b>	20 30 40 70	Cài khi sản phẩm dừng phát kiểu chuông <b>Fax/Tel</b> (Fax/ĐT) để thông báo cho người sử dụng biết có cuộc gọi thoại đến.
<b>All faxes (Tắt cả fax)</b>	<b>Sửa lỗi</b>	<b>On (Bật)</b> <b>Off (Tắt)</b>	Cài đặt sản phẩm gửi hoặc nhận lại phần lỗi khi xảy ra lỗi truyền fax.
	<b>Fax Speed (Tốc độ fax)</b>	<b>Fast(Nhanh)(V.34)</b> <b>Medium(Vừa)(V.17)</b> <b>Slow(Chậm)(V.29)</b>	Tăng hoặc giảm tốc độ truyền fax được phép.

**Bảng 2-6 System setup (Cài đặt hệ thống)Trnh ??n**

Mục menu	Mục menu phụ	Mục menu phụ	Mô tả
<b>Language (Ngôn Ngữ):</b>	(Danh sách các ngôn ngữ hiển thị trên bảng điều khiển.)		Cài ngôn ngữ cho tin nhắn và các báo cáo sản phẩm sẽ được hiển thị trên bảng điều khiển.

**Bảng 2-6 System setup (Cài đặt hệ thống)Trình ??n (còn tiếp)**

Mục menu	Mục menu phụ	Mục menu phụ	Mô tả
Cài đặt trang	Mặc định kích thước giấy	Letter (Thư) A4 Legal (Pháp lý)	Cài kích thước để in các báo cáo nội bộ hoặc bất kỳ tác vụ in nào không được xác định kích thước.
	Mặc định loại giấy	Liệt kê các loại giấy hiện có.	Cài loại giấy để in các báo cáo nội bộ hoặc bất kỳ tác vụ in nào không được xác định loại giấy.
	Khay 1	Loại giấy Kích thước giấy	Cài kích thước mặc định và loại giấy cho khay 1.
	Hoạt động khi hết giấy	Chờ vĩnh viễn Hủy bỏ Ghi đè	Xác định cách sản phẩm sẽ hoạt động trở lại khi một tác vụ in yêu cầu kích thước giấy hoặc loại giấy hiện không có hoặc khi khay được chọn trống. <ul style="list-style-type: none"> <li>Chọn <b>Wait forever</b> (Chờ vĩnh viễn) để sản phẩm chờ cho đến khi bạn nạp vào đúng loại giấy.</li> <li>Chọn <b>Override</b> (Ghi đè) để in trên một loại giấy có kích thước khác sau khi hoàn thao tác được chỉ định.</li> <li>Chọn <b>Cancel</b> (Hủy) để tự động hủy tác vụ in sau khi hoàn thao tác được chỉ định.</li> <li>Nếu cả <b>Override</b> (Ghi đè) và <b>Cancel</b> (Hủy) được chọn, bảng điều khiển sẽ nhắc nhập số giấy tạm hoãn. Sử dụng các phím mũi tên để giảm thời gian hoặc tăng thời gian đến 3600 giây.</li> </ul>
Chất lượng in	Mức sắp hết	(Khoảng từ 1-20)	Cài mức phần trăm mà bảng điều khiển sẽ tạo ra tin nhắn thông báo mức sắp hết.
	Thay Các Nguồn cung cấp	Dừng khi hết giấy Ghi đè hết mực	Cài cách sản phẩm sẽ hoạt động trở lại khi phát hiện hộp mực in hết mực.
Mật độ in	(Khoảng từ 1-5)		Cài lượng mực mà sản phẩm nên áp dụng để làm dày các dòng và các góc.
Cài đặt âm lượng	Âm báo	Êm dịu	Cài các mức âm lượng cho sản phẩm.
	Âm lượng chuông	Vừa	
	Âm bấm phím	To	
	Âm lượng đường dây điện thoại	Off (Tắt)	
Thời gian/Ngày tháng	(Cài đặt định dạng thời gian, thời gian hiện tại, định dạng ngày tháng, và ngày tháng hiện tại.)		Cài đặt thời gian và ngày tháng cho sản phẩm.
Bảo mật sản phẩm	On (Bật) Off (Tắt)		Cài tính năng bảo mật sản phẩm. Khi cài đặt được cài sang <b>On (Bật)</b> , bạn phải cài mã số nhận dạng cá nhân (PIN).
Kiểu chữ Courier	Bình thường Tối		Cài các giá trị kiểu chữ Courier.

**Bảng 2-7 Service (Dịch vụ)Trình ??n**

Mục menu	Mục menu phụ	Mô tả
In bảng dò T.30	Không bao giờ Nếu xảy ra lỗi Khi kết thúc cuộc gọi Ngay bây giờ	In hoặc lên kế hoạch một bản báo cáo sẽ được sử dụng để gỡ sự cố về các vấn đề truyền fax.
Chế độ lau dọn		Lau dọn sản phẩm khi các vết bẩn hoặc các dấu khác xuất hiện trên các bản in. Quá trình lau dọn sẽ xóa các vết bẩn và mực vượt quá mức trong đường dẫn giấy.  Khi được chọn, sản phẩm sẽ nhắc bạn nạp giấy thường khổ Letter (Thu) hoặc A4 vào khay 1. Bấm <b>OK</b> để bắt đầu quá trình lau dọn. Chờ cho đến khi quá trình hoàn tất. Loại bỏ các trang được in.
Tốc độ USB	Cao Đầy	Cài tốc độ USB.
Giấy ít cong hơn	On (Bật) Off (Tắt)	Khi các trang in bị cong đồng nhất, tùy chọn này sẽ cài sản phẩm sang chế độ giảm cong.  Cài đặt mặc định là <b>Off (Tắt)</b> .
Lưu trữ bản in	On (Bật) Off (Tắt)	Khi in, các trang sẽ được lưu trong một thời gian dài, tùy chọn này sẽ cài sản phẩm sang chế độ giảm lốm đốm bột mực và bụi mực.  Cài đặt mặc định là <b>Off (Tắt)</b> .
Restore defaults (Khôi phục mặc định).		Cài tất cả các cài đặt tùy chỉnh sang các giá trị mặc định của nhà máy.

**Bảng 2-8 Network config (Cấu hình mạng)Trình ??n**

Mục menu	Mục menu phụ	Mô tả
Cấu hình TCP/IP	Automatic (Tự động) Manual (Thủ công)	<b>Automatic (Tự động)</b> sẽ tự động cấu hình tất cả các cài đặt TCP/IP qua DHCP, BootP hoặc AutoIP.  <b>Manual (Thủ công)</b> yêu cầu bạn cấu hình thủ công địa chỉ IP, mặt nạ mạng phụ và cổng nối mặc định.  Bảng điều khiển sẽ nhắc bạn xác định các giá trị cho từng mục địa chỉ. Sử dụng các nút mũi tên để tăng hoặc giảm giá trị. Bấm <b>OK</b> để chấp nhận giá trị và di chuyển con trỏ sang trường kế tiếp.  Khi từng địa chỉ được hoàn tất, sản phẩm sẽ nhắc bạn xác nhận lại địa chỉ trước khi chuyển sang trường kế tiếp. Sau khi cả ba địa chỉ đã được cài, sản phẩm sẽ tự khởi động lại.
Tốc độ liên kết	Automatic (Tự động) 10T Full 10T Half 100TX Full 100TX Half	Cài tốc độ liên kết theo cách thủ công nếu cần.  Sau khi cài đặt tốc độ liên kết, sản phẩm sẽ tự khởi động lại.
Tự động vượt	On (Bật)	Cài chức năng tự động vượt.

**Bảng 2-8 Network config (Cấu hình mạng)Trnh ???n (còn tiếp)**

Mục menu	Mục menu phụ	Mô tả
	Off (Tắt)	
Các dịch vụ mạng	IPv4	Cài sản phẩm sẽ sử dụng giao thức IPv4 hoặc IPv6.
	IPv6	
Hiển thị Địa chỉ IP	Yes (Có)	Cài sản phẩm hiển thị địa chỉ IP trên bảng điều khiển.
	No (Không)	
Restore defaults (Khôi phục mặc định).		Xác lập lại tất cả các cấu hình mạng trở về mặc định của nhà máy.



---

## 3 Phần mềm cho Windows

- [Hệ điều hành được hỗ trợ dành cho Windows](#)
- [Các trình điều khiển máy in được hỗ trợ cho Windows](#)
- [Chọn đúng trình điều khiển máy in cho Windows](#)
- [Ưu tiên cho cài đặt in](#)
- [Thay đổi cài đặt trình điều khiển máy in cho Windows](#)
- [Các loại cài đặt phần mềm cho Windows](#)
- [Xóa phần mềm cho Windows](#)
- [Các tiện ích được hỗ trợ dành cho Windows](#)
- [Phần mềm cho các hệ điều hành khác](#)

# Hệ điều hành được hỗ trợ dành cho Windows

Sản phẩm này hỗ trợ các hệ điều hành sau:

## Cài đặt phần mềm đầy đủ

- Windows XP (32-bit và 64-bit)
- Windows Vista (32-bit và 64-bit)

## Trình điều khiển máy in và máy quét

- Windows 2000
- Windows 2003 Server (32-bit)

## Các trình điều khiển máy in được hỗ trợ cho Windows

- PCL 5
- PCL 6
- Mô phỏng cấp 3 PS

Trình điều khiển máy in bao gồm mục Trợ Giúp trực tuyến có các hướng dẫn cho những thao tác in phổ biến và cả mô tả các nút, các hộp chọn, và các danh sách thả xuống có trong trình điều khiển máy in.


## Chọn đúng trình điều khiển máy in cho Windows

Các trình điều khiển máy in cho phép bạn có được truy cập vào các tính năng của thiết bị và cho phép máy tính giao tiếp với thiết bị (sử dụng một ngôn ngữ máy tính). Xem các ghi chú cài đặt và các tệp readme trên đĩa CD của thiết bị để có phần mềm và ngôn ngữ bổ sung.

- Sử dụng trình điều khiển máy in PCL 6 để có hiệu suất tổng thể tốt nhất.
- Sử dụng trình điều khiển máy in PCL 5 để in văn phòng chung.
- Sử dụng trình điều khiển mô phỏng HP postscript cấp 3 để in những công việc cần mô phỏng postscript cấp 3, hoặc cần hỗ trợ kiểu chữ postscript flash.

## Ưu tiên cho cài đặt in

Các thay đổi cho thông số cài đặt in được cài ưu tiên tùy theo nơi thực hiện thay đổi:

 **GHI CHÚ:** Các tên của các lệnh và các hộp thoại có thể khác nhau tùy theo chương trình phần mềm.

- **Hộp thoại Page Setup (Cài đặt Trang):** Nhấp vào **Page Setup** (Cài đặt Trang) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tập tin) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Thông số cài đặt được thay đổi ở đây sẽ ghi đè thông số cài đặt đã đổi ở nơi khác.
- **Hộp thoại Print (In):** Nhấp vào **Print (In)**, **Print Setup** (Cài đặt In) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tập tin) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Print (In)** có mức ưu tiên thấp hơn và *không* ghi đè các thay đổi được thực hiện trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang).
- **Hộp thoại Printer Properties (Đặc tính Máy in) (trình điều khiển máy in):** Nhấp vào **Properties** (Đặc tính) trong hộp thoại **Print (In)** để mở trình điều khiển máy in. Cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Printer Properties** (Đặc tính Máy in) không ghi đè cài đặt ở bất kỳ nơi nào khác trong phần mềm in.
- **Thông số mặc định của trình điều khiển máy in:** Thông số cài đặt trình điều khiển máy in mặc định xác định các thông số được sử dụng trong tất cả các tác vụ in, *trừ khi* thông số cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang), **Print (In)**, hoặc **Printer Properties** (Đặc tính Máy in).
- **Thông số cài đặt bảng điều khiển máy in:** Các thông số cài đặt thay bằng bảng điều khiển máy in sẽ có độ ưu tiên thấp hơn các thay đổi thực hiện ở các nơi khác.

# Thay đổi cài đặt trình điều khiển máy in cho Windows

Để thay đổi cài đặt cho tất cả các lệnh in cho tới khi chương trình phần mềm được đóng.

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).

Các bước có thể khác nhau; quá trình này là phổ biến nhất.

Để thay đổi cài đặt mặc định cho tất cả các lệnh in

1. Bấm **Start** (Bắt đầu) bấm **Settings** (Cài đặt), và sau đó bấm **Printers and Faxes** (Máy In và Fax) (Windows XP Professional và Server 2003) hoặc **Printers and Other Hardware Devices** (Máy In và Các Thiết Bị Phần Cứng Khác) (Windows XP Home).

Đối với Windows Vista, bấm **Start** (Bắt đầu), bấm **Control Panel** (Panen Điều Khiển) và sau đó bấm **Printer** (Máy in).

2. Bấm chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn **Printing Preferences** (Sở Thích In).

Để thay đổi cài đặt cấu hình thiết bị

1. Bấm **Start** (Bắt đầu) bấm **Settings** (Cài đặt), và sau đó bấm **Printers and Faxes** (Máy In và Fax) (Windows XP Professional và Server 2003) hoặc **Printers and Other Hardware Devices** (Máy In và Các Thiết Bị Phần Cứng Khác) (Windows XP Home).

Đối với Windows Vista, bấm **Start** (Bắt đầu), bấm **Control Panel** (Panen Điều Khiển) và sau đó bấm **Printer** (Máy in).

2. Bấm chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn **Properties** (Đặc Tính).
3. Bấm vào tab **Device Settings** (Cài Đặt Thiết Bị).

## Các loại cài đặt phần mềm cho Windows

Hiện có các loại cài đặt phần mềm sau:

- **Recommended** (Khuyên dùng). Cài đặt giải pháp phần mềm đầy đủ.
- **Express** (Nhanh). Chỉ cài đặt trình điều khiển máy quét và máy in. Có một tùy chọn nhanh dành cho các sản phẩm kết nối USB và các tùy chọn nhanh khác dành cho các sản phẩm kết nối mạng.
- **Custom** (Tùy chỉnh). Sử dụng cài đặt **Custom** (Tùy chỉnh) để chọn phần mềm hoặc trình điều khiển nào sẽ được cài đặt.

## Xóa phần mềm cho Windows

1. Nhấp **Start** (Bắt đầu), và sau đó nhấp **Programs** (Chương trình) hoặc **All Programs** (Tất cả Chương trình).
2. Nhấp **HP**, và sau đó nhấp **.HP LaserJet M1522**
3. Nhấp **Uninstall** (Gỡ cài đặt), và sau đó thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để xóa phần mềm.



# Các tiện ích được hỗ trợ dành cho Windows

## HP ToolboxFX

HP ToolboxFX là chương trình bạn có thể sử dụng cho các tác vụ sau:

- Kiểm tra tình trạng thiết bị
- Kiểm tra tình trạng mực in
- Cài đặt cảnh báo
- Xem tài liệu của thiết bị
- Truy cập vào các công cụ gỡ sự cố và bảo trì

HP ToolboxFX được cài đặt trong suốt quá trình cài đặt phần mềm được khuyến nghị từ đĩa CD của sản phẩm.

Để biết thêm thông tin, xin xem tại [Xem HP ToolboxFX thuộc trang 168](#).

## Máy chủ Web nhúng

Thiết bị này được trang bị một máy chủ Web nhúng cung cấp truy cập vào thông tin về thiết bị và các hoạt động mạng. Thông tin này xuất hiện trên một trình duyệt Web, như là Microsoft Internet Explorer, Netscape Navigator, Apple Safari, hoặc Firefox.

Máy chủ Web nhúng được cài trên thiết bị. Nó không được tải trên máy chủ mạng.

Máy chủ Web nhúng cung cấp một giao diện đến thiết bị để bất cứ ai có một máy tính được kết nối vào mạng và có một trình duyệt Web chuẩn đều có thể sử dụng. Không cần cài đặt hay cấu hình phần mềm đặc biệt, nhưng bạn phải có một trình duyệt Web được hỗ trợ trên máy tính. Để có truy cập vào máy chủ Web nhúng, nhập địa chỉ IP của thiết bị trong dòng địa chỉ của trình duyệt. (Để tìm địa chỉ IP này, hãy in trang cấu hình. Để biết thêm thông tin về cách in trang cấu hình, xem [Trang thông tin thuộc trang 166](#).)

Để có giải thích đầy đủ về những tính năng và chức năng của máy chủ Web nhúng, xem [Máy chủ Web nhúng thuộc trang 176](#).

## HP Web Jetadmin

HP Web Jetadmin là công cụ quản lý dựa trên trình duyệt dành cho các máy in sử dụng kết nối HP Jetdirect trong mạng intranet, và chỉ cần cài đặt phần mềm này trên máy tính của quản trị mạng.

Để tải xuống phiên bản HP Web Jetadmin và danh sách các hệ thống máy chủ được hỗ trợ mới nhất, hãy truy cập vào trang web [www.hp.com/go/webjetadmin](http://www.hp.com/go/webjetadmin).

Khi được cài đặt trên một máy chủ lưu trữ, một máy khách Windows có thể có được truy cập vào HP Web Jetadmin bằng cách sử dụng trình duyệt Web được hỗ trợ (như là Microsoft® Internet Explorer 4.x hoặc Netscape Navigator 4.x hoặc phiên bản mới hơn) bằng việc điều hướng đến máy chủ có cài đặt HP Web Jetadmin.

## Các thành phần và tiện ích Windows khác

- Bộ cài đặt phần mềm — tự động cài đặt hệ thống in
- Đăng ký Web trực tuyến

- Chương trình Tham dự Khách hàng HP
- Cập nhật HP

## Phần mềm cho các hệ điều hành khác

OS	Phần mềm
UNIX	Với các mạng HP-UX và Solaris, hãy truy cập vào <a href="http://www.hp.com/support/net_printing">www.hp.com/support/net_printing</a> để tải xuống bộ cài đặt máy in HP Jetdirect cho UNIX.
Linux	Để biết thông tin, hãy truy cập vào <a href="http://www.hp.com/go/linuxprinting">www.hp.com/go/linuxprinting</a> .



---

## 4 Sử dụng sản phẩm với máy Macintosh


- [Phần mềm cho máy Macintosh](#)
- [Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in Macintosh](#)
- [Quét từ sản phẩm và HP Director \(Trình Chủ Đạo HP\) \(Macintosh\)](#)
- [Fax tài liệu từ máy tính Macintosh \(chỉ dành cho kiểu máy fax\)](#)

# Phần mềm cho máy Macintosh

## Các hệ điều hành được hỗ trợ cho Macintosh

Thiết bị hỗ trợ các hệ điều hành Macintosh sau:

- Mac OS X v10.3, v10.4 và phiên bản mới hơn

 **GHI CHÚ:** Đối với OS v10.4 và phiên bản hơn, PPC và Intel Core Processor Macs được hỗ trợ.


## Các trình điều khiển được hỗ trợ cho Macintosh

Bộ cài đặt của HP cung cấp các tập tin Mô Tả Máy In PostScript® (PPD), Các Ứng Dụng Mở Rộng Hộp Thoại Máy In (PDE), và HP Printer Utility (Tiện Ích Máy In HP) để sử dụng với máy tính Macintosh.

Các PPD, kết hợp với các trình điều khiển PostScript dành cho Apple, cung cấp truy cập vào các tính năng của thiết bị. Sử dụng trình điều khiển PostScript dành cho Apple đi kèm với máy tính.

## Ưu tiên cho cài đặt in cho Macintosh

Các thay đổi cho cài đặt in được đặt ưu tiên tùy theo nơi thực hiện thay đổi:

 **GHI CHÚ:** Các tên của các lệnh và các hộp thoại có thể khác nhau tùy theo chương trình phần mềm.

- **Hộp thoại Page Setup (Cài đặt Trang):** Nhấp vào **Page Setup** (Cài đặt Trang) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tập) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Cài đặt được thay đổi ở đây sẽ ghi đè cài đặt được thay đổi ở mọi nơi khác.
- **Hộp thoại Print (In):** Nhấp vào **Print (In)**, **Print Setup** (Cài đặt In) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tập) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Print (In)** có mức ưu tiên thấp hơn và *không* ghi đè các thay đổi được thực hiện trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang).
- **Hộp thoại Printer Properties (Đặc tính Máy in) (trình điều khiển máy in):** Nhấp vào **Properties** (Đặc tính) trong hộp thoại **Print (In)** để mở trình điều khiển máy in. Cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Printer Properties** (Đặc tính Máy in) không ghi đè cài đặt ở bất kỳ nơi nào khác trong phần mềm in.
- **Cài đặt trình điều khiển máy in mặc định:** Cài đặt trình điều khiển máy in mặc định xác định cài đặt được sử dụng trong tất cả các nhiệm vụ in, *trừ khi* cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang), **Print (In)**, hoặc **Printer Properties** (Đặc tính Máy in).
- **Cài đặt panen điều khiển máy in:** Cài đặt được thay đổi trong panen điều khiển của máy in có mức ưu tiên thấp hơn những thay đổi ở bất kỳ nơi nào khác.

## Thay đổi cài đặt trình điều khiển máy in cho Windows

**Để thay đổi cài đặt cho tất cả các lệnh in cho tới khi chương trình phần mềm được đóng.**

**Để thay đổi cài đặt mặc định cho tất cả các lệnh in**

**Để thay đổi cài đặt cấu hình thiết bị**

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).

2. Thay đổi cài đặt bạn muốn trên các menu pop-up khác nhau.

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).

2. Thay đổi cài đặt bạn muốn trên các menu pop-up khác nhau.

3. Trên menu pop-up **Presets** (Cài đặt sẵn), bấm **Save as** (Lưu làm) và nhập tên của cài đặt sẵn.

Các cài đặt này được lưu trong menu **Presets** (Cài đặt sẵn). Để sử dụng cài đặt mới, bạn phải chọn tùy chọn cài đặt sẵn đã lưu mỗi lần mở một chương trình và in.

1. Trong Finder (Trình Tìm), trên menu **Go** (Đến), bấm **Applications** (Ứng Dụng).

2. Mở **Utilities** (Các tiện ích) và sau đó mở **Printer Setup Utility** (Tiện ích cài đặt máy in).

3. Bấm vào xếp hàng in.

4. Trên menu **Printers** (Máy In), bấm **Show Info** (Hiển Thị Thông Tin).

5. Bấm menu **Installable Options** (Tùy Chọn Có Thể Cài Đặt).

**GHI CHÚ:** Cài đặt cấu hình có thể không khả dụng ở chế độ Classic (Cổ Điển).

## Các loại cài đặt phần mềm cho Windows

### Cài đặt phần mềm Macintosh cho các kết nối trực tiếp (USB)

1. Kết nối cáp USB giữa cổng USB của thiết bị và cổng USB của máy tính. Sử dụng cáp USB 2m chuẩn (6,56 bộ).
2. Cho đĩa CD của thiết bị vào ổ CD-ROM và chạy cài đặt. Nếu menu CD không chạy tự động, nhấp đúp vào biểu tượng CD trên desktop.
3. Nhấp đúp vào biểu tượng **Installer** (Bộ cài đặt) trên thư mục Bộ cài đặt HP LaserJet.
4. Làm theo chỉ dẫn trên màn hình máy tính.


Các xếp hàng máy in USB được tự động tạo ra khi máy in được nối với máy tính. Tuy nhiên, hàng đợi sẽ sử dụng các tập tin gốc PPD Generic nếu như trình cài đặt chưa được chạy trước khi cáp USB được kết nối. Hoàn tất các bước sau đây để thay đổi PPD xếp hàng.

5. Trên ổ đĩa cứng máy tính, mở **Applications** (Ứng dụng), mở **Utilities** (Các tiện ích), và sau đó mở **Printer Setup Utility** (Tiện Ích Cài Đặt Máy In).
6. Chọn xếp hàng máy in phù hợp, và sau đó nhấp vào **Show Info** (Hiển thị Thông tin) để mở hộp thoại **Printer Info** (Thông tin Máy in).
7. Trong menu bật lên, chọn **Printer Mode** (Kiểu Máy In), và sau đó, trong menu bật lên chọn **Generic** (Chung), hãy chọn tập tin PPD đúng cho thiết bị.
8. In một trang từ chương trình phần mềm bất kỳ để đảm bảo phần mềm đã được cài đặt đúng.

Nếu việc cài đặt thất bại, hãy cài đặt lại phần mềm. Nếu không được, hãy xem ghi chú cài đặt hoặc các tệp readme mới nhất trên đĩa CD của thiết bị hoặc tờ rơi đi kèm với thùng sản phẩm để được trợ giúp.

## Cài đặt phần mềm Macintosh cho mạng

1. Cắm cáp mạng vào máy chủ in HP Jetdirect và cổng mạng.
2. Cho đĩa CD vào ổ CD-ROM. Nếu đĩa CD không chạy tự động, nhấp đúp vào biểu tượng CD trên desktop.
3. Nhấp đúp vào biểu tượng **Installer** (Bộ cài đặt) trên thư mục Bộ cài đặt HP LaserJet.
4. Làm theo chỉ dẫn trên màn hình máy tính.
5. Trên ổ đĩa cứng máy tính, mở **Applications** (Ứng dụng), mở **Utilities** (Các tiện ích), và sau đó mở **Printer Setup Utility** (Tiện Ích Cài Đặt Máy In).
6. Nhấp vào **Add Printer** (Thêm Máy in).
7. Chọn **Rendezvous** hoặc **Bonjour** làm loại kết nối.

 **GHI CHÚ:** Tùy thuộc vào cấu hình sản phẩm, **Appletalk** hoặc **IP Printing** cũng có thể khả dụng.

8. Chọn thiết bị từ danh sách.
9. Nhấp vào **Add Printer** (Thêm Máy in).
10. Đóng Print Center (Trung tâm In) hoặc Printer Setup Utility (Tiện Ích Cài đặt In).

## Xóa phần mềm khỏi hệ điều hành Macintosh

Để xóa phần mềm khỏi máy tính Macintosh, kéo các tập tin PPD vào biểu tượng thùng rác.

## Các tiện ích được hỗ trợ dành cho Macintosh

### Máy chủ Web nhúng

Thiết bị này được trang bị một máy chủ Web nhúng cung cấp truy cập vào thông tin về thiết bị và các hoạt động mạng. Thông tin này xuất hiện trên một trình duyệt Web, như là Microsoft Internet Explorer, Netscape Navigator, Apple Safari, hoặc Firefox.

Máy chủ Web nhúng được cài trên thiết bị. Nó không được tải trên máy chủ mạng.


Máy chủ Web nhúng cung cấp một giao diện đến thiết bị để bất cứ ai có một máy tính được kết nối vào mạng và có một trình duyệt Web chuẩn đều có thể sử dụng. Không cần cài đặt hay cấu hình phần mềm đặc biệt, nhưng bạn phải có một trình duyệt Web được hỗ trợ trên máy tính. Để có truy cập vào máy chủ Web nhúng, nhập địa chỉ IP của thiết bị trong dòng địa chỉ của trình duyệt. (Để tìm địa chỉ IP này, hãy in trang cấu hình. Để biết thêm thông tin về cách in trang cấu hình, xem [Trang thông tin thuộc trang 166.](#))

Để có giải thích đầy đủ về những tính năng và chức năng của máy chủ Web nhúng, xem [Máy chủ Web nhúng thuộc trang 176.](#)

### Macintosh Configure Device (Thiết bị Cấu hình Macintosh)


Macintosh Configure Device (Thiết bị Cấu hình Macintosh) là chương trình dựa trên Web dùng để truy cập thông tin về sản phẩm (ví dụ thông tin về tình trạng nguồn cung cấp và cài đặt sản phẩm). Sử dụng Macintosh Configure Device (Thiết bị Cấu hình Macintosh) để theo dõi và quản lý sản phẩm từ máy tính



 **GHI CHÚ:** Bạn phải hoàn tất quá trình cài đặt để sử dụng Macintosh Configure Device (Thiết bị Cấu hình Macintosh).

- Kiểm tra tình trạng sản phẩm và in các trang thông tin.
- Kiểm tra và thay đổi cài đặt hệ thống sản phẩm.
- Kiểm tra cài đặt in mặc định.
- Kiểm tra và thay đổi cài đặt fax, bao gồm gửi fax, nhận fax, danh bạ fax và cài đặt quay số nhanh, và các báo cáo fax.
- Kiểm tra và thay đổi cài đặt mạng, bao gồm cấu hình IP, Nâng cao, mDNS, SNMP, cấu hình mạng, và mật khẩu.

Bạn có thể xem Macintosh Configure Device (Thiết bị Cấu hình Macintosh) khi sản phẩm được nối trực tiếp với máy tính hoặc khi sản phẩm được nối với mạng.

 **GHI CHÚ:** Bạn không cần phải truy cập Internet để mở và sử dụng Macintosh Configure Device (Thiết bị Cấu hình Macintosh).

### Xem Macintosh Configure Device (Thiết bị Cấu hình Macintosh) khi sản phẩm được nối trực tiếp với máy tính

1. Mở Trình Chủ Đạo HP bằng cách nhấp vào biểu tượng **HP Director** (Trình chủ đạo HP) trên bộ đồ.
2. Trong HP Director (Trình Chủ Đạo HP) nhấp **Settings** (Cài đặt).
3. Chọn **Configure device** (Cấu hình Thiết bị) để mở trang chủ Macintosh Configure Device (Thiết bị Cấu hình Macintosh) trong một trình duyệt.

### Xem Macintosh Configure Device (Thiết bị Cấu hình Macintosh) khi sản phẩm được nối với mạng

1. Mở một trong các trình duyệt Web được hỗ trợ sau:
  - Safari 1.2 (và phiên bản mới hơn)
  - Microsoft Internet Explorer 5.0 hoặc phiên bản mới hơn
  - Netscape Navigator 4.75 hoặc phiên bản mới hơn
  - Opera 6.05 hoặc phiên bản mới hơn
2. Nhập địa chỉ IP của sản phẩm vào trình duyệt Web để mở trang chủ Macintosh Configure Device (Thiết bị Cấu hình Macintosh).

# Sử dụng các tính năng trong trình điều khiển máy in Macintosh

## In

### Tạo và sử dụng các cài đặt sẵn máy in trong Macintosh


Sử dụng các cài đặt sẵn để lưu cài đặt trình điều khiển máy in hiện thời để sử dụng lại.

#### Tạo cài đặt sẵn in

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển.
3. Chọn cài đặt in.
4. Trong hộp **Presets** (Cài đặt sẵn), bấm **Save As...** (Lưu làm), và nhập tên cho cài đặt sẵn này.
5. Bấm **OK**.

#### Sử dụng cài đặt sẵn in

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển.
3. Trong hộp **Presets** (Cài đặt sẵn), chọn cài đặt sẵn in bạn muốn sử dụng.

 **GHI CHÚ:** Để sử dụng cài đặt trình điều khiển máy in mặc định, chọn **Factory Default** (Mặc Định của Nhà Máy).

### Chỉnh lại kích thước tài liệu hoặc in trên kích thước giấy tùy chỉnh

Bạn có thể co giãn tài liệu cho vừa trên kích thước giấy khác.

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Mở menu **Paper Handling** (Xử Lý Giấy).
3. Trong vùng cho **Destination Paper Size** (Kích Thước Giấy Đích), chọn **Scale to fit paper size** (Co giãn cho vừa kích thước giấy), và sau đó chọn kích thước giấy từ danh sách thả xuống.
4. Nếu bạn chỉ muốn sử dụng giấy nhỏ hơn tài liệu, chọn **Scale down only** (Chỉ giảm xuống).

### In trang bìa

Bạn có thể in một trang bìa riêng cho tài liệu có một thông báo (chẳng hạn như “Bí Mật”).

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển.
3. Mở menu pop-up **Cover Page** (Trang Bìa) và sau đó chọn in trang bìa **Before Document** (Trước tài liệu) hoặc **After Document** (Sau tài liệu)
4. Trong menu pop-up **Cover Page Type** (Kiểu Trang Bìa), chọn thông báo bạn muốn in trên trang bìa này.

 **GHI CHÚ:** Để in trang bìa trắng, chọn **Standard** (Chuẩn) làm **Cover Page Type** (Kiểu Trang Bìa).

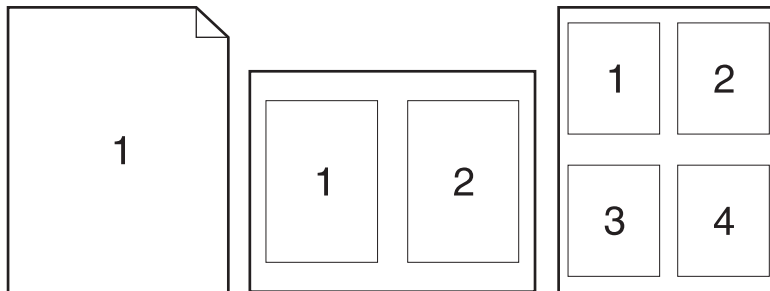
## Sử dụng các hình mờ

Hình mờ là một thông báo, chẳng hạn như “Bí Mật,” được in trên nền mỗi trang tài liệu.

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Mở menu **Watermarks** (Hình mờ).
3. Chọn **Mode** (Chế độ), chọn kiểu hình mờ bạn muốn sử dụng. Chọn **Watermark** (Hình mờ) để in một thông báo nửa trong suốt. Chọn **Overlay** (Phủ) để in một thông báo không trong suốt.
4. Chọn **Page** (Trang), chọn in hình mờ trên tất cả các trang hoặc chỉ trang đầu.
5. Chọn **Text** (Văn bản), chọn một trong những thông báo chuẩn, hoặc chọn **Custom** (Tùy chỉnh) và nhập một thông báo mới vào hộp.
6. Chọn các tùy chọn cho những cài đặt còn lại.

## In nhiều trang tài liệu trên một trang giấy trong Macintosh

Bạn có thể in nhiều trang tài liệu trên một trang giấy. Tính năng này cung cấp một cách hiệu quả để in các trang nháp.



1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển.
3. Mở menu pop-up **Layout** (Bố cục).
4. Chọn **Pages per Sheet** (Trang trên mỗi Bản), chọn số trang tài liệu bạn muốn in trên mỗi trang giấy (1, 2, 4, 6, 9, hoặc 16).
5. Chọn **Layout Direction** (Hướng Bố Cục), chọn thứ tự và bố cục của các trang tài liệu trên trang giấy.
6. Chọn **Borders** (Đường viền), chọn kiểu đường viền sẽ được in quanh mỗi trang tài liệu trên trang giấy.

## In hai mặt

### In hai mặt thủ công

1. Nạp giấy vào một trong các khay để đủ in nhiệm vụ in. Nếu bạn định nạp giấy đặc biệt như là tiêu đề thư, hãy nạp giấy này theo một trong các cách sau:
  - Đối với khay 1, nạp giấy tiêu đề thư mặt quay lên trên với cạnh dưới cùng tiếp vào máy in trước.
  - Với tất cả các khay khác, nạp giấy tiêu đề thư mặt trước úp xuống với cạnh trên cùng ở phía sau khay.

△ **THẬN TRỌNG:** Để tránh bị kẹt, không nạp giấy nặng hơn 105 g/m<sup>2</sup> (28-lb bond).

2. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
3. Trên menu pop-up **Finishing** (Kết thúc) chọn tùy chọn **Manual Duplex** (In Hai mặt Thủ công).
4. Nhấp **Print** (In). Hãy thực hiện theo các hướng dẫn trong cửa sổ pop-up hiển thị trên màn hình máy tính trước khi lắp xếp giấy ra vào khay 1 để in phần thứ hai.
5. Đến máy in, và lấy mọi giấy trắng trong khay 1 ra.
6. Cho chồng giấy đã in mặt quay lên với cạnh dưới cùng tiếp vào máy in trước trong khay 1. Bạn *phải* in mặt thứ hai từ khay 1.
7. Nếu được nhắc, nhấn nút panen điều khiển thích hợp để tiếp tục.

### Sử dụng menu Services (Dịch Vụ)

Nếu thiết bị này được kết nối vào một mạng, sử dụng menu **Services** (Dịch Vụ) để xem thông tin về tình trạng của thiết bị và nguồn cung cấp.

1. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).
2. Mở menu **Services** (Dịch Vụ).
3. Chọn tác vụ bảo dưỡng từ danh sách thả xuống, và sau đó bấm **Launch** (Khởi chạy). Máy chủ Web nhúng sẽ mở ra vào trang cung cấp thông tin cho tác vụ bạn đã chọn.
4. Để đến các trang Web hỗ trợ khác nhau cho thiết bị này, chọn tùy chọn Dịch Vụ Internet từ danh sách thả xuống, và sau đó bấm **Go!** (Đến!).

# Quét từ sản phẩm và HP Director (Trình Chủ Đạo HP) (Macintosh)

Để biết thêm thông tin về các tác vụ và cài đặt được mô tả trong phần này, xem phần Trợ giúp trực tuyến của HP Director (Trình Chủ Đạo HP).

## Các tác vụ quét

Để quét tới một chương trình phần mềm, hãy sử dụng chương trình đó để quét một mục. Bất kỳ chương trình dựa theo quy chuẩn TWAIN nào cũng có thể quét được hình ảnh. Nếu chương trình không dựa theo quy chuẩn TWAIN, lưu lại hình ảnh đã quét vào một tập tin, sau đó thay thế, mở, hoặc nhập tập tin vào chương trình phần mềm.

## Sử dụng chức năng quét từng trang

1. Mở nắp đậy máy quét hình phẳng và nạp tài liệu gốc sẽ được quét sao cho mặt trên hướng xuống dưới máy quét hình phẳng với góc trên bên trái của tài liệu nằm vào vị trí góc do biểu tượng trên máy quét biểu thị. Nhẹ nhàng đóng nắp máy.
2. Nhấp đôi vào bí danh HP Director (Trình Chủ Đạo HP) hiển thị trên màn hình.
3. Nhấp vào HP Director (Trình Chủ Đạo HP), và sau đó nhấp vào **Scan** (Quét) để mở hộp thoại **HP**.
4. Nhấp vào **Scan** (Quét).
5. Để quét nhiều trang, nạp trang kế tiếp vào và nhấp **Scan** (Quét). Lặp lại thao tác cho đến khi tất cả các trang đều được quét.
6. Nhấp **Finish** (Xong) và sau đó nhấp **Destinations** (Nơi nhận).

## Quét tập tin

1. Trong **Destinations** (Nơi nhận), chọn **Save To File(s)** (Lưu vào (các) Tập tin).
2. Đặt tên tập tin và xác định vị trí nơi nhận.
3. Bấm **Save** (Lưu). Tài liệu gốc sẽ được quét và lưu lại.

## Quét và gửi qua e-mail

1. Trong **Destinations** (Nơi nhận), chọn **E-mail**.
2. Một e-mail trống sẽ mở ra với tài liệu đã quét làm tập đính kèm.
3. Nhập địa chỉ người nhận e-mail, thêm văn bản, hoặc các tập tin đính kèm khác, sau đó nhấp **Send** (Gửi).


## Fax tài liệu từ máy tính Macintosh (chỉ dành cho kiểu máy fax)

1. Trong chương trình phần mềm, trên menu **File** (Tập tin), chọn **Print** (In).
2. Nhấp **PDF**, và sau đó chọn **Fax PDF** (Gửi PDF qua fax).
3. Nhập số fax vào trường **To** (Đến).
4. Để nạp trang bìa, chọn **Use Cover Page** (Dùng Trang Bìa) và sau đó nhập chủ đề trang bìa cùng với tin nhắn (tùy chọn).
5. Nhấp vào **Fax (Fax)**.

---


# 5 Khả năng kết nối

- [Kết nối trực tiếp sản phẩm với máy tính bằng USB](#)
- [Từ chối dùng chung máy in](#)
- [Các hệ điều hành mạng được hỗ trợ](#)
- [Các giao thức mạng được hỗ trợ](#)
- [Cài đặt sản phẩm trên mạng](#)
- [Cấu hình sản phẩm mạng](#)

 **GHI CHÚ:** Việc cấu hình cài đặt TCP/IP là thao tác phức tạp và chỉ nên được thực hiện bởi các nhà quản trị mạng có kinh nghiệm. BOOTP sẽ yêu cầu máy chủ cấu hình cài đặt TCP/IP riêng cho sản phẩm. DHCP cũng sẽ yêu cầu một máy chủ, nhưng cài đặt TCP/IP sẽ không được cài cố định cho sản phẩm. Cuối cùng, phương pháp thủ công để cấu hình cài đặt TCP/IP có thể được thực hiện từ bảng điều khiển, máy chủ Web nhúng, HP ToolboxFX, hoặc HP Web Jetadmin. Để được trợ giúp thêm hoặc cấu hình mạng, hãy liên hệ với nhà cung cấp mạng của bạn.

---

## Kết nối trực tiếp sản phẩm với máy tính bằng USB

 **GHI CHÚ:** Không kết nối cáp USB từ sản phẩm vào máy tính cho đến khi bộ cài đặt nhắc bạn thực hiện.

---

1. Chèn đĩa CD sản phẩm vào máy tính. Nếu bộ cài đặt phần mềm không tự động chạy, hãy di chuyển đến tập tin setup.exe trên đĩa CD và nhấp đôi vào tập tin.
2. Thực hiện theo các hướng dẫn của bộ cài đặt.
3. Cho phép hoàn tất tiến trình cài đặt, và sau đó khởi động lại máy tính.



## Từ chối dùng chung máy in

HP không hỗ trợ mạng đồng đẳng, vì tính năng này là một chức năng của hệ điều hành Microsoft, các trình điều khiển máy in HP không có chức năng này. Hãy vào trang web của Microsoft [www.microsoft.com](http://www.microsoft.com).

# Các hệ điều hành mạng được hỗ trợ

Các hệ điều hành sau hỗ trợ việc in qua mạng:

## Cài đặt phần mềm đầy đủ

- Windows XP (32-bit và 64-bit)
- Windows Vista (32-bit và 64-bit)
- Mac OS X v10.3, v10.4, và phiên bản mới hơn

## Trình điều khiển in và quét

- Windows 2000
- Windows 2003 Server (32-bit)

## Chỉ trình điều khiển máy in

- Linux (chỉ Web)
- Các tập lệnh model UNIX (chỉ Web)

# Các giao thức mạng được hỗ trợ

Sản phẩm hỗ trợ giao thức mạng TCP/IP. Giao thức này được sử dụng rộng rãi và được giao thức mạng chấp nhận. Nhiều dịch vụ mạng sử dụng giao thức này. Sản phẩm này cũng hỗ trợ Pv4 và IPv6. Các bảng sau liệt kê các giao thức/dịch vụ mạng được hỗ trợ trên sản phẩm.

**Bảng 5-1 Đang in**

Tên dịch vụ	Mô tả
cổng 9100 (Chế độ Trực tiếp)	Dịch vụ in
Máy in dòng daemon (LPD)	Dịch vụ in

**Bảng 5-2 Phát hiện sản phẩm qua mạng**

Tên dịch vụ	Mô tả
SLP (Giao thức Định vị Dịch vụ)	Giao thức Dò tìm Thiết bị, được sử dụng để trợ giúp việc tìm kiếm và cấu hình các thiết bị mạng. Được sử dụng đầu tiên bởi các chương trình phần mềm dựa trên Microsoft.
mDNS (Dịch vụ Tên Miền multicast - còn được biết đến dưới tên "Rendezvous" hoặc "Bonjour")	Giao thức Dò tìm Thiết bị, được sử dụng để trợ giúp việc tìm kiếm và cấu hình các thiết bị mạng. Được sử dụng đầu tiên bởi các chương trình phần mềm dựa trên Apple Macintosh.

**GHI CHÚ:** MDNS chỉ hỗ trợ IPv4.

**Bảng 5-3 Quản lý và nhắn tin**

Tên dịch vụ	Mô tả
HTTP (giao thức truyền tải siêu văn bản)	Cho phép các trình duyệt web giao tiếp với máy chủ Web nhúng.
EWS (máy chủ Web nhúng)	Cho phép người sử dụng quản lý sản phẩm qua duyệt Web.
SNMP (giao thức quản lý mạng đơn giản)	Được các chương trình mạng sử dụng để quản lý sản phẩm. Các đối tượng SNMP V1 và MIB-II chuẩn (Cơ sở Thông tin Quản lý) được hỗ trợ.


**Bảng 5-4 xác định địa chỉ IP**

Tên dịch vụ	Mô tả
DHCP (giao thức cấu hình host động)	Để chỉ định Địa chỉ IP Tự động. Máy chủ DHCP cung cấp sản phẩm với địa chỉ IP đi kèm. Thông thường sản phẩm không yêu cầu lời mời người sử dụng để nhận địa chỉ IP từ máy chủ DHCP.
BOOTP (giao thức tự khởi động)	Để chỉ định địa chỉ IP tự động. Máy chủ BOOTP cung cấp sản phẩm với địa chỉ IP đi kèm. Yêu cầu người quản lý nhập địa chỉ phần cứng MAC của sản phẩm vào máy chủ BOOTP để sản phẩm nhận địa chỉ IP từ máy chủ đó.
IP Tự động	Để chỉ định Địa chỉ IP Tự động. Nếu cả máy chủ DHCP hoặc BOOTP không hiển thị, dịch vụ này cho phép sản phẩm tạo một địa chỉ IP duy nhất.

## Cài đặt sản phẩm trên mạng

Trong cấu hình này, sản phẩm sẽ được kết nối trực tiếp với mạng và có thể được cấu hình để cho phép tất cả máy tính trên mạng có thể in trực tiếp trên sản phẩm.


---

 **GHI CHÚ:** Chế độ này khuyến cáo cấu hình mạng cho sản phẩm.

---

1. Trước khi bật sản phẩm, kết nối sản phẩm trực tiếp với mạng bằng cách gắn cáp mạng vào cổng mạng của sản phẩm.
2. Bật sản phẩm, chờ 2 phút, và sau đó sử dụng bảng điều khiển để in trang cấu hình.


---

 **GHI CHÚ:** Bảo đảm địa chỉ IP được liệt kê trên trang cấu hình trước khi tiến hành bước kế tiếp. Nếu địa chỉ IP không hiển thị, in lại trang cấu hình.

---

3. Đưa đĩa CD bán kèm sản phẩm vào ổ đĩa trên máy tính. Nếu bộ cài đặt phần mềm không tự động chạy, điều hướng đến tập tin setup.exe trên đĩa CD và nhấp đôi vào tập tin.
4. Thực hiện theo các hướng dẫn bộ cài đặt.

---

 **GHI CHÚ:** Khi bộ cài đặt nhắc nhập địa chỉ mạng, hãy cung cấp địa chỉ IP được liệt kê trên trang cấu hình mà bạn đã in trước khi bắt đầu chương trình cài đặt, hoặc tìm địa chỉ IP của sản phẩm trên mạng.

---

5. Cho phép hoàn tất quá trình cài đặt và sau đó khởi động lại máy tính.

# Cấu hình sản phẩm mạng

## Cài đặt xem

### Trang cấu hình mạng

Trang cấu hình mạng liệt kê các cài đặt hiện tại cũng như các đặc tính của thẻ mạng sản phẩm. Để in trang cấu hình mạng từ sản phẩm, hãy hoàn tất các bước sau.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↖).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Reports (Báo cáo)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Billing report (Bản báo cáo hóa đơn)**, sau đó bấm **OK**.

### Trang cấu hình

Trang cấu hình liệt kê các thiết lập và đặc tính hiện tại của máy in. Bạn có thể in trang cấu hình từ sản phẩm hoặc HP ToolboxFX. Để in trang cấu hình từ sản phẩm, hãy hoàn tất các bước sau.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↖).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Reports (Báo cáo)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Billing report (Bản báo cáo hóa đơn)**, sau đó bấm **OK**.

Máy cũng sẽ in trang thứ hai. Trên trang đó, các phần **Fax Settings (Cài đặt Fax)** và **Imaging Settings (Cài đặt Ảnh)** sẽ cung cấp thông tin chi tiết về cài đặt fax của sản phẩm (chỉ dành cho kiểu máy fax).

## Thay đổi các cài đặt

Bạn có thể sử dụng máy chủ Web nhúng (EWS) hoặc HP ToolboxFX để xem hoặc thay đổi các cài đặt cấu hình IP. Để truy cập vào máy chủ Web nhúng, nhập địa chỉ IP của sản phẩm vào dòng địa chỉ của trình duyệt Web.

Bạn có thể xem HP ToolboxFX khi thiết bị được nối trực tiếp vào máy tính hoặc khi kết nối vào mạng. Bạn phải hoàn tất việc cài đặt phần mềm để sử dụng HP ToolboxFX.

Mở HP ToolboxFX theo một trong các cách sau:


- Trong khay hệ thống Windows, nhấp đôi vào biểu tượng HP ToolboxFX .
- Trên menu **Start (Bắt đầu)** của Windows, nhấp vào **Programs (Các chương trình)** (hoặc **All Programs (Tất cả Chương trình)** trong Windows XP), nhấp vào **HP**, nhấp vào tên sản phẩm, sau đó nhấp **HP ToolboxFX**.

Trong HP ToolboxFX, nhấp vào thẻ **Network Settings (Các cài đặt Mạng)**.

Từ thẻ **Networking (Hoạt động mạng)** (EWS) hoặc thẻ **Network Settings (Các cài đặt Mạng)** (HP ToolboxFX), bạn có thể thay đổi các cấu hình sau:

- Tên Máy Chủ
- Địa Chỉ IP Thủ Công

- Mật Nạ Mạng Phụ Thủ Công
- Cổng Nối Mặc Định Thủ Công

 **GHI CHÚ:** Việc thay đổi cấu hình mạng có thể yêu cầu bạn thay đổi địa chỉ URL trước khi bạn có thể liên lạc lại với sản phẩm. Sản phẩm sẽ không dùng được trong một vài giây trong khi xác lập lại mạng.

## Địa chỉ IP

Địa chỉ IP của sản phẩm có thể được cài đặt theo cách thủ công hoặc có thể được cấu hình tự động qua DHCP, BootP, hoặc AutoIP.


### Cấu hình thủ công

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Network config (Cấu hình mạng)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **TCP/IP group (Thêm/Sửa đổi nhóm)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Manual (Thủ công)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút bấm số và chữ để nhập địa chỉ IP, và sau đó bấm **OK**.
6. Nếu địa chỉ IP không đúng, sử dụng các nút mũi tên để chọn **No (Không)**, và sau đó bấm **OK**. Lặp lại bước 5 với địa chỉ IP đúng, sau đó lặp lại bước 5 cho các cài đặt mật nạ mạng phụ và cổng nối mặc định.

### Cấu hình tự động

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Network config (Cấu hình mạng)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **TCP/IP group (Thêm/Sửa đổi nhóm)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Automatic (Tự động)**, sau đó bấm **OK**.


Có thể mất vài phút trước khi địa chỉ IP tự động sẵn sàng cho bạn sử dụng.

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn muốn tắt hoặc bật các chế độ IP tự động riêng (ví dụ như BOOTP, DHCP, hoặc AutoIP), bạn có thể thay đổi các cài đặt này bằng cách sử dụng máy chủ Web được nhúng hoặc chỉ HP ToolboxFX .

### Các cài đặt IPv4 và IPv6

Chỉ có thể cấu hình giao thức IPv4 bằng tay.

### Cài đặt tốc độ liên kết

 **GHI CHÚ:** Các thay đổi cài đặt tốc độ liên kết không đúng có thể ngăn sản phẩm không truyền tín hiệu được với các thiết bị mạng khác. Nên để sản phẩm ở chế độ tự động trong hầu hết các trường hợp. Nếu thay đổi có thể dẫn đến việc sản phẩm tắt và bật nguồn trở lại. Chỉ nên thực hiện các thay đổi khi sản phẩm đang ở chế độ chờ.


1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Network config (Cấu hình mạng)**, sau đó bấm **OK**.

3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Speed (Tốc độ Fax)**, sau đó bấm **OK**.

4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn một trong các cài đặt sau.

- Tự động
- 10T Full
- 10T Half
- 100TX Full
- 100TX Half

---

 **GHI CHÚ:** Cài đặt phải phù hợp với sản phẩm mạng mà bạn đang kết nối (máy chủ mạng, công tắc, cổng nối, cầu dẫn, hoặc máy tính).

---

5. Bấm **OK**. Sản phẩm sẽ tắt và bật nguồn trở lại.





---

## 6 Giấy và Phương tiện In

- [Hiểu cách sử dụng giấy và phương tiện in](#)
- [Các cỡ giấy và vật liệu in được hỗ trợ](#)
- [Các nguyên tắc đối với giấy hay các vật liệu in đặc biệt](#)
- [Nạp giấy và phương tiện in](#)
- [Cấu hình các khay](#)

## Hiểu cách sử dụng giấy và phương tiện in

Sản phẩm này hỗ trợ nhiều loại giấy và các phương tiện khác phù hợp với nguyên tắc sử dụng được nêu ở đây. Giấy hay phương tiện in không đáp ứng các nguyên tắc này có thể gây ra những vấn đề sau:

- Chất lượng in kém
- Hay kẹt giấy
- Máy bị mòn sớm, cần sửa chữa

Để có được kết quả tốt nhất, chỉ sử dụng giấy và phương tiện in có nhãn hiệu HP được thiết kế cho các máy in laser hoặc đa dụng. Không sử dụng phương tiện in dành cho các máy in inkjet. Công ty Hewlett-Packard khuyên bạn không nên sử dụng phương tiện của các thương hiệu khác vì HP không thể kiểm soát chất lượng của chúng.

Vẫn có khả năng là giấy đáp ứng tất cả nguyên tắc hướng dẫn sử dụng mà vẫn không thể cho kết quả đáng hài lòng. Đây có thể là hậu quả của việc xử lý không thích đáng, nhiệt độ và/hay độ ẩm không thể chấp nhận, hay các thay đổi mà Hewlett-Packard không kiểm soát được.


---

△ **THẬN TRỌNG:** Sử dụng giấy hay phương tiện in không đáp ứng đặc điểm kỹ thuật của Hewlett-Packard có thể gây ra các vấn đề về sản phẩm, cần sửa chữa. Việc sửa chữa này không nằm trong thỏa thuận bảo hành hay dịch vụ của Hewlett-Packard.

---

## Các cỡ giấy và vật liệu in được hỗ trợ

Sản phẩm này hỗ trợ một số kích thước giấy, và nó thích hợp với nhiều loại vật liệu in.

 **GHI CHÚ:** Để có kết quả in tốt nhất, hãy chọn đúng kích thước giấy và loại giấy trong trình điều khiển in trước khi in.

**Bảng 6-1 Các cỡ giấy và vật liệu in được hỗ trợ**

Kích thước	Kích thước	Khay nạp giấy ưu tiên	Khay 1
Letter (Thư)	216 x 279 mm	✓	✓
Legal (Pháp lý)	216 x 356 mm	✓	✓
A4	210 x 297 mm	✓	✓
Executive (Điều hành)	184 x 267 mm	✓	✓
A3	297 x 420 mm		
A5	148 x 210 mm	✓	✓
A6 <sup>1</sup>	105 x 148 mm	✓	✓
11 x 17	279 x 432 mm		
B4 (JIS)	257 x 364 mm		
B5 (JIS)	182 x 257 mm	✓	✓
8k	270 x 390 mm		
16k	197 x 273 mm	✓	✓
16k	195 x 270 mm	✓	✓
16k	184 x 260 mm	✓	✓
8,5 x 13	216 x 330 mm	✓	✓
4 x 6 <sup>1</sup>	107 x 152 mm	✓	✓
5 x 8 <sup>1</sup>	127 x 203 mm	✓	✓
10 x 15 cm <sup>1</sup>	100 x 150 mm	✓	✓
Tùy chỉnh	Tối thiểu: 76 x 127 mm; Tối đa: 216 x 356 mm	✓	✓

<sup>1</sup> Các kích thước này được hỗ trợ làm kích thước tùy chỉnh.

**Bảng 6-2 Các loại phong bì và bưu thiếp được hỗ trợ**

Kích thước	Kích thước	Khay nạp giấy ưu tiên	Khay 1
Phong bì #10	105 x 241 mm	✓	✓
Phong bì DL	110 x 220 mm	✓	✓
Phong bì C5	162 x 229 mm	✓	✓
Phong bì B5	176 x 250 mm	✓	✓
Phong bì Monarch	98 x 191 mm	✓	✓
Bưu thiếp	100 x 148 mm	✓	✓
Bưu thiếp khổ kép	148 x 200 mm	✓	✓

# Các nguyên tắc đối với giấy hay các vật liệu in đặc biệt

Sản phẩm này hỗ trợ in trên các vật liệu đặc biệt. Sử dụng các nguyên tắc sau để có kết quả như ý. Khi sử dụng giấy hay vật liệu in đặc biệt, nhớ cài loại và cỡ trong chương trình điều khiển in để có kết quả in tốt nhất.

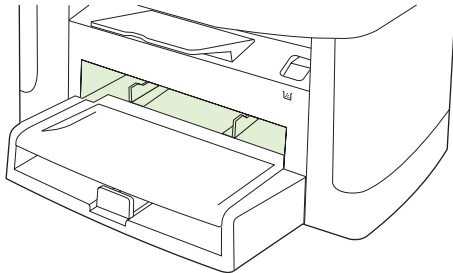
- △ **THẬN TRỌNG:** Các máy in HP LaserJet sử dụng bộ phận làm nóng chảy để làm dính các hạt mực khô lên giấy ở các điểm rất chính xác. Giấy in la-de của HP được thiết kế để chịu được nhiệt độ cực cao này. Sử dụng giấy dành cho máy in phun không được thiết kế cho công nghệ này có thể làm hư máy in của bạn.

Loại vật liệu	Nên	Không nên
Các phong bì	<ul style="list-style-type: none"><li>Ngăn chứa phong bì.</li><li>Sử dụng các phong bì có đường nối kéo dài đến góc của phong bì.</li><li>Sử dụng các loại băng dính lột ra để dán được chấp nhận sử dụng cho các máy in la-de.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Không sử dụng các phong bì nhân nheo, bị cắt, bị dính với nhau, hay các dạng hư hỏng khác.</li><li>Không sử dụng các phong bì có móc cài, khóa, cửa sổ, hay phủ các lớp lót.</li><li>Đừng sử dụng các băng tự dính hay các vật liệu tổng hợp khác.</li></ul>
Các nhãn	<ul style="list-style-type: none"><li>Chỉ sử dụng các nhãn không có phần lưng phơi ra giữa chúng.</li><li>Sử dụng các Nhãn nằm thật sát.</li><li>Chỉ sử dụng các tờ có đầy nhãn.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Đừng sử dụng các nhãn bị nhăn hay có chỗ phồng, hay bị hư hỏng.</li><li>Đừng in từng phần các tờ chứa nhãn.</li></ul>
Phim đèn chiếu	<ul style="list-style-type: none"><li>Chỉ sử dụng các phim đèn chiếu được chấp nhận sử dụng trong các máy in la-de.</li><li>Đặt phim đèn chiếu lên một mặt phẳng sau khi lấy chúng ra khỏi máy.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Đừng sử dụng các tấm phim đèn chiếu không được chấp nhận cho các máy in la-de.</li></ul>
Đầu đề trang hay các mẫu in sẵn	<ul style="list-style-type: none"><li>Chỉ sử dụng đầu đề trang hay các mẫu được chấp nhận sử dụng cho máy in la-de.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Đừng sử dụng các đầu đề trang nổi lên hay có kim loại.</li></ul>
Giấy dày	<ul style="list-style-type: none"><li>Chỉ sử dụng giấy dày được chấp nhận sử dụng trong máy in la-de đáp ứng các đặc điểm về trọng lượng của máy in này.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Đừng sử dụng giấy nặng hơn đặc điểm kỹ thuật được đề nghị cho máy, trừ khi nó là giấy HP được chấp nhận sử dụng trong máy in này.</li></ul>
Giấy láng hay có phủ	<ul style="list-style-type: none"><li>Chỉ sử dụng giấy láng hay có phủ được chấp nhận sử dụng cho máy in la-de.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Đừng sử dụng giấy láng hay có phủ được thiết kế để sử dụng trong máy in phun.</li></ul>

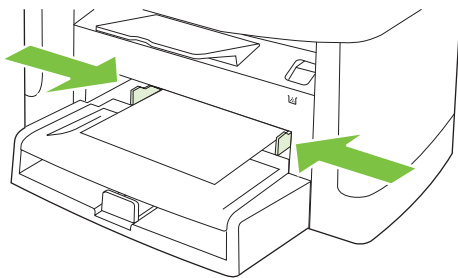
# Nạp giấy và phương tiện in

## Khay nạp giấy ưu tiên

Bạn có thể đóng mở khay nạp giấy ưu tiên từ phía trước sản phẩm. Sản phẩm sẽ in từ khay nạp giấy ưu tiên trước khi cố gắng in từ khay 1.



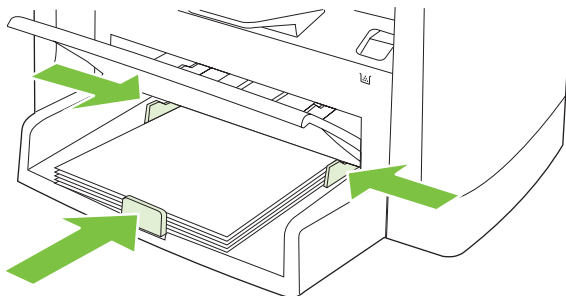
Thanh dẫn vật liệu in đảm bảo rằng vật liệu in được nạp chính xác vào máy in và rằng máy in không bị nghiêng (làm cong vật liệu in). Khi nạp vật liệu in, hãy điều chỉnh thanh dẫn vật liệu in để phù hợp với độ rộng của vật liệu mà bạn đang sử dụng.



## Khay 1

Nạp giấy với phần đầu hướng về trước và mặt cần in hướng lên trên.

Thanh dẫn vật liệu in đảm bảo rằng vật liệu in được nạp chính xác vào sản phẩm, và rằng bản in không bị nghiêng. Khay 1 có thanh dẫn vật liệu in bên cạnh và phía sau. Khi nạp vật liệu in, hãy điều chỉnh thanh dẫn vật liệu in để phù hợp với độ dài và độ rộng của vật liệu mà bạn đang sử dụng.



**GHỊ CHÚ:** Khi bạn thêm vật liệu in mới, hãy chắc chắn rằng bạn đã loại bỏ tất cả vật liệu in ở khay nạp và làm phẳng tập vật liệu in mới. Không xòe giấy ra. Việc làm này giúp giảm kẹt giấy bằng cách ngăn không cho nhiều tờ vật liệu nạp vào máy in cùng lúc.

## Cấu hình các khay

Khi sử dụng một trong các khay cho kích thước giấy cụ thể, bạn có thể cài kích thước mặc định cho khay trong HP ToolboxFX hoặc từ bảng điều khiển. Trong HP ToolboxFX, chọn **Paper handling** (Quản lý giấy), và sau đó chọn kích thước khay mà bạn muốn cài. Khi bạn chọn kích thước giấy đó cho một tác vụ in trong hộp thoại in, sản phẩm sẽ tự động chọn khay đó để in.

Để cài loại hoặc kích thước giấy mặc định từ bảng điều khiển, hoàn tất các bước sau.

1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm **Setup (Cài đặt)** (↖).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **System setup (Cài đặt hệ thống)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Group setup (Cài đặt nhóm)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn báo cáo bạn sẽ in, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Paper type** (Loại giấy) hoặc **Paper size** (Kích thước giấy), và sau đó bấm **OK**.
6. Sử dụng các nút mũi tên để chọn kích thước hoặc loại giấy mặc định cho khay, và sau đó bấm **OK**.





---

# 7 Thao tác in

Phần này cung cấp thông tin về các tác vụ in thông thường.

- [Thay đổi trình điều khiển máy in cho phù hợp với loại và kích thước giấy](#)
- [Tìm sự trợ giúp về các tùy chọn in ấn](#)
- [Hủy lệnh in](#)
- [Tạo sổ tay](#)
- [Thay đổi thông số cài đặt chất lượng in](#)
- [Thay đổi mật độ in](#)
- [In trên phương tiện đặc biệt](#)
- [Sử dụng giấy và bìa in khác nhau](#)
- [In trang đầu tiên trắng](#)
- [Chỉnh lại kích thước tài liệu](#)
- [Chọn kích thước giấy](#)
- [Chọn nguồn giấy](#)
- [Chọn loại giấy](#)
- [Đặt hướng in](#)
- [Sử dụng hình mờ](#)
- [Lưu bột mực](#)
- [Tạo và sử dụng các lối tắt in trong Windows](#)
- [In trên cả hai mặt giấy \(in hai mặt\)](#)
- [In nhiều trang tài liệu trên một trang giấy trong Windows](#)
- [Cài đặt tiết kiệm](#)
- [Phông](#)

# Thay đổi trình điều khiển máy in cho phù hợp với loại và kích thước giấy

Chọn phương tiện theo loại và kích thước sẽ tạo ra chất lượng in tốt hơn đáng kể cho giấy nặng, giấy bóng, và phim trong suốt. Sử dụng sai cài đặt có thể dẫn đến chất lượng in không tốt. Luôn in theo **Type** (Loại) đối với các phương tiện in đặc biệt, như là nhãn hoặc phim trong suốt. Luôn in theo **Size** (Kích thước) đối với phong bì.

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Bấm vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
4. Trong hộp danh sách **Type is** (Loại là) hoặc **Size is** (Kích thước là), chọn đúng loại hoặc kích thước phương tiện.
5. Bấm **OK**.

## Các loại giấy và khả năng chứa của khay được hỗ trợ

Sản phẩm này có ưu tiên khay cho việc nạp vật liệu in:

1. Khay nạp giấy ưu tiên
2. Khay 1

Kích thước giấy tối thiểu là 76 x 127 mm.

Kích thước giấy tối đa là 216 x 356 mm.

Để có kết quả in tốt nhất, hãy thay đổi thiết lập kích thước giấy và loại giấy trong tập tin điều khiển máy in trước khi in.

Loại	Thông số kỹ thuật của vật liệu in	Dung lượng của khay nạp giấy ưu tiên	Khả năng chứa giấy của Khay 1 <sup>1</sup>
Thường	75 g/m <sup>2</sup> đến 104 g/m <sup>2</sup>	Tối đa 10 tờ	Tối đa 250 tờ
Màu			
In trước			
Dập lỗ trước			
Tái chế			
Nhẹ	60 g/m <sup>2</sup> đến 74 g/m <sup>2</sup>	Tối đa 10 tờ	Tối đa 260 tờ
Phong bì	Thấp hơn 90 g/m <sup>2</sup>	1 phong bì	Tối đa 10 phong bì
Nhãn	Chuẩn	1 tờ	Không được hỗ trợ.
Liên kết	75 g/m <sup>2</sup> đến 104 g/m <sup>2</sup>	1 tờ	Tối đa 250 tờ
Phác thảo	75 g/m <sup>2</sup> đến 104 g/m <sup>2</sup>	1 tờ	Tối đa 200 tờ
Giấy trong	4 mm Phim Đơn sắc	1 tờ	Tối đa 200 tờ
Trọng lượng trung bình	96 g/m <sup>2</sup> đến 110 g/m <sup>2</sup>	Tối đa 10 tờ	Tối đa 200 tờ

Loại	Thông số kỹ thuật của vật liệu in	Dung lượng của khay nạp giấy ưu tiên	Khả năng chứa giấy của Khay 1 <sup>1</sup>
Nặng	111 g/m <sup>2</sup> đến 130 g/m <sup>2</sup>	Tối đa 10 tờ	Không được hỗ trợ.
Cực nặng	131 g/m <sup>2</sup> đến 175 g/m <sup>2</sup>	Tối đa 10 tờ	Không được hỗ trợ.
Giấy tiêu đề	75 g/m <sup>2</sup> đến 104 g/m <sup>2</sup>	Tối đa 10 tờ	Tối đa 250 tờ

<sup>1</sup> Chiều cao của xếp tối đa dành cho khay 1 là 25 mm (0,9 inch).

## Tìm sự trợ giúp về các tùy chọn in ẩn


Trình trợ giúp Trình điều khiển máy in không chứa trong phần Trợ giúp dành cho chương trình. Phần trợ giúp trình điều khiển máy in trình bày các phần giải thích về các nút bấm, hộp chọn và danh sách tùy chọn trong trình điều khiển máy in. Phần này cũng chứa các hướng dẫn thực hiện các thao tác in ẩn thông thường, như in trên cả hai mặt, in nhiều trang trên một tờ giấy in, và in trang đầu tiên hoặc trang bìa bằng các loại giấy khác nhau.

Kích hoạt màn hình Trợ giúp trình điều khiển máy in bằng một trong những cách sau:

Windows	Macintosh
<ul style="list-style-type: none"><li>Trong hộp thoại <b>Properties</b> (Đặc tính) của trình điều khiển máy in, nhấp vào nút <b>Help</b> (Trợ giúp).</li><li>Bấm phím <b>F1</b> trên bàn phím máy tính.</li><li>Nhấp vào biểu tượng dấu hỏi ở góc phải bên trên của trình điều khiển máy in.</li><li>Nhấp phải vào bất kỳ mục nào trong trình điều khiển thiết bị này, và sau đó nhấp vào <b>What's This?</b> (Đây là Gì?).</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Trong hộp thoại <b>Print</b> (In), nhấp vào nút ? nút.</li></ul>

# Hủy lệnh in

Nếu đang thực hiện lệnh in hiện tại, hủy lệnh in bằng cách bấm **Cancel (Hủy bỏ)** trên bảng điều khiển của sản phẩm.

 **GHI CHÚ:** Việc bấm **Cancel (Hủy bỏ)** sẽ xóa lệnh in mà sản phẩm đang tiến hành. Nếu nhiều quy trình đang hoạt động (ví dụ sản phẩm đang thực hiện lệnh in trong khi nhận fax), bấm **Cancel (Hủy bỏ)** sẽ xóa quy trình hiện đang hiển thị trên bảng điều khiển của sản phẩm.

Bạn cũng có thể hủy lệnh in từ chương trình phần mềm hoặc từ dãy lệnh in.

Để ngừng lệnh in ngay lập tức, xóa phương tiện in còn lại trong sản phẩm. Sau khi dừng in, sử dụng một trong các tùy chọn sau:

- **Bảng điều khiển sản phẩm:** Để hủy lệnh in, hãy nhấn và thả nút **Cancel (Hủy bỏ)** trên bảng điều khiển của sản phẩm.
- **Chương trình phần mềm** Thông thường, một hộp thoại sẽ xuất hiện ngắn gọn trên màn hình, cho phép bạn hủy lệnh in.
- **Xếp in của Windows:** Nếu một lệnh in đang xếp hàng trong dãy lệnh in (bộ nhớ máy tính) hoặc trong spooler (bộ in nền), hãy xóa lệnh in tại đó.
  - **Windows 2000** Hãy vào hộp thoại **Printer (Máy in)**. Nhấp **Start (Bắt đầu)**, nhấp **Settings (Cài đặt)**, và sau đó nhấp **Printers (Máy in)**. Nhấp đúp vào biểu tượng để mở cửa sổ, chọn nhiệm vụ in, và nhấp **Delete (Xóa)**.
  - **Windows XP:** Nhấp vào **Start**, nhấp vào **Settings**, sau đó nhấp vào **Printers** hoặc **Printers and Faxes**. Nhấp đôi lên biểu tượng sản phẩm để mở cửa sổ, nhấp chuột phải lên lệnh in mà bạn muốn hủy, và sau đó nhấp **Cancel (Hủy)**.
  - **Windows Vista** Nhấp **Start (Bắt đầu)**, nhấp **Control Panel (Bảng điều khiển)** và sau đó trong phần **Hardware and Sound (Phần cứng và âm thanh)**, nhấp **Printer (Máy in)**. Nhấp đôi lên biểu tượng sản phẩm để mở cửa sổ, nhấp chuột phải lên lệnh in mà bạn muốn hủy, và sau đó nhấp **Cancel (Hủy)**.
- **Dãy lệnh in Macintosh:** Nhấp đôi vào biểu tượng sản phẩm trên bộ đỡ để mở dãy lệnh in. Tô sáng lệnh in và sau đó nhấp **Delete (Xóa)**.

## Tạo sổ tay

Bạn có thể sao chép hai trang trên mỗi mặt giấy để bạn có thể gấp giấy lại theo trục ngang và tạo thành một cuốn sổ tay. Thiết bị sẽ sắp xếp các trang in theo đúng trình tự. Ví dụ như, nếu tài liệu gốc có tám trang, thiết bị sẽ in trang 1 và 8 trên cùng mặt giấy.

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Nhấp vào tab **Finishing** (Hoàn tất).
4. Chọn **Print On Both Sides** (In Trên Cả Hai Mặt).
5. Trong cửa sổ danh sách dành cho **Booklet Layout** (Bố cục Sổ tay), chọn **Left Edge Binding** (Đóng Cạnh Trái) hoặc **Right Edge Binding** (Đóng Cạnh Phải). Thông số **Pages per Sheet** (Trang trên mỗi Bản) sẽ tự động chuyển sang 2 trang mỗi mặt.
6. Bấm **OK**.

## Thay đổi thông số cài đặt chất lượng in

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Trong tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng), chọn độ phân giải hoặc thông số chất lượng in mà bạn muốn trong menu **Print Quality** (Chất Lượng In).
3. Bấm **OK**.

## Thay đổi mật độ in

Tăng mật độ in trên bảng điều khiển của sản phẩm sẽ làm tối màu trên trang giấy in.

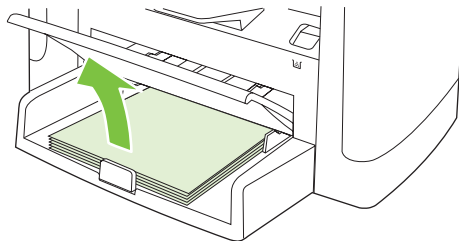
1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↶).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **System setup (Cài đặt hệ thống)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Print Density (Mật độ In)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để tăng hoặc giảm thông số cài đặt mật độ và sau đó bấm **OK**.



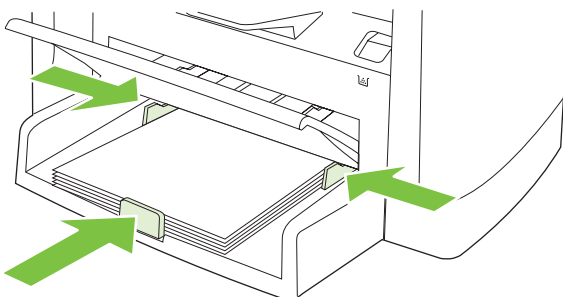
## In trên phương tiện đặc biệt

Nhớ sử dụng giấy hoặc phương tiện in đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật HP. Giấy có bề mặt mịn hơn thường tạo ra kết quả tốt hơn.

1. Mở khay tiếp giấy và xóa bất kỳ phương tiện nào.



2. Nạp phương tiện. Phải bảo đảm phần đầu của giấy hướng về trước và mặt cần in hướng xuống dưới.
3. Điều chỉnh đường dẫn giấy cho phù hợp với độ dài và độ rộng của vật liệu.



4. Trên trình điều khiển máy in, trong thẻ **Paper** (Giấy) hoặc thẻ **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng), chọn loại phương tiện từ danh sách sổ xuống **Paper Type** (Loại giấy).

△ **THẬN TRỌNG:** Nhớ đặt đúng loại phương tiện trong trình điều khiển máy in. Sản phẩm sẽ điều chỉnh nhiệt độ bộ nhiệt áp theo cài đặt loại phương tiện. Khi in trên phương tiện đặc biệt, sự điều chỉnh này sẽ ngăn không cho bộ nhiệt áp làm hư phương tiện khi nó đi qua sản phẩm.

5. In tài liệu.

## Sử dụng giấy và bìa in khác nhau

Hãy thực hiện theo các bước sau để in trang đầu tiên khác với các trang khác trong lệnh in.

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Bấm vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
4. Trong hộp danh sách **Special Pages** (Các trang đặc biệt), bấm **Print pages on different paper** (In các trang trên giấy khác nhau).
5. Bấm **Settings** (Cài đặt).
6. Chọn cài đặt bạn muốn sử dụng để in các trang cụ thể trên giấy khác. Bấm **Add** (Thêm).
7. Bấm **OK** để trở về tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
8. Bấm **OK**.

---

 **GHI CHÚ:** Kích thước giấy phải giống nhau cho tất cả các trang của lệnh in.

---

## In trang đầu tiên trắng

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Bấm vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
4. Trong hộp danh sách **Special pages** (Các trang đặc biệt), bấm **Covers** (Bìa).
5. Bấm **Settings** (Cài đặt).
6. Chọn cài đặt bạn muốn sử dụng để thêm các trang bìa trắng hoặc được in sẵn. Bấm **Add** (Thêm).
7. Bấm **OK** để trở về tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
8. Bấm **OK**.

## Chỉnh lại kích thước tài liệu

Sử dụng tùy chọn chỉnh lại kích thước tài liệu để co dẫn tài liệu theo phần trăm của kích thước bình thường của tài liệu này. Bạn cũng có thể chọn in một tài liệu trên giấy có kích thước khác, có hoặc không co dẫn.

### Thu nhỏ hoặc phóng to tài liệu.

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Trên tab **Effects** (Hiệu Ứng), cạnh **% of Actual Size** (% của Kích Thước Thực), nhập phần phần trăm bạn muốn thu nhỏ hoặc phóng to tài liệu.

Bạn cũng có thể sử dụng thanh di chuyển để điều chỉnh phần trăm.

4. Bấm **OK**.

### In tài liệu trên một kích thước giấy khác.

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Chọn tab **Effects** (Hiệu ứng), bấm vào **Print Document On** (In Tài Liệu Trên).
4. Chọn kích thước giấy sẽ in trên đó.
5. Để in tài liệu mà không co dẫn nó cho vừa, đảm bảo rằng tùy chọn **Scale to Fit** (Co Dẫn Cho Vừa) *không* được chọn.
6. Bấm **OK**.

## Chọn kích thước giấy

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Trên thẻ **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng), chọn kích thước từ danh sách sổ xuống **Paper Size** (Kích thước giấy).
4. Nhấp **OK**.

## Chọn nguồn giấy

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Trên thẻ **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng), chọn nguồn giấy từ danh sách sổ xuống **Paper Source** (Nguồn giấy).
4. Nhấp **OK**.

## Chọn loại giấy

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Trên thẻ **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng) chọn loại giấy từ danh sách sổ xuống **Paper Type** (Loại giấy).
4. Nhấp **OK**.

## Đặt hướng in

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Trên tab **Finishing** (Kết thúc), chọn **Portrait** (Đứng) hoặc **Landscape** (Ngang) trong mục **Orientation** (Định hướng).
4. Nhấp **OK**.



## Sử dụng hình mờ

Hình mờ là một thông báo, chẳng hạn như "Bí Mật," được in trên nền mỗi trang tài liệu.

1. Trên menu **File** (Tệp) của chương trình phần mềm, nhấp vào **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó nhấp vào **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Từ tab **Effects** (Hiệu ứng), nhấp vào danh sách thả xuống **Watermarks** (Hình mờ).
4. Nhấp vào hình mờ bạn muốn sử dụng. Để tạo hình mờ mới, nhấp **Edit** (Sửa đổi).
5. Nếu bạn muốn hình mờ chỉ xuất hiện trên trang đầu tiên của tài liệu, hãy nhấp vào **First Page Only** (Chỉ Trang Đầu).
6. Nhấn **OK**.

Để xóa hình mờ, nhấp **(none)** (không) trong danh sách thả xuống **Watermarks** (Hình mờ).

## Lưu bột mực

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Trên thẻ **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng), nhấp **EconoMode**.
4. Nhấp **OK**.

# Tạo và sử dụng các lối tắt in trong Windows

Sử dụng các lối tắt in để lưu cài đặt trình điều khiển hiện thời để sử dụng lại. Các lối tắt khả dụng trên hầu hết các tab trình điều khiển máy in. Bạn có thể lưu tối đa 25 lối tắt in.


## Tạo lối tắt in

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Trên thẻ **Printing Shortcuts** (Lối tắt In), chọn cài đặt in mà bạn muốn sử dụng. Bấm **Save As** (Lưu Làm).
4. Trong hộp **Printing Shortcuts** (Lối Tắt In), và nhập tên cho lối tắt này.
5. Bấm **OK**.

## Sử dụng các lối tắt in

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Trên thẻ **Printing Shortcuts** (Lối tắt In), chọn lối tắt mà bạn muốn sử dụng từ hộp thoại **Printing shortcuts** (Lối tắt In).
4. Bấm **OK**.

---

 **GHI CHÚ:** Để sử dụng cài đặt trình điều khiển máy in mặc định, chọn **Factory Default** (Mặc Định của Nhà Máy).

---

## In trên cả hai mặt giấy (in hai mặt)

1. Nạp giấy vào một trong các khay để đủ in nhiệm vụ in. Nếu bạn định nạp giấy đặc biệt như là tiêu đề thư, hãy nạp giấy này theo một trong các cách sau:
  - Đối với khay 1, nạp giấy tiêu đề thư với mặt trước úp xuống, cạnh trên cùng vào trước.
  - Với tất cả các khay khác, nạp giấy tiêu đề thư với mặt trước úp xuống, và cạnh trên cùng ở phía sau khay.

---

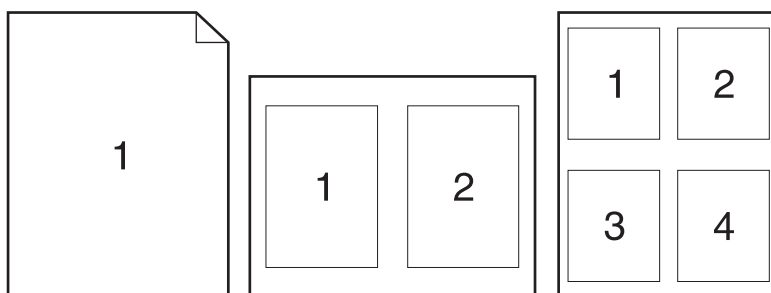
△ **THẬN TRỌNG:** Để tránh bị kẹt, không nạp giấy nặng hơn 105 g/m<sup>2</sup> (28 lb bond).

---

2. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
3. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
4. Trên tab **Finishing** (Kết thúc), chọn **Print on Both Sides (manually)** (In Hai Mặt (thủ công)).
5. Nhấp **OK**.
6. Gửi nhiệm vụ in đến máy in. Hãy thực hiện theo các hướng dẫn trong cửa sổ pop-up hiển thị trước khi cho ngăn xếp giấy ra vào khay 1 để in phần thứ hai.
7. Đến sản phẩm. Lấy bất kỳ tờ giấy trắng nào có trong khay 1. Chèn tập giấy in với mặt in hướng lên trên, và cạnh dưới nạp vào sản phẩm trước. Bạn phải in mặt thứ hai từ khay 1.
8. Trong bảng điều khiển, bấm **OK** để tiếp tục.

# In nhiều trang tài liệu trên một trang giấy trong Windows

Bạn có thể in nhiều trang tài liệu trên một trang giấy.



1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).
3. Bấm tab **Finishing** (Kết Thúc).
4. Trong danh sách sổ xuống **Pages per sheet** (Nhiều trang trên một bản), chọn số trang mà bạn muốn in trên từng bản (1, 2, 4, 6, 9, or 16).
5. Nếu số trang lớn hơn 1, chọn tùy chọn chính xác cho **Print Page Borders** (In Đường Viền Trang) và **Page Order** (Thứ Tự Trang).
  - Nếu cần thay đổi hướng trang, bấm **Portrait** (Dọc) hoặc **Landscape** (Ngang).
6. Bấm **OK**. Sản phẩm bây giờ đã được đặt để in số trang bạn đã chọn trên mỗi trang giấy.

# Cài đặt tiết kiệm

## Chế độ tiết kiệm

Cài đặt EconoMode (Chế độ tiết kiệm) trên trình điều khiển máy in sẽ tiết kiệm được mực in. Để được hướng dẫn về việc sử dụng cài đặt EconoMode (Chế độ tiết kiệm), xem [Lưu bột mực thuộc trang 78](#).

## In lưu trữ

In lưu trữ sẽ cho ra các bản in ít bị nhòe và lấm bụi mực. Sử dụng in lưu trữ để tạo ra các tài liệu mà bạn muốn bảo quản hoặc lưu trữ.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↖).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Service (Dịch vụ)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Archive print (In lưu trữ)**, chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, và sau đó bấm **OK**.

# Phông

## Chọn phông

Sử dụng HP ToolboxFX để thay đổi phông của sản phẩm bằng cách nhấp vào tab **Print Settings** (Cài đặt in), và sau đó nhấp vào trang **PCL5e**. Nhấp **Apply** (Áp dụng) để lưu lại thay đổi.

## In danh sách các phông hiện có

In danh sách các phông hiện có từ bảng điều khiển của sản phẩm. Xem [Trang thông tin thuộc trang 166](#).





---

# 8 Sao chép

- [Nạp tài liệu gốc](#)
- [Sử dụng bản sao chép](#)
- [Cài đặt sao chép](#)
- [Sao chép một quyển sách](#)
- [Sao chép ảnh chụp](#)
- [Sao chép các bản gốc có khổ giấy hỗn hợp](#)
- [Các lệnh in hai mặt](#)

# Nạp tài liệu gốc

## Khay tự động nạp tài liệu (ADF)

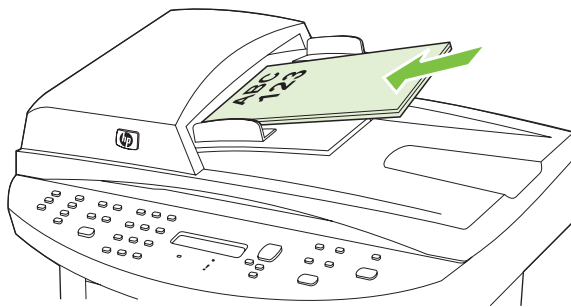
**GHI CHÚ:** Dung lượng khay ADF tối đa là 50 trang loại giấy 80 g/m<sup>2</sup> hoặc 20 lb. Khay có thể chứa giấy nhỏ cỡ 76 x 127 mm và giấy cỡ lớn 216 x 356 mm.

**THẬN TRỌNG:** Để tránh làm hỏng sản phẩm, bạn đừng sử dụng các tài liệu gốc có dán băng tẩy, mực tẩy, kim cài giấy, hoặc kẹp giấy. Đồng thời, bạn cũng đừng để hình chụp, tài liệu gốc cỡ nhỏ hoặc các loại tài liệu gốc dễ rách vào khay ADF. Dùng kính phẳng để quét các tài liệu này.

1. Lắp đầu-trên của chồng tài liệu gốc vào khay nạp giấy SDF, với chồng giấy bề-mặt-hướng-lên-trên và trang đầu tiên sẽ sao chép ở trên cùng của chồng giấy.

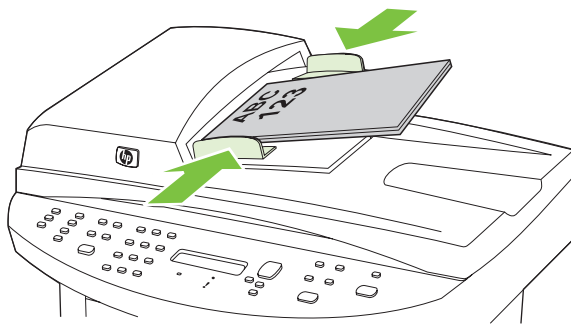
Nếu giấy dài hơn giấy khổ Letter- hoặc Khổ-A4, mở rộng khay nạp giấy ADF để đặt vừa loại giấy này.

2. Trượt chồng tài liệu vào khay ADF cho đến khi không thể đẩy vào hơn nữa.




**Document loaded (Đã nạp tài liệu)** sẽ được hiện trên màn hình bảng điều khiển.

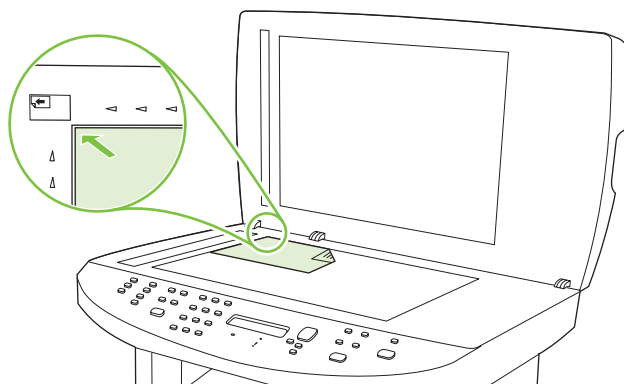
3. Hiệu chỉnh các thanh truyền giấy cho đến khi chúng sát vào giấy.



## Máy quét hình phẳng

 **GHI CHÚ:** Khổ giấy tối đa để quét hình phẳng là letter/A4. Sử dụng ADF để quét loại giấy lớn hơn khổ letter/A4.

1. Hãy đảm bảo rằng khay tự động nạp tài liệu (ADF) không chứa giấy.
2. Mở nắp đậy máy quét hình phẳng..
3. Đặt tài liệu góc sao cho mặt-trên-hướng-xuống-dưới máy quét hình phẳng với góc trên-bên-trái của tài liệu nằm vào vị trí góc được chỉ báo bằng biểu tượng trên máy quét.



4. Nhẹ nhàng đóng nắp máy lên.

# Sử dụng bản sao chép

## Sao chép một lần chạm

1. Nạp tài liệu vào trong khay tự động nạp tài liệu (ADF) hoặc vào máy quét hình phẳng.
2. Bấm **Start Copy (Bắt đầu Photocopy)** trên bảng điều khiển của sản phẩm để bắt đầu sao chép.
3. Lặp lại quy trình cho từng bản sao chép.


## Nhiều bản sao chép

Bạn có thể chọn để có số bản sao chép mặc định với bất kỳ số nào từ 1 đến 99.

### Thay đổi số bản sao chép cho tác vụ hiện tại

1. Trên bảng điều khiển của sản phẩm, bấm **# of Copies (Số bản sao chép)**.
2. Sử dụng các nút chữ và số để nhập số bản sao chép (các số từ 1 - 99) mà bạn muốn áp dụng cho tác vụ hiện tại của bạn.
3. Bấm **Start Copy (Bắt đầu Photocopy)** để bắt đầu sao chép tác vụ của bạn.

---

 **GHI CHÚ:** Thay đổi trong cài đặt sẽ được lưu giữ khoảng 2 phút sau khi lệnh sao chép hoàn tất. Trong thời gian này, **Custom settings (Cài đặt tùy chỉnh)** sẽ xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển của sản phẩm.

---

### Thay đổi số bản sao chép mặc định

1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm **Setup (Cài đặt) (↵)**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Copy setup (Cài đặt photocopy)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Def. (M.định) # of copies (Số bản sao chép)** và sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút chữ và số để nhập số bản sao chép (từ 1-99) mà bạn muốn cài làm mặc định.
5. Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.

---


 **GHI CHÚ:** Cài đặt mặc định gốc cho số bản sao chép là 1.

---

## Hủy lệnh sao chép

Để hủy lệnh sao chép, bấm **Cancel (Hủy bỏ)** trên bảng điều khiển của sản phẩm. Nếu có nhiều quy trình đang hoạt động, bấm **Cancel (Hủy bỏ)** sẽ xóa quy trình đang hiển thị trên màn hình bảng điều khiển của sản phẩm.

---

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn hủy lệnh sao chép, xóa tài liệu từ máy quét hình phẳng hoặc từ khay tự động nạp tài liệu.

---

## Thu nhỏ hoặc phóng to bản sao chép


### Thu nhỏ hoặc phóng to bản sao chép cho lệnh sao chép hiện tại

1. Trên bảng điều khiển của sản phẩm, bấm **Reduce/Enlarge** (Thu nhỏ/Phóng to)
2. Chọn kích thước mà bạn muốn thu nhỏ hoặc phóng to bản sao chép trong tác vụ này.

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn chọn **Custom: (Tùy chỉnh): 25-400%**, sử dụng các nút chữ và số để nhập phần trăm.


Nếu bạn chọn **2 pages/sheet** (2 trang/tờ) hoặc **4 pages/sheet** (4 trang/tờ), hãy chọn hướng (đứng hoặc ngang).

3. Bấm **Start Copy (Bắt đầu Photocopy)** để lưu lại chọn lựa và bắt đầu ngay lệnh sao chép, hoặc bấm **OK** để lưu lại lựa chọn mà không bắt đầu tác vụ.

 **GHI CHÚ:** Thay đổi trong cài đặt sẽ được lưu giữ khoảng 2 phút sau khi hoàn tất lệnh sao chép. Trong thời gian này, **Custom settings** (Cài đặt tùy chỉnh) sẽ xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển của sản phẩm.

Bạn phải thay đổi kích thước giấy mặc định trong khay tiếp giấy cho vừa với kích cỡ giấy ra nếu không một phần của bản sao sẽ bị cắt.

### Điều chỉnh kích thước bản sao chép mặc định

 **GHI CHÚ:** Kích thước bản sao chép mặc định là kích thước mà các bản sao thường được thu nhỏ hoặc phóng to. Nếu bạn giữ kích thước mặc định gốc **Original=100%** (Gốc=100%), tất cả bản sao chép sẽ có cùng kích cỡ với tài liệu gốc.

1. Bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Copy setup (Cài đặt photocopy)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Def. Reduce/Enlrg** (Phóng to/Thu nhỏ Mặc định), và sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn tùy chọn cách bạn muốn thu nhỏ hoặc phóng to các bản sao chép.

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn chọn **Custom: (Tùy chỉnh): 25-400%**, nhập số phần trăm của tài liệu gốc mà bạn muốn áp dụng cho bản sao chép.

Nếu bạn chọn **2 pages/sheet** (2 trang/tờ) hoặc **4 pages/sheet** (4 trang/tờ), chọn hướng giấy (đứng hoặc ngang).

5. Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.

Sản phẩm sẽ thu nhỏ bản sao chép tối thiểu 25% hoặc phóng to bản sao chép tối đa 400% so với kích thước tài liệu gốc.

### Cài đặt thu nhỏ/phóng to

- **Gốc=100%**
- **Lgi > Ltr=78%**
- **Lgi > A4=83%**

- A4 > Ltr=94%
- Ltr > A4=97%
- Toàn trang=91%
- Vừa trang in
- 2 trang/tờ
- 4 trang/tờ
- Custom (Tùy chỉnh). 25-400%

 **GHI CHÚ:** Khi sử dụng cài đặt **Fit to page** (Vừa trang in), chỉ sao chép từ máy quét hình phẳng.

Khi sử dụng cài đặt **2 pages/sheet** (2 trang/tờ) hoặc **4 pages/sheet** (4 trang/tờ), chỉ sao chép từ khay tự động nạp tài liệu. Đồng thời, sau khi chọn tùy chọn **2 pages/sheet** (2 trang/tờ) hoặc **4 pages/sheet** (4 trang/tờ), bạn phải chọn hướng giấy (đứng hoặc nằm ngang).

## Thay đổi cài đặt đối chiếu bản sao


Bạn có thể cài sản phẩm tự động đối chiếu nhiều bản sao vào các nhóm. Ví dụ, nếu bạn tạo hai bản sao của ba trang giấy và bật chức năng đối chiếu tự động, các trang in sẽ theo thứ tự: 1,2,3,1,2,3. Nếu chức năng đối chiếu tự động tắt, các trang in sẽ theo thứ tự: 1,1,2,2,3,3.

Để sử dụng chức năng đối chiếu tự động, kích thước tài liệu gốc phải vừa đủ bộ nhớ. Nếu không, sản phẩm chỉ tạo một bản sao và một thông báo sẽ xuất hiện thông báo cho bạn biết sự thay đổi. Nếu điều đó xảy ra, sử dụng một trong các phương pháp sau để hoàn thành tác vụ:

- Chia tác vụ thành nhiều tác vụ nhỏ hơn có chứa ít trang hơn.
- Chỉ tạo một bản sao tài liệu trong cùng một thời điểm.
- Tắt chức năng đối chiếu tự động.

## Thay đổi cài đặt đối chiếu bản sao mặc định

1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm **Setup (Cài đặt)** (↖).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Copy setup (Cài đặt photocopy)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Def. (M.định) Resolution (Độ phân giải)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**.
5. Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.

 **GHI CHÚ:** Cài đặt mặc định gốc cho chức năng đối chiếu bản sao tự động là **On (Bật)**.

# Cài đặt sao chép

## Chất lượng sao chép


Hiện có bốn cài đặt chất lượng bản sao chép: **Text** (Văn bản), **Mixed** (Phối hợp), **Film photo** (Ảnh chụp) và **Picture** (Hình vẽ).

Thông số gốc mặc định cho chất lượng bản sao chép là **Mixed** (Phối hợp). Thông số phù hợp nhất với các tài liệu gồm văn bản và hình ảnh.

Khi sao chép ảnh chụp hoặc đồ họa, bạn có thể chọn cài đặt **Film photo** (Ảnh chụp) cho ảnh chụp hoặc **Picture** (Hình vẽ) cho các hình đồ họa khác để tăng chất lượng bản sao chép. Chọn thông số **Text** (Văn bản) cho các tài liệu có nội dung phần lớn là văn bản.

### Điều chỉnh chất lượng bản sao chép cho tác vụ hiện tại

1. Trên bảng điều khiển của sản phẩm, bấm **Quality** (Chất lượng) để xem cài đặt chất lượng hiện tại của bản sao chép.
2. Sử dụng các nút mũi tên để di chuyển qua các tùy chọn cài đặt chất lượng.
3. Chọn một cài đặt, và sau đó bấm **Start Copy** (Bắt đầu Photocopy) để lưu lại lựa chọn và bắt đầu lệnh sao chép ngay, hoặc bấm **OK** để lưu lại lựa chọn mà không bắt đầu tác vụ.


 **GHI CHÚ:** Thay đổi cài đặt sẽ được lưu giữ khoảng 2 phút sau khi hoàn tất lệnh sao chép. Trong thời gian này, **Custom settings** (Cài đặt tùy chỉnh) sẽ xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển của sản phẩm.

### Điều chỉnh chất lượng bản sao chép mặc định

1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm **Setup** (Cài đặt) (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Copy setup** (Cài đặt photocopy), sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Default Quality** (Chất lượng Mặc định), sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn chất lượng bản sao chép, và sau đó bấm **OK** để lưu lại lựa chọn.

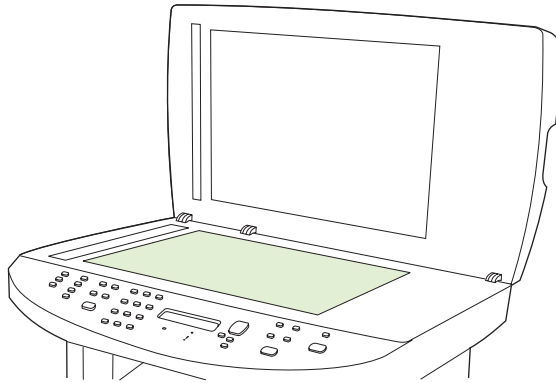
## Lau chùi kính máy quét

Kính bẩn do dầu vân tay, các vết ố, tóc, v.v... sẽ làm giảm hoạt động của máy và ảnh hưởng đến độ chính xác của các tính năng đặc biệt như vừa trang in và sao chép.

 **GHI CHÚ:** Nếu các vết ngang, dọc hoặc các lỗi khác chỉ xuất hiện trên các bản sao được sao chép từ khay tự động nạp tài liệu (ADF), lau chùi đường băng máy quét (bước 3). Không cần phải lau chùi kính máy quét.

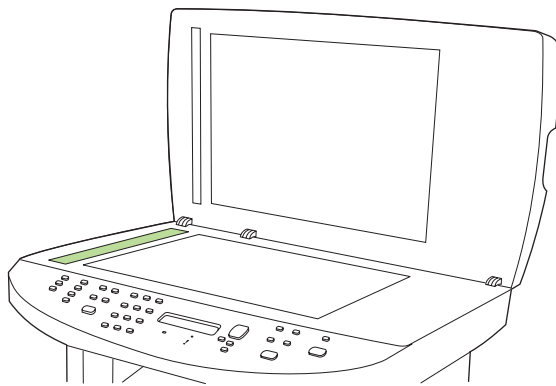
1. Tắt nguồn sản phẩm, tháo dây dẫn ra khỏi ổ điện và gỡ nắp máy lên.

2. Lau chùi kính bằng miếng vải mềm, khô hoặc miếng bọt xốp có thấm chất tẩy kính không ăn mòn.



△ **THẬN TRỌNG:** Không sử dụng chất ăn mòn, acetone, benzene, ammoniac, cồn êtylic, hoặc carbon tetrachloride lên bất kỳ phần nào của sản phẩm; những chất này có thể làm hỏng sản phẩm. Không để trực tiếp chất lỏng lên kính. Các chất này có thể thấm vào kính và làm hỏng sản phẩm.

3. Sử dụng miếng vải mềm và không có xơ vải hoặc miếng bông xốp đã được tẩm chất tẩy kính không ăn mòn để lau chùi dài máy quét.



4. Để ngăn không bị vết dơ, sử dụng miếng da dê hoặc bọt biển để làm khô kính.


## Điều chỉnh cài đặt độ sáng/tối (độ tương phản)

Cài đặt độ sáng/tối sẽ ảnh hưởng đến độ sáng hoặc tối (độ tương phản) của bản sao chép. Sử dụng quy trình sau để thay đổi độ tương phản chỉ cho lệnh sao chép hiện tại.


### Điều chỉnh độ sáng/tối cho tác vụ hiện tại

1. Trên bảng điều khiển của sản phẩm, bấm **Lighter/Darker** (Sáng/Tối) để xem cài đặt độ tương phản hiện tại.
2. Sử dụng các nút mũi tên để điều chỉnh cài đặt. Di chuyển con trượt sang trái để tạo bản sao chép có độ sáng hơn tài liệu gốc, hoặc di chuyển con trượt sang phải để tạo bản sao chép có độ tối hơn tài liệu gốc.
3. Bấm **Start Copy** (Bắt đầu Photocopy) để lưu lại lựa chọn và bắt đầu ngay lệnh sao chép hoặc bấm **OK** để lưu lựa chọn mà không bắt đầu tác vụ.



 **GHI CHÚ:** Thay đổi cài đặt sẽ được lưu giữ khoảng 2 phút sau khi hoàn tất lệnh sao chép. Trong thời gian này, **Custom settings** (Cài đặt tùy chỉnh) sẽ xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển của sản phẩm.


### Điều chỉnh cài đặt độ sáng/tối mặc định

 **GHI CHÚ:** Cài đặt độ sáng/tối sẽ ảnh hưởng đến tất cả các lệnh sao chép.

1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm **Setup (Cài đặt)** (↶).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Copy setup (Cài đặt photocopy)** hoặc **OK**, sau đó bấm .
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Def. light/dark** (Độ sáng/tối mặc định), sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để điều chỉnh cài đặt. Di chuyển con trượt sang trái để tạo cho tất cả các bản sao chép có độ sáng hơn tài liệu gốc, hoặc di chuyển con trượt sang phải để tạo cho tất cả các bản sao chép có độ tối hơn tài liệu gốc.
5. Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.

### Cài đặt nháp bản sao chép

Sử dụng bảng điều khiển để cài sản phẩm in các bản sao chép ở chế độ nháp.

 **GHI CHÚ:** Cài đặt này chỉ ảnh hưởng đến chất lượng bản sao chép. Chất lượng in sẽ không bị ảnh hưởng.

1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm **Setup (Cài đặt)** (↶).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Copy setup (Cài đặt photocopy)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Def. (M.định) Copy Draft** (Sao chép Nháp) và sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**.
5. Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.

### Xác định cài đặt sao chép tùy chỉnh

Khi bạn thay đổi cài đặt sao chép trên bảng điều khiển, **Custom settings** (Cài đặt Tùy chỉnh) sẽ xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển. Cài đặt tùy chỉnh sẽ được lưu giữ khoảng 2 phút, và sau đó sản phẩm sẽ trở về chế độ cài đặt mặc định. Để trở về ngay chế độ cài đặt mặc định, bấm **Cancel (Hủy bỏ)**.

### In hoặc sao chép từ cạnh này sang cạnh kia

Sản phẩm không thể in đầy đủ từ cạnh này sang cạnh kia. Vùng in tối đa là 203,2 x 347 mm (8 x 13,7 in), không tính 4 mm đường viền trang không thể in.

### Sao chép vào các loại giấy và khổ giấy khác nhau

Sản phẩm sẽ được cài sang chế độ sao chép trên khổ giấy letter hoặc A4, tùy thuộc vào quốc gia/khu vực mà sản phẩm được bán. Bạn có thể thay đổi loại và kích thước giấy mà bạn định sao chép cho lệnh sao chép hiện tại hoặc cho tất cả các lệnh sao chép.

### Cài đặt khổ giấy

- Letter (Thư)
- Legal (Pháp lý)
- A4

### Cài đặt loại giấy

- Thường
- Nhẹ
- Nặng
- Giấy trong
- Nhãn
- Tiêu đề đầu trang
- Phong bì
- In sẵn
- Dập lỗ trước
- Màu
- Liên kết
- Tái chế
- Trọng lượng trung bình
- Cực nặng
- Phác thảo
- Giấy da mịn

### Thay đổi cài đặt khổ giấy mặc định

1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm **Setup (Cài đặt)** (↖).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **System setup (Cài đặt hệ thống)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Group setup (Cài đặt nhóm)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Def. (M.định) Glass size (Kích thước kính)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn thông số tốc độ, sau đó bấm **OK**.
6. Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.

### Thay đổi cài đặt khổ giấy mặc định

1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm **Setup (Cài đặt)** (↖).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **System setup (Cài đặt hệ thống)**, sau đó bấm **OK**.

3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Group setup (Cài đặt nhóm)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Def. (M.định) loại giấy**, và sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn thông số tốc độ, sau đó bấm **OK**.
6. Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.

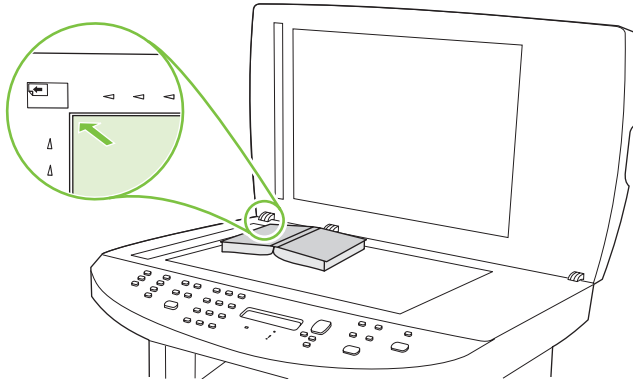
## Khôi phục cài đặt sao chép mặc định

Sử dụng bảng điều khiển để khôi phục cài đặt sao chép trở về giá trị cài đặt mặc định gốc.

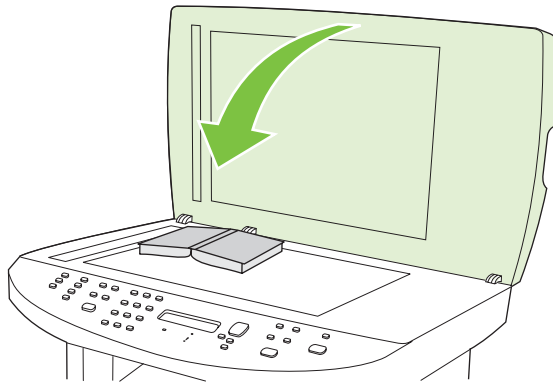
1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm **Setup (Cài đặt)** (↶).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Copy setup (Cài đặt photocopy)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Speed (Tốc độ Fax)**, sau đó bấm **OK**.

## Sao chép một quyển sách

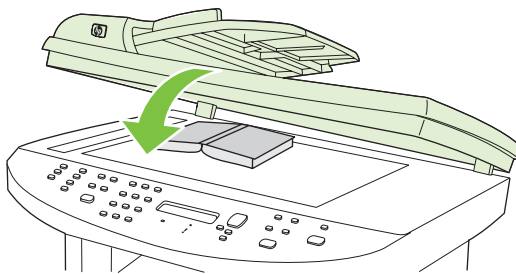
1. Nâng nắp đậy lên và đặt sách vào máy quét hình phẳng sao cho trang mà bạn muốn sao chép ở vào vị trí góc do biểu tượng trên máy quét biểu thị.



2. Nhẹ nhàng đóng nắp máy lên.




3. Nhẹ nhàng nhấn xuống nắp máy quét để ấn quyển sách lên bề mặt phẳng của máy quét hình phẳng.



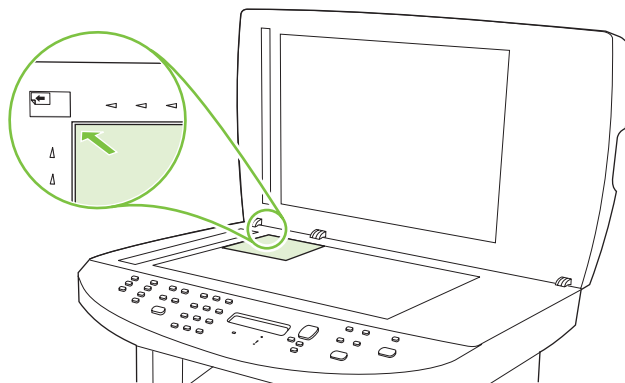
△ **THẬN TRỌNG:** Việc nhấn mạnh vào nắp đậy máy quét hình phẳng có thể làm hỏng các bản lề của nắp.

4. Bấm **Start Copy** (Bắt đầu Photocopy).

## Sao chép ảnh chụp

 **GHI CHÚ:** Ảnh nên được sao chép từ máy quét hình phẳng, không nên sao chép từ khay tự động nạp tài liệu (ADF).

1. Nâng nắp đậy lên và đặt ảnh chụp vào máy quét hình phẳng với mặt có hình hướng xuống phía dưới và góc trên bên trái của ảnh nằm vào vị trí góc do biểu tượng trên máy quét biểu thị.



2. Nhẹ nhàng đóng nắp máy lên.
3. Bấm **Start Copy** (Bắt đầu Photocopy).

## Sao chép các bản gốc có khổ giấy hỗn hợp

Sử dụng máy quét hình phẳng khi sao chép các bản gốc có khổ giấy hỗn hợp. Không sử dụng ADF.


# Các lệnh in hai mặt

## Sao chép tài liệu hai mặt thủ công

### Cài đặt sao chép nhiều trang phẳng

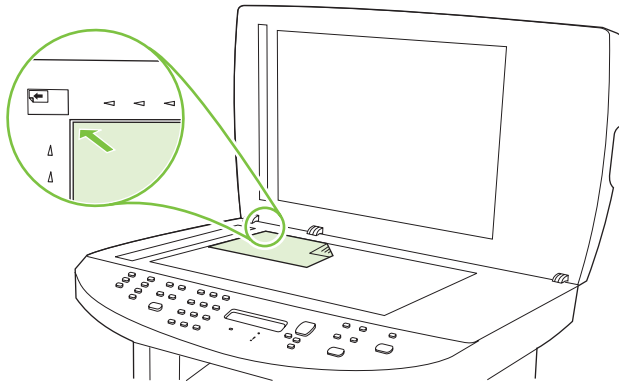
Cài đặt sao chép nhiều trang phẳng phải được cài sang **On (Bật)** trước khi sản phẩm áp dụng chế độ sao chép hai mặt từ máy quét hình phẳng.

1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm **Setup (Cài đặt)** (↖).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Copy setup (Cài đặt photocopy)**, sau đó bấm **OK**.
3. Bấm **OK** để chọn **Def. (M.định) Multi-page (Nhiều trang)**
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**.
5. Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.

 **GHI CHÚ:** Cài đặt mặc định gốc cho chức năng đối chiếu bản sao tự động là **On (Bật)**.

### Sao chép tài liệu hai mặt theo cách thủ công

1. Nạp trang đầu tiên của tài liệu vào máy quét hình phẳng.



2. Bấm **Start Copy (Bắt đầu Photocopy)**.
3. Lấy trang đầu tiên ra, và sau đó nạp trang thứ hai vào máy quét hình phẳng.
4. Bấm **OK**, và sau đó lặp lại quy trình cho đến khi tất cả các trang của tài liệu gốc được sao chép hết.
5. Khi hoàn tất lệnh sao chép, bấm **Start Copy (Bắt đầu Photocopy)** để đưa sản phẩm trở về chế độ Sẵn sàng.





---

## 9 Quét

- [Nạp tài liệu gốc để quét](#)
- [Sử dụng chức năng quét](#)
- [Cài đặt quét](#)
- [Quét một quyển sách](#)
- [Quét ảnh chụp](#)

# Nạp tài liệu gốc để quét

## Khay tự động nạp tài liệu (ADF)

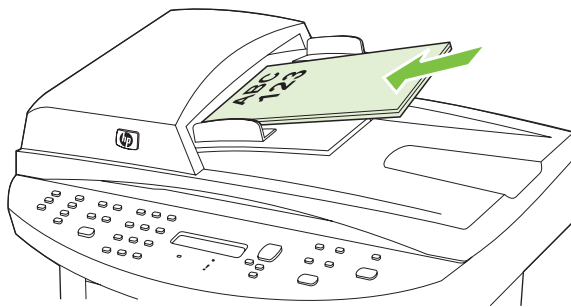
**GHI CHÚ:** Dung lượng khay ADF tối đa là 50 trang loại giấy 80 g/m<sup>2</sup> hoặc 20 lb. Khay có thể chứa giấy nhỏ cỡ 76 x 127 mm và giấy cỡ lớn 216 x 356 mm.

**THẬN TRỌNG:** Để tránh làm hỏng sản phẩm, bạn đừng sử dụng các tài liệu gốc có dán băng tẩy, mực tẩy, kim cài giấy, hoặc kẹp giấy. Đồng thời, bạn cũng đừng để hình chụp, tài liệu gốc cỡ nhỏ hoặc các loại tài liệu gốc dễ rách vào khay ADF. Dùng kính phẳng để quét các tài liệu này.

1. Lắp đầu-trên của chồng tài liệu gốc vào khay nạp giấy SDF, với chồng giấy bề-mặt-hướng-lên-trên và trang đầu tiên sẽ sao chép ở trên cùng của chồng giấy.

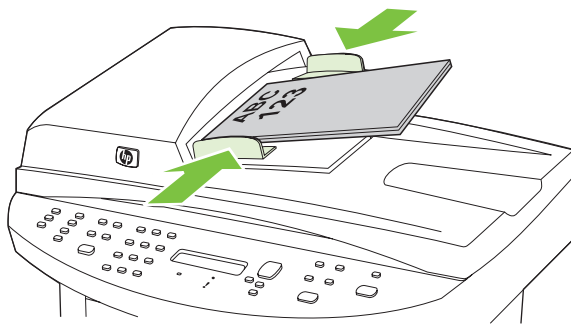
Nếu giấy dài hơn giấy khổ Letter- hoặc Khổ-A4, mở rộng khay nạp giấy ADF để đặt vừa loại giấy này.

2. Trượt chồng tài liệu vào khay ADF cho đến khi không thể đẩy vào hơn nữa.




**Document loaded (Đã nạp tài liệu)** sẽ được hiện trên màn hình bảng điều khiển.

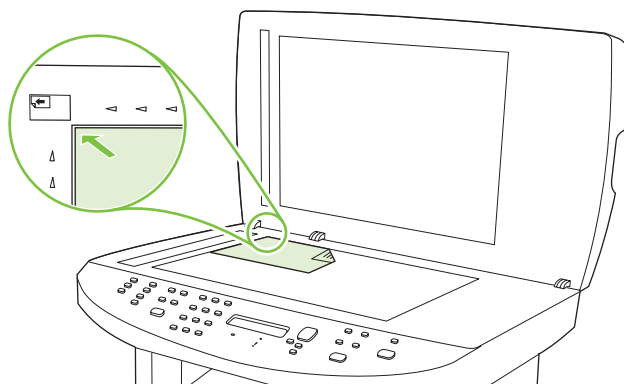
3. Hiệu chỉnh các thanh truyền giấy cho đến khi chúng sát vào giấy.



## Máy quét hình phẳng

 **GHI CHÚ:** Khổ giấy tối đa để quét hình phẳng là letter/A4. Sử dụng ADF để quét loại giấy lớn hơn khổ letter/A4.

1. Hãy đảm bảo rằng khay tự động nạp tài liệu (ADF) không chứa giấy.
2. Mở nắp đậy máy quét hình phẳng..
3. Đặt tài liệu góc sao cho mặt-trên-hướng-xuống-dưới máy quét hình phẳng với góc trên-bên-trái của tài liệu nằm ở góc được chỉ báo bằng biểu tượng trên máy quét.




4. Nhẹ nhàng đóng nắp máy lên.

# Sử dụng chức năng quét

## Các phương pháp quét

các tác vụ có thể được thực hiện theo các cách sau.

- Sử dụng máy Scan HP LaserJet (Windows) từ máy vi tính
- Sử dụng Trình chủ đạo HP (Macintosh). Xem [Quét từ sản phẩm và HP Director \(Trình Chủ Đạo HP\) \(Macintosh\) thuộc trang 41](#).
- Quét từ sản phẩm
- Quét theo quy chuẩn TWAIN hoặc phần mềm theo quy chuẩn Windows Imaging Application (WIA)

 **GHI CHÚ:** Để tìm hiểu và sử dụng phần mềm nhận dạng văn bản, cài đặt chương trình Readiris từ đĩa CD phần mềm. Phần mềm nhận dạng văn bản còn được hiểu là phần mềm nhận dạng ký tự quang học (OCR).

## Sử dụng HP LaserJet Scan (Windows) để quét


1. Trong nhóm chương trình HP , chọn **Scan** (Quét) để khởi động HP LaserJet Scan.

 **GHI CHÚ:** Bấm **Start Scan (Bắt đầu Quét)** trên bảng điều khiển của sản phẩm cũng khởi động HP LaserJet Scan.


2. Chọn hoạt động bạn muốn hoàn thành.

- Chọn nơi đến để bắt đầu ngay chức năng quét.
- Chọn **Scan after prompting me for settings** (Quét sau khi nhắc tôi cài đặt) để xác định các cài đặt khác trước khi bắt đầu quét tài liệu.
- Chọn **Set up the device** (Thiết lập thiết bị) để lập chương trình cho nút **Scan To (Quét Vào)** .

3. Nhấp **OK**.

 **GHI CHÚ:** **OK** chỉ báo hoạt động mà bạn muốn hoàn thành.

## Quét từ sản phẩm

 **GHI CHÚ:** Để sử dụng nút **Scan To (Quét Vào)** , bạn phải thực hiện cài đặt được khuyến nghị, và nút đó phải có nhóm nơi đến. Xem [Cài đặt nút Scan To \(Quét Vào\) sản phẩm thuộc trang 106](#).

Để sử dụng nút **Start Scan (Bắt đầu Quét)** , sản phẩm phải được nối với máy tính qua USB hoặc qua mạng.

Quét trực tiếp từ sản phẩm bằng cách sử dụng các nút quét trên bảng điều khiển. Bấm **Start Scan (Bắt đầu Quét)** hoặc **Scan To (Quét Vào)** để quét vào một thư mục (chỉ dành cho Windows) hoặc để quét vào e-mail.

## Quét bằng cách sử dụng phần mềm khác

Sản phẩm dựa theo quy chuẩn TWAIN và WIA). Sản phẩm hoạt động với các chương trình dựa trên Windows có hỗ trợ các thiết bị quét dựa theo quy chuẩn TWAIN hoặc WIA và với các chương trình dựa trên Macintosh có hỗ trợ các thiết bị quét dựa theo quy chuẩn TWAIN.

Trong khi bạn đang ở chương trình dựa theo quy chuẩn TWAIN hoặc WIA, bạn có thể truy cập vào tính năng quét và quét ảnh trực tiếp vào chương trình đang mở. Để biết thêm thông tin, xem tập tin Trợ giúp hoặc tài liệu được cung cấp kèm theo chương trình phần mềm dựa theo quy chuẩn TWAIN hoặc WIA.

### Quét từ chương trình dựa theo quy chuẩn TWAIN

Thông thường, một chương trình phần mềm dựa theo quy chuẩn TWAIN nếu chương trình đó có một lệnh như **Acquire** (Đạt được), **File Acquire** (Tập tin đạt được), **Scan** (Quét), **Import New Object** (Nhập Đối tượng mới), **Insert from** (Chèn từ) hoặc **Scanner** (Máy quét). Nếu bạn không chắc chương trình có dựa theo quy chuẩn hoặc bạn không biết lệnh được gọi là gì, hãy xem trong tài liệu hoặc phần Trợ giúp chương trình phần mềm.

Khi quét từ chương trình dựa theo quy chuẩn TWAIN, chương trình phần mềm HP LaserJet Scan có thể tự khởi động. Nếu chương trình HP LaserJet Scan khởi động, bạn có thể thực hiện thay đổi trong khi xem lại ảnh. Nếu chương trình không tự khởi động, ảnh sẽ vào ngay chương trình dựa theo quy chuẩn TWAIN.

Bắt đầu quét từ chương trình dựa theo quy chuẩn TWAIN. Xem phần Trợ giúp chương trình phần mềm hoặc tài liệu để biết thông tin về các lệnh và các bước sử dụng.

### Quét từ chương trình dựa theo quy chuẩn WIA (chỉ dành cho Windows XP và Vista)

WIA là một cách khác để quét hình ảnh trực tiếp vào một chương trình phần mềm, ví dụ như Microsoft Word. WIA sử dụng phần mềm Microsoft thay vì phần mềm HP LaserJet Scan để quét.

Thông thường, chương trình phần mềm dựa theo quy chuẩn WIA có một lệnh như **Picture/From Scanner or Camera** (Hình vẽ/Từ Máy quét hoặc Camera) trong menu Chèn hoặc Tập tin. Nếu bạn không chắc chương trình có dựa theo quy chuẩn WIA hay không, hãy xem tài liệu hoặc phần Trợ giúp chương trình phần mềm.

Bắt đầu quét từ trong chương trình dựa theo quy chuẩn WIA. Xem tài liệu hoặc phần Trợ giúp chương trình phần mềm để biết thông tin về các lệnh và các bước sử dụng.

**-hoặc-**

Trong thư mục Camera và Máy quét, nhấp đôi lên biểu tượng sản phẩm. Thao tác này sẽ mở Microsoft WIA Wizard chuẩn, cho phép bạn quét một tập tin.

### Sử dụng phần mềm nhận dạng ký tự quang học (OCR) để quét

Bạn có thể sử dụng phần mềm OCR của hãng thứ ba để nhập văn bản vào chương trình xử lý văn bản để chỉnh sửa.

### Readiris

Chương trình Readiris OCR nằm trong đĩa CD riêng được cung cấp kèm theo sản phẩm. Để sử dụng chương trình Readiris, hãy cài đặt chương trình này từ đĩa CD phần mềm tương ứng, và sau đó thực hiện theo các hướng dẫn trong phần Trợ giúp trực tuyến.

## Sử dụng tính năng Scan To (Quét Vào)

- Chức năng quét từ bảng điều khiển của sản phẩm chỉ được hỗ trợ khi bạn đã cài đặt phần mềm đầy đủ. HP ToolboxFX phải chạy để quét bằng cách sử dụng nút **Scan To (Quét Vào)** hoặc **Start Scan (Bắt đầu Quét)**.
- Để có chất lượng quét tốt nhất, đặt bản tài liệu gốc của bạn vào máy quét hình phẳng, không nạp tài liệu vào khay tự động nạp tài liệu (ADF).
- Máy tính nối với sản phẩm phải được bật.

## Cài đặt nút Scan To (Quét Vào) sản phẩm

Nơi đến phải được cài đặt trước để sử dụng nút **Scan To (Quét Vào)** trên bảng điều khiển. Sử dụng HP LaserJet Scan để lập chương trình cho thư mục, e-mail, và chương trình.

### Cài đặt nơi đến trên sản phẩm

1. Nhấp **Start** (Bắt đầu), nhấp **Programs** (Chương trình) (hoặc **All Programs** (Tất cả Chương trình) trong Windows XP), nhấp **HP**, nhấp vào sản phẩm, nhấp **Scan** (Quét), và sau đó nhấp **Setup** (Cài đặt).
2. Chọn **Change the destinations that show up on the all-in-one control panel** (Thay đổi nơi đến sẽ được hiển thị trên bảng điều khiển tất cả trong một).
3. Chọn **Allow me to scan by pressing the scan-to button on the MFP** (Cho phép tôi quét tài liệu bằng cách bấm nút quét-vào trên MFP).
4. Sản phẩm được cấu hình sẵn với ba nơi đến sau trong hộp thoại.
  - Quét tài liệu và đính kèm theo e-mail
  - Quét ảnh chụp và đính kèm theo e-mail
  - Quét ảnh chụp hoặc tài liệu và lưu lại dưới dạng tập tin
5. Tô sáng nơi đến và nhấp vào mũi tên để chuyển sang những nơi đến hiện có trong hộp thoại. Lặp lại cho tất cả ba nơi đến.
6. Nhấp **Update** (Cập nhật).

### Thêm nơi đến

1. Nhấp **Start** (Bắt đầu), nhấp **Programs** (Chương trình) (hoặc **All Programs** (Tất cả Chương trình) trong Windows XP), nhấp **HP**, nhấp vào sản phẩm, nhấp **Scan** (Quét), và sau đó nhấp **Setup** (Cài đặt).
2. Chọn **Create a new destination with settings that I specify** (Tạo một nơi đến mới với cài đặt mà tôi đã xác định).

3. Thực hiện một trong các bước sau:
  - Đối với các thư mục, chọn **Save it to my computer** (Lưu vào máy tính của tôi), và sau đó nhấp **Next** (Kế tiếp).
  - Đối với e-mail, chọn **Attach to a new e-mail** (Đính kèm theo e-mail mới), và sau đó nhấp **Next** (Kế tiếp).
  - Đối với các chương trình, chọn **Open it in another software application** (Mở trong một ứng dụng phần mềm khác), và sau đó nhấp **Next** (Kế tiếp).
4. Chọn độ phân giải ảnh quét, chế độ màu, và các thông số sắc độ màu, và sau đó nhấp vào **Next** (Tiếp theo).
5. Nhập tên cho tập tin nơi đến và kiểm tra để cài đặt nơi đến trên sản phẩm. Đặt tên cho nơi đến mặc định, và sau đó nhấp **Next** (Kế tiếp).
6. Chọn chất lượng và nhấp **Next** (Kế tiếp).
7. Xác định các lựa chọn và sau đó nhấp **Save** (Lưu).

### Xóa các nơi đến

1. Từ **Set up the <Scan To> list for the All-in-One** (Cài đặt danh sách <Quét đến> cho Tất-cả-trong-một), chọn một trong **Available Destinations on this PC** (Các nơi đến hiện có trong máy PC này) và nhấp **Delete** (Xóa). Hộp thoại **Delete Destination** (Xóa nơi đến) sẽ hiển thị.
2. Từ hộp thoại **Delete Destination** (Xóa nơi đến), tô sáng nơi đến cần xóa và nhấp **Next** (Kế tiếp). Hộp thoại **Confirmation** (Xác nhận) sẽ hiển thị.
3. Nhấp **Delete** (Xóa) để thực hiện việc xóa hoặc nhấp **Cancel** (Hủy) để chọn một nơi đến khác.


### Quét đến một tập tin, e-mail hoặc chương trình phần mềm

 **GHI CHÚ:** Để sử dụng tính năng này trong Windows, bạn phải lập chương trình cho nơi đến trong phần cài đặt quét trước khi thực hiện. Xem [Cài đặt nút Scan To \(Quét Vào\) sản phẩm thuộc trang 106](#).

1. Nạp tài liệu gốc cần quét có bề mặt hướng lên trên vào khay tự động nạp tài liệu, với phần đầu của tài liệu hướng về trước, và điều chỉnh đường dẫn giấy.
 

**- hoặc -**

Mở nắp đậy máy quét hình phẳng và nạp tài liệu gốc sẽ được quét sao cho mặt trên hướng xuống dưới máy quét hình phẳng với góc trên, bên trái của tài liệu nằm vào vị trí góc do biểu tượng trên máy quét biểu thị. Nhẹ nhàng đóng nắp máy.
2. Trên bảng điều khiển, bấm **Scan To (Quét Vào)**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn nơi đến của tập tin.
4. Bấm **Start Scan (Bắt đầu Quét)** hoặc **OK** để quét tài liệu sang một tập tin.

 **GHI CHÚ:** Chức năng quét sang e-mail được hỗ trợ bởi bất kỳ chương trình e-mail nào có hỗ trợ giao thức Giao diện Lập trình cho Ứng dụng Truyền Thông Điện (MAPI). Nhiều phiên bản của các chương trình e-mail thông dụng dựa theo quy chuẩn MAPI. Xem thông tin hỗ trợ dành cho chương trình e-mail của bạn để xác định xem chương trình đó có dựa theo quy chuẩn MAPI hay không.

## Đang hủy một lệnh quét

Để hủy một lệnh quét, sử dụng một trong các quy trình sau.

- Trên bảng điều khiển, bấm **Cancel (Hủy bỏ)**.
- Nhấp vào nút **Cancel (Hủy bỏ)** trong hộp thoại trên màn hình.

Nếu bạn hủy một lệnh quét, hãy lấy tài liệu gốc ra khỏi máy quét hình phẳng hoặc khay tự động nạp tài liệu (ADF).




# Cài đặt quét

## Định dạng tập tin

Định dạng tập tin của tài liệu hoặc ảnh chụp tùy thuộc vào kiểu quét cũng như đối tượng được quét.

- Việc quét một tài liệu hoặc ảnh chụp sang máy tính sẽ cho ra tập tin được lưu dưới dạng .TIF.
- Việc quét một tài liệu sang e-mail sẽ cho ra tập tin được lưu dưới dạng .PDF.
- Việc quét một ảnh chụp sang e-mail sẽ cho ra tập tin được lưu dưới dạng .JPEG.


 **GHI CHÚ:** Bạn có thể chọn các kiểu tập tin khác nhau khi sử dụng chương trình phần mềm máy quét.

## Độ phân giải và màu sắc của máy quét

Nếu bạn đang in một hình đã được quét và chất lượng hình không như bạn mong đợi, có thể bạn đã chọn độ phân giải hoặc cài đặt màu sắc trong phần mềm máy quét không đúng với nhu cầu của bạn. Độ phân giải và màu sắc ảnh hưởng đến các tính năng sau của hình đã quét:


- Độ sắc nét của hình
- Kết cấu phân cấp màu sắc (nhấn hoặc gò gề)
- Thời gian quét
- Kích thước tập tin

Độ phân giải quét được đo bằng pixel/inch (ppi).

 **GHI CHÚ:** Các mức quét ppi không thể trao đổi được với các mức in dpi (điểm/inch).

Màu sắc, sắc độ xám và đen trắng xác định số màu có thể thu được. Bạn có thể điều chỉnh độ phân giải phần cứng máy quét đến 1200 ppi. Phần mềm có thể thực hiện độ phân giải nâng cao đến 19.200 ppi. Bạn có thể cài màu sắc và sắc độ xám ở 1 bit (đen trắng), hoặc 8 bit (256 mức độ màu và xám) sang 24 bit (màu sắc trung thực).

Bảng hướng dẫn sử dụng độ phân giải và màu sắc liệt kê các mẹo đơn giản mà bạn có thể thực hiện để thu được ảnh theo ý muốn.

 **GHI CHÚ:** Cài đặt độ phân giải và màu sắc sang chế độ chất lượng cao có thể tạo ra các tập tin có dung lượng lớn chiếm hết khoảng trống của ổ đĩa và làm chậm tiến trình quét. Trước khi cài đặt độ phân giải và màu sắc, hãy xác định cách bạn muốn sử dụng hình ảnh quét.

**GHI CHÚ:** Để có độ phân giải tốt nhất dành cho ảnh màu và sắc độ xám, bạn nên quét ảnh từ máy quét hình phẳng hơn là từ khay tự động nạp tài liệu (ADF).

## Hướng dẫn sử dụng màu và độ phân giải

Bảng sau mô tả độ phân giải và cài đặt màu được khuyến nghị dành cho các kiểu lệnh quét khác nhau.

Sử dụng có mục đích	Độ phân giải được khuyến nghị	Cài đặt màu được khuyến nghị
Fax	150 ppi	• Đen và Trắng

Sử dụng có mục đích	Độ phân giải được khuyến nghị	Cài đặt màu được khuyến nghị
E-mail	150 ppi	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đen và Trắng, nếu hình ảnh không yêu cầu sự thay đổi về độ nhấn</li> <li>Sắc độ xám, nếu hình ảnh yêu cầu sự thay đổi về độ nhấn</li> <li>Màu, nếu hình ảnh có màu</li> </ul>
Sửa chữ	300 ppi	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đen và Trắng</li> </ul>
In (Đồ họa hoặc văn bản)	600 ppi dành cho đồ họa phức tạp, hoặc nếu bạn muốn phóng to tài liệu đáng kể	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đen và Trắng dành cho văn bản và đường mỹ thuật</li> </ul>
	300 ppi dành cho văn bản và đồ họa thường	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sắc độ xám dành cho đồ họa và ảnh chụp màu hoặc bóng</li> </ul>
	150 ppi dành cho ảnh chụp	<ul style="list-style-type: none"> <li>Màu, nếu ảnh có màu</li> </ul>
Hiển thị trên màn hình	75 ppi	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đen và Trắng dành cho văn bản</li> </ul>
		<ul style="list-style-type: none"> <li>Sắc độ xám dành cho đồ họa và ảnh chụp</li> </ul>
		<ul style="list-style-type: none"> <li>Màu, nếu ảnh có màu</li> </ul>

## Màu


Bạn có thể cài các giá trị màu cho các cài đặt sau đây khi quét.

Cài đặt	Sử dụng được khuyến nghị
Màu	Sử dụng cài đặt này để cài đặt màu cho các tài liệu hoặc ảnh màu chất lượng cao là điều quan trọng.
Đen và Trắng	Sử dụng cài đặt này cho các tài liệu văn bản.
Sắc độ xám	Sử dụng cài đặt này khi kích thước tập tin có vấn đề hoặc khi bạn muốn quét nhanh một tài liệu hoặc hình chụp.

## Chất lượng quét

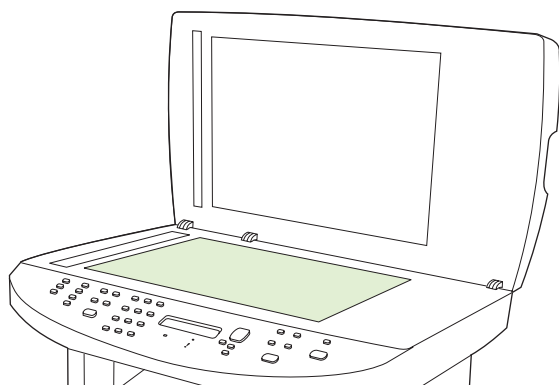
### Lau chùi tấm kính máy quét

Kiểm dơ, do dấu vân tay, vết ố, tóc, v.v... sẽ làm giảm hiệu suất và ảnh hưởng đến độ chính xác của các tính năng đặc biệt như vừa trang in hoặc sao chép chẳng hạn.

 **GHI CHÚ:** Nếu các vết ngang, dọc hoặc các lỗi khác chỉ xuất hiện trên các bản sao được sao ra từ khay tự động nạp tài liệu (ADF), hãy lau chùi nắp đậy máy quét (step 3). Không cần thiết phải lau chùi tấm kính máy quét.

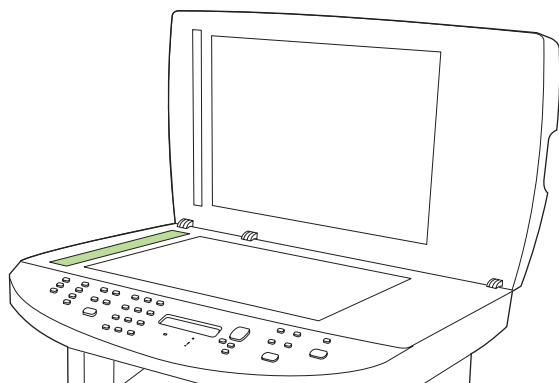
1. Tắt sản phẩm, tháo dây dẫn ra khỏi ổ cắm điện và gỡ nắp đậy ra.

2. Sử dụng miếng bọt xốp hoặc vải mềm đã được làm ẩm với chất tẩy rửa kính không ăn mòn để lau chùi kính.



△ **THẬN TRỌNG:** Không sử dụng chất ăn mòn, acetol, benzen, amoniac, cồn êtylin, hoặc carbon tetrachloride lên bất kỳ bộ phận nào của sản phẩm; những chất này có thể làm hỏng sản phẩm. Không đặt các chất lỏng trực tiếp lên bề mặt kính. Các chất này sẽ thấm vào và gây hư hỏng sản phẩm.

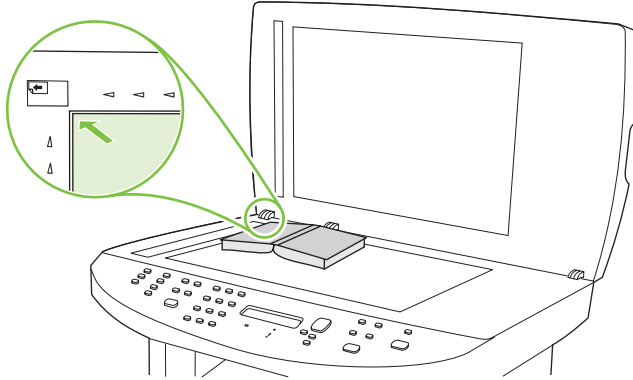
3. Sử dụng miếng bọt xốp hoặc vải mềm đã được làm ẩm với chất tẩy rửa kính không ăn mòn để lau chùi dải máy quét.



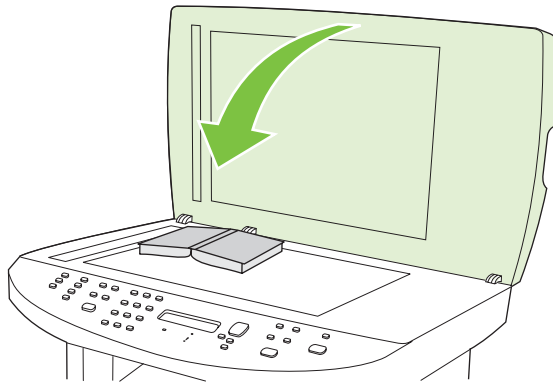
4. Để ngăn không bị các vết ố, sử dụng miếng bọt xốp hoặc da dê để làm khô tấm kính.

## Quét một quyền sách

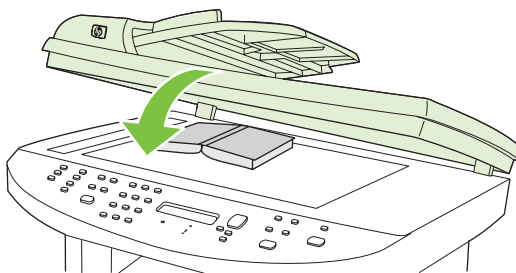
1. Nâng nắp đậy lên và đặt sách vào máy quét hình phẳng sao cho trang mà bạn muốn sao chép ở vào vị trí góc do biểu tượng trên máy quét biểu thị.



2. Nhẹ nhàng đóng nắp máy lên.



3. Nhẹ nhàng nhấn vào nắp đậy để ấn sách lên bề mặt phẳng của máy quét hình phẳng.

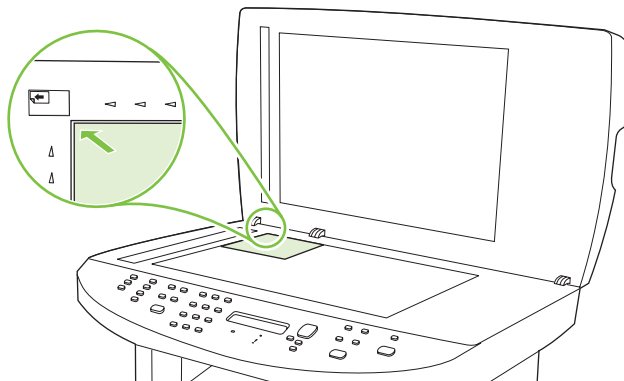


△ **THẬN TRỌNG:** Việc ấn quá mạnh vào nắp máy quét hình phẳng có thể làm gãy các bản lề của nắp máy.

4. Sử dụng một trong các phương pháp quét để quét quyền sách.

## Quét ảnh chụp

1. Đặt ảnh chụp vào máy quét hình phẳng với mặt có hình hướng xuống phía dưới và góc trên bên trái của ảnh nằm vào vị trí góc như biểu tượng trên máy quét biểu thị.



2. Nhẹ nhàng đóng nắp máy lên.
3. Sử dụng một trong các phương pháp quét để quét ảnh chụp.




---

# 10 Fax

- [Các tính năng fax](#)
- [Cài đặt](#)
- [Thay đổi cài đặt fax](#)
- [Dùng fax](#)
- [Giải quyết sự cố khi fax](#)

---

 **GHI CHÚ:** Nhiều chức năng được mô tả trong chương này cũng có thể được thực hiện bằng cách sử dụng HP ToolboxFX hoặc máy chủ Web nhúng. Để biết thêm thông tin, xem phần HP ToolboxFX Trợ Giúp trực tuyến hoặc [Máy chủ Web nhúng thuộc trang 176](#).

---


Để biết thông tin về bộ điều chỉnh fax trên bảng điều khiển, xem phần [Bảng điều khiển thuộc trang 9](#).

## Các tính năng fax

Sản phẩm có các tính năng fax sau, có trên bảng điều khiển hoặc trong phần mềm sản phẩm.

- Trình Hướng Dẫn Thiết Lập Fax để cấu hình fax dễ dàng
- Fax analog giấy thường với khay tự động nạp tài liệu (ADF) 50 trang và khay giấy ra đạt dung lượng lên đến 125 trang
- Danh bạ 120 mục và 12 mục quay số nhanh trên bảng điều khiển
- Tự động quay số lại
- Khả năng lưu trữ kỹ thuật số lên đến 300 trang fax
- Chuyển tiếp fax
- Hoãn việc gửi fax
- Các tính năng chuông: Cấu hình các kiểu chuông dùng để tương thích với loại chuông đặc trưng và chuông trả lời (dịch vụ bắt buộc đăng ký qua công ty viễn thông địa phương)
- Báo cáo xác nhận fax
- Khóa fax quảng cáo
- Bảo mật fax
- Chương trình phần mềm fax có chứa sẵn tám mẫu trang bìa

---

 **GHI CHÚ:** Không phải tất cả các tính năng đều được liệt kê. Có thể cần phải cài đặt phần mềm sản phẩm cho một số tính năng hiện có.

---



# Cài đặt



## Cài đặt và kết nối phần cứng

### Kết nối với một đường dây điện thoại

Sản phẩm là thiết bị analog. HP khuyến cáo sử dụng sản phẩm với đường dây điện thoại analog chuyên dụng. Để biết thông tin về việc sử dụng sản phẩm với các môi trường điện thoại khác, xem phần [Dùng fax trên hệ thống DSL, PBX, ISDN, hoặc VoIP thuộc trang 139](#).

### Kết nối với các thiết bị khác

Sản phẩm có hai cổng fax:

- Cổng “ra” (  ), nối sản phẩm với đầu cắm điện thoại trên tường.
- Cổng “điện thoại” (  ), nối sản phẩm với các thiết bị khác.

Các điện thoại được sử dụng để liên kết với sản phẩm có thể được thực hiện theo hai cách:

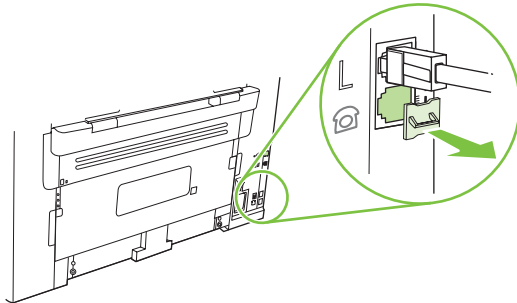
- Điện thoại nhánh là điện thoại được cắm vào cùng đường dây điện thoại tại một vị trí khác.
- Điện thoại kết nối tải về là điện thoại được cắm vào sản phẩm hoặc vào một thiết bị và thiết bị này được cắm vào sản phẩm.


Kết nối các thiết bị khác theo thứ tự như được mô tả trong các bước sau. Cổng ra cho từng thiết bị được nối với cổng vào của phần kế tiếp, tạo thành “chuỗi”. Nếu bạn không muốn kết nối với thiết bị riêng, chuyển qua bước có giải thích điều này và tiếp tục sang thiết bị kế tiếp.

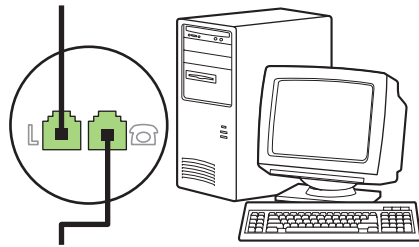
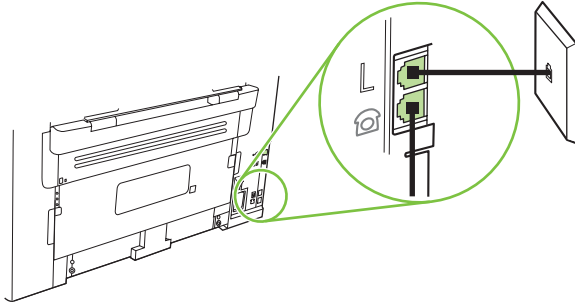
 **GHI CHÚ:** Không kết nối nhiều hơn ba thiết bị vào đường dây điện thoại.


**GHI CHÚ:** Sản phẩm này không hỗ trợ chức năng thư thoại.

1. Tháo phích cắm các dây cắm điện nguồn cho tất cả các thiết bị mà bạn muốn kết nối.
2. Nếu sản phẩm chưa được kết nối với đường dây điện thoại, xem hướng dẫn bắt đầu sử dụng trước khi tiến hành. Sản phẩm đã sẵn sàng kết nối với đầu cắm điện thoại.
3. Tháo miếng nhựa ra khỏi cổng “điện thoại” (cổng được đánh dấu bằng biểu tượng điện thoại).

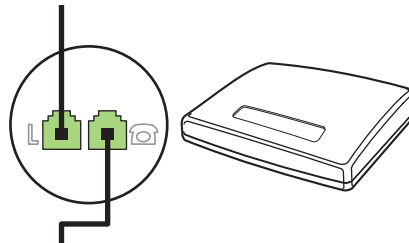


4. Để kết nối với modem nội bộ hoặc ngoại vi trên máy tính, cắm một đầu dây điện thoại vào cổng “điện thoại” của sản phẩm (  ). Cắm đầu kia của dây điện thoại vào cổng “đường dây điện thoại” của modem.

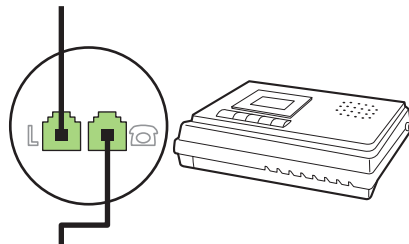


 **GHI CHÚ:** Một số modem có cổng “đường dây điện thoại” thứ hai để kết nối với đường dây thoại chuyên dụng. Nếu bạn có hai cổng “đường dây điện thoại”, xem tài liệu về modem của bạn để chắc chắn bạn kết nối với cổng “đường dây điện thoại” đúng.

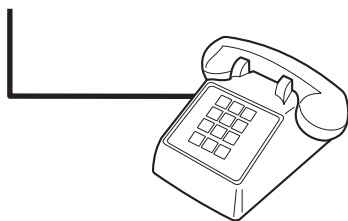
5. Để kết nối với hộp ID người gọi, cắm dây điện thoại vào cổng “điện thoại” của thiết bị trước. Cắm đầu kia của dây điện thoại vào cổng “đường dây điện thoại” hộp ID người gọi.



6. Để kết nối với máy trả lời, cắm dây điện thoại vào cổng “điện thoại” của thiết bị trước. Cắm đầu kia của dây điện thoại vào cổng “đường dây điện thoại” của máy trả lời.



- Để kết nối với điện thoại, cắm dây điện thoại vào cổng “điện thoại” của thiết bị trước. Cắm đầu kia của dây điện thoại vào cổng “đường dây điện thoại” của điện thoại.



- Sau khi bạn đã hoàn tất kết nối với các thiết bị khác, cắm tất cả các thiết bị vào nguồn điện.

### Thiết lập fax với máy trả lời điện thoại

- Cài số lần đổ chuông trả lời của sản phẩm nhiều hơn tối thiểu một lần so với số lần đổ chuông đã cài cho máy trả lời tự động.
- Nếu máy trả lời được nối với cùng đường dây điện thoại nhưng trên một đầu cắm khác (ví dụ như trong một phòng khác), máy có thể gây trở ngại cho việc nhận các bản fax của sản phẩm.

### Thiết lập cho máy fax đơn lẻ

- Mở gói và thiết lập sản phẩm.
- Cài thời gian, ngày tháng và tiêu đề fax. Xem . [Cấu hình cài đặt fax thuộc trang 119](#).
- Cài các cài đặt cần thiết khác để cấu hình môi trường sản phẩm.

### Cấu hình cài đặt fax

Các cài đặt sản phẩm có thể được cài từ bảng điều khiển, từ HP ToolboxFX, hoặc từ máy chủ Web nhúng. Trong quy trình thiết lập ban đầu, bạn có thể sử dụng Trình Hướng Dẫn Thiết Lập Fax HP để cấu hình cài đặt.

Tại Mỹ và nhiều quốc gia/vùng lãnh thổ khác, việc cài đặt thời gian, ngày tháng và các thông tin tiêu đề fax khác là yêu cầu pháp lý bắt buộc.


### Sử dụng bảng điều khiển để cài thời gian, ngày tháng và tiêu đề fax

Để sử dụng bảng điều khiển để thiết lập ngày tháng, thời gian và tiêu đề, hoàn tất các bước sau:

- Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
- Sử dụng các nút mũi tên để chọn **System setup (Cài đặt hệ thống)**, sau đó bấm **OK**.
- Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Time/Date**(Thời gian/Ngày tháng). Bấm **OK**.
- Sử dụng các nút mũi tên để chọn kiểu đồng hồ 12 giờ hoặc 24 giờ, sau đó bấm **OK**.
- Sử dụng các nút chữ số để nhập vào thời gian hiện tại.

6. Hoàn tất một trong các bước sau:
  - Đối với kiểu đồng hồ 12 giờ, sử dụng các nút mũi tên để chuyển qua ký tự thứ tư. Chọn **1** cho a.m. hoặc **2** cho p.m. Bấm **OK**.
  - Đối với kiểu đồng hồ 24 giờ, bấm **OK**.
7. Sử dụng các nút chữ số để nhập vào ngày tháng hiện tại. Sử dụng hai chữ số để định tháng, ngày và năm. Bấm **OK**.
8. Quay về menu chính, dùng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, và sau đó bấm **OK**.
9. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Header (Tiêu Đề Fax)**, sau đó bấm **OK**.
10. Sử dụng các nút chữ số để nhập số fax và tên hoặc tiêu đề công ty của bạn, sau đó bấm **OK**.

---

 **GHI CHÚ:** Số ký tự tối đa cho số fax là 20; sử dụng lên đến 25 ký tự cho tên công ty.

---

## Sử dụng Trình Hướng Dẫn Cài Đặt Fax HP để cài thời gian, ngày tháng và tiêu đề fax


Nếu bạn đã hoàn tất việc cài đặt phần mềm, bạn đã sẵn sàng gửi các bản fax từ máy tính của bạn. Nếu bạn chưa hoàn tất quy trình thiết lập fax ngay khi bạn cài đặt xong phần mềm, bạn có thể hoàn tất quy trình này bất kỳ lúc nào bằng cách sử dụng Trình Hướng Dẫn Cài Đặt Fax.

1. Nhấp **Start (Bắt đầu)**, sau đó nhấp vào **Programs (Chương trình)**.
2. Nhấp **HP**, nhấp vào tên của sản phẩm, sau đó nhấp vào **HP Fax Setup Wizard (Trình Hướng Dẫn Cài Đặt Fax HP)**.
3. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình trong Trình Hướng Dẫn Cài Đặt Fax HP để cài thời gian, ngày tháng và tiêu đề fax, cũng như một số cài đặt khác.

## Sử dụng các chữ địa phương hóa phổ biến trên các tiêu đề fax

Khi sử dụng bảng điều khiển để nhập tên của bạn vào tiêu đề hoặc để nhập tên cho phím công tắc, mục quay số nhanh, hoặc mục quay số nhóm, bấm nút chữ số tương ứng liên tục cho đến khi chữ bạn cần hiển thị. Sau đó, bấm phím mũi tên lên để chọn chữ đó và chuyển đến khoảng trống kế tiếp. Bảng sau cho biết các chữ và số hiển thị trên từng nút chữ số.


1	1
2	A B C a b c 2
3	D E F d e f 3
4	G H I g h i 4
5	J K L j k l 5
6	M N O m n o 6
7	P Q R S p q r s 7
8	T U V t u v 8
9	W X Y Z w x y z 9
0	0
*	( ) + - . / , " * & @ R W
#	space # ,

 **GHI CHÚ:** Dùng nút mũi tên lên để di chuyển con trỏ trên bảng điều khiển và dùng nút mũi tên xuống để xóa ký tự.


## Quản lý danh bạ

Bạn có thể lưu trữ các số fax hoặc các nhóm số fax đã gọi thường xuyên làm các mục quay số nhanh hoặc các mục quay số nhóm.

Trong danh bạ sản phẩm, tổng cộng có 120 mục dành cho các mục quay số nhanh và quay-số-nhóm. Ví dụ, nếu bạn muốn lập trình 100 mục quay số nhanh, thì 20 mục còn lại sẽ được dùng cho quay-số-nhóm.

 **GHI CHÚ:** Bạn có thể lập trình các mục quay số nhanh và các mục quay-số-nhóm dễ dàng hơn từ HP ToolboxFX hoặc từ máy chủ Web nhúng. Để biết thêm thông tin, xem phần HP ToolboxFX Trợ Giúp trực tuyến hoặc [Máy chủ Web nhúng thuộc trang 176](#).

## Sử dụng dữ liệu danh bạ từ các chương trình khác

 **GHI CHÚ:** Trước khi có thể nhập danh bạ từ một chương trình khác, bạn phải sử dụng tính năng xuất trong chương trình khác đó.

HP ToolboxFX có thể nhập thông tin liên lạc từ các danh bạ chương trình phần mềm khác. Bảng sau sẽ cho biết các chương trình nào sẽ được hỗ trợ cho HP ToolboxFX.

Chương trình	Mô tả
Microsoft Outlook	<p>Các mục Số Địa Chỉ Cá Nhân (PAB), các mục Số Liên Lạc hoặc kết hợp cả hai có thể được chọn. Các cá thể và các nhóm từ PAB sẽ chỉ được kết hợp với các cá nhân từ Số Liên Lạc khi tùy chọn kết hợp được chọn.</p> <p>Nếu mục Số Liên Lạc có cả số fax nhà và số fax cơ quan, cả hai mục này sẽ được hiển thị. "tên" của cả hai mục này sẽ được sửa đổi. ":(B)" sẽ được thêm vào tên trong mục cơ quan và ":(H)" sẽ được thêm vào tên trong mục nhà.</p> <p>Nếu có hai mục giống hệt nhau xảy ra (một từ Các Số Liên Lạc và một từ PAB với cùng tên và số fax), một mục đơn sẽ hiển thị. Tuy nhiên, nếu mục tồn tại trong PAB giống hệt với mục trong Các</p>

Chương trình	Mô tả
	Số Liên Lạc, và mục Các Số Liên Lạc có cả hai số fax nhà và cơ quan, tất cả ba mục này sẽ hiển thị.
Sổ Địa Chỉ Windows	Sổ Địa Chỉ Windows (WAB), được sử dụng trong Outlook Express và Internet Explorer, sẽ được hỗ trợ. Nếu một cá nhân có cả số fax nhà và số fax cơ quan, cả hai mục này sẽ được hiển thị. "tên" của cả hai mục này sẽ được sửa đổi. ":(B)" sẽ được thêm vào tên trong mục cơ quan và ":(H)" sẽ được thêm vào tên trong mục nhà.
Goldmine	Goldmine phiên bản 4.0 sẽ được hỗ trợ. HP ToolboxFX sẽ nhập file được Goldmine sử dụng mới nhất.
Symantec Act!	Act! phiên bản 4.0 và 2000 được hỗ trợ. HP ToolboxFX sẽ nhập cơ sở dữ liệu được Act! sử dụng mới nhất.

Hoàn tất các bước sau để nhập danh bạ:

1. Mở HP ToolboxFX.
2. Nhấp **Fax**, sau đó nhấp vào **Fax Phone Book** (Danh Bạ Fax).
3. Duyệt danh bạ chương trình, sau đó nhấp vào **Import** (Nhập).

## Xóa danh bạ

Bạn có thể xóa tất cả các mục quay số nhanh và quay-số-nhóm được lập trình trong sản phẩm.

△ **THẬN TRỌNG:** Sau khi các mục quay số nhanh và quay-số-nhóm bị xóa, các mục này không thể được phục hồi.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Bấm **OK** để chọn **Phone Book (Sổ Điện thoại)**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Delete All (Xóa Tất Cả)**, sau đó bấm **OK**.
5. Bấm **OK** để xác nhận việc xóa.

## Các tùy chọn và các biểu tượng quay số đặc biệt


Bạn có thể chèn các nút tạm dừng vào một số fax mà bạn đang quay số hoặc lập trình cho phím công-tắc, mục quay-số-nhanh hoặc mục quay-số-nhóm. Chức năng tạm dừng thường được cần đến khi quay số quốc tế hoặc kết nối với đường dây điện thoại bên ngoài.

- **Chèn tạm dừng quay số:** Bấm **# (Pause)** (Tạm dừng) liên tục cho đến khi một dấu phẩy (,) xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển, cho biết việc tạm dừng sẽ xảy ra tại điểm đó trong trình tự quay số.
- **Chèn tạm dừng cho âm quay số:** Bấm **\* (Symbols)** (Các biểu tượng) liên tục cho đến khi ký tự **W** xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển để sản phẩm chờ âm quay số trước khi quay các số còn lại của số điện thoại.
- **Chèn đèn nháy:** Bấm **\* (Symbols)** (Các biểu tượng) liên tục cho đến khi ký tự **R** xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển để sản phẩm nháy đèn.

## Quản lý các mục quay số nhanh


### Tạo và sửa đổi các mục quay số nhanh

Các mục quay số nhanh từ 1 đến 12 cũng được liên kết với các phím công tắc tương ứng trên bảng điều khiển. Các phím công tắc có thể được sử dụng cho các mục quay số nhanh hoặc các mục quay số nhóm. Bạn có thể nhập tối đa 50 ký tự cho một số fax.


 **GHI CHÚ:** Để truy cập đến tất cả các mục quay số nhanh, bạn phải sử dụng nút **Shift**. Các mục quay số nhanh từ 7 đến 12 đều có sẵn bằng cách bấm **Shift** và được liên kết với phím công tắc trên bảng điều khiển.

Hoàn tất các bước sau để lập trình các mục quay số nhanh từ bảng điều khiển:

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Bấm **OK** để chọn **Phone Book (Sổ Điện thoại)**.
4. Bấm **OK** để chọn **Individual Setup (Cài đặt Riêng)**.
5. Bấm **OK** để chọn **Add (Thêm)**.
6. Sử dụng các nút chữ số để xác định số mục quay số nhanh mà bạn muốn liên kết với số fax này, sau đó bấm **OK**. Việc chọn một số từ 1 đến 12 cũng liên kết số fax với phím công tắc tương ứng.
7. Sử dụng các nút chữ số để nhập vào số fax. Bao gồm bất kỳ nút tạm dừng hoặc các số cần thiết khác, ví dụ như mã vùng, mã truy cập cho các số bên ngoài hệ thống PBX (thường là 9 hoặc 0), hoặc mã số đầu dài.

 **GHI CHÚ:** Khi đang nhập số fax, bấm **Pause (Tạm dừng)** cho đến khi dấu phẩy (,) xuất hiện nếu bạn muốn chèn dấu tạm dừng vào chuỗi quay số, hoặc bấm \* cho đến khi chữ **W** xuất hiện nếu bạn muốn sản phẩm chờ âm quay số.

8. Bấm **OK**.
9. Sử dụng các nút chữ số để nhập tên cho số fax. Để thực hiện, bấm liên tục nút chữ số cho chữ bạn cần cho đến khi chữ đó xuất hiện. (Để biết danh sách các ký tự, xem [Sử dụng các chữ địa phương hóa phổ biến trên các tiêu đề fax thuộc trang 120.](#))

 **GHI CHÚ:** Để chèn dấu câu, bấm nút sao (\*) liên tục cho đến khi ký tự bạn muốn xuất hiện, sau đó bấm nút mũi tên lên để sang khoảng trống kế tiếp.

10. Bấm **OK** để lưu lại thông tin.
11. Nếu bạn muốn lập trình nhiều mục quay số nhanh, lặp lại các bước từ 1 đến 10.

### Xóa các mục quay số nhanh

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Bấm **OK** để chọn **Phone Book (Sổ Điện thoại)**.
4. Bấm **OK** để chọn **Individual setup (Cài đặt Riêng)**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Delete (Xóa)**, rồi bấm **OK**.

6. Sử dụng các nút chữ số để nhập số của mục quay-số-nhanh mà bạn muốn xóa, sau đó bấm **OK**.
7. Bấm **OK** để xác nhận việc xóa.

## Quản lý các mục quay-số-nhóm

### Tạo và sửa đổi các mục quay-số-nhóm

1. Gán mục quay-số-nhanh cho từng số fax bạn muốn trong nhóm. (Để được hướng dẫn, xem phần [Tạo và sửa đổi các mục quay số nhanh thuộc trang 123.](#))
2. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Bấm **OK** để chọn **Phone Book (Sổ Điện thoại)**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Group setup (Cài đặt nhóm)**, sau đó bấm **OK**.
6. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Add/Edit group (Thêm/Sửa đổi nhóm)**, sau đó bấm **OK**.
7. Sử dụng các nút chữ số để nhập số mà bạn muốn liên kết với nhóm này, sau đó bấm **OK**. Chọn các số từ 1 đến 12 cũng có liên kết với nhóm bằng phím công tắc tương ứng.
8. Sử dụng các nút chữ số để nhập tên cho nhóm, sau đó bấm **OK**.
9. Bấm phím công-tắc, sau đó bấm **OK** một lần nữa để xác nhận việc thêm vào. Lặp lại bước này cho từng thành viên nhóm mà bạn muốn thêm vào.

- hoặc -

Chọn **Phone Book (Sổ Điện thoại)**, sau đó chọn mục quay-số-nhanh cho thành viên nhóm mà bạn muốn thêm vào. Bấm **OK** để xác nhận việc thêm vào. Lặp lại bước này cho từng thành viên nhóm mà bạn muốn thêm vào.

10. Khi bạn đã thực hiện xong, bấm **OK**.
11. Nếu bạn có nhiều mục quay-số-nhóm cần gán, bấm **OK**, sau đó lặp lại các bước từ 1 đến 10.

### Xóa các mục quay-số-nhóm

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Bấm **OK** để chọn **Phone Book (Sổ Điện thoại)**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Group setup (Cài đặt nhóm)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Delete group (Xóa nhóm)**, sau đó bấm **OK**.
6. Sử dụng các nút chữ số, nhập số của mục quay-số-nhóm mà bạn muốn xóa, sau đó bấm **OK**.
7. Bấm **OK** để xác nhận việc xóa.




## Xóa một cá thể trong mục quay-số-nhóm

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↶).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Bấm **OK** để chọn **Phone Book (Sổ Điện thoại)**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Group setup (Cài đặt nhóm)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Del. # in group (Xóa # trong nhóm)**, sau đó bấm **OK**.
6. Sử dụng các nút mũi tên để chọn một cá thể mà bạn muốn xóa khỏi nhóm.
7. Bấm **OK** để xác nhận việc xóa.
8. Lặp lại các bước 6 và 7 để xóa các cá thể khác khỏi nhóm.

- hoặc -

Bấm **Cancel (Hủy bỏ)** khi bạn thực hiện xong.

---

 **GHI CHÚ:** Việc xóa một mục quay-số-nhanh đồng thời cũng xóa mục này trong bất kỳ mục quay-số-nhóm có chứa mục quay-số-nhanh đó.

---

## Cài kiểm soát vòng fax

Nếu một người nào đó đã thiết lập kiểm soát vòng fax, bạn có thể yêu cầu gửi bản fax đó đến sản phẩm của bạn. (Điều này có thể hiểu là kiểm soát một máy fax khác).

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↶).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax functions (Các chức năng fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Polling receive (Chờ nhận)**, sau đó bấm **OK**.


Thiết bị sẽ quay số đến máy fax khác và yêu cầu bản fax.

## Bảo mật

Sản phẩm có một mật khẩu để hạn chế truy cập đến nhiều tính năng và thông số mặc định trong khi đang thực hiện các chức năng cơ bản.

Có thể sử dụng chức năng nhận riêng để lưu các bản fax trên sản phẩm cho đến khi bạn in các bản fax này.

---

 **GHI CHÚ:** Bạn có thể cài một mật khẩu bằng bảng điều khiển, HP ToolboxFX, hoặc qua máy chủ Web nhúng.

---

## Bật bảo vệ mật khẩu

Để thiết lập mật khẩu bảo mật sản phẩm, hoàn tất các bước sau:


1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↶).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **System setup (Cài đặt hệ thống)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Product security (Bảo mật sản phẩm)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)**, sau đó bấm **OK**.

5. Sử dụng các nút chữ số để nhập mật khẩu sản phẩm, sau đó bấm **OK**.
6. Để xác nhận mật khẩu sản phẩm, sử dụng các nút chữ số để nhập lại mật khẩu, sau đó bấm **OK**.

## Bật tính năng nhận riêng

Tính năng bảo vệ mật khẩu phải được bật trước khi kích hoạt tính năng nhận riêng.

---

 **GHI CHÚ:** Việc bật tính năng nhận riêng sẽ xóa các bản fax nhận được đã lưu trong bộ nhớ fax.

---

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Recv. setup (Cài đặt nhận fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Private Receive (Nhận Riêng)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)**, sau đó bấm **OK**.
6. Sử dụng các nút chữ số để nhập mật khẩu bảo mật sản phẩm, sau đó bấm **OK**.
7. Để xác nhận mật khẩu bảo mật sản phẩm, sử dụng các nút chữ số để nhập lại mật khẩu bảo mật sản phẩm, sau đó bấm **OK**.

# Thay đổi cài đặt fax

## Cài đặt âm lượng

Điều chỉnh âm lượng fax từ bảng điều khiển. Bạn có thể thực hiện các thay đổi cho các âm thanh sau:

- Các âm thanh fax có liên quan đến các bản fax đến và đi
- Chuông cho các bản fax đến

Cài đặt mặc định gốc cho âm lượng fax là **Soft** (Êm dịu).

## Cài âm lượng fax (màn hình đường dây điện thoại)

Hoàn tất các bước sau để thay đổi âm lượng fax.

1. Bấm **Volume** (Âm lượng) trên bảng điều khiển.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Off (Tắt)**, **Soft** (Êm dịu), **Medium** (Trung), hoặc **Loud** (To).
3. Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.

## Cài âm lượng chuông

Khi sản phẩm nhận một cuộc gọi đầu tiên, bạn có thể nghe thấy âm báo chuông. Độ dài chuông tùy thuộc vào độ dài chuông mẫu của công ty điện thoại địa phương. Cài đặt mặc định gốc cho âm lượng chuông là **Soft** (Êm dịu).

1. Bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **System setup (Cài đặt hệ thống)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Volume settings** (Thông số âm lượng), sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Ring volume** (Âm lượng chuông), sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Off (Tắt)**, **Soft** (Êm dịu), **Medium** (Trung), hoặc **Loud** (To).
6. Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.

## Gửi cài đặt fax

### Cài mã số đầu

Mã số đầu là một số hoặc một nhóm các số sẽ được tự động thêm vào đầu của mỗi số fax mà bạn nhập từ bảng điều khiển hoặc từ phần mềm. Số ký tự tối đa cho mã số đầu là 50.

Cài đặt mặc định là **Off (Tắt)**. Bạn có thể bật cài đặt này và nhập mã số đầu, ví dụ bạn quay một số như số 9 chẳng hạn để nhận một số điện thoại bên ngoài hệ thống điện thoại công ty của bạn. Trong khi cài đặt này được kích hoạt, bạn có thể quay một số fax mà không cần phải quay mã số đầu bằng cách quay số theo cách thủ công. Để được hướng dẫn, xem phần [Gửi fax bằng cách quay số theo cách thủ công thuộc trang 142](#).

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Send setup (Cài đặt Gửi Fax)**, sau đó bấm **OK**.

4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Dial Prefix** (Quay số Tiền tố), sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, sau đó bấm **OK**.
6. Nếu bạn đã chọn **On (Bật)**, sử dụng các nút chữ số để nhập mã số đầu, sau đó bấm **OK**. Bạn có thể sử dụng các số, tạm dừng và các biểu tượng quay số.

## Cài dò tìm âm quay số

Thông thường, sản phẩm sẽ bắt đầu quay một số fax ngay. Nếu bạn đang sử dụng sản phẩm trên cùng đường dây với điện thoại, bật cài đặt dò tìm âm quay số. Thao tác này sẽ ngăn sản phẩm không gửi bản fax khi có người sử dụng điện thoại.

Cài đặt mặc định gốc dò tìm âm quay số **On (Bật)** dành cho Pháp và Hungary, và **Off (Tắt)** cho tất cả các quốc gia/vùng lãnh thổ khác.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Send setup (Cài đặt Gửi Fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Detect dial tone** (Dò tìm âm quay số), sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, sau đó bấm **OK**.

## Cài chế độ tự quay số lại

Nếu sản phẩm không thể gửi bản fax do máy fax nhận không trả lời hoặc bận, sản phẩm sẽ thử quay số lại dựa trên các tùy chọn quay-số-lại-khi-máy-bận, quay-số-lại-khi-không-trả-lời, và quay-số-lại-do-lỗi-truyền-tín-hiệu. Sử dụng các quy trình trong phần này để bật hoặc tắt các tùy chọn này.

### Cài tùy chọn quay-số-lại-khi-máy-bận

Nếu tùy chọn này được bật, sản phẩm sẽ tự động quay số lại khi nhận được tín hiệu bận. Cài đặt mặc định gốc cho tùy chọn quay-số-lại-khi-máy-bận là **On (Bật)**.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Send setup (Cài đặt Gửi Fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Redial if busy** (Quay số lại nếu máy bận), sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, sau đó bấm **OK**.

### Cài tùy chọn quay-số-lại-khi-không-trả-lời

Nếu tùy chọn này được bật, sản phẩm sẽ tự động quay số lại khi máy nhận không trả lời. Cài đặt mặc định gốc cho tùy chọn quay-số-lại-khi-không-trả-lời là **Off (Tắt)**.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Send setup (Cài đặt Gửi Fax)**, sau đó bấm **OK**.

- Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Redial-no answer** (Quay số lại nếu không trả lời), sau đó bấm **OK**.
- Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, sau đó bấm **OK**.

### Cài tùy chọn gọi-lại-do-lỗi-truyền-tín-hiệu

Nếu tùy chọn này được bật, sản phẩm sẽ tự động quay số lại nếu có lỗi truyền tín hiệu. Cài đặt mặc định gốc cho tùy chọn gọi-lại-do-lỗi-truyền-tín-hiệu là **On (Bật)**.

- Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↶).
- Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
- Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Send setup (Cài đặt Gửi Fax)**, sau đó bấm **OK**.
- Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Redial Comm Err.** (Quay số lại nếu Bị lỗi Truyền tín hiệu), sau đó bấm **OK**.
- Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, sau đó bấm **OK**.

### Cài độ sáng/tối và độ phân giải


#### Cài cài đặt độ sáng/tối (độ tương phản) mặc định

Độ tương phản ảnh hưởng đến độ sáng và độ tối của bản fax đi khi được gửi.

Cài đặt độ sáng/tối mặc định là độ tương phản thường được áp dụng cho các mục sẽ được fax đi. Con trượt được cài vào giữa làm cài đặt mặc định.

- Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↶).
- Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
- Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Send setup (Cài đặt Gửi Fax)**, sau đó bấm **OK**.
- Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Def. Light/dark** (Độ sáng/tối mặc định), sau đó bấm **OK**.
- Sử dụng nút **<** để di chuyển con trượt sang trái để tạo cho bản fax có độ sáng hơn bản gốc, hoặc sử dụng nút **>** để di chuyển con trượt sang phải để tạo cho bản fax có độ tối hơn bản gốc.
- Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.

#### Cài đặt độ tương phản

 **GHI CHÚ:** Việc tăng độ phân giải sẽ làm tăng kích cỡ bản fax. Các bản fax khổ rộng hơn sẽ làm tăng thời gian gửi và có thể vượt quá dung lượng bộ nhớ hiện có trong sản phẩm.

Thông số độ phân giải mặc định gốc là **Standard** (Chuẩn).

Sử dụng quy trình này để thay đổi độ phân giải mặc định cho tất cả các bản fax bằng một trong các cài đặt sau:

- Chuẩn:** Cài đặt này cung cấp chất lượng thấp nhất nhưng thời gian truyền nhanh nhất.
- Mịn:** Cài đặt này cung cấp chất lượng độ phân giải cao hơn cài đặt **Chuẩn** thích hợp cho các tài liệu văn bản.


- **Siêu mịn:** Cài đặt này được sử dụng tốt nhất cho các tài liệu vừa có văn bản vừa có hình ảnh. Thời gian truyền ngắn hơn cài đặt **Mịn** nhưng nhanh hơn cài đặt **Ảnh**.
- **Ảnh:** Cài đặt này cho chất lượng hình ảnh tốt nhất nhưng sẽ làm tăng thời gian truyền.

### Cài đặt độ phân giải mặc định

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↖).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Send setup (Cài đặt Gửi Fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Def. Resolution** (Độ phân giải mặc định), sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để thay đổi cài đặt độ phân giải.
6. Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.

### Cài độ phân giải cho nội dung fax hiện tại

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Resolution** (Độ phân giải) để hiển thị cài đặt độ phân giải hiện tại.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn cài đặt độ phân giải thích hợp.
3. Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.

 **GHI CHÚ:** Quy trình này sẽ thay đổi độ phân giải fax cho nội dung fax hiện tại. Để được hướng dẫn về việc thay đổi độ phân giải fax mặc định, xem phần [Cài đặt độ phân giải mặc định thuộc trang 130](#).

**GHI CHÚ:** Để thay đổi độ tương phản fax hoặc kích thước kính quét, bạn phải thay đổi cài đặt mặc định. Xem phần [Cài cài đặt độ sáng/tối \(độ tương phản\) mặc định thuộc trang 129](#) hoặc [Cài đặt kích thước kính mặc định thuộc trang 130](#).

### Cài đặt kích thước kính mặc định

Cài đặt này sẽ xác định máy quét hình phẳng sẽ quét kích thước giấy nào khi bạn gửi một bản fax từ máy quét. Cài đặt mặc định gốc sẽ được xác định theo quốc gia/vùng lãnh thổ nơi bạn mua sản phẩm.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↖).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Send setup (Cài đặt Gửi Fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Def. Glass size** (Kích thước kính mặc định), sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn cài đặt kích thước giấy đúng: **A4** hoặc **Letter**.
6. Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.

## Cài âm quay số hoặc nhíp điệu quay số

Sử dụng quy trình này để cài chế độ âm quay số hoặc nhíp điệu quay số cho sản phẩm. Thông số cài đặt mặc định gốc là **Tone** (Âm). Không thay đổi cài đặt này trừ khi bạn biết rõ đường dây điện thoại không thể sử dụng âm quay số.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Send setup (Cài đặt Gửi Fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Dialing Mode (Chế độ Quay số)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Tone (Âm)** hoặc **Pulse (Nhíp điệu)**, sau đó bấm **OK** để lưu lại lựa chọn.

 **GHI CHÚ:** Tùy chọn nhíp điệu quay số không áp dụng cho tất cả quốc gia/vùng lãnh thổ.

## Cài các mã hóa đơn

Nếu tính năng mã hóa đơn đã được bật, người sử dụng sẽ được yêu cầu nhập mã hóa đơn cho từng bản fax. Cước mã hóa đơn sẽ được tăng thêm cho từng trang fax gửi đi. Cước này bao gồm tất cả các loại fax ngoại trừ nhận kiểm soát vòng, chuyển tiếp fax, hoặc fax tải về máy tính. Đối với nhóm chưa được xác định hoặc fax quay-số-nhóm, cước mã hóa đơn sẽ được tăng thêm cho từng bản fax gửi được đến từng nơi nhận. Để in bản báo cáo hiển thị tổng cước cho từng mã hóa đơn, xem phần [In bản báo cáo mã hóa đơn thuộc trang 132](#).

Cài đặt mặc định gốc cho cài đặt mã hóa đơn là **Off (Tắt)**. Mã hóa đơn có thể là số bất kỳ từ 1 đến 250.

## Cài đặt mã hóa đơn

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Send setup (Cài đặt Gửi Fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Billing codes (Các mã hóa đơn)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, sau đó bấm **OK**.


## Sử dụng các mã hóa đơn

1. Nạp tài liệu vào khay tự động nạp tài liệu (ADF) hoặc vào máy quét hình phẳng.
2. Trên bảng điều khiển, nhập số điện thoại theo cách thủ công, bằng mục quay-số-nhanh hoặc mục quay-số-nhóm.
3. Bấm **Start Fax (Bắt đầu Fax)**.
4. Nhập mã hóa đơn, sau đó bấm **Start Fax (Bắt đầu Fax)**.

Nội dung fax sẽ được gửi đi và được ghi lại vào bản báo cáo mã hóa đơn. Để biết thông tin về việc in bản báo cáo mã hóa đơn, xem phần [In bản báo cáo mã hóa đơn thuộc trang 132](#).

## In bản báo cáo mã hóa đơn

Bản báo cáo mã hóa đơn là một danh sách in tất cả các mã hóa đơn fax và tổng số bản fax đã được tính hóa đơn cho từng mã.

 **GHI CHÚ:** Sau khi bản báo cáo được in ra, tất cả dữ liệu hóa đơn sẽ bị xóa.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↖).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Reports (Báo cáo)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Reports (Báo cáo Fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Billing report (Bản báo cáo hóa đơn)**, sau đó bấm **OK**. Sản phẩm sẽ thoát khỏi cài đặt menu và in bản báo cáo.

## Nhận cài đặt fax

### Cài hoặc thay đổi số lần đổ chuông trả lời

Khi chế độ trả lời được cài sang **Automatic (Tự động)**, cài đặt chuông trả lời sản phẩm sẽ xác định số lần điện thoại reo trước khi sản phẩm trả lời cuộc gọi đến.

Nếu sản phẩm được kết nối với đường dây nhận cả cuộc gọi thoại lẫn fax (đường dây dùng chung) và đồng thời dùng cho máy trả lời tự động, bạn cần hiệu chỉnh số lần chuông trả lời. Số lần đổ chuông để trả lời dùng cho sản phẩm này phải lớn hơn số lần đổ chuông để trả lời của máy trả lời tự động. Việc này sẽ cho phép máy trả lời tự động trả lời các cuộc gọi đến và ghi lại tin nhắn nếu có cuộc gọi thoại. Khi máy trả lời tự động trả lời cuộc gọi, sản phẩm sẽ nghe cuộc gọi đến và tự động trả lời nếu phát hiện chuông fax.

Số lần đổ chuông để trả lời mặc định là năm đối với Mỹ và Canada, và hai đối với các quốc gia/vùng lãnh thổ khác.

### Chọn số lần đổ chuông để trả lời

Dùng bảng sau để xác định số lần đổ chuông để trả lời sẽ sử dụng.

Gõ vào đường dây điện thoại	Số lần đổ chuông để trả lời khuyến nghị
Đường dây chuyên dùng cho fax (chỉ nhận các cuộc gọi fax)	Chỉnh số lần đổ chuông để trả lời trong phạm vi hiển thị trên màn hình bảng điều khiển. (Số lần đổ chuông tối đa và tối thiểu của mỗi quốc gia/vùng lãnh thổ sẽ không giống nhau.)
Một đường dây với hai số riêng biệt và dịch vụ chuông báo	Một hoặc hai loại chuông (Nếu bạn có máy trả lời điện thoại hoặc hộp thư thoại máy tính dùng cho số điện thoại khác, hãy kiểm tra để đảm bảo sản phẩm được cài số lần đổ chuông nhiều hơn hệ thống máy trả lời. Đồng thời, dùng tính năng chuông đặc trưng để phân biệt giữa các cuộc gọi thoại và fax. Xem <a href="#">Chỉnh kiểu chuông đặc trưng thuộc trang 134</a> .)
Đường dây dùng chung (để nhận cả cuộc gọi thoại và fax) chỉ nối vào một điện thoại	Năm hoặc nhiều hơn năm lần đổ chuông.
Đường dây dùng chung (để nhận cả cuộc gọi thoại và fax) chỉ nối vào một máy trả lời tự động hoặc hộp thư thoại trên máy tính	Đổ chuông nhiều hơn máy trả lời tự động hoặc hộp thư thoại của máy tính hai lần.



## Cài số lần đổ chuông trả lời

Để cài hoặc đổi số lần đổ chuông trả lời sẽ sử dụng, hãy thực hiện các bước sau:

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Recv. setup (Cài đặt nhận fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Rings to answer (Số lần đổ chuông để trả lời)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút chữ số để nhập số lần đổ chuông trả lời, sau đó bấm **OK**.

## Chỉnh chế độ trả lời

Tùy vào tình huống cụ thể, bạn chỉnh chế độ trả lời của sản phẩm sang chế độ **Automatic (Tự động)** hoặc **Manual (Thủ công)**. Thông số cài đặt mặc định gốc là **Automatic (Tự động)**.

- **Automatic (Tự động):** Trong chế độ trả lời này, sản phẩm sẽ trả lời các cuộc gọi đến sau một số lần đổ chuông trả lời nhất định hoặc dựa vào việc nhận dạng các kiểu chuông fax đặc biệt. Để chọn số lần đổ chuông trả lời, xem [Cài số lần đổ chuông trả lời thuộc trang 133](#).
- **TAM:** Trong chế độ trả lời này, sản phẩm sẽ có máy trả lời tự động gắn vào cổng đường dây ra. Sản phẩm sẽ không trả lời cuộc gọi đến, nhưng sẽ dò các kiểu chuông cuộc gọi fax sau khi TAM đã trả lời cuộc gọi.
- **Fax/Điện thoại:** Trong chế độ trả lời này, sản phẩm sẽ trả lời cuộc gọi đến và xác định xem đó là cuộc gọi thoại hay là cuộc gọi fax. Nếu cuộc gọi là cuộc gọi fax, sản phẩm sẽ nhận fax qua cuộc gọi. Nếu cuộc gọi là cuộc gọi thoại, sản phẩm sẽ phát tiếng chuông cho biết có cuộc gọi thoại đến mà bạn phải trả lời qua đường dây điện thoại nhánh.
- **Manual (Thủ công):** Trong chế độ trả lời này, sản phẩm sẽ không trả lời các cuộc gọi. Bạn phải tự mình khởi động tính năng nhận fax, bằng cách bấm phím **Start Fax (Bắt đầu Fax)** trên bảng điều khiển hoặc bằng cảm điện thoại nối vào đường dây đó và quay số 1-2-3.

Để chỉnh hoặc thay đổi chế độ trả lời, bạn hãy thực hiện các bước sau:

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Recv. setup (Cài đặt nhận fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Bấm **OK** để chọn **Answer mode (Chế độ trả lời)**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn chế độ trả lời, sau đó bấm **OK**.

Màn hình bảng điều khiển sẽ hiển thị thông số cài đặt chế độ trả lời mà bạn đã chọn.

## Cài chuyển tiếp fax

Bạn có thể chỉnh cho sản phẩm gửi chuyển tiếp các bản fax đến số máy fax khác. Khi các bản fax gửi đến sản phẩm của bạn, chúng sẽ được lưu trên bộ nhớ. Sản phẩm sau đó sẽ quay số fax mà bạn đã chọn và gửi bản fax đi. Nếu sản phẩm không thể chuyển tiếp bản fax vì bị lỗi (ví dụ, số fax đó đang bận) và đã quay lại số đó nhiều lần mà không được, sản phẩm sẽ in bản fax ra.

Nếu sản phẩm hết bộ nhớ trong khi đang nhận fax, máy sẽ dừng nhận bản fax đang đến và chỉ chuyển tiếp các trang và những phần của trang đã lưu trên bộ nhớ.


Khi máy dùng tính năng gửi chuyển tiếp fax, sản phẩm (thay vì máy tính) phải nhận được fax, và chế độ trả lời phải được chỉnh sang **Automatic (Tự động)**.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Recv. setup (Cài đặt nhận fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Forward fax (Chuyển tiếp fax)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, sau đó bấm **OK**.
6. Nếu bạn bật tính năng gửi chuyển tiếp fax, hãy dùng các nút chữ số để chọn số máy fax mà bản fax sẽ được gửi đến, và sau đó bấm **OK** để lưu tính năng chọn lựa của bạn.

## Chỉnh kiểu chuông đặc trưng

Một số công ty địa phương sẽ cung cấp dịch vụ kiểu chuông đặc biệt hoặc kiểu chuông. Dịch vụ này cho phép bạn sở hữu trên hai số điện thoại trên cùng đường dây. Mỗi số điện thoại sẽ có một kiểu chuông đặc trưng riêng, để bạn có thể trả lời các cuộc gọi thoại và sản phẩm có thể trả lời các cuộc gọi fax.

Nếu bạn đăng ký dịch vụ kiểu chuông qua công ty điện thoại, bạn phải chỉnh cho sản phẩm trả lời kiểu chuông phù hợp. Chỉ có một số quốc gia/vùng lãnh thổ có hỗ trợ kiểu chuông. Bạn hãy liên hệ với công ty điện thoại để quyết định xem dịch vụ có cung cấp tại quốc gia/vùng lãnh thổ của bạn.

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn không đăng ký dịch vụ kiểu chuông và bạn thay đổi thông số cài đặt kiểu chuông sang thông số khác ngoài thông số mặc định, **All Rings (Tất cả Kiểu chuông)**, sản phẩm sẽ không thể nhận được fax.

Thông số cài đặt như sau:

- **All Rings (Tất cả Kiểu chuông):** Sản phẩm sẽ trả lời tất cả cuộc gọi gọi đến qua đường dây điện thoại.
- **Single (Đơn):** Sản phẩm sẽ trả lời bất kỳ cuộc gọi nào tạo ra kiểu chuông đơn.
- **Double (Hai tiếng):** Sản phẩm sẽ trả lời bất kỳ cuộc gọi nào tạo ra kiểu chuông hai tiếng.
- **Triple (Ba tiếng):** Sản phẩm sẽ trả lời bất kỳ cuộc gọi nào tạo ra kiểu chuông ba tiếng.
- **Double&Triple (Hai&Ba):** Sản phẩm sẽ trả lời bất kỳ cuộc gọi nào tạo ra kiểu chuông hai tiếng hoặc ba tiếng.

Để thay đổi kiểu chuông dùng để trả lời cuộc gọi, hãy thực hiện theo các bước sau:

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Recv. setup (Cài đặt nhận fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Answer Ring Type (Loại chuông Trả lời)**, sau đó bấm **OK**.

5. Dùng các nút mũi tên để chọn kiểu chuông mà bạn muốn, và sau đó bấm **OK**.
6. Sau khi đã hoàn tất quá trình cài đặt, bạn hãy nhờ người khác gửi một bản fax đến cho bạn để xác minh dịch vụ kiểu chuông có hoạt động tốt không.

## Chỉnh thông số cài đặt để máy tính có thể nhận fax được

 **GHI CHÚ:** Máy Macintosh không hỗ trợ nhận fax qua máy tính.

Máy tính chỉ có khả năng nhận fax nếu bạn đã cài đặt đầy đủ bộ phần mềm trong quá trình cài đặt sản phẩm lúc đầu.

Để có thể nhận fax đến máy tính của bạn, bạn hãy bật thông số cài đặt nhận-vào-máy-tính trong phần mềm.

1. Mở HP ToolboxFX.
2. Chọn sản phẩm.
3. Nhấp vào **Fax**.
4. Nhấp vào **Fax Tasks** (Tác vụ Fax).
5. Trong **Fax Receive Mode** (Chế độ Nhận Fax), chọn **Receive faxes to this computer** (Nhận fax gửi đến máy tính này).

## Tắt thông số cài đặt nhận-vào-máy-tính từ bảng điều khiển

Bạn chỉ có thể kích hoạt thông số cài đặt nhận-vào-máy-tính từ máy tính này. Nếu vì lý do nào đó mà máy tính này không thể sử dụng được nữa, bạn có thể dùng quy trình sau đây để tắt thông số cài đặt nhận-vào-máy-tính từ bảng điều khiển.


1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↶).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax functions (Các chức năng fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Stop Recv to PC** (Dừng Nhận vào Máy tính), sau đó bấm **OK**.

## Dùng tính năng tự động giảm cho các bản fax gửi đến

Nếu tùy chọn vừa-trang-in được bật, sản phẩm sẽ tự động giảm khổ giấy fax xuống 75% để vừa với thông tin theo khổ giấy mặc định (ví dụ, trang fax sẽ giảm từ khổ giấy legal sang khổ letter).

Nếu tùy chọn vừa-trang-in đã tắt, các bản fax in ra với khổ giấy toàn trang trên nhiều trang. Cài đặt mặc định gốc dành cho fax tự động giảm là **On (Bật)**.

Nếu bạn đã bật tùy chọn fax nhận kèm tem, bạn có thể cũng muốn bật tính năng tự động giảm. Việc này sẽ giảm khổ giấy fax gửi đến đôi chút, và ngăn chặn nhãn-trang khiến fax một trang thành hai trang.

 **GHI CHÚ:** Hãy đảm bảo rằng thông số khổ giấy mặc định phù hợp với khổ giấy đã nạp vào khay chứa giấy.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↶).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Recv. setup (Cài đặt nhận fax)**, sau đó bấm **OK**.

4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fit to page** (Vừa trang in), sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, sau đó bấm **OK** để lưu lại lựa chọn.

## Chỉnh chế độ dò-tĩnh

Thông số cài đặt này sẽ kiểm soát việc bạn có thể hoặc không thể nhận fax từ máy fax đời cũ, loại không phát tín hiệu trong quá trình gửi fax. Vào thời điểm xuất bản tài liệu này, các máy fax loại-tĩnh chiếm một số lượng rất ít các loại máy fax hiện đang sử dụng. Cài đặt mặc định là **Off (Tắt)**. Bạn chỉ có thể thay đổi thông số chế độ dò-tĩnh này nếu bạn thường xuyên nhận fax của người dùng máy fax đời-cũ.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↖).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Recv. setup (Cài đặt nhận fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Silence Detect (Dò Tĩnh)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, sau đó bấm **OK** để lưu lại lựa chọn.

## Chỉnh thông số in lại fax mặc định

Thông số in lại fax mặc định là **On (Bật)**. Để thay đổi thông số này trong bảng điều khiển, hãy làm theo các bước sau:

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↖).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Recv. setup (Cài đặt nhận fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Reprint faxes (In lại fax)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, sau đó bấm **OK**.

## Tạo bản fax nhận-kèm-tem

Sản phẩm sẽ in các thông tin nhận dạng người gửi ở phần đầu của mỗi bản fax. Bạn cũng có thể chọn thông tin tiêu đề của riêng bạn đính kèm vào từng bản fax nhận được để xác nhận ngày và giờ bản fax được nhận. Cài đặt mặc định gốc dành cho các bản fax nhận-kèm-tem là **Off (Tắt)**.


 **GHI CHÚ:** Tùy chọn này chỉ áp dụng cho các bản fax nhận được mà sản phẩm in ra.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↖).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Recv. setup (Cài đặt nhận fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Stamp faxes (Tem fax)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, sau đó bấm **OK** để lưu lại lựa chọn.

## Chặn hoặc bỏ chặn số fax

Nếu bạn không muốn nhận fax từ doanh nghiệp hoặc người gửi cụ thể nào đó, bạn có thể chặn đến 30 số fax bằng bảng điều khiển. Khi bạn chặn số fax và người gửi từ số gửi fax đến cho bạn, bảng điều

khuyến sẽ cho thấy số đó đã bị chặn, bản fax sẽ không được in ra, và bản fax không được lưu trên bộ nhớ. Các bản fax gửi đi từ số fax bị chặn sẽ được hiển thị trong nhật ký hoạt động fax dưới dạng “đã bị hủy”. Bạn có thể bỏ chặn số fax đã bị chặn một cách riêng lẻ hoặc tất cả cùng lúc.

 **GHI CHÚ:** Người gửi dùng số fax bị chặn sẽ không được thông báo là bản fax không gửi được.

**GHI CHÚ:** Bạn có thể khóa hoặc mở khóa các số fax bằng cách dùng HP ToolboxFX.

Để in danh sách số bạn đã chặn hoặc nhật ký hoạt động fax, xem [In các báo cáo fax riêng thuộc trang 157](#).

Thực hiện các bước sau đây để chặn hoặc bỏ chặn số fax bằng bảng điều khiển:

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Recv. setup (Cài đặt nhận fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Block faxes (Chặn fax)**, sau đó bấm **OK**.
5. Để chặn số fax, dùng nút mũi tên để chọn **Add entry (Thêm số)**, sau đó bấm **OK**. Điền đúng số fax như bạn đã thấy trên phần tiêu đề đầu trang (bao gồm khoảng cách), sau đó bấm **OK**. Điền tên dùng cho số fax bị chặn, sau đó bấm **OK**.

Để bỏ chặn một số fax riêng lẻ, dùng nút mũi tên để chọn **Delete entry (Xóa số)**, sau đó bấm **OK**. Dùng các nút mũi tên để chọn số fax mà bạn muốn xóa, và sau đó bấm **OK** để xác nhận tác vụ xóa này.

- hoặc -

Để bỏ chặn tất cả các số fax, dùng nút mũi tên để chọn **Clear all (Xóa tất cả)**, sau đó bấm **OK**. Bấm **OK** lần nữa để xác nhận việc xóa.

## Chuẩn bị một điện thoại nhánh để nhận fax

Khi bật tính năng này, bạn có thể báo cho sản phẩm biết để nhận cuộc gọi fax gọi đến bằng cách bấm 1-2-3 liên tục trên bàn phím điện thoại. Cài đặt mặc định là **On (Bật)**. Bạn chỉ bật tính năng này nếu bạn dùng chức năng quay số theo nhịp điệu hoặc bạn có đăng ký dịch vụ qua công ty điện thoại có dùng chuỗi số 1-2-3. Dịch vụ của công ty điện thoại sẽ không hoạt động nếu dịch vụ này không tương thích với sản phẩm.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Recv. setup (Cài đặt nhận fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Extension Phone (Điện thoại Nhánh)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, sau đó bấm **OK** để lưu lại lựa chọn.

# Dùng fax


## Phần mềm gửi nhận fax

### Các chương trình fax hỗ trợ

Chương trình fax qua máy tính cung cấp kèm theo sản phẩm là chương trình fax qua máy tính duy nhất có thể kết hợp dùng chung với sản phẩm. Để tiếp tục dùng chương trình fax qua máy tính đã cài sẵn trên máy tính, chương trình này phải dùng chung với modem đã được kết nối vào máy tính đó; chương trình sẽ không thể dùng chung với modem của sản phẩm.

### Các mẫu trang-bìa hiện có

Chương trình phần mềm HP LaserJet Send Fax có sẵn nhiều mẫu trang-bìa fax dành cho các cá nhân và doanh nghiệp.

 **GHI CHÚ:** Các mẫu trang-bìa không thể thay đổi được. Mặc dù bạn có thể chỉnh sửa các vùng bên trong các mẫu, bản thân các mẫu này là những mẫu đơn cố định.

### Hiệu chỉnh tờ bìa fax

1. Mở chương trình phần mềm HP LaserJet Send Fax.
2. Trong phần **Fax To** (Gửi Fax Đến), điền công ty, tên và số fax của người nhận.
3. Trong phần **Resolution** (Độ phân giải), chọn chỉ số độ phân giải.
4. Trong phần **Include With Fax** (Đính Kèm Fax), chọn **Cover Page** (Trang Bìa).
5. Bạn điền thêm thông tin trong hộp thoại **Notes** (Ghi chú) và **Subject** (Chủ đề).
6. Trong hộp menu con **Cover Page Template (Mẫu Trang Bìa)**, chọn một mẫu, và sau đó chọn **Pages in Document Tray** (Trang trên Khay Tài liệu).
7. Thực hiện một trong các bước sau:
  - Nhấp vào **Send Now** (Gửi Ngay) để gửi bản fax mà không cần xem lại trang bìa.
  - Nhấp vào **Preview** (Xem lại) để xem lại trang bìa trước khi gửi bản fax.

### Hủy bản fax

Dùng các hướng dẫn này để hủy bản fax riêng lẻ hiện đang quay số hoặc bản fax đang được nhận hoặc gửi.

### Hủy bản fax hiện tại

Bấm **Cancel** (Hủy bỏ) trên bảng điều khiển. Các trang chưa được truyền tải sẽ bị hủy. Việc bấm **Cancel** (Hủy bỏ) cũng sẽ dừng các tác vụ quay-số-nhóm.

## Hủy tác vụ fax đang chờ

Dùng quy trình này để hủy tác vụ fax trong các trường hợp sau:

- Sản phẩm đang chờ quay số lại sau khi gặp tín hiệu bận máy, cuộc gọi không trả lời, hoặc lỗi kết nối.
- Bản fax sẽ được lên kế hoạch gửi lại vào một thời điểm khác trong tương lai.

Dùng các bước sau đây để hủy tác vụ fax bằng cách dùng menu **Fax Job status** (trạng thái Tác Vụ Fax):

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Bấm **OK** để chọn **Fax Job status (Tình trạng Lệnh Fax)**.
3. Dùng các nút mũi tên để di chuyển qua các tác vụ đang chờ cho đến khi bạn đến tác vụ mà bạn muốn xóa.
4. Bấm **OK** để chọn tác vụ mà bạn muốn hủy.
5. Bấm **OK** để xác nhận bạn muốn hủy tác vụ đó.

## Xóa bản fax khỏi bộ nhớ

Dùng quy trình này chỉ khi bạn lo ngại rằng người nào khác đã truy cập vào sản phẩm của bạn và có tìm cách in lại các bản fax từ bộ nhớ.

△ **THẬN TRỌNG:** Ngoài việc xóa bộ nhớ in lại, quy trình này sẽ xóa bất kỳ bản fax nào hiện đang được gửi đi, các bản fax chưa gửi đang chờ quay số lại, các bản fax được lên kế hoạch gửi vào thời điểm khác trong tương lai, và các bản fax chưa in hoặc chưa được gửi chuyển tiếp.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax functions (Các chức năng fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Clear saved faxes** (Xóa các bản fax đã lưu), sau đó bấm **OK**.
4. Bấm **OK** để xác nhận việc xóa.

## Dùng fax trên hệ thống DSL, PBX, ISDN, hoặc VoIP

Các sản phẩm HP được đặc biệt thiết kế để dùng với các dịch vụ điện thoại analog thông thường. Chúng không được thiết kế để dùng với các đường dây DSL, PBX, ISDN, hoặc các dịch vụ VoIP, nhưng chúng có thể kết hợp sử dụng với các thiết bị và thông số cài đặt thích hợp.


📖 **GHI CHÚ:** HP khuyến nghị bạn thảo luận với nhà cung cấp dịch vụ về các tùy chọn cài đặt DSL, PBX, ISDN, và VoIP.

Sản phẩm HP LaserJet là thiết bị analog và không tương thích với tất cả các hệ thống điện thoại kỹ thuật số (trừ khi bạn đang sử dụng bộ chuyển đổi tín hiệu kỹ-thuật-số-sang-analog). HP không đảm bảo rằng sản phẩm sẽ tương thích với các hệ thống kỹ thuật số hoặc bộ chuyển đổi tín hiệu kỹ-thuật-số-sang-analog.


## DSL

Đường dây thuê bao kỹ thuật số (DSL) dùng công nghệ kỹ thuật số trên hệ thống dây điện thoại bằng đồng tiêu chuẩn. Sản phẩm này không tương thích trực tiếp với các tín hiệu kỹ thuật số. Tuy nhiên, nếu

bạn chọn cấu hình này trong quá trình cài đặt DSL, tín hiệu có thể tách rời để một số loại băng thông được dùng để truyền tín hiệu analog (cho điện thoại và fax) trong khi các băng thông còn lại sẽ được dùng để truyền dữ liệu kỹ thuật số.

 **GHI CHÚ:** Các dịch vụ DSL sẽ không tương thích với tất cả các loại fax. HP không đảm bảo rằng sản phẩm sẽ tương thích hoàn toàn với tất cả các nhà cung cấp hoặc đường dây dịch vụ DSL.

Bạn phải dùng modem DSL với bộ lọc tốc-độ-cao. Nhà cung cấp dịch vụ thường sẽ cung cấp bộ lọc tốc-độ-thấp, dùng cho loại cáp điện thoại thông thường.

 **GHI CHÚ:** Liên hệ nhà cung cấp DSL để biết thêm thông tin hoặc để được giúp đỡ.

## PBX

Sản phẩm là thiết bị analog và không tương thích với tất cả các hệ thống điện thoại kỹ thuật số. Bạn cần phải sử dụng bộ chuyển đổi tín hiệu hoặc bộ lọc kỹ-thuật-số-sang-analog để dùng được các chức năng fax. Nếu các chức năng fax phát sinh sự cố trong hệ thống PBX, bạn sẽ phải liên hệ với nhà cung cấp PBX để được giúp đỡ. HP không đảm bảo rằng sản phẩm sẽ tương thích với các hệ thống kỹ thuật số hoặc bộ chuyển đổi tín hiệu kỹ-thuật-số-sang-analog.

Liên hệ nhà cung cấp PBX để biết thêm thông tin và để được giúp đỡ.

## ISDN

Liên hệ nhà cung cấp ISDN để biết thêm thông tin và để được giúp đỡ.

## VoIP


Dịch vụ giao thức truyền âm qua internet (VoIP) thường không tương thích với các loại máy fax, trừ trường hợp nhà cung cấp công bố chính thức rằng máy hỗ trợ fax qua các dịch vụ IP.


Nếu sản phẩm gặp sự cố trong khi gửi fax qua mạng VoIP, hãy kiểm tra xem tất cả các cáp đã được kết nối đúng cách và thông số cài đặt có thiết lập phù hợp hay chưa. Việc giảm thông số tốc-độ-fax có thể sẽ cho phép sản phẩm gửi fax qua mạng VoIP.

Nếu máy tiếp tục gặp sự cố khi fax, hãy liên hệ nhà cung cấp dịch vụ VoIP.

## Gửi fax

### Gửi fax từ khay tự động nạp tài liệu (ADF)

 **GHI CHÚ:** Dung lượng khay ADF tối đa là 50 trang loại giấy 80 g/m<sup>2</sup> hoặc 20 lb. Khay có thể chứa giấy nhỏ cỡ 76 x 127 mm và giấy cỡ lớn 216 x 356 mm.

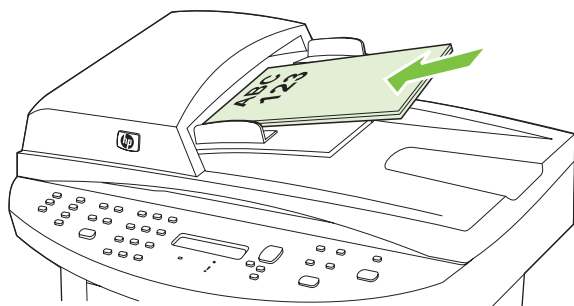
 **THẬN TRỌNG:** Để tránh làm hỏng sản phẩm, bạn đừng sử dụng các tài liệu gốc có dán băng tẩy, mực tẩy, kim cài giấy, hoặc kẹp giấy. Đồng thời, bạn cũng đừng để hình chụp, tài liệu gốc cỡ nhỏ hoặc các loại tài liệu gốc dễ rách vào khay ADF. Dùng kính phẳng để quét các tài liệu này.

1. Lắp đầu-trên của chồng tài liệu gốc vào khay nạp giấy SDF, với chồng giấy bề-mặt-hướng-lên-trên và trang đầu tiên sẽ sao chép ở trên cùng của chồng giấy.

Nếu giấy dài hơn giấy khổ Letter- hoặc Khổ-A4, mở rộng khay nạp giấy ADF để đặt vừa loại giấy này.

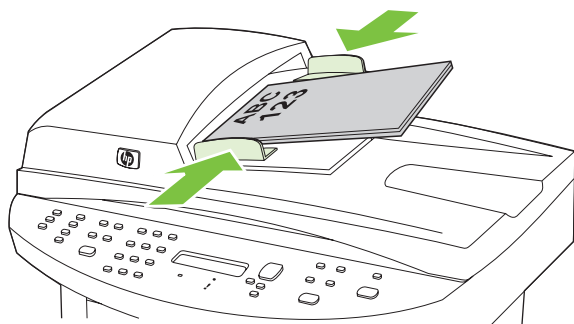


2. Trượt chồng tài liệu vào khay ADF cho đến khi không thể đẩy vào hơn nữa.



**Document loaded** (Đã nạp tài liệu) sẽ được hiện trên màn hình bảng điều khiển.

3. Hiệu chỉnh các thanh truyền giấy cho đến khi chúng sát vào giấy.



4. Dùng các nút chữ số trên bảng điều khiển để quay số.

- hoặc -

Nếu số fax bạn đang gọi đã được gán cho phím công-tắc, bấm phím đó.

- hoặc -

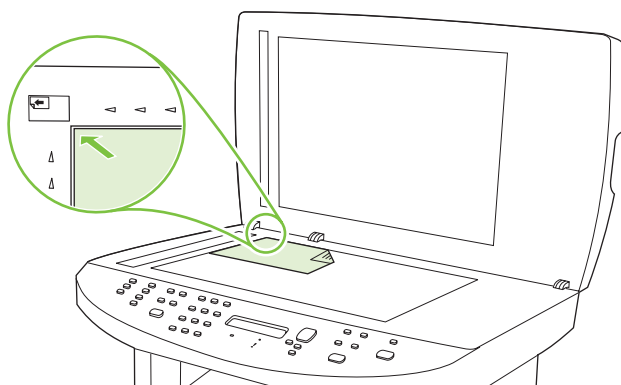
Nếu số fax bạn đang gọi thuộc mục quay-số-nhóm hoặc phím quay số nhanh, bấm **Phone Book (Sổ Điện thoại)**, dùng các nút chữ số để chọn mục quay-số-nhóm hoặc phím quay số nhanh, sau đó bấm **OK**.

5. Trên bảng điều khiển, bấm **Start Fax (Bắt đầu Fax)**. Sản phẩm sẽ bắt đầu tác vụ fax.

## Gửi fax từ máy quét hình phẳng

1. Hãy đảm bảo rằng khay tự động nạp tài liệu (ADF) không chứa giấy.
2. Mở nắp đậy máy quét hình phẳng.

- Đặt tài liệu gốc sao cho mặt trên hướng xuống dưới trên máy quét hình phẳng với góc trên bên trái của tài liệu nằm ở vị trí góc do biểu tượng trên máy quét biểu thị.



- Nhẹ nhàng đóng nắp máy lên.
- Dùng các nút chữ số trên bảng điều khiển để quay số.

- hoặc -

Nếu số fax bạn đang gọi đã được gán cho phím công-tắc, bấm phím đó.

- hoặc -

Nếu số fax bạn đang gọi thuộc mục quay-số-nhóm hoặc phím quay số nhanh, bấm **Phone Book (Sổ Điện thoại)**, dùng các nút chữ số để chọn mục quay-số-nhóm hoặc phím quay số nhanh, sau đó bấm **OK**.

- Trên bảng điều khiển, bấm **Start Fax (Bắt đầu Fax)**.

Màn hình bảng điều khiển sẽ hiện thông báo sau: **Send from glass (Gửi tài liệu trên kính?) 1=Yes (Có) 2=No (Không)**.

- Bấm **1** để chọn **Yes (Có)**. Màn hình bảng điều khiển sẽ hiện thông báo sau: **Load page (Nạp trang): X Press (X Bấm) OK**, trong đó X là số của trang.
- Bấm **OK**. Sau khi quét trang, màn hình bảng-điều-khiển của sản phẩm sẽ hiện thông báo sau: **Another page (Trang khác)? 1=Yes (Có) 2=No (Không)**.
- Nếu bạn có nhiều trang cần quét, bấm **1** để chọn **Yes (Có)**, và sau đó lặp lại bước 3 cho từng trang của tác vụ fax.

- hoặc -

Nếu bạn đã làm xong, bấm **2** để chọn **No (Không)**, và sau đó thực hiện bước kế tiếp.

## Gửi fax tài liệu hai-mặt

Để gửi fax tài liệu hai-mặt, dùng kính của máy quét. Xem [Gửi fax từ máy quét hình phẳng thuộc trang 141](#).


## Gửi fax bằng cách quay số theo cách thủ công

Thông thường, sản phẩm sẽ quay số sau khi bạn bấm **Start Fax (Bắt đầu Fax)**. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, bạn có thể muốn sản phẩm quay từng số khi bạn bấm chúng. Ví dụ, nếu bạn đang tính gộp phí cuộc gọi fax vào thẻ gọi điện, bạn cần phải quay số fax, đợi tín hiệu chấp thuận từ công ty điện

thoại của bạn, và sau đó quay số của thẻ gọi điện. Khi bạn quay số gọi quốc tế, bạn sẽ cần phải quay một số chữ số trong số này và lắng nghe âm quay số trước khi tiếp tục quay số.

### Quay số thủ công cùng khay tự động nạp tài liệu (ADF)

1. Nạp tài liệu vào khay tự động nạp tài liệu (ADF).
2. Trên bảng điều khiển, bấm **Start Fax (Bắt đầu Fax)**.
3. Bắt đầu quay số.

 **GHI CHÚ:** Sản phẩm sẽ quay số khi bạn bấm từng ký số. Việc này sẽ cho phép bạn đợi các khoản dừng, âm quay số, âm truy-cập-quốc-tế, hoặc âm chấp-thuận-thẻ-gọi-điện trước khi tiếp tục quay số.

### Quay số thủ công bằng máy quét hình phẳng

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Start Fax (Bắt đầu Fax)**.  
Màn hình bảng điều khiển sẽ hiện thông báo sau: **Send from glass (Gửi tài liệu trên kính)? 1=Yes (Có) 2=No (Không)**.
2. Bấm **1** để chọn **Yes (Có)**. Màn hình bảng điều khiển sẽ hiện thông báo sau: **Load page (Nạp trang): X Press (X Bấm) OK**, trong đó X là số của trang.
3. Quét trang vào bộ nhớ bằng cách đặt trang với mặt-in-hướng-xuống trên máy quét hình phẳng và bấm **OK**. Sau khi quét trang, màn hình bảng-điều-khiển của sản phẩm sẽ hiện thông báo sau: **Another page (Trang khác)? 1=Yes (Có) 2=No (Không)**.
4. Nếu bạn có nhiều trang cần quét, bấm **1** để chọn **Yes (Có)**, và sau đó lặp lại bước 3 cho từng trang của tác vụ fax.  
**- hoặc -**  
Nếu bạn đã làm xong, bấm **2** để chọn **No (Không)**, và sau đó thực hiện bước kế tiếp.
5. Sau khi tất cả các trang sẽ được quét vào bộ nhớ, bạn hãy bắt đầu quay số. Sản phẩm sẽ quay số khi bạn bấm từng ký số. Việc này sẽ cho phép bạn đợi các khoản dừng, âm quay số, âm truy cập quốc tế, hoặc âm chấp thuận thẻ gọi điện trước khi tiếp tục quay số.

### Gửi fax đến nhóm người nhận bằng cách thủ công (gửi fax ad hoc)

Dùng các hướng dẫn sau đây để gửi fax đến nhóm người nhận chưa được gán vào mục quay-số-nhóm:

1. Nạp tài liệu vào trong khay tự động nạp tài liệu (ADF) hoặc vào máy quét hình phẳng.
2. Dùng các nút chữ số.  
**- hoặc -**  
Nếu số fax bạn đang gọi thuộc số quay nhóm hoặc phím quay-số-nhanh, bấm **Phone Book (Sổ Điện thoại)**, dùng các nút chữ số để chọn số quay nhóm hoặc phím quay-số-nhanh, sau đó bấm **OK**.
3. Bấm **OK**.
4. Để tiếp tục quay số, lặp lại bước 2 và 3.  
**- hoặc -**

Nếu bạn đã quay số xong, bạn hãy làm bước kế tiếp.

5. Bấm **Start Fax (Bắt đầu Fax)**. Nếu các trang mà bạn gửi đang ở trong khay ADF, máy sẽ tự động gửi fax đi.
6. Nếu bộ cảm ứng ADF của sản phẩm phát hiện ra khay ADF không chứa tài liệu nào, **Send from glas (Gửi tài liệu trên kính)? 1=Yes (Có) 2=No (Không)** sẽ hiện ra trên màn hình bảng điều khiển. Để gửi fax từ máy quét hình phẳng, bấm **1** để chọn **Yes (Có)**, và sau đó bấm **OK**.

Nạp Trang: X Bấm OK khi thấy thông báo này hiện trên bảng điều khiển.

7. Nếu bạn đã đặt tài liệu vào máy quét hình phẳng, bấm **OK** (hoặc đặt tài liệu vào máy quét hình phẳng và sau đó bấm **OK**).

Sau khi quét trang xong, **Another page (Trang khác)? 1=Yes (Có) 2=No (Không)** sẽ hiện ra trên màn hình bảng điều khiển.

8. Nếu bạn có nhiều trang cần quét, bấm **1** để chọn **Yes (Có)**, và sau đó lặp lại bước 7 cho từng trang của tác vụ fax.

- hoặc -

Nếu bạn làm xong, bấm **2** để chọn **No (Không)**.

Sản phẩm sẽ gửi fax đến từng số fax. Nếu số trong nhóm đang bận hoặc không trả lời, sản phẩm sẽ quay lại số đó theo các thông số quay số lại. Nếu tất cả các lần quay lại đều không thành công, sản phẩm sẽ cập nhật nhật ký hoạt động fax bằng cách thêm vào nội dung báo lỗi, và sau đó máy sẽ tiếp tục quay số kế tiếp trong nhóm.

### Quay số lại bằng cách thủ công

1. Nạp tài liệu vào trong khay tự động nạp tài liệu (ADF) hoặc vào máy quét hình phẳng.
2. Trên bảng điều khiển, bấm **Redial** (Quay số lại).
3. Bấm **Start Fax (Bắt đầu Fax)**. Nếu các trang mà bạn gửi đang ở trong khay ADF, máy sẽ tự động gửi fax đi.
4. Nếu bộ cảm ứng ADF của sản phẩm phát hiện ra khay ADF không chứa tài liệu nào, **Send from glass (Gửi tài liệu trên kính)? 1=Yes (Có) 2=No (Không)** sẽ hiện ra trên màn hình bảng điều khiển. Để gửi fax từ máy quét hình phẳng, bấm **1** để chọn **Yes (Có)**, và sau đó bấm **OK**.

Sau khi bạn bấm **OK**, **Load page: X Press OK** (Nạp trang: X Bấm OK) sẽ hiện ra trên màn hình bảng điều khiển.

5. Nếu bạn đã đặt tài liệu vào máy quét hình phẳng, bấm **OK** (hoặc đặt tài liệu vào máy quét hình phẳng và sau đó bấm **OK**).

Sau khi quét trang xong, **Another page (Trang khác)? 1=Yes (Có) 2=No (Không)** sẽ hiện ra trên màn hình bảng điều khiển.

6. Nếu bạn có nhiều trang cần quét, bấm **1** để chọn **Yes (Có)**, và sau đó lặp lại bước 5 cho từng trang của tác vụ fax.

- hoặc -

Nếu bạn làm xong, bấm **2** để chọn **No (Không)**.

Sản phẩm sẽ gửi fax đến số được quay lại. Nếu số này đang bận hoặc không trả lời, sản phẩm sẽ quay lại số đó theo các thông số quay số lại. Nếu tất cả những lần quay số lại đều không thành công, sản phẩm sẽ cập nhật nhật ký hoạt động fax bằng cách thêm nội dung báo lỗi.

## Dùng phím quay số nhanh và các số quay-số-nhóm

### Gửi fax bằng phím quay số nhanh

1. Nạp tài liệu vào trong khay tự động nạp tài liệu (ADF) hoặc vào máy quét hình phẳng.
2. Bấm phím công-tắc dùng cho phím quay số nhanh.  
**- hoặc -**  
Bấm **Phone Book (Sổ Điện thoại)**, dùng các nút chữ số để xác định mục phím-quay-số-nhanh, và sau đó bấm **OK**.
3. Nạp tài liệu vào trong khay tự động nạp tài liệu (ADF) hoặc vào máy quét hình phẳng.
4. Bấm **Start Fax (Bắt đầu Fax)**. Nếu các trang mà bạn gửi đang ở trong khay ADF, máy sẽ tự động gửi fax đi.
5. Nếu bộ cảm ứng ADF của sản phẩm phát hiện ra khay ADF không chứa tài liệu nào, **Send from glass (Gửi tài liệu trên kính)? 1=Yes (Có) 2=No (Không)** sẽ hiện ra trên màn hình bảng điều khiển. Để gửi fax từ máy quét hình phẳng, bấm **1** để chọn **Yes (Có)**, và sau đó bấm **OK**.  
Sau khi bạn bấm **OK**, **Load page: X Press OK** (Nạp trang: X Bấm OK) sẽ hiện ra trên màn hình bảng điều khiển.
6. Nếu bạn đã đặt tài liệu vào máy quét hình phẳng, bấm **OK** (hoặc đặt tài liệu vào máy quét hình phẳng và sau đó bấm **OK**).  
Sau khi quét trang xong, **Another page (Trang khác)? 1=Yes (Có) 2=No (Không)** sẽ hiện ra trên màn hình bảng điều khiển.
7. Nếu bạn có nhiều trang cần quét, bấm **1** để chọn **Yes (Có)**, và sau đó lặp lại bước 5 cho từng trang của tác vụ fax.  
**- hoặc -**  
Nếu bạn làm xong, bấm **2** để chọn **No (Không)**.

Khi sản phẩm đã cho ra trang fax cuối cùng, bạn có thể bắt đầu gửi trang fax khác, sao chép, hoặc quét tài liệu.

Bạn có thể gán phím quay số nhanh cho những số bạn thường sử dụng. Xem [Tạo và sửa đổi các mục quay số nhanh thuộc trang 123](#). Nếu bạn có danh bạ điện tử, bạn có thể dùng chúng để chọn người nhận. Danh bạ điện tử thường được tạo bằng cách dùng các chương trình phần mềm của hãng thứ ba.

## Gửi fax bằng mục quay-số-nhóm

1. Nạp tài liệu vào trong khay tự động nạp tài liệu (ADF) hoặc vào máy quét hình phẳng.
2. Bấm phím công-tắc dùng cho nhóm này.

- hoặc -

Bấm **Phone Book (Sổ Điện thoại)**, dùng các nút chữ số để xác định mục quay-số-nhóm, và sau đó bấm **OK**.

3. Bấm **Start Fax (Bắt đầu Fax)**. Nếu các trang mà bạn gửi đang ở trong khay ADF, máy sẽ tự động gửi fax đi.
4. Nếu bộ cảm ứng ADF của sản phẩm phát hiện ra khay ADF không chứa tài liệu nào, **Send from glass (Gửi tài liệu trên kính)? 1=Yes (Có) 2=No (Không)** sẽ hiện ra trên màn hình bảng điều khiển. Để gửi fax từ máy quét hình phẳng, bấm **1** để chọn **Yes (Có)**, và sau đó bấm **OK**.

Sau khi bạn bấm **OK**, **Load page: X Press OK** (Nạp trang: X Bấm OK) sẽ hiện ra trên màn hình bảng điều khiển.

5. Nếu bạn đã đặt tài liệu vào máy quét hình phẳng, bấm **OK** (hoặc đặt tài liệu vào máy quét hình phẳng và sau đó bấm **OK**).

Sau khi quét trang xong, **Another page (Trang khác)? 1=Yes (Có) 2=No (Không)** sẽ hiện ra trên màn hình bảng điều khiển.

6. Nếu bạn có nhiều trang cần quét, bấm **1** để chọn **Yes (Có)**, và sau đó lặp lại bước 5 cho từng trang của tác vụ fax.

- hoặc -

Nếu bạn làm xong, bấm **2** để chọn **No (Không)**.

Sản phẩm sẽ quét tài liệu này vào bộ nhớ và gửi fax đến từng số đã chọn. Nếu số trong nhóm đang bạn hoặc không trả lời, sản phẩm sẽ quay lại số đó theo các thông số quay số lại của số đó. Nếu tất cả các lần quay lại đều không thành công, sản phẩm sẽ cập nhật nhật ký hoạt động fax bằng cách thêm nội dung báo lỗi, và sẽ tiếp tục quay số kế tiếp trong nhóm.

## Gửi fax bằng phần mềm

Phần này chứa các hướng dẫn căn bản về cách gửi fax bằng phần mềm được cung cấp kèm theo sản phẩm. Tất cả các vấn đề khác liên quan đến phần mềm đều được trình bày trong mục Trợ giúp của phần mềm, trong menu **Help** (Trợ giúp) của chương trình phần mềm.

Bạn có thể fax các tài liệu điện tử từ máy tính nếu bạn đáp ứng các yêu cầu sau:

- Sản phẩm được nối trực tiếp với máy tính hoặc kết nối vào máy tính qua mạng TCP/IP.
- Phần mềm sản phẩm được cài trên máy tính.
- Hệ điều hành của máy tính là Microsoft Windows XP, Windows Vista, Mac OS X v10.3, hoặc Mac OS X v10.4.

### Gửi fax bằng phần mềm (Windows XP hoặc Vista)

Quy trình gửi fax có thể thay đổi tùy theo các thông số kỹ thuật của bạn. Các bước cơ bản nhất bao gồm.

1. Nhấp vào **Start (Bắt đầu)**, nhấp vào **Programs** (Chương trình) (hoặc **All Programs** (Tất cả Chương trình) trong Windows XP), sau đó nhấp vào **Hewlett-Packard**.
2. Nhấp vào **HP LaserJet product** (Sản phẩm HP LaserJet), sau đó nhấp vào **Send fax** (Gửi fax). Phần mềm fax sẽ hiện ra.
3. Điền số fax của một hoặc nhiều người nhận.
4. Nạp tài liệu vào khay tự động nạp tài liệu (ADF).
5. Nạp trang bìa. (Đây là bước tùy chọn.)
6. Nhấp vào **Send Now** (Gửi Ngay).

### Gửi fax bằng phần mềm (Mac OS X v10.3)

1. Nạp tài liệu vào trong khay tự động nạp tài liệu (ADF) hoặc vào trong máy quét hình phẳng.
2. Mở HP Director (Trình Chủ Đạo HP) và nhấp vào **Fax**. Phần mềm fax sẽ hiện ra.
3. Chọn **Fax** trong hộp thoại **Print** (In).
4. Điền số fax của một hoặc nhiều người nhận.
5. Nạp trang bìa (đây là bước tùy chọn).
6. Nhấp vào **Fax**.

### Gửi fax bằng phần mềm (Mac OS X v10.4)

Khi dùng Mac OS X v10.4, bạn có thể chọn một trong hai phương thức gửi fax bằng phần mềm sản phẩm.

Để gửi fax bằng HP Director (Trình Chủ Đạo HP), bạn hãy thực hiện các bước sau:

1. Nạp tài liệu vào trong khay tự động nạp tài liệu (ADF) hoặc vào trong máy quét hình phẳng.
2. Mở HP Director (Trình Chủ Đạo HP) bằng cách nhấp vào bộ đồ, và sau đó nhấp vào **Fax**. Hộp thoại in Apple sẽ hiện ra.
3. Chọn **Fax PDF** (Gửi fax PDF) từ trên menu **PDF** vừa xuất hiện.
4. Điền số fax của một hoặc nhiều người nhận trong **To** (Đến).
5. Chọn sản phẩm trong mục **Modem**.
6. Nhấp vào **Fax**.

Để gửi fax bằng cách in bằng trình điều khiển fax, bạn hãy thực hiện các bước sau:

1. Mở tài liệu mà bạn muốn fax đi.
2. Nhấp vào **File** (Tập tin) và sau đó nhấp vào **Print** (In).
3. Chọn **Fax PDF** (Gửi fax PDF) từ trên menu **PDF** vừa xuất hiện.

4. Điền số fax của một hoặc nhiều người nhận trong **To** (Đến).
5. Chọn sản phẩm trong mục **Modem**.
6. Nhấp vào **Fax**.

### Gửi fax bằng chương trình phần mềm của hãng thứ ba, như Microsoft Word (dùng trên mọi hệ điều hành)


1. Mở tài liệu trong chương trình của hãng thứ ba.
2. Nhấp vào menu **File** (Tập tin), và sau đó nhấp vào **Print** (In).
3. Chọn trình điều khiển in fax trong danh sách các trình điều khiển máy in vừa xuất hiện. Phần mềm fax sẽ hiện ra.
4. Hoàn tất một trong các quy trình sau:
  - **Windows**
    - a. Điền số fax của một hoặc nhiều người nhận.
    - b. Nạp trang bìa. (Đây là bước tùy chọn.)
    - c. Bao gồm bất kỳ trang nào đã nạp vào sản phẩm. (Đây là bước tùy chọn.)
    - d. Nhấp vào **Send Now** (Gửi Ngay).
  - **Macintosh**
    - a. **Mac OS X v10.3:** Chọn **Fax** trong hộp thoại **Print** (In).  
-hoặc-  
**Mac OS X v10.4:** Chọn **Fax PDF** (Gửi fax PDF) từ trên menu **PDF** vừa xuất hiện.
    - b. Điền số fax của một hoặc nhiều người nhận.
    - c. **Mac OS X v10.3:** Nạp trang bìa (đây là bước tùy chọn).  
-hoặc-  
**Mac OS X v10.4:** Chọn sản phẩm trong mục **Modem**.
    - d. Nhấp vào **Fax**.

### Gửi fax bằng cách quay số từ điện thoại kết nối tải về

Đôi khi bạn muốn quay số fax từ điện thoại được kết nối cùng một đường dây với sản phẩm. Ví dụ, nếu bạn đang gửi fax đến người có thiết bị đang ở chế độ nhận theo cách thủ công, bạn sẽ thực hiện cuộc gọi thoại trước khi gửi fax để cho người đó biết rằng có fax đang gửi đến.





**GHI CHÚ:** Điện thoại phải kết nối với cổng “điện thoại” của sản phẩm (  ).

1. Nạp tài liệu vào khay tự động nạp tài liệu (ADF).



**GHI CHÚ:** Bạn không thể dùng máy quét hình phẳng khi gửi fax bằng cách quay số từ điện thoại nhánh.

2. Cầm lấy điện thoại cầm tay được kết nối chung đường dây với sản phẩm. Quay số fax bằng cách dùng bàn phím điện thoại.
3. Khi người nhận trả lời, hãy hướng dẫn người đó cách khởi động máy fax.
4. Khi bạn nghe âm thanh máy fax, bấm **Start Fax (Bắt đầu Fax)**, đợi đến khi thông báo **Connecting** (Đang kết nối) hiện trên màn hình bảng điều khiển, và sau đó gác điện thoại.


## Gửi fax đang tạm hoãn

Dùng bảng điều khiển sản phẩm để lên kế hoạch gửi fax tự động đến một hoặc nhiều người vào thời điểm khác trong tương lai. Sau khi đã hoàn tất quy trình này, sản phẩm sẽ quét tài liệu vào bộ nhớ và sau đó quay trở lại trạng thái Ready (Sẵn sàng).




**GHI CHÚ:** Nếu sản phẩm không gửi fax đi vào thời điểm đã lên kế hoạch, thông tin đó sẽ được thể hiện trên báo cáo lỗi fax (nếu bạn đã bật tùy chọn đó) hoặc được ghi trên nhật ký hoạt động fax. Việc truyền tải tín hiệu sẽ không được tiến hành vì cuộc gọi gửi fax không trả lời, hoặc vì tín hiệu bạn máy làm dừng việc quay số lại.

Nếu bản fax đã được lên kế hoạch để gửi trong tương lai, nhưng cần được cập nhật, hãy gửi thêm thông tin bổ sung dưới dạng tác vụ khác. Tất cả các bản fax được lên kế hoạch gửi đến cùng một số fax cùng lúc sẽ được gửi dưới dạng các bản fax riêng lẻ.

1. Nạp tài liệu vào trong khay tự động nạp tài liệu (ADF) hoặc vào máy quét hình phẳng.
2. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (  ).
3. Bấm các nút mũi tên cho đến khi biểu tượng **Fax functions (Các chức năng fax)** xuất hiện, sau đó bấm **OK**.
4. Bấm các nút mũi tên cho đến khi biểu tượng **Send fax later (Gửi lại fax sau)** xuất hiện, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút chữ số để nhập thời gian.
6. Nếu sản phẩm được cài chế độ thời gian 12-giờ, hãy dùng các nút mũi tên để di chuyển con trỏ qua ký tự thứ tư để chỉnh sang A.M. hoặc P.M. Chọn **1** cho A.M. hoặc chọn **2** cho P.M., và sau đó bấm **OK**.
  - hoặc -
  - Nếu sản phẩm được cài chế độ thời gian 24-giờ, bấm **OK**.
7. Sử dụng các nút chữ số để nhập ngày tháng, sau đó bấm **OK**.
  - hoặc -
  - Chấp nhận ngày tháng mặc định bằng cách bấm **OK**.
8. Điền số fax, điền phím quay số nhanh, hoặc bấm phím công-tắc.

---

 **GHI CHÚ:** Tính năng này không hỗ trợ nhóm chưa xác định (ad hoc).

---

9. Bấm **OK** hoặc **Start Fax (Bắt đầu Fax)**. Sản phẩm sẽ quét tài liệu này vào bộ nhớ và gửi chúng đi vào thời điểm bạn đã chọn.

## Dùng mã truy cập, thẻ tín dụng, hoặc thẻ gọi điện

Để dùng mã truy cập, thẻ tín dụng, hoặc thẻ gọi điện, hãy quay số theo cách thủ công để dùng các mã quay số và khoảng dừng. Xem [Gửi fax bằng cách quay số theo cách thủ công thuộc trang 142](#).

## Gửi fax đi quốc tế

Để gửi fax đến số máy quốc tế, hãy quay số theo cách thủ công để dùng các mã quay số quốc tế và khoảng dừng. Xem [Gửi fax bằng cách quay số theo cách thủ công thuộc trang 142](#).

## Nhận fax

Khi sản phẩm nhận được dữ liệu fax, máy sẽ in ra bản fax (trừ khi bạn đã bật tính năng nhận-riêng) và đồng thời tự động lưu chúng vào bộ nhớ flash.

## In bản fax đã lưu (khi tính năng nhận riêng đã bật)

Để in các bản fax đã lưu, bạn phải nhập mã PIN nhận-riêng. Sau khi sản phẩm đã in bản fax đã lưu, các bản fax này sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút chữ số để nhập mã PIN bảo mật của sản phẩm, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Recv. setup (Cài đặt nhận fax)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Private receive (Nhận riêng)**, sau đó bấm **OK**.
6. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Print faxes (In fax)**, sau đó bấm **OK**.


## In lại bản fax

Nếu bạn muốn in lại một bản fax do hộp mực in đã cạn hoặc nếu bản fax đã in trên loại giấy không đúng, bạn có thể in lại chúng. Lượng bộ nhớ khả dụng sẽ quyết định số trang fax thực sự được lưu trữ để in lại. Bản fax mới nhất sẽ được in đầu tiên; bản fax cũ nhất trong bộ nhớ lưu trữ sẽ được in sau cùng.

Các bản fax này được lưu liên tiếp nhau. Việc in lại chúng sẽ không làm máy xóa chúng khỏi bộ nhớ. Để xóa những bản fax này khỏi bộ nhớ, xem [Xóa bản fax khỏi bộ nhớ thuộc trang 139](#).

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax functions (Các chức năng fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Reprint last (In lại bản cuối)**, sau đó bấm **OK**. Sản phẩm sẽ bắt đầu in lại bản fax mới được in ra.

---

 **GHI CHÚ:** Để dừng tác vụ in ấn này lại, bấm **Cancel (Hủy bỏ)**.

---

---


△ **THẬN TRỌNG:** Nếu chế độ **Reprint faxes** (In lại fax) được cài sang **Off (Tắt)**, các bản fax cũ hoặc in sai sẽ không được in lại.

---

## Nhận fax khi bạn nghe kiểu chuông fax trên đường dây điện thoại

Nếu bạn dùng một đường dây điện thoại để nhận cả fax và cuộc gọi thoại, và nghe kiểu chuông fax khi bạn trả lời điện thoại, bạn có thể bắt đầu quá trình nhận fax bằng một trong hai cách sau:

- Nếu bạn ở gần sản phẩm, hãy bấm **Start Fax (Bắt đầu Fax)** trên bảng điều khiển.
- Khi bạn trả lời bất kỳ cuộc gọi nào dùng đường dây (điện thoại nhánh) và nghe kiểu chuông fax, sản phẩm sẽ bắt đầu tự động trả lời cuộc gọi đó. Nếu không, hãy bấm chuỗi phím 1-2-3 trên bàn phím điện thoại, lắng nghe âm truyền tín hiệu fax, và sau đó hãy gác máy.

 **GHI CHÚ:** Để dùng cách thứ hai để nhận, bạn phải cài tính năng điện thoại nhánh sang trạng thái **Yes (Có)**. Xem [Chuẩn bị một điện thoại nhánh để nhận fax thuộc trang 137](#) để kiểm tra hoặc thay đổi thông số này.

---

## Xem bản fax đã được gửi đến máy tính bạn

Để xem các bản fax trên máy tính, bạn phải cấu hình sản phẩm để máy có thể nhận fax đến máy tính. Xem [Chỉnh thông số cài đặt để máy tính có thể nhận fax được thuộc trang 135](#).

1. Mở HP ToolboxFX.
2. Chọn sản phẩm.
3. Nhấp vào **Fax**.
4. Nhấp vào **Fax Receive Log** (Nhật ký Nhận Fax).
5. Trên cột **Fax Image** (Hình ảnh Fax), nhấp vào liên kết “view” (“xem”) của bản fax mà bạn muốn xem.

 **GHI CHÚ:** Máy Macintosh không hỗ trợ nhận fax qua máy tính.

---

# Giải quyết sự cố khi fax

## Thông báo lỗi fax

Các thông báo cảnh báo và cảnh giác có thể tạm thời xuất hiện và yêu cầu người sử dụng xác nhận thông báo này bằng cách bấm **OK** để tiếp tục làm việc hoặc bấm **Cancel** (Hủy) để hủy tác vụ này. Đối với một số loại cảnh báo, tác vụ có thể sẽ không thể hoàn tất hoặc chất lượng bản in sẽ bị ảnh hưởng. Nếu thông báo cảnh báo hoặc cảnh giác có liên quan đến việc in ấn và bạn đã bật tính năng tự-động-tiếp-tục, sản phẩm sẽ thử tiếp tục tác vụ in sau khi thông báo cảnh báo xuất hiện khoảng 10 giây mà không được xác nhận đã xem.

## Bảng thông báo cảnh báo và cảnh giác

**Bảng 10-1** Thông báo cảnh báo và cảnh giác

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
<b>Bộ nhớ fax đã đầy</b> Đang hủy tác vụ nhận.	Trong quá trình truyền tín hiệu fax, sản phẩm đã cạn bộ nhớ. Chỉ những trang nào vừa đủ bộ nhớ mới được in ra.	In tất cả các bản fax, và sau đó nhờ người gửi gửi lại bản fax đó. Bạn hãy nhờ người gửi chia tác vụ fax ra làm nhiều tác vụ nhỏ trước khi gửi. Hủy tất cả các tác vụ fax hoặc xóa các bản fax trong bộ nhớ. Xem <a href="#">Xóa bản fax khỏi bộ nhớ thuộc trang 139</a> .  Lưu ý: Việc lắp thêm thanh DIMM sẽ không giúp giải quyết vấn đề này.
<b>Bộ nhớ fax đã đầy</b> Đang hủy tác vụ gửi	Trong khi thực hiện tác vụ fax, bộ nhớ đã bị đầy. Tất cả các trang của bản fax phải được lưu vào bộ nhớ để tác vụ fax có thể tiến hành bình thường. Chỉ những trang nào vừa đủ bộ nhớ mới được gửi đi.	In tất cả các bản fax đã nhận hoặc đợi đến khi các bản fax đang chờ được gửi đi.  Nhờ người gửi gửi lại bản fax.  Hủy tất cả các tác vụ fax hoặc xóa các bản fax trong bộ nhớ. Xem <a href="#">Xóa bản fax khỏi bộ nhớ thuộc trang 139</a> .
<b>Fax đang bận</b> Đã hủy việc gửi	Đường dây fax mà bạn đang gửi bản fax đi hiện đang bận. Sản phẩm đã hủy tác vụ gửi fax đi.	Gọi người nhận để đảm bảo rằng máy fax của họ đang bật và sẵn sàng nhận fax.  Kiểm tra xem bạn đang quay đúng số fax hay không.  Kiểm tra xem tùy chọn <b>Redial if busy</b> (Quay số lại nếu máy bận) có được bật hay không.  Kiểm tra xem kiểu chuông gọi điện trên đường dây điện thoại bằng cách bấm <b>Start Fax (Bắt đầu Fax)</b> .  Kiểm tra để đảm bảo rằng điện thoại đang hoạt động bình thường bằng cách ngắt kết nối sản phẩm, lắp đường dây điện thoại vào điện thoại, và thử gọi điện thoại bằng máy đó.  Cắm đường dây điện thoại của sản phẩm vào khe cắm đường dây điện thoại khác, và sau đó thử gửi fax lại lần nữa.  Thử dùng dây điện thoại khác.  Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem <a href="http://www.hp.com/support/ljm1522">www.hp.com/support/ljm1522</a> hoặc các tờ bươm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.

**Bảng 10-1 Thông báo cảnh báo và cảnh giác (còn tiếp)**

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
<b>Fax bị tạm hoãn – Bộ nhớ gửi bị đầy</b>	Bộ nhớ fax đã bị đầy.	Hủy bản fax bằng cách bấm <b>OK</b> hoặc <b>Cancel</b> (Hủy bỏ). Gửi lại bản fax. Bạn sẽ cần gửi lại bản fax làm nhiều lần nếu lỗi này xuất hiện trở lại.
<b>Không có Âm Quay số</b>	Sản phẩm không thể xác định âm quay số.	<p>Kiểm tra xem kiểu chuông quay số trên đường dây điện thoại bằng cách bấm <b>Start Fax</b> (Bắt đầu Fax).</p> <p>Tháo đường dây điện thoại khỏi sản phẩm lần ổ cắm trên tường và cắm dây trở lại.</p> <p>Hãy đảm bảo rằng bạn đang sử dụng đường dây điện thoại bán kèm theo sản phẩm.</p> <p>Tháo dây điện thoại của sản phẩm khỏi ổ cắm trên tường, cắm vào một máy điện thoại, và gọi điện bằng máy đó.</p> <p>Cắm dây điện thoại của sản phẩm vào khe cắm của đường dây điện thoại khác. Xem <a href="#">Kết nối với một đường dây điện thoại thuộc trang 117</a>.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem <a href="http://www.hp.com/support/ljm1522">www.hp.com/support/ljm1522</a> hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p>
<b>Không dò được máy fax nào</b>	Sản phẩm đã trả lời cuộc gọi đến nhưng không xác định được máy fax nào đang gọi.	<p>Cho phép sản phẩm thử nhận lại bản fax.</p> <p>Thử dùng dây điện thoại khác.</p> <p>Cắm dây điện thoại của sản phẩm vào khe cắm của đường dây điện thoại khác.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem <a href="http://www.hp.com/support/ljm1522">www.hp.com/support/ljm1522</a> hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p>
<b>Lỗi truyền tín hiệu</b>	Lỗi truyền tín hiệu fax xuất hiện giữa sản phẩm và người gửi hoặc người nhận.	<p>Cho phép sản phẩm thử gửi lại bản fax. Tháo dây điện thoại của sản phẩm khỏi ổ cắm trên tường, cắm vào một máy điện thoại, và gọi điện bằng máy đó. Cắm dây điện thoại của sản phẩm vào khe cắm của đường dây điện thoại khác.</p> <p>Thử dùng dây điện thoại khác.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem <a href="http://www.hp.com/support/ljm1522">www.hp.com/support/ljm1522</a> hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p>
<b>Lỗi Gửi Fax</b>	Lỗi xuất hiện khi đang thử gửi fax.	<p>Thử gửi lại bản fax.</p> <p>Thử gửi fax đến số máy fax khác.</p> <p>Kiểm tra xem kiểu chuông gọi điện trên đường dây điện thoại bằng cách bấm <b>Start Fax</b> (Bắt đầu Fax).</p> <p>Kiểm tra xem đường dây điện thoại có được gắn an toàn hay không bằng cách tháo dây ra và lắp vào trở lại.</p>

**Bảng 10-1 Thông báo cảnh báo và cảnh giác (còn tiếp)**

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
		<p>Hãy đảm bảo rằng bạn đang sử dụng đường dây điện thoại bán kèm theo sản phẩm.</p> <p>Kiểm tra để đảm bảo rằng điện thoại đang hoạt động bình thường bằng cách ngắt kết nối sản phẩm, lắp đường dây điện thoại vào điện thoại, và thử gọi điện thoại bằng máy đó.</p> <p>Kết nối sản phẩm với đường dây điện thoại khác.</p> <p>Chỉnh độ phân giải fax sang <b>Standard</b> Tiêu chuẩn thay vì giá trị mặc định là <b>Fine</b> (Mịn). Xem <a href="#">Cài đặt độ tương phản thuộc trang 129</a>.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem <a href="http://www.hp.com/support/ljm1522">www.hp.com/support/ljm1522</a> hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p>
<b>Máy chưa gửi tài liệu</b>	Sản phẩm chưa quét trang tài liệu nào, hoặc máy chưa nhận trang nào từ máy tính để truyền fax đi.	Thử gửi lại bản fax lần nữa.
<b>Máy fax đang bận Tạm hoãn quay số lại</b>	Đường dây fax mà bạn đang gửi bản fax đi hiện đang bận. Sản phẩm sẽ tự động quay lại số điện thoại bận. Xem <a href="#">Cài chế độ tự quay số lại thuộc trang 128</a> .	<p>Cho phép sản phẩm thử gửi lại bản fax.</p> <p>Gọi người nhận để đảm bảo rằng máy fax của họ đang bật và sẵn sàng nhận fax.</p> <p>Kiểm tra xem bạn đang quay đúng số fax hay không.</p> <p>Kiểm tra xem kiểu chuông gọi điện trên đường dây điện thoại bằng cách bấm <b>Start Fax (Bắt đầu Fax)</b>.</p> <p>Kiểm tra để đảm bảo rằng điện thoại đang hoạt động bình thường bằng cách ngắt kết nối sản phẩm, lắp đường dây điện thoại vào điện thoại, và thử gọi điện thoại bằng máy đó.</p> <p>Cắm đường dây điện thoại của sản phẩm vào khe cắm đường dây điện thoại khác, và thử gửi fax lại lần nữa.</p> <p>Thử dùng dây điện thoại khác.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem <a href="http://www.hp.com/support/ljm1522">www.hp.com/support/ljm1522</a> hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p>
<b>Máy fax không trả lời. Đã hủy tác vụ gửi</b>	Máy đã thử quay lại số fax nhưng không được, hoặc bạn đã tắt tùy chọn "Redial-no answer" ("Quay số lại nếu không có tín hiệu trả lời").	<p>Gọi người nhận để đảm bảo rằng máy fax của họ đang bật và sẵn sàng nhận fax.</p> <p>Kiểm tra xem bạn đang quay đúng số fax hay không.</p> <p>Kiểm tra xem tùy chọn quay số lại có được bật hay không.</p> <p>Tháo đường dây điện thoại khỏi sản phẩm lần ỏ cắm trên tường và cắm dây trở lại.</p>

**Bảng 10-1 Thông báo cảnh báo và cảnh giác (còn tiếp)**

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
		<p>Tháo dây điện thoại của sản phẩm khỏi ổ cắm trên tường, cắm vào một máy điện thoại, và gọi điện bằng máy đó.</p> <p>Cắm dây điện thoại của sản phẩm vào khe cắm của đường dây điện thoại khác.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem <a href="http://www.hp.com/support/ljm1522">www.hp.com/support/ljm1522</a> hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p>
<b>Máy fax không trả lời Đang chờ quay số lại</b>	Đường dây nhận fax không có tín hiệu trả lời. Sản phẩm sẽ thử quay số lại sau một vài phút.	<p>Cho phép sản phẩm thử gửi lại bản fax.</p> <p>Gọi người nhận để đảm bảo rằng máy fax của họ đang bật và sẵn sàng nhận fax.</p> <p>Kiểm tra xem bạn đang quay đúng số fax hay không.</p> <p>Nếu sản phẩm tiếp tục quay số lại, hãy tháo dây điện thoại của sản phẩm khỏi ổ cắm trên tường, cắm vào một máy điện thoại, và gọi điện bằng máy đó.</p> <p>Cắm dây điện thoại của sản phẩm vào khe cắm của đường dây điện thoại khác.</p> <p>Thử dùng dây điện thoại khác.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem <a href="http://www.hp.com/support/ljm1522">www.hp.com/support/ljm1522</a> hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p>
<b>Mục không hợp lệ</b>	Câu trả lời hoặc dữ liệu không hợp lệ.	Sửa lại mục nhập này.
<b>Nhận fax lỗi</b>	Lỗi xuất hiện khi đang thử nhận fax.	<p>Nhờ người gửi gửi lại bản fax.</p> <p>Thử gửi fax ngược lại cho người gửi hoặc gửi đến máy fax khác.</p> <p>Kiểm tra xem kiểu chuông gọi điện trên đường dây điện thoại bằng cách bấm <b>Start Fax (Bắt đầu Fax)</b>.</p> <p>Kiểm tra xem đường dây điện thoại có được gắn an toàn hay không bằng cách tháo dây ra và lắp vào trở lại.</p> <p>Hãy đảm bảo rằng bạn đang sử dụng đường dây điện thoại bán kèm theo sản phẩm.</p> <p>Kiểm tra để đảm bảo rằng điện thoại đang hoạt động bình thường bằng cách ngắt kết nối sản phẩm, lắp đường dây điện thoại vào điện thoại, và thử gọi điện thoại bằng máy đó.</p> <p>Giảm tốc độ fax. Xem <a href="#">Giảm tốc độ fax thuộc trang 159</a>. Nhờ người gửi gửi lại bản fax.</p> <p>Tắt chế độ sửa-lỗi. Xem <a href="#">Chỉnh chế độ sửa-lỗi-fax thuộc trang 159</a>. Nhờ người gửi gửi lại bản fax.</p>

**Bảng 10-1 Thông báo cảnh báo và cảnh giác (còn tiếp)**

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
		Kết nối sản phẩm với đường dây điện thoại khác.  Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem <a href="http://www.hp.com/support/ljm1522">www.hp.com/support/ljm1522</a> hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.
Tính năng quay số nhóm không được phép dùng cho nhóm.	Mã quay-số-nhanh mà bạn vừa gõ vào được gán cho một nhóm. Máy không cho phép thêm mục quay-số-nhóm vào một mục quay-số-nhóm khác.	Thêm các nút công-tắc (được cài dưới dạng phím quay số nhanh riêng lẻ) hoặc mã quay-số-nhanh vào mục quay-số-nhóm.

## Bộ nhớ fax được lưu giữ trong trường hợp mất điện

Bộ nhớ flash HP LaserJet M1522 MFP sẽ bảo vệ chống mất dữ liệu khi bị mất điện. Các thiết bị fax khác lưu các trang fax trong RAM thường hoặc RAM tạm thời. RAM thường sẽ lập tức bị mất dữ liệu khi mất điện, trong khi RAM tạm thời sẽ mất dữ liệu khoảng 60 phút sau khi mất điện. Bộ nhớ flash có thể lưu trữ tài liệu trong nhiều năm mà không cần có điện.

## Các báo cáo và nhật ký fax

Dùng những hướng dẫn sau đây để in các báo cáo và nhật ký fax:

### In tất cả các báo cáo fax

Dùng quy trình này để in tất cả các báo cáo sau đây cùng lúc:

- Nhật ký hoạt động fax
- Báo cáo danh bạ
- Báo cáo cấu hình
- Số lượng trang đã dùng
- Danh sách chặn-fax
- Báo cáo cước phí (nếu bạn đã bật tùy chọn này)

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Reports (Báo cáo)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Reports (Báo cáo Fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **All fax reports (Tất cả báo cáo fax)**, sau đó bấm **OK**. Sản phẩm sẽ thoát khỏi cài đặt menu và in các báo cáo.




## In các báo cáo fax riêng

Dùng bảng điều khiển để in các báo cáo và nhật ký fax sau:

- **Nhật ký hoạt động fax:** Cung cấp nội dung hoạt động theo trình tự thời gian của 40 bản fax mới nhất vừa nhận được, gửi đi, hoặc xóa, và bất kỳ lỗi nào đã xuất hiện.
- **Báo cáo danh bạ:** Liệt kê các số fax đã được gán vào các mục trong danh bạ, bao gồm các phím quay số nhanh và mục quay-số-nhóm.
- **Danh sách chặn-fax:** Liệt kê các số fax đã bị chặn không cho gửi fax đến sản phẩm.
- **Báo cáo cuộc gọi mới nhất:** Cung cấp các thông tin về bản fax mới nhất được gửi hoặc nhận bằng sản phẩm.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Reports (Báo cáo)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Reports (Báo cáo Fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn báo cáo bạn sẽ in, sau đó bấm **OK**. Sản phẩm sẽ thoát khỏi cài đặt menu và in bản báo cáo.

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn đã chọn **Fax Activity log (Nhật ký Hoạt động Fax)** và bấm **OK**, bấm **OK** lần nữa để chọn **Print log now (In nhật ký ngay)**. Sản phẩm sẽ thoát khỏi cài đặt menu và in nhật ký.

## Chỉnh máy để tự động in nhật ký hoạt động fax


Bạn có thể quyết định có muốn in nhật ký fax một cách tự động sau khi máy lưu được 40 mục hay không. Thông số cài đặt mặc định gốc là **On (Bật)**. Dùng các bước sau đây để chỉnh máy tự động in nhật ký hoạt động fax:

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Reports (Báo cáo)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Reports (Báo cáo Fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Activity log (Nhật ký hoạt động fax)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Auto Log Print (Tự động In Nhật ký)**, sau đó bấm **OK**.
6. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)**, sau đó bấm **OK** để xác nhận lựa chọn đó.

## Chỉnh máy in báo cáo lỗi fax

Báo cáo lỗi fax là báo cáo ngắn gọn cho biết sản phẩm đã gặp lỗi tác vụ fax. Chúng có thể được chỉnh để in sau khi xảy ra các sự cố sau:

- Mỗi loại lỗi fax (cài đặt mặc định gốc)
- Lỗi gửi fax
- Lỗi nhận fax
- Không bao giờ

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn chọn **Never** (Không bao giờ), bạn sẽ không nhận được thông báo không gửi được fax, trừ khi bạn in nhật ký hoạt động fax.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↖).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Reports (Báo cáo)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Reports (Báo cáo Fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Error report (báo cáo Lỗi Fax)**, sau đó bấm **OK**.
5. Dùng các nút mũi tên để chọn tùy chọn khi nào bạn muốn in các báo cáo lỗi fax.
6. Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.

## Chỉnh máy in báo cáo xác nhận fax

Báo cáo xác nhận là loại báo cáo ngắn gọn cho biết sản phẩm đã được gửi hoặc nhận thành công. Chúng có thể được chỉnh để in sau khi xảy ra các sự cố sau:

- Mỗi tác vụ fax
- Gửi fax
- Nhận fax
- Không (cài đặt mặc định gốc)

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↖).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Reports (Báo cáo)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Reports (Báo cáo Fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Confirmation (Xác nhận Fax)**, sau đó bấm **OK**.
5. Dùng các nút mũi tên để chọn tùy chọn khi nào bạn muốn in các báo cáo lỗi fax.
6. Bấm **OK** để lưu lại chọn lựa.

## Bao gồm trang đầu tiên của từng bản fax trong phần xác nhận fax, lỗi fax, và báo cáo cuộc gọi mới nhất

Nếu tùy chọn này đã được bật và ảnh trang này vẫn còn trong bộ nhớ sản phẩm, cấu hình fax, lỗi fax, và báo cáo cuộc gọi mới nhất sẽ được bao gồm trong ảnh thu nhỏ (giảm 50%) của trang đầu tiên của bản fax mới nhất vừa nhận được hoặc gửi đi. Thông số cài đặt mặc định gốc cho tùy chọn này là **On (Bật)**.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↖).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Reports (Báo cáo)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Reports (Báo cáo Fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Include 1st page (Bao gồm trang thứ 1)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)**, và sau đó bấm **OK** để xác nhận lựa chọn đó.

## Đổi tính năng sửa lỗi và tốc độ fax

### Chỉnh chế độ sửa-lỗi-fax

Thông thường, sản phẩm sẽ theo dõi các tín hiệu của đường dây điện thoại trong khi gửi hoặc nhận fax. Nếu sản phẩm phát hiện lỗi trong khi truyền tín hiệu và thông số sửa-lỗi là **On (Bật)**, sản phẩm sẽ yêu cầu gửi lại một phần của bản fax đó. Thông số cài đặt mặc định gốc cho thông số sửa lỗi là **On (Bật)**.

Bạn chỉ nên tắt tính năng sửa lỗi nếu bạn đang gặp sự cố khi gửi hoặc nhận fax, và bạn sẵn sàng chấp nhận lỗi trong khi truyền tín hiệu. Việc tắt thông số này có thể sẽ hữu ích nếu bạn đang thử fax ra nước ngoài hoặc nhận fax từ nước ngoài, hoặc nếu bạn đang kết nối với hệ thống điện thoại vệ tinh.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↶).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **All faxes (Tắt cả fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Error correction (Sửa lỗi)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **On (Bật)** hoặc **Off (Tắt)**, và sau đó bấm **OK** để lưu lại lựa chọn.

### Giảm tốc độ fax

Thông số tốc-độ-fax chính là giao thức của modem mà sản phẩm dùng để gửi fax. Đó chính là tiêu chuẩn toàn cầu cho các modem hai-đường-truyền dùng để gửi và nhận dữ liệu qua đường dây điện thoại với tốc độ đạt 33.600 bit mỗi giây (bps). Cài đặt mặc định gốc cho thông số tốc-độ-fax là **High (V.34)** (Cao (V.34)).

Bạn chỉ nên thay đổi thông số này nếu bạn đang gặp sự cố khi gửi fax hoặc nhận fax qua thiết bị cụ thể nào đó. Việc giảm tốc độ fax có thể sẽ hữu ích nếu bạn đang thử fax ra nước ngoài, hoặc nhận fax từ nước ngoài, hoặc nếu bạn đang kết nối với hệ thống điện thoại vệ tinh.

1. Trên bảng điều khiển, bấm **Setup (Cài đặt)** (↶).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax setup (Cài đặt fax)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **All faxes (Tắt cả fax)**, sau đó bấm **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Fax Speed (Tốc độ Fax)**, sau đó bấm **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn thông số tốc độ, sau đó bấm **OK**.


## Các sự cố khi gửi fax

Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
Tài liệu sẽ dừng nạp tín hiệu trong quá trình fax.	Độ dài tối đa của trang mà bạn có thể nạp là 381 mm. Máy sẽ dừng fax trang dài đến mức 381 mm (15 inch).	In tài liệu trên giấy loại ngắn hơn.  Nếu máy không bị kẹt giấy và bạn đã đợi hơn một phút, hãy đợi thêm một chút trước khi bấm <b>Cancel (Hủy bỏ)</b> . Nếu máy bị kẹt giấy, hãy lấy miếng giấy bị kẹt ra. Sau đó, hãy thực hiện lại tác vụ này.
	Tài liệu này quá nhỏ, tài liệu có thể bị kẹt trong khay tự động nạp tài liệu (ADF).	Sử dụng máy quét hình phẳng. Kích thước tối thiểu dùng cho khay ADF là 127 x 127 mm.  Nếu máy bị kẹt giấy, hãy lấy miếng giấy bị kẹt ra. Sau đó, hãy thực hiện lại tác vụ này.
Fax bị dừng trong khi đang gửi.	Máy nhận fax có thể có chức năng bị hỏng.	Thử gửi đến máy fax khác.
	Đường dây điện thoại có thể không hoạt động.	Thực hiện một trong các bước sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>● Bật âm lượng trên sản phẩm, và sau đó bấm <b>Start Fax (Bắt đầu Fax)</b> trên bảng điều khiển. Nếu bạn nghe âm gọi điện, đường dây điện thoại vẫn hoạt động.</li> <li>● Ngắt sản phẩm khỏi khe cắm trên tường, và sau đó kết nối điện thoại vào khe cắm đó. Thử gọi điện để xác minh xem đường dây điện thoại có hoạt động hay không.</li> </ul>
	Lỗi truyền tín hiệu có thể làm ngắt tác vụ fax.	Thay đổi thông số gọi-lại-do-lỗi-truyền-thông sang <b>On (Bật)</b> .
Sản phẩm nhận fax nhưng không gửi đi được.	Nếu sản phẩm đang kết nối vào hệ thống kỹ thuật số, hệ thống này có thể tạo ra âm quay số mà sản phẩm không thể nhận dạng được.	Tắt thông số dò-tìm-âm-quay-số.  Nếu máy vẫn còn báo lỗi, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hệ thống.
	Máy gặp tình trạng kết nối điện thoại kém.	Thử lại sau.
	Máy nhận fax có thể có chức năng bị hỏng.	Thử gửi đến máy fax khác.
	Đường dây điện thoại có thể không hoạt động.	Thực hiện một trong các bước sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>● Bật âm lượng trên sản phẩm, và bấm trên bảng điều khiển <b>Start Fax (Bắt đầu Fax)</b>. Nếu bạn nghe âm gọi điện, thì đường dây điện thoại vẫn hoạt động.</li> <li>● Ngắt kết nối sản phẩm khỏi khe cắm điện thoại và nối vào điện thoại. Thử gọi điện để xác minh xem đường dây điện thoại có hoạt động hay không.</li> </ul>

Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
Các cuộc gọi fax đi vẫn tiếp tục được quay.	Sản phẩm tự động quay lại số fax nếu bạn đã chỉnh tùy chọn quay số lại sang <b>On (Bật)</b> .	Để làm sản phẩm ngừng quay lại số fax, bấm <b>Cancel (Hủy bỏ)</b> . Hoặc thay đổi thông số quay số lại.
Các bản fax gửi đi không đến được máy nhận fax.	Máy nhận fax có thể đang tắt hoặc ở trong tình trạng lỗi, ví dụ như đang bị hết giấy.	Bạn hãy gọi cho người nhận để xác minh xem máy fax có bật và sẵn sàng để nhận fax hay không.
	Các tài liệu gốc có thể đã được nạp không đúng cách.	Xác minh xem các tài liệu gốc có được nạp đúng cách vào khay nạp giấy ADF hoặc máy quét hình phẳng hay không.
	Bộ nhớ có thể hiện đang lưu bản fax vì máy đang đợi để quay lại số đang bận, các tác vụ khác đang chờ được gửi đi, hoặc bản fax đã được cài để tạm hoãn gửi đi.	Nếu tác vụ fax vẫn còn trong bộ nhớ vì lý do nào đó, một mục tác vụ sẽ xuất hiện trên nhật ký fax. In nhật ký hoạt động fax và kiểm tra trong cột <b>Status</b> (Trạng thái) để xem có tác vụ nào được gán là <b>Pending</b> (Đang chờ) hay không.
Các bản fax đã gửi có hiện một dãy màu tối ở cuối mỗi trang.	Kích thước kính-fax có thể được chỉnh không đúng.	Kiểm tra xem các thông số có đúng hay không.
Các bản fax được gửi bị thiếu dữ liệu ở phần cuối mỗi trang.	Kích thước kính-fax có thể được chỉnh không đúng.	Kiểm tra xem các thông số có đúng hay không.
Bảng điều khiển hiện thông báo lỗi hết-bộ-nhớ.	Bản fax có thể quá lớn, hoặc độ phân giải quá cao.	Thử một trong các cách sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chia bản fax ra làm nhiều phần nhỏ, và sau đó fax chúng đi từng phần.</li> <li>• Xóa các bản fax đã lưu để giải phóng bớt bộ nhớ dùng cho các bản fax gửi đi.</li> <li>• Chỉnh cấu hình fax gửi đi thành fax tạm hoãn, và sau đó xác minh lại xem chúng có được gửi đi không.</li> <li>• Kiểm tra để đảm bảo sản phẩm đang sử dụng thông số độ phân giải thấp nhất (<b>Standard</b> (Tiêu chuẩn)).</li> </ul>

## Các sự cố khi nhận fax

Dùng bảng trong phần này để giải quyết sự cố có thể xảy ra khi nhận fax.

 **GHI CHÚ:** Dùng dây fax bán kèm theo sản phẩm để đảm bảo rằng sản phẩm hoạt động bình thường.

Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
Sản phẩm sẽ không thể nhận fax từ điện thoại nhánh.	Bạn phải tắt tính năng điện-thoại-nhánh.	Thay đổi thông số điện-thoại-nhánh.
	Dây fax có thể được nối một cách không an toàn.	Xác minh xem dây fax có nối giữa khe cắm điện thoại và sản phẩm (hoặc thiết bị khác được nối vào sản phẩm) hay không. Bấm chuỗi số 1-2-3, đợi khoảng ba giây, và sau đó hãy gác máy.
Sản phẩm sẽ không trả lời các cuộc gọi fax đến.	Chế độ quay số của sản phẩm có thể bị chỉnh không đúng, hoặc điện thoại nhánh có thể được chỉnh chưa đúng.	Kiểm tra xem chế độ quay số của sản phẩm có được chỉnh sang <b>Tone</b> (Âm) hay không. Đồng thời kiểm tra để xác minh xem điện thoại nhánh có được cài chế độ quay số qua âm thanh hay không.
	Chế độ trả lời có thể đã được chỉnh sang <b>Manual (Thủ công)</b> .	Nếu chế độ trả lời được cài sang <b>Manual (Thủ công)</b> , sản phẩm sẽ không trả lời các cuộc gọi. Bắt đầu quá trình nhận-fax theo cách thủ công.
	Thông số đồ-chuông-trả-lời chưa được chỉnh đúng.	Kiểm tra thông số đồ-chuông-trả-lời để xác minh xem chúng có được chỉnh đúng.
	Tính năng kiểu chuông-trả-lời có thể đã bật, nhưng bạn không có dùng dịch vụ này, hoặc bạn đã cài dịch vụ và tính năng không chính xác.	Kiểm tra tính năng kiểu chuông-trả-lời để xác minh xem chúng có được chỉnh đúng.
	Đường dây fax có thể được kết nối không đúng cách, hoặc đường dây fax không hoạt động.	Xem phần hướng dẫn bắt đầu sử dụng để kiểm tra quá trình cài đặt. Xác minh rằng bạn đang sử dụng đường dây fax bán kèm theo sản phẩm.
	Sản phẩm sẽ không thể dò được âm fax gửi đến vì máy trả lời đang phát thông điệp bằng lời nói.	Ghi lại thông báo của máy trả lời, để máy im lặng trong ít nhất hai giây vào khi bắt đầu thông điệp.
	Đường dây điện thoại có thể hiện kết nối với quá nhiều thiết bị.	Không được kết nối nhiều hơn ba thiết bị vào đường dây. Tháo thiết bị cuối cùng được kết nối và xem thử xem sản phẩm có hoạt động hay không. Nếu không, tiếp tục tháo lần lượt từng thiết bị và thử lại sau khi tháo từng cái.
	Đường dây điện thoại có thể không hoạt động.	Thực hiện một trong các bước sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>Tăng âm lượng trên sản phẩm, và sau đó bấm <b>Start Fax (Bắt đầu Fax)</b> trên bảng điều khiển. Nếu bạn nghe âm gọi điện, thì đường dây điện thoại vẫn hoạt động.</li> <li>Ngắt kết nối sản phẩm khỏi khe cắm điện thoại, và sau đó nối vào điện thoại. Thử gọi điện để xác minh xem đường dây điện thoại có hoạt động hay không.</li> </ul>

Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
Sản phẩm không trả lời các cuộc gọi fax gọi đến.	Dịch vụ thông-báo-lời-thoại có thể ảnh hưởng đến sản phẩm khi máy thử trả lời các cuộc gọi.	Thực hiện một trong các bước sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>Tắt dịch vụ thông báo.</li> <li>Dùng đường dây điện thoại chuyên dùng cho các cuộc gọi fax.</li> <li>Chỉnh chế độ trả lời của sản phẩm sang <b>Manual (Thủ công)</b>. Trong chế độ thủ công, bạn phải tự mình bắt đầu tiến hành quy trình nhận-fax.</li> <li>Bạn để cho sản phẩm chỉnh sang chế độ tự động và giảm số lần đổ-chuông-trả-lời của sản phẩm xuống mức nhỏ hơn số lần đổ-chuông-trả-lời dành cho hộp thư thoại. Sản phẩm sẽ trả lời tất cả các cuộc gọi đến.</li> </ul>
	Sản phẩm có thể bị hết giấy và bộ nhớ bị đầy.	Nạp thêm giấy vào khay nạp giấy. Bấm <b>OK</b> . Sản phẩm sẽ in tất cả các bản fax lưu trữ trong bộ nhớ và sau đó sẽ tiếp tục trả lời các cuộc gọi fax.
Sản phẩm sẽ trả lời các cuộc gọi thoại cũng như cuộc gọi fax.	Chế độ trả lời có thể chưa được cài đúng.	Chỉnh chế độ trả lời sang <b>Fax/Tel</b> (Fax/Điện thoại).
Máy không in các bản fax.	Khay nạp giấy đã cạn.	Nạp giấy. Bất kỳ bản fax nào máy nhận trong khi khay nạp giấy đang cạn sẽ được lưu vào bộ nhớ và sẽ được in ra sau khi bạn đã nạp đầy khay.
	Tùy chọn nhận nhận-vào-máy-tính có thể đã được chọn, và các bản fax sẽ được nhận qua máy tính.	Kiểm tra để xác định xem máy tính có nhận được fax hay không.
	Sản phẩm đã gặp lỗi.	Xem bảng điều khiển để biết thông báo lỗi, và sau đó xem <a href="#">Thông báo lỗi fax thuộc trang 152</a> .
Các bản fax được in trên hai trang thay vì một.	Thông số tự động giảm chưa được chỉnh đúng.	Bật thông số tự động giảm.
	Các bản fax gửi đến có thể được gửi đi dưới dạng giấy khổ lớn.	Hiệu chỉnh thông số tự động giảm để cho phép máy in trang khổ lớn trên cùng một trang.
Các bản fax quá mờ, chứa giấy trắng, hoặc có chất lượng in kém.	Sản phẩm có thể bị hết mực trong khi in fax.	Sản phẩm sẽ lưu lại các bản fax mới được in ra. (Lượng bộ nhớ khả dụng sẽ quyết định số trang fax thực sự được lưu trữ để in lại.) Bạn hãy thay hộp mực in ngay lập tức, và sau đó hãy in lại bản fax.
	Bản fax được gửi đến quá mờ.	Hãy liên hệ với người gửi và nhờ người gửi gửi lại bản fax đó sau khi đã hiệu chỉnh thông số độ tương phản trên máy họ.

## Các sự cố về hoạt động của máy

Sự cố	Nguyên nhân	Cách giải quyết
Các bản fax gửi đi hoặc nhận về quá chậm.	Bản fax có thể rất phức tạp, ví dụ như chứa nhiều hình ảnh.	Các bản fax phức tạp sẽ khiến mất nhiều thời gian để gửi hoặc nhận. Việc chia nhỏ các bản fax dài ra nhiều tác vụ nhỏ và giảm độ phân giải có thể làm tăng tốc độ truyền tín hiệu.
	Máy nhận fax có thể đang cài tốc độ modem chậm.	Sản phẩm chỉ gửi fax với tốc độ modem nhanh nhất mà máy nhận fax có thể chấp nhận được.
	Bản fax được gửi đi hoặc nhận được có thể có độ phân giải quá cao.	Để nhận fax, hãy gọi điện và yêu cầu người gửi hạ thấp độ phân giải và gửi lại bản fax đó. Để gửi fax, hãy hạ thấp độ phân giải và gửi lại bản fax đó.
	Đường dây điện thoại có thể đang bị nhiễu.	Gác máy và gửi lại bản fax. Nhờ công ty điện thoại kiểm tra đường dây điện thoại.  Nếu bản fax được gửi qua đường dây điện thoại kỹ thuật số, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.
	Bản fax đang được gửi qua cuộc gọi quốc tế.	Cho phép dành nhiều thời gian để thực hiện tác vụ fax đi quốc tế.
	Tài liệu gốc có trang nền màu.	In lại tài liệu gốc trên nền giấy trắng, và sau đó fax lại trang đó.
Nhật ký hoạt động fax hoặc các báo cáo cuộc gọi fax đang in vào thời điểm không thích hợp.	Các thông số cài đặt cuộc gọi fax hoặc nhật ký hoạt động fax không đúng.	In trang cấu hình và kiểm tra xem khi in các báo cáo.
Sản phẩm phát ra âm thanh quá lớn hoặc quá nhỏ.	Thông số âm lượng đã không được hiệu chỉnh đúng.	Bạn hãy hiệu chỉnh thông số âm lượng của sản phẩm.




---

# 11 Quản lý và bảo trì sản phẩm

- [Trang thông tin](#)
- [HP ToolboxFX](#)
- [Máy chủ Web nhúng](#)
- [Sử dụng phần mềm Web Jetadmin software của HP](#)
- [Các tính năng bảo mật](#)
- [Quản lý nguồn cung cấp](#)

# Trang thông tin

Trang thông tin nằm trong bộ nhớ sản phẩm. Những trang này sẽ giúp kiểm tra và giải quyết các sự cố của sản phẩm.

 **GHI CHÚ:** Nếu ngôn ngữ sản phẩm không được cài đúng cách trong quá trình cài đặt, bạn có thể cài ngôn ngữ theo cách thủ công để máy có thể in các trang thông tin dưới dạng một trong các ngôn ngữ được hỗ trợ. Thay đổi ngôn ngữ bằng cách dùng menu **System setup (Cài đặt hệ thống)** trên bản điều khiển hoặc máy chủ Web nhúng. Xem [Bảng điều khiển thuộc trang 9](#).

Mô tả nội dung trang	Cách in trang
<b>Trang cấu hình</b> Hiển thị các thuộc tính sản phẩm và thông số cài đặt hiện hành.	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm <b>Setup (Cài đặt)</b> (↖).</li><li>2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn <b>Reports (Báo cáo)</b>, sau đó bấm <b>OK</b>.</li><li>3. Dùng các phím mũi tên để chọn <b>Config report</b> (Báo cáo cấu hình), và sau đó bấm <b>OK</b>.</li></ol> <p>Máy cũng sẽ in trang thứ hai. Trên trang đó, phần <b>Fax Settings</b> (Thông số cài đặt Fax) sẽ cho biết các thông tin chi tiết về thông số cài đặt fax của sản phẩm.</p>
<b>Trang trạng thái mực in</b> Xem tuổi thọ sử dụng còn lại của hộp mực in HP, lượng trang giấy ước tính còn lại, số trang đã in, và các thông tin khác về mực in.	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm <b>Setup (Cài đặt)</b> (↖).</li><li>2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn <b>Reports (Báo cáo)</b>, sau đó bấm <b>OK</b>.</li><li>3. Dùng nút mũi tên để chọn <b>Supplies Status</b> (Tình Trạng Nguồn Cung Cấp), và sau đó bấm <b>OK</b>.</li></ol>
<b>PCL, PCL 6, hoặc danh sách kiểu chữ PS</b> Hiển thị các kiểu chữ hiện đang được cài đặt trên thiết bị.	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm <b>Setup (Cài đặt)</b> (↖).</li><li>2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn <b>Reports (Báo cáo)</b>, sau đó bấm <b>OK</b>.</li><li>3. Dùng các nút mũi tên để chọn <b>PCL font list</b> (Danh sách kiểu chữ PCL), <b>PS font list</b> (Danh sách kiểu chữ PS), hoặc <b>PCL6 font list</b> (Danh sách kiểu chữ PCL6) và sau đó bấm <b>OK</b>.</li></ol>
<b>Trang thử nghiệm</b> Chứa các hình ảnh và đoạn văn mẫu.	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm <b>Setup (Cài đặt)</b> (↖).</li><li>2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn <b>Reports (Báo cáo)</b>, sau đó bấm <b>OK</b>.</li><li>3. Dùng nút mũi tên để chọn <b>Demo page</b> (Trang thử nghiệm), và sau đó bấm <b>OK</b>.</li></ol>
<b>Event log (Nhật ký sự kiện)</b>	Bạn có thể in nhật ký sự kiện qua HP ToolboxFX, máy server web nhúng, hoặc ứng dụng Web Jetadmin của HP. Xem <a href="#">HP ToolboxFX thuộc trang 168</a> , <a href="#">Máy chủ Web nhúng thuộc trang 176</a> , hoặc trong phần Trợ Giúp của Jetsadmin..

Mô tả nội dung trang	Cách in trang
<p><b>Số lượng trang đã dùng</b></p> <p>Hiển thị số trang theo từng khổ giấy in ra, số lượng trang in một bề (một mặt) hoặc hai bề (hai mặt), và tỷ lệ phần trăm của diện tích in.</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm <b>Setup (Cài đặt)</b> (↖).</li> <li>2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn <b>Reports (Báo cáo)</b>, sau đó bấm <b>OK</b>.</li> <li>3. Dùng các nút mũi tên để chọn <b>Usage page</b> (Trang sử dụng), và sau đó bấm <b>OK</b>.</li> </ol>
<p><b>Bản đồ menu</b></p> <p>Hiển thị các menu của bảng điều khiển cùng các thông số cài đặt hiện tại.</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm <b>Setup (Cài đặt)</b> (↖).</li> <li>2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn <b>Reports (Báo cáo)</b>, sau đó bấm <b>OK</b>.</li> <li>3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn <b>Menu structure</b>, và sau đó bấm <b>OK</b>.</li> </ol>
<p><b>Báo cáo mạng</b></p> <p>Hiển thị các thông số cài đặt mạng của sản phẩm.</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm <b>Setup (Cài đặt)</b> (↖).</li> <li>2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn <b>Reports (Báo cáo)</b>, sau đó bấm <b>OK</b>.</li> <li>3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn <b>Network report</b> (Báo cáo mạng), và sau đó bấm <b>OK</b>.</li> </ol>
<p><b>Báo cáo fax</b></p>	<p>Để biết thêm thông tin về các báo cáo và nhật ký fax, xem <a href="#">Các báo cáo và nhật ký fax thuộc trang 156</a>.</p>

# HP ToolboxFX

HP ToolboxFX là chương trình phần mềm bạn có thể sử dụng để thực hiện các tác vụ sau::

- Kiểm tra tình trạng của sản phẩm.
- Cấu hình cài đặt sản phẩm.
- Xem thông tin gỡ sự cố.
- Xem tài liệu trực tuyến.

Bạn có thể xem HP ToolboxFX khi thiết bị được nối trực tiếp vào máy tính hoặc khi kết nối vào mạng. Bạn phải tiến hành cài đặt hoàn chỉnh phần mềm được khuyến nghị sử dụng HP ToolboxFX.

## Xem HP ToolboxFX

Mở HP ToolboxFX theo một trong các cách sau:

- Trên khay hệ thống Windows hoặc trên màn hình máy tính bạn, nhấp đúp vào biểu tượng HP ToolboxFX.
- Trng menu **Start** của Windows , nhấp vào **Programs** (hoặc **All Programs** trong Windows XP), nhấp vào **HP**, nhấp **HP LaserJet M1522**, và sau đó nhấp **HP ToolboxFX**.

## Tình trạng

Tab HP ToolboxFX **Status** (Tình trạng) có các liên kết đến các trang chính sau:

- **Device Status** (Tình trạng Thiết bị). Xem thông tin về tình trạng của sản phẩm. Trang này cho biết các trạng thái của sản phẩm như là kẹt giấy hoặc hết giấy. Sau khi khắc phục sự cố của sản phẩm, nhấp vào **Refresh status** (Cập nhật tình trạng) để cập nhật tình trạng của sản phẩm.
- **Supplies Status** (Tình trạng Nguồn cung cấp). Xem thông tin tình trạng chi tiết về mực in, chẳng hạn như ước tính phần trăm sử dụng còn lại trong hộp mực và số trang đã in ra bằng hộp mực hiện thời. Trang này còn có các liên kết để đặt hàng nguồn cung cấp và để tìm thông tin về tái chế.
- **Device Configuration** (Cấu hình Thiết bị). Xem mô tả chi tiết về cấu hình hiện thời của sản phẩm, bao gồm lượng bộ nhớ đã cài đặt và máy đã được lắp khay tùy chọn hay chưa.
- **Tóm tắt thông tin mạng**. Xem mô tả chi tiết về cấu hình hiện thời của mạng, bao gồm địa chỉ IP và tình trạng kết nối mạng.
- **Print Info Pages** (In các Trang Thông tin). In trang cấu hình và các trang thông tin khác hiện có của sản phẩm, ví dụ như trang tình trạng mực in và trang in mẫu.
- **Event Log** (Nhật ký Sự kiện). Xem nhật ký lỗi của sản phẩm. Các lỗi mới nhất sẽ hiển thị ở phía trên cùng của danh sách.

## Event log (Nhật ký sự kiện)

Nhật ký sự kiện là một bảng gồm bốn cột ghi lại các hoạt động của sản phẩm để tiện cho bạn tham khảo. Nhật ký này chứa các mã tương ứng với các thông báo lỗi xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển của sản phẩm. Số trong cột Page Count (Số Trang) cho biết tổng số trang đã in khi lỗi xuất hiện. Nhật ký sự kiện này bao gồm một mô tả vắn tắt về lỗi này. Để biết thêm thông tin về các thông báo lỗi, xem [Các thông báo ở bảng điều khiển thuộc trang 191](#).

## Cảnh Báo


Tab HP ToolboxFX **Alerts** (Cảnh báo) có các liên kết đến các trang chính sau:

- **Set up Status Alerts** (Cài đặt Cảnh báo Tình trạng). Cài sản phẩm gửi đến cho bạn các cảnh báo pop-up trong một số trường hợp, ví dụ như khi ống mực in gần hết.
- **Set up E-mail Alerts** (Cài đặt Cảnh báo E-mail). Cài sản phẩm gửi đến cho bạn các thông báo cảnh báo dưới dạng e-mail trong một số trường hợp, ví dụ như khi ống mực in gần hết.

### Cài đặt cảnh báo tình trạng


Sử dụng HP ToolboxFX để cài đặt sản phẩm để hiển thị các cảnh báo pop-up trên máy tính khi có những sự kiện nhất định xuất hiện. Những sự kiện kích hoạt cảnh báo gồm kẹt giấy, bột mực trong các hộp mực HP gần hết, đang sử dụng hộp mực không phải của HP, khay giấy hết giấy, và các thông báo lỗi cụ thể.

Chọn dạng thông báo pop-up, dạng biểu tượng trên khay hệ thống, hoặc chọn cả hai kiểu cảnh báo. Loại cảnh báo pop-up chỉ xuất hiện khi sản phẩm in từ máy tính mà bạn dùng để cài cảnh báo.

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

### Cài đặt cảnh báo e-mail

Sử dụng HP ToolboxFX để cấu hình tối đa hai địa chỉ e-mail dùng để nhận các thư cảnh báo khi có sự kiện nhất định xảy ra. Bạn có thể xác định các sự kiện khác nhau, ví dụ như khi hộp mực gần cạn hoặc máy bị kẹt giấy, cho từng địa chỉ e-mail. Điền các thông tin về máy server e-mail sẽ dùng để gửi đi các thư cảnh báo dưới dạng e-mail dành cho sản phẩm.

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

## Fax

Dùng tab HP ToolboxFX **Fax** (Fax) để thực hiện các tác vụ fax từ máy tính của bạn. Tab **Fax** (Fax) có các liên kết đến các trang chính sau:

- **Các tác vụ Fax.** Chỉnh chế độ nhận fax.
- **Danh Bạ Fax.** Thêm, sửa hoặc xóa các mục trong danh bạ sản phẩm.
- **Nhật ký Gửi Fax.** Xem tất cả các bản fax vừa được gửi đi từ sản phẩm.
- **Nhật ký Nhận Fax.** Xem tất cả các bản fax vừa nhận được qua sản phẩm.
- **Chặn Fax.** Thêm, xóa, hoặc xem số fax đã chặn
- **Đặc tính Dữ liệu Fax.** Quản lý dung lượng lưu trữ dùng để lưu các bản fax trên máy tính của bạn. Các thông số cài đặt này chỉ áp dụng khi bạn đã chọn gửi hoặc nhận fax từ xa qua máy tính của bạn.


## Các tác vụ fax

Máy sẽ có ba tùy chọn sau đây khi nhận fax:

- In bản fax. Bạn cũng sẽ chọn một tùy chọn cho phép hiển thị thông báo trên máy tính để báo cho bạn biết máy đã in bản fax.
- Nhận fax qua máy tính. Bạn cũng sẽ chọn một tùy chọn cho phép hiển thị thông báo trên máy tính để báo cho bạn biết khi bản fax đã đến. Nếu máy fax được kết nối với nhiều máy tính, bạn chỉ có thể chỉ định một máy tính nhận fax.
- Chuyển tiếp fax đến một máy fax khác.

Để biết thêm thông tin về các tác vụ fax, xem [Fax thuộc trang 115](#).

---

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.


---

## Danh bạ fax

Dùng danh bạ fax HP ToolboxFX để thêm và xóa từng mục hoặc nhóm mục thông tin trên danh sách số quay nhanh của bạn, nhập danh bạ từ các nguồn khác nhau, và cập nhật và duy trì danh sách liên lạc.

- Để thêm số liên lạc riêng lẻ vào danh sách số quay nhanh, chọn hàng số quay nhanh mà bạn muốn dùng. Gõ tên liên lạc vào cửa sổ **Contact name** (Tên liên lạc). Gõ số fax vào cửa sổ **Fax number** (Số fax). Bấm **Add** (Thêm).
- Để thêm nhóm các số liên lạc vào danh sách số quay nhanh, chọn hàng số quay nhanh mà bạn muốn dùng. Nhấp **Add Group** (Thêm Nhóm). Nhấp đúp vào tên liên lạc trong danh sách ở bên trái để chuyển tên này vào danh sách nhóm ở bên phải, hoặc chọn tên ở bên trái và sau đó nhấp vào mũi tên tương ứng để chuyển tên sang danh sách nhóm ở bên phải. Bạn cũng có thể dùng hai phương pháp này để chuyển tên từ phải sang trái. Sau khi bạn đã tạo nhóm, gõ tên nhóm vào cửa sổ **Group name** (Tên nhóm), và sau đó nhấp **OK**.
- Để sửa mục số quay nhanh riêng lẻ hiện có, nhấp vào hàng chứa tên liên lạc để chọn mục đó, và sau đó nhấp vào **Update** (Cập nhật). Gõ các dữ liệu thay đổi vào cửa sổ thích hợp, và sau đó nhấp vào **OK**.
- Để sửa mục số quay nhanh nhóm hiện có, nhấp vào hàng chứa tên liên lạc để chọn mục đó, và sau đó nhấp vào **Update** (Cập nhật). Thực hiện việc thay đổi cần thiết, và sau đó nhấp vào **OK**.
- Để xóa một mục khỏi danh sách số-quay-nhanh, chọn số đó, và sau đó nhấp vào **Delete** (Xóa).
- Để chuyển các mục số quay nhanh, chọn mục đó và nhấp vào **Move** (Chuyển), hoặc chọn **Move** (Chuyển) và sau đó xác định mục cần chuyển trong hộp thoại. Chọn **Next empty row** (Hàng trống kế tiếp) hoặc xác định số hàng có mục mà bạn muốn chuyển.

---

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn chọn hàng đã có dữ liệu, mục số mới này sẽ ghi đè lên mục hiện có.

---

- Để nhập các số liên lạc từ trong danh bạ hiện có của Lotus Notes, Outlook, hoặc Outlook Express, nhấp **Import/Export Phone Book** (Nhập/Xuất Danh Bạ). Chọn tùy chọn **Import** (Nhập), và sau đó nhấp vào **Next** (Kế tiếp). Chọn chương trình phần mềm thích hợp, di chuyển đến tập tin tương ứng, và sau đó nhấp vào **Finish** (Hoàn tất). Để xuất các số liên lạc từ trong danh bạ, nhấp vào **Import/Export Phone Book** (Nhập/Xuất Danh Bạ). Chọn tùy chọn **Export** (Xuất), và sau đó nhấp vào **Next** (Kế tiếp). Điền tên tập tin hoặc xác định vị trí tập tin mà bạn muốn xuất số liên lạc, và


sau đó nhấp vào **Finish** (Hoàn tất). Bạn cũng có thể chọn nhập các mục số riêng lẻ trong danh bạ thay vì nhập toàn bộ danh bạ.

- Để xóa tất cả các mục, nhấp **Delete All** (Xóa Tất cả), và sau đó nhấp vào **Yes (Có)**.

Ngoài các ký tự số, số fax cũng có thể dùng các ký tự hợp lệ sau:

- (
- )
- +
- -
- \*
- #
- R
- W
- .
- ,
- <khoảng cách>

---

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

---

Để biết thêm thông tin về các bản fax, xem [Fax thuộc trang 115](#).

## Nhật ký gửi fax

Nhật ký gửi fax HP ToolboxFX sẽ liệt kê toàn bộ các bản fax vừa được gửi cùng các thông tin về chúng, bao gồm ngày giờ gửi, mã số tác vụ, số fax, số trang gửi, và kết quả tác vụ gửi.

Nhấp vào đầu đề cột bất kỳ trong nhật ký gửi fax để xếp lại các thông tin trong cột đó theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần.

Cột **Results** (Kết quả) cung cấp tình trạng fax. Nếu máy đã gửi fax đi nhưng không được, cột này sẽ cung cấp các thông tin diễn giải vì sao bản fax chưa được gửi.

Để biết thêm thông tin về các bản fax, xem [Fax thuộc trang 115](#).

## Nhật ký nhận fax

Nhật ký nhận fax HP ToolboxFX cung cấp danh sách toàn bộ các bản fax vừa nhận được cùng thông tin về chúng, bao gồm ngày giờ nhận, mã số tác vụ, số fax, số trang nhận, kết quả, và hình ảnh thu nhỏ của bản fax.


Nhật ký nhận fax này có thể dùng để chặn các bản fax khác trong tương lai. Đánh dấu chọn vào ô **Block Fax** (Chặn Fax) kế bên danh sách số fax đã nhận trong nhật ký.

Khi máy tính được kết nối vào sản phẩm nhận được bản fax, bản fax sẽ chứa liên kết **View** (Xem). Khi bạn nhấp vào liên kết này, máy sẽ mở trang mới chung cung cấp các thông tin về bản fax này.

Nhấp vào đầu đề cột bất kỳ trong nhật ký nhận fax để xếp lại các thông tin trong cột đó theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần.

Cột **Results** (Kết quả) cung cấp tình trạng fax. Nếu máy không nhận được fax, cột này sẽ cung cấp các thông tin diễn giải vì sao bản fax chưa được nhận.

---

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

---

Để biết thêm thông tin về các bản fax, xem [Fax thuộc trang 115](#).

## Chặn Fax

**Block Faxes** (Chặn Fax) cung cấp danh sách toàn bộ các số đã chặn. Thêm, sửa hoặc xóa các số fax bị chặn trên tab này.

## Trợ giúp

Tab HP ToolboxFX **Documentation** (Tài liệu) có các liên kết đến các trang chính sau:


- **Xử lý sự cố**
- **Chương trình giới thiệu hình động**
- **User Guide** (Hướng dẫn Sử dụng). Xem thông tin về việc sử dụng sản phẩm, bảo hành, thông số kỹ thuật, và hỗ trợ. Hướng dẫn sử dụng có ở cả dạng HTML và PDF.

## Thông số cài đặt Hệ thống

Mục HP ToolboxFX **System Settings** (Thông số cài đặt Hệ thống) có các liên kết đến các trang chính sau:

- **Device Information** (Thông Tin Thiết Bị). Xem các thông tin về sản phẩm, như phần mô tả sản phẩm và người liên hệ.
- **Quản lý giấy in**. Thay đổi các thông số cài đặt quản lý giấy của sản phẩm, chẳng hạn như kích thước giấy và loại giấy mặc định.
- **Print Quality** (Chất lượng In). Thay đổi các thông số cài đặt chất lượng bản in của sản phẩm.
- **Paper Types** (Loại Giấy). Thay đổi thông số cài đặt chế độ in cho mỗi loại vật liệu in, chẳng hạn như giấy tiêu đề thư, đục lỗ sẵn, hoặc giấy bóng.
- **System Setup** (Cài đặt Hệ thống). Thay đổi các thông số cài đặt hệ thống của sản phẩm, như ngôn ngữ hiển thị và tính năng khôi phục khi bị kẹt giấy.
- **Dịch vụ**. Đạt được truy cập vào các thủ tục khác nhau để bảo trì sản phẩm.
- **Chế độ chờ Thiết bị**. Thay đổi thông số cài đặt chế độ chờ của sản phẩm, quy định tần suất HP ToolboxFX thu thập dữ liệu từ sản phẩm.
- **Save/Restore Settings** (Lưu/Khôi phục Cài đặt). Lưu cài đặt hiện thời của sản phẩm vào một tập tin trên máy tính. Dùng tập tin này để nạp cùng thông số cài đặt vào sản phẩm khác hoặc khôi phục các thông số này vào sản phẩm sau này.
- **Mật khẩu**. Cài, thay đổi, hoặc xóa mật khẩu bảo mật của sản phẩm.

---


 **GHI CHÚ:** Bạn có thể cài một mật khẩu bằng bảng điều khiển, HP ToolboxFX, hoặc qua máy chủ Web nhúng.

---



## Thông tin thiết bị

Trang HP ToolboxFX Thông tin thiết bị chứa các dữ liệu về sản phẩm để bạn tham khảo sau này. Thông tin mà bạn gõ vào những trường này sẽ được hiển thị trên trang Cấu hình. Bạn có thể gõ bất kỳ ký tự nào vào từng vùng này.

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.


## Quản lý giấy in

Dùng tùy chọn quản lý giấy HP ToolboxFX để cài thông số cấu hình mặc định. Các tùy chọn này trùng với các tùy chọn hiện có trên bảng điều khiển của sản phẩm. Để biết thêm thông tin, xin xem tại [Bảng điều khiển thuộc trang 9](#).

Máy có ba tùy chọn quản lý tác vụ in khi sản phẩm hết vật liệu in:

- Chọn **Wait for paper to be loaded** (Đợi đến khi máy nạp thêm giấy).
- Chọn **Cancel** (Hủy) trong danh sách **Paper out action** (Hoạt động khi hết giấy) để hủy tác vụ in.
- Chọn **Override** (In tràn) trong danh sách **Paper out time** (Hoạt động khi hết giấy) để gửi tác vụ in đến khay giấy khác.

Trường **Paper out time** (Thời gian chờ hết giấy) xác định khoảng thời gian sản phẩm sẽ chờ trước máy tiến hành thao tác đã lựa chọn. Bạn có thể chọn từ 0 đến 3600 giây.


 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

## Chất lượng in

Dùng tùy chọn chất lượng in HP ToolboxFX để cải thiện chất lượng của các tác vụ in. Các tùy chọn này trùng với các tùy chọn hiện có trên bảng điều khiển của sản phẩm. Để biết thêm thông tin, xin xem tại [Bảng điều khiển thuộc trang 9](#).


Bốn tùy chọn dùng để kiểm soát chất lượng in bao gồm độ phân giải, REt (công nghệ Tăng cường Độ phân giải), mật độ in, và EconoMode (Chế độ Tiết kiệm).

- **Độ phân giải.** Chọn độ phân giải 600 cho các tác vụ in bình thường và Fast Res 1200 cho các tác vụ in ấn chất lượng cao.
- **REt.** Nếu bạn có thể bật REt, tính năng HP cung cấp để cải thiện chất lượng in ấn.
- **Mật độ in.** Để tăng mật độ in, chọn số lớn hơn. Để giảm mật độ in, chọn số nhỏ hơn.
- **EconoMode** (Chế độ Tiết kiệm). Bật EconoMode (Chế độ Tiết kiệm) khi bạn đang dùng các tác vụ in bình thường. EconoMode (Chế độ Tiết kiệm) là một tính năng cho phép sản phẩm sử dụng ít bột mực hơn cho mỗi trang. Việc chọn tùy chọn này có thể sẽ kéo dài tuổi thọ sử dụng mực in và giảm chi phí in ấn mỗi trang. Tuy nhiên, điều này cũng làm giảm chất lượng in. Hình ảnh được in ra sẽ sáng/nhạt màu hơn nhưng chế độ này lại phù hợp khi in các bản nháp hoặc các bản in thử. HP không khuyến nghị việc luôn sử dụng tính năng EconoMode (Chế độ Tiết kiệm). Nếu bạn luôn sử dụng Chế độ tiết kiệm, bột mực sẽ có thể dùng được lâu hơn so với các chi tiết máy móc trong hộp mực in. Nếu chất lượng in bắt đầu giảm trong những trường hợp như vậy, bạn sẽ cần phải thay hộp mực mới, ngay cả khi mực vẫn còn trong hộp.

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.


## Loại giấy

Sử dụng các tùy chọn HP ToolboxFX **Paper types** (Loại Giấy) để cấu hình các chế độ in tương ứng với các loại vật liệu in khác nhau. Chọn **Restore Modes** (Khôi phục Các chế độ) để cài đặt trở lại giá trị cài đặt gốc.

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

## Cài đặt hệ thống

Dùng các cài đặt hệ thống HP ToolboxFX để chỉnh cấu hình cài đặt chung dùng cho các tính năng sao chép, fax, quét, và in, như tính năng khôi phục khi gặp tình trạng kẹt giấy và tự động tiếp tục.


 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

## Dịch vụ

Trong quá trình in, giấy in, bột mực, và các hạt bụi có thể tích tụ bên trong sản phẩm. Theo thời gian, phần tích tụ này có thể khiến chất lượng in bị ảnh hưởng chẳng hạn như bị nhòe hoặc có các lỗm đốm bột mực. HP ToolboxFX cung cấp phương pháp giúp dễ dàng lau sạch đường dẫn giấy. Để biết thêm thông tin, xin xem tại [Làm sạch đường dẫn giấy từ HP ToolboxFX thuộc trang 183](#).

## Chế độ chờ thiết bị

Bạn có thể tắt chế độ chờ thiết bị HP ToolboxFX nhằm giảm liều lượng dữ liệu lưu thông trong mạng, nhưng thao tác này cũng sẽ vô hiệu hóa một số tính năng HP ToolboxFX : cảnh báo pop-up, cập nhật nhật ký fax, khả năng nhận fax đến máy tính này, và khả năng quét bằng nút **Scan To (Quét Vào)**.

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.


## Thông số cài đặt In

Tab HP ToolboxFX **Print Settings** (Tab Thông số cài đặt In) có các liên kết đến các trang chính sau:

- **In.** Thay đổi các thông số cài đặt in mặc định của sản phẩm, như số lượng bản sao và chiều giấy in.
- **PCL5e.** Xem và thay đổi các thông số cài đặt PCL5.
- **PostScript.** Xem và thay đổi các thông số cài đặt PS.


## Đang in

Dùng các tùy chọn cài đặt in ấn HP ToolboxFX để cài các thông số cấu hình cho tất cả các chức năng in ấn. Các tùy chọn này trùng với các tùy chọn hiện có trên bảng điều khiển của sản phẩm. Để biết thêm thông tin, xin xem tại [Bảng điều khiển thuộc trang 9](#).

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

## PCL 5e


Dùng các tùy chọn PCL 5 để cài các thông số cấu hình khi bạn dùng các đặc tính in ấn PCL 5. Các tùy chọn này trùng với các tùy chọn hiện có của menu **PCL5** trên bảng điều khiển của sản phẩm.

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

## PostScript

Dùng tùy chọn PostScript khi bạn dùng đặc tính in ấn postscript mô phỏng cấp độ 3 HP. Khi bạn bật tùy chọn **Print PostScript error** (In Lỗi PostScript), máy sẽ tự động in trang lỗi PostScript khi trình mô phỏng postscript cấp độ 3 bị lỗi.

---

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

---

## Các cài đặt Mạng

Nhân viên quản trị mạng có thể dùng HP ToolboxFX tab **Network Settings** (Các cài đặt Mạng) để kiểm soát các thông số cài đặt liên quan đến mạng dùng cho sản phẩm khi máy kết nối vào hệ thống mạng dùng địa chỉ IP.


## Máy chủ Web nhúng

Sản phẩm này được trang bị máy chủ Web nhúng (EWS), cho phép truy cập vào các thông tin về sản phẩm và các hoạt động mạng. Máy chủ Web sẽ cung cấp môi trường mạng để sử dụng các chương trình web, hoàn toàn tương tự như một hệ điều hành, như Windows, cung cấp môi trường hệ thống cho các chương trình chạy trên máy tính. Kết quả của những chương trình này sau đó sẽ được hiển thị trên trình duyệt Web, ví dụ như Microsoft Internet Explorer, Safari, hoặc Netscape Navigator.

Máy chủ Web "nhúng" nằm trên một thiết bị phần cứng (ví dụ như sản phẩm HP LaserJet) hoặc trong chương trình cơ sở (firmware), khác với phần mềm nạp trên máy chủ mạng.

Ưu điểm của EWS là nó có thể cung cấp giao diện điều khiển sản phẩm mà bất kỳ ai có sản phẩm nối mạng và máy tính đều có thể sử dụng được. Bạn không cần cài đặt hoặc cấu hình phần mềm đặc biệt nào, nhưng bạn có trình duyệt hỗ trợ Web cài trên máy tính. Để có truy cập vào EWS, nhập địa chỉ IP của thiết bị trong dòng địa chỉ của trình duyệt. (Để tìm địa chỉ IP này, hãy in trang cấu hình. Để biết thêm thông tin về cách in trang cấu hình, xem [Trang thông tin thuộc trang 166](#).)

---

 **GHI CHÚ:** Đối với hệ điều hành Macintosh, bạn có thể dùng EWS qua kết nối USB sau khi đã cài phần mềm Macintosh cung cấp kèm theo sản phẩm.


---

## Các tính năng

EWS cho phép bạn xem sản phẩm và tình trạng kết nối mạng và quản lý các chức năng in từ máy tính. Với EWS, bạn có thể thực hiện các thao tác sau:

- Xem thông tin về tình trạng của sản phẩm
- Xác định tuổi thọ còn lại của tất cả các nguồn cung cấp và đặt mua những nguồn cung cấp mới
- Xem và thay đổi một phần cấu hình sản phẩm
- Xem và in một số trang nội bộ
- Chọn ngôn ngữ dùng trên các trang EWS
- Xem và thay đổi cấu hình mạng
- Cài, thay đổi, hoặc xóa mật khẩu bảo mật của sản phẩm (xem [Bật bảo vệ mật khẩu thuộc trang 125](#)).

---

 **GHI CHÚ:** Việc thay đổi các thông số cài đặt mạng trong EWS có thể làm vô hiệu hóa các tính năng hoặc phần mềm của sản phẩm

---


# Sử dụng phần mềm Web Jetadmin software của HP

HP Web Jetadmin là giải pháp phần mềm dùng nền tảng Web để xử lý sự cố, giám sát và cài đặt từ xa các thiết bị ngoại vi kết nối qua mạng. Giao diện trình diện trực quan sẽ giúp đơn giản hóa việc quản lý các thiết bị đa dạng trong nhiều hệ điều hành khác nhau, bao gồm các thiết bị của HP và không phải do HP sản xuất. Việc quản lý này mang tính tiên phong, cho phép các quản trị viên mạng giải quyết các vấn đề trước khi chúng gây ảnh hưởng đến người sử dụng. Tải phần mềm quản lý cài tiến và miễn phí này qua trang [www.hp.com/go/webjetadmin\\_software](http://www.hp.com/go/webjetadmin_software).

Để tải về các ứng dụng plug-in bổ sung cho HP Web Jetadmin, nhấp vào **plug-ins**, và sau đó nhấp vào liên kết **download** (tải về) bên cạnh tên của plug-in mà bạn muốn tải về. Phần mềm HP Web Jetadmin sẽ tự động thông báo cho bạn biết khi có ứng dụng plug-in mới. Trên trang **Product Update** (Cập nhật Sản phẩm), thực hiện theo các hướng dẫn để tự động kết nối vào trang Web của HP.

Nếu đã cài trên máy chủ, HP Web Jetadmin chỉ có thể dùng trên các máy khách có trình duyệt Web hỗ trợ, ví dụ như Microsoft Internet Explorer 6.0 dành cho Windows hoặc Netscape Navigator 7.1 dành cho Linux. Vào máy chủ HP Web Jetadmin.

---


 **GHI CHÚ:** Trình duyệt phải hỗ trợ các ứng dụng Java. Chương trình không hỗ trợ các trình duyệt dùng trên máy tính Apple PC.

---

# Các tính năng bảo mật

## Bảo vệ máy chủ Web nhúng

Dùng EWS để cài mật khẩu.

 **GHI CHÚ:** Bạn có thể cài một mật khẩu bằng bảng điều khiển, HP ToolboxFX, hoặc qua máy chủ Web nhúng.

---

1. Mở EWS, và sau đó nhấp vào tab **System** (Hệ thống).
2. Nhấp vào **Password** (Mật khẩu).
3. Trong ô **Password** (Mật khẩu), gõ vào mật khẩu bạn muốn cài, và sau đó trong ô **Confirm password** (Xác nhận mật khẩu), gõ lại mật khẩu đó của bạn để xác nhận chọn lựa của bạn.
4. Nhấp **Apply** (Áp dụng) để lưu lại mật khẩu.

## Khóa các menu bảng điều khiển

Sản phẩm bao gồm tính năng khóa mật khẩu dùng để khóa nhiều mục menu. Để biết thêm thông tin về cách cài tính năng bảo vệ bằng mật khẩu, xem [Bật bảo vệ mật khẩu thuộc trang 125](#).

## Nhận riêng


Tính năng nhận riêng cho phép bạn lưu các bản fax vào bộ nhớ, mà không cần in chúng, cho đến khi bạn đến sản phẩm và cung cấp mã PIN để in các bản fax này. Để biết thêm thông tin, xem [Bật tính năng nhận riêng thuộc trang 126](#).

# Quản lý nguồn cung cấp

## Kiểm tra và đặt mua mực in

Bạn có thể kiểm tra tình trạng mực in bằng cách dùng bảng điều khiển của sản phẩm, in trang tình trạng mực in, hoặc xem HP ToolboxFX. Hewlett-Packard khuyến nghị bạn đặt mua hộp mực in thay thế khi thông báo Gần hết mực của hộp mực in thứ nhất xuất hiện. Dùng hộp mực in HP mới chính hiệu để nhận được các loại thông tin về mực in sau đây:

- Thời hạn sử dụng hiện tại của hộp mực
- Lượng trang in ước tính còn lại
- Số các trang được in
- Thông tin khác về mực in

 **GHI CHÚ:** Nếu sản phẩm được kết nối vào hệ thống mạng, bạn có thể cài đặt HP ToolboxFX thông báo cho bạn qua e-mail khi hộp mực in gần hết mực. Nếu sản phẩm được kết nối trực tiếp vào máy tính, bạn có thể cài đặt HP ToolboxFX thông báo cho bạn biết khi mực in gần cạn.

## Kiểm tra tình trạng mực in bằng bảng điều khiển

Thực hiện một trong các bước sau:

- Kiểm tra bảng điều khiển sản phẩm, trên đó thể hiện khi nào hộp mực in gần cạn hoặc đã cạn. Bảng điều khiển cũng đồng thời cho biết khi bạn lắp hộp mực in không phải của HP lần đầu tiên.
- In trang tình trạng mực in, và sau đó kiểm tra mức mực in trên trang này.

Nếu mức mực in đang gần cạn, bạn có thể đặt mua mực in qua đại lý HP tại địa phương, qua điện thoại, hoặc qua mạng. Xem [Thông tin đặt hàng và phụ kiện thuộc trang 227](#) để biết số hiệu. Truy cập trang [www.hp.com/go/ljsupplies](http://www.hp.com/go/ljsupplies) để đặt hàng qua mạng.

## Kiểm tra tình trạng mực in bằng cách dùng HP ToolboxFX

Bạn có thể cấu hình để HP ToolboxFX thông báo cho bạn khi mực in gần cạn. Chọn nhận cảnh báo bằng e-mail hoặc dưới dạng thông báo pop-up hoặc biểu tượng trên khay hệ thống.

## Lưu trữ mực in

Thực hiện theo các hướng dẫn sau đây để lưu hộp mực in:

- Không được lấy hộp mực in ra khỏi bao bì quá sớm trước khi sử dụng.

△ **THẬN TRỌNG:** Để tránh hư hỏng, đừng để hộp mực in ngoài ánh sáng quá vài phút.

- Xem [Các đặc điểm kỹ thuật về môi trường thuộc trang 243](#) để biết giới hạn nhiệt độ lưu trữ và vận hành.
- Lưu trữ mực in ở vị trí nằm ngang.
- Lưu trữ mực in ở nơi mát, khô ráo, tránh xa các vật thể nóng và phát từ tính.

## Chính sách của HP về các loại mực in không do HP sản xuất

Công ty Hewlett-Packard không thể khuyến bạn sử dụng các loại mực in không phải của HP, dù là mới hay tái chế. Vì những hộp mực in này không phải là sản phẩm của HP, HP không thể tác động gì đến thiết kế hay kiểm soát chất lượng. Chế độ bảo hành sẽ *không* bao gồm các dịch vụ hoặc yêu cầu sửa chữa bắt nguồn từ việc sử dụng mực in không phải của HP.

## Đường dây nóng về gian lận của HP

Gọi vào đường dây nóng về gian lận của HP nếu sản phẩm hoặc HP ToolboxFX cho thấy hộp mực in không phải là hộp mực in HP và bạn nghĩ đó sản phẩm chính hãng. HP sẽ giúp xác định xem sản phẩm này có phải là chính hãng không và thực hiện các bước để khắc phục sự cố.

Hộp mực của bạn có thể không phải là sản phẩm chính hãng của HP nếu bạn thấy những dấu hiệu sau:

- Bạn gặp phải nhiều sự cố với hộp mực này.
- Hộp mực này không trông giống như hộp mực mọi khi (ví dụ như, tám khui hoặc hộp ngoài khác lạ).

Tại Hoa Kỳ, gọi số miễn phí: 1-877-219-3183.

Ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ, bạn có thể dùng dịch vụ gọi người nghe trả. Quay số tổng đài, và yêu cầu liên hệ dịch vụ gọi người nghe trả qua số điện thoại này: 1-770-263-4745. Nếu bạn không nói được tiếng Anh, một nhân viên đại diện tại đường dây nóng về gian lận của HP biết ngôn ngữ của bạn sẽ giúp bạn. Hoặc, nếu chúng tôi không có nhân viên biết ngôn ngữ của bạn, một thông dịch viên qua điện thoại sẽ được mời hỗ trợ khoảng một phút sau khi bắt đầu cuộc gọi. Thông dịch viên qua điện thoại này sẽ phục vụ việc biên dịch cuộc trò chuyện giữa bạn và nhân viên đại diện đường dây nóng về gian lận của HP.

## Tái chế mực in

Khi lắp đặt hộp mực in HP mới, hãy làm theo các hướng dẫn ghi trên vỏ hộp chứa mực in mới, hoặc xem hướng dẫn bắt đầu sử dụng.

Để tái chế mực in, đặt mực in đã qua sử dụng vào hộp dùng để chứa mực in mới. Dùng nhãn trả về kèm theo hộp để gửi mực đã sử dụng về HP để tái chế. Để biết thông tin đầy đủ hơn, xem hướng dẫn tái chế cung cấp kèm theo mỗi hộp mực in HP mới. Xem [Nguồn cung cấp thuộc trang 247](#) để biết thêm thông tin về chương trình tái chế của HP.

## Phân phối lại bột mực

Nếu xuất hiện các vùng bị mờ hoặc nhạt trên trang được in ra, bạn có thể tạm thời cải thiện chất lượng in bằng cách phân phối lại bột mực.

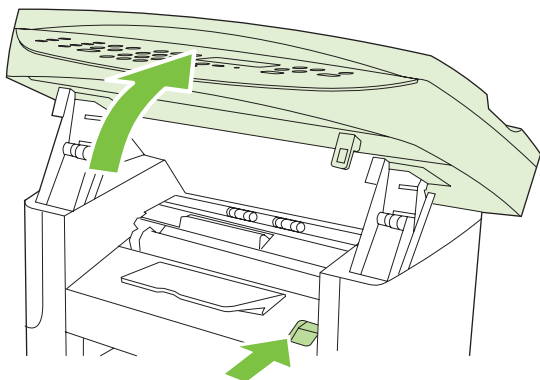
1. Tháo hộp mực in ra khỏi máy in.
2. Để phân phối lại bột mực, hãy lắc nhẹ hộp mực in từ trước ra sau.
  - △ **THẬN TRỌNG:** Nếu bột mực vương vào áo quần của bạn, hãy lau bằng một mảnh vải khô và giặt áo quần bằng nước lạnh. *Nước nóng sẽ khiến bột mực se kết lại vào vải.*
3. Lắp lại hộp mực vào máy in và đóng nắp hộp mực in. Nếu bản in ra vẫn bị nhạt hoặc không chấp nhận được, hãy lắp một hộp mực in mới.



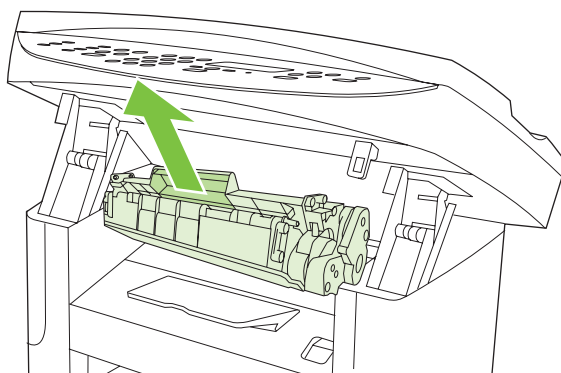
## Thay mực in

### Hộp mực in

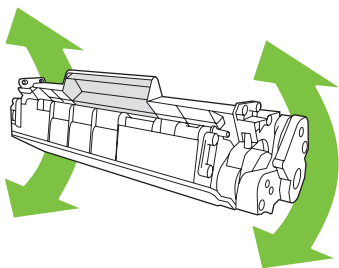
1. Mở nắp hộp mực in.



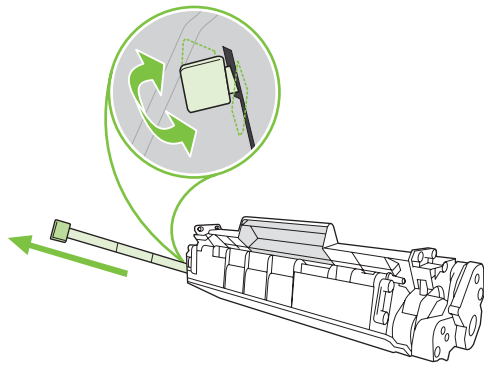
2. Nắm vào tay cầm trên hộp mực, và sau đó kéo hộp mực thẳng ra để tháo. Xem thông tin về việc tái chế bên trong hộp chứa hộp mực in.



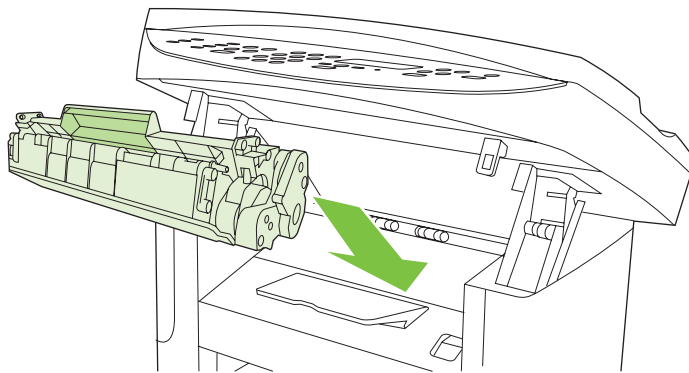
3. Tháo hộp mực in mới khỏi vỏ hộp bên ngoài, và sau đó lắc hộp mực qua lại.



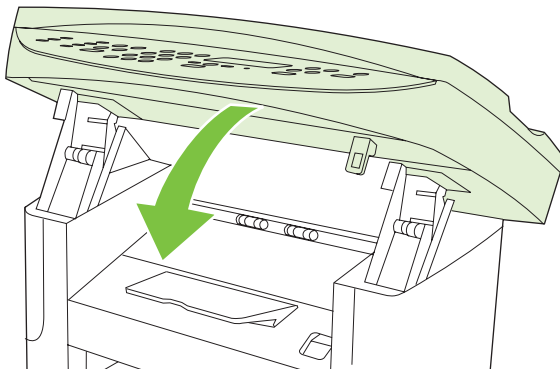
4. Tháo lớp bao màu cam khỏi hộp mực, sau đó kéo tấm màu cam khỏi hộp mực để tháo băng dán.



5. Lắp hộp mực in vào sản phẩm cho đến khi hộp mực khớp *chặt* vào đúng vị trí.



6. Đóng nắp hộp mực in.



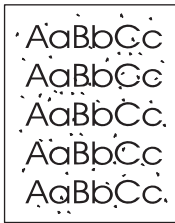
△ **THẬN TRỌNG:** Nếu bột mực vương vào áo quần, hãy lau bằng một mảnh vải khô và giặt áo quần bằng nước lạnh. *Nước nóng sẽ khiến bột mực se kết lại vào vải.*

## Lau dọn sản phẩm

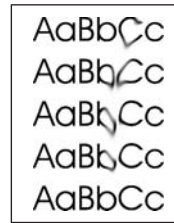
### Hãy làm sạch đường dẫn giấy

Trong quá trình in, giấy in, bột mực, và các hạt bụi có thể tích tụ bên trong sản phẩm. Theo thời gian, phần tích tụ này có thể khiến chất lượng in bị ảnh hưởng chẳng hạn như bị nhòe hoặc có các lốm đốm bột mực. Sản phẩm này có một chế độ lau dọn có thể khắc phục và ngăn chặn các loại vấn đề này.

Vết



Vết nhòe



### Làm sạch đường dẫn giấy từ HP ToolboxFX

Dùng HP ToolboxFX để làm sạch đường dẫn giấy. Đây là phương thức làm sạch được nên dùng. Nếu bạn không thể vào HP ToolboxFX, hãy dùng phương thức trong [Làm sạch đường dẫn giấy bằng bảng điều khiển sản phẩm thuộc trang 183](#).

1. Hãy đảm bảo rằng sản phẩm đã được bật và ở trạng thái Sẵn sàng, và rằng vật liệu in đã nạp vào khay nạp giấy ưu tiên hoặc khay 1.
2. Mở HP ToolboxFX, nhấp vào sản phẩm, và sau đó nhấp vào tab **System Settings** (Cài đặt Hệ thống).
3. Nhấp vào tab **Service** (Dịch vụ), và sau đó nhấp vào **Start** (Bắt đầu).

Trang sẽ được nạp vào sản phẩm thật chậm rãi. Lấy trang này ra khi quá trình này hoàn tất.

### Làm sạch đường dẫn giấy bằng bảng điều khiển sản phẩm

Nếu bạn không vào được HP ToolboxFX, bạn có thể in và sử dụng trang làm sạch qua bảng điều khiển sản phẩm.

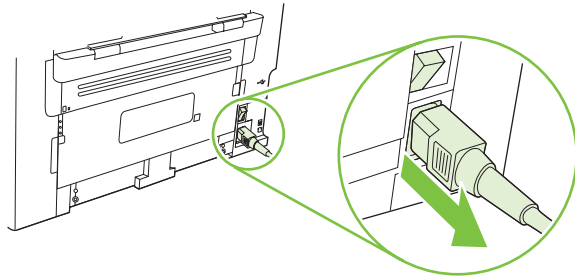
1. Bấm **Setup (Cài đặt)** (↖).
2. Dùng các nút mũi tên để tìm menu **Service (Dịch vụ)**, và sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Cleaning mode** (Chế độ lau dọn), và sau đó bấm **OK**.
4. Nạp giấy khổ letter hoặc A4 khi máy nhắc bạn.
5. Bấm **OK** lần nữa để xác định và bắt đầu quá trình làm sạch.

Trang sẽ được nạp vào sản phẩm thật chậm rãi. Lấy trang này ra khi quá trình này hoàn tất.

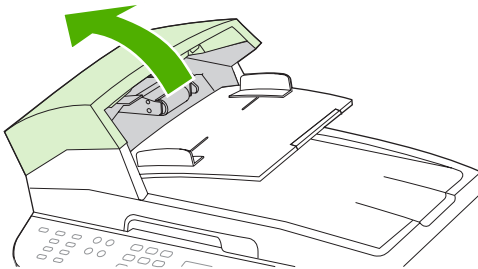
## Lau sạch bộ trục nạp của khay tự động nạp tài liệu (ADF)

Nếu khay ADF gặp vấn đề khi nạp tài liệu, hãy lau sạch bộ trục nạp ADF.

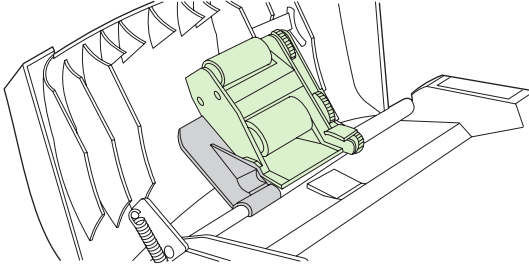
1. Tắt điện sản phẩm và tháo dây điện.



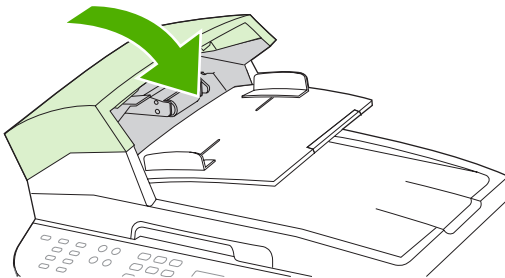
2. Mở nắp đậy khay ADF.




3. Xoay trục lên trên. Lau sạch và xoay trục cho bộ trục nạp hoàn toàn sạch.

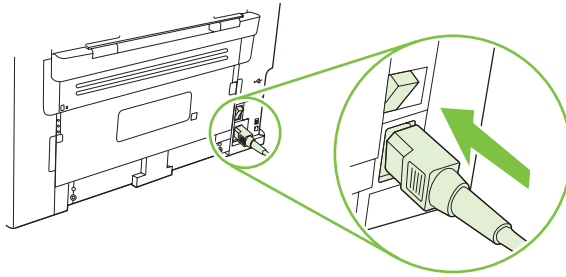


4. Hạ thấp bộ cần gạt màu xanh lá cây, và sau đó đóng nắp khay ADF lại.



 **GHI CHÚ:** Nếu bạn gặp trường hợp kẹt giấy trong khay ADF, hãy liên hệ với HP. Xem [www.hp.com/support/ljm1522](http://www.hp.com/support/ljm1522) hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.

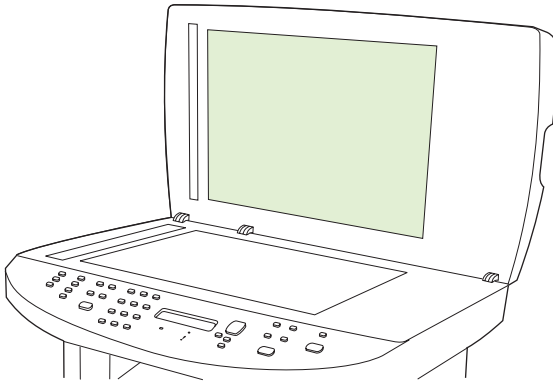
5. Cắm dây vào sản phẩm, và sau đó bật sản phẩm.



## Làm sạch nắp sau

Các hạt bụi nhỏ có thể tích tụ trên nắp đậy sau tài liệu màu trắng ở gần dưới nắp đậy sản phẩm.

1. Tắt sản phẩm, tháo dây điện nguồn, và nhấc nắp đậy lên.
2. Làm sạch nắp đậy sau tài liệu màu trắng bằng vải mềm hoặc miếng bọt biển có thấm nước ẩm và xà phòng. Lau nắp sau nhẹ nhàng để tẩy sạch bụi bẩn; không kỳ cọ nắp.



3. Đồng thời lau sạch dải máy quét kế bên tấm kính máy quét ADF.
4. Lau khô nắp sau bằng vải da hoặc vải mềm.

△ **THẬN TRỌNG:** Không được giấy giẻ vì chúng có thể làm xước nắp sau.

5. Nếu thao tác này vẫn chưa làm sạch nắp sau, hãy lặp lại các bước trước và dùng cồn isopropyl để làm ẩm vải hoặc miếng bọt biển, và sau đó lau chùi thật kỹ nắp sau bằng vải thấm ướt để làm sạch vết còn sót lại.

## Làm sạch bộ phận bên ngoài

Dùng vải mềm ẩm, không xơ, để lau sạch bụi bẩn, vết dơ và vết bẩn khỏi bề mặt bên ngoài của sản phẩm

## Cập nhật chương trình cơ sở

Các hướng dẫn cài đặt và cập nhật chương trình cơ sở của sản phẩm này hiện có tại [www.hp.com/support/ljm1522](http://www.hp.com/support/ljm1522). Nhấp vào **Downloads and drivers** (Trình điều khiển và ứng dụng tải về), nhấp vào hệ điều hành, và sau đó chọn tải về chương trình cơ sở dành cho sản phẩm này.



---

# 12 Khắc phục sự cố

- [Danh sách khắc phục sự cố](#)
- [Khôi phục cài đặt mặc định gốc](#)
- [Các thông báo ở bảng điều khiển](#)
- [Sự cố hiển thị của bảng điều khiển](#)
- [Xử lý kẹt giấy](#)
- [Giải quyết các sự cố về chất lượng hình ảnh](#)
- [Giải quyết sự cố kết nối](#)
- [Giải quyết sự cố phần mềm](#)

# Danh sách khắc phục sự cố

Thực hiện theo ba bước khi cố gắng khắc phục sự cố của sản phẩm.

Bước một	Bước xác minh	Các sự cố có khả năng xảy ra	Giải pháp
1	<b>Máy có mở điện chưa?</b>  Bảng điều khiển cần phải hoạt động mà không có thông báo lỗi nào.	Không có điện do cầu chì, công tắc, cáp hoặc nguồn không có điện.	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Kiểm tra xem sản phẩm có cắm dây điện chưa.</li><li>2. Kiểm tra xem dây cắm điện có hoạt động và công tắc điện có bật lên chưa.</li><li>3. Kiểm tra nguồn điện bằng cách cắm dây điện sản phẩm trực tiếp vào ổ cắm trên tường hoặc vào ổ cắm khác.</li></ol>
2	<b>Thông báo Ready (Sẵn sàng) có xuất hiện trên bảng điều khiển hay không?</b>  Bảng điều khiển cần phải hoạt động mà không có thông báo lỗi nào.	Bảng điều khiển hiển thị lỗi.	Xem <a href="#">Các thông báo ở bảng điều khiển thuộc trang 191</a> để biết danh sách thông báo lỗi phổ biến để giúp bạn sửa lỗi.
3	<b>Bạn có in được các trang thông tin hay không?</b>  In một trang cấu hình. Xem <a href="#">Trang thông tin thuộc trang 166</a> .	Thông báo lỗi sẽ hiện ra trên màn hình bảng điều khiển.  Giấy bị kẹt khi in.	Xem <a href="#">Các thông báo ở bảng điều khiển thuộc trang 191</a> để biết danh sách thông báo lỗi phổ biến để giúp bạn sửa lỗi.  Hãy kiểm tra để đảm bảo vật liệu in đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của HP. Xem <a href="#">Giấy và Phương tiện In thuộc trang 53</a>  Hãy làm sạch đường dẫn giấy. Xem <a href="#">Hãy làm sạch đường dẫn giấy thuộc trang 182</a> .
4	<b>Sản phẩm có sao chép được không?</b>  Đặt trang cấu hình vào khay ADF và sao ra một bản. Bản báo cáo này phải đi vào máy êm xuôi qua khay ADF, và các bản sao phải được in ra mà không gặp sự cố nào về chất lượng in. Đồng thời tạo một bản sao từ kiếng phẳng.	Bản sao chất lượng kém qua khay ADF.  Giấy bị kẹt khi in.  Bản sao chất lượng kém qua kiếng phẳng.	Nếu chất lượng bản in sau khi kiểm tra và bản sao từ kiếng phẳng có thể chấp nhận được, hãy lau chùi dây quét ADF. Xem <a href="#">Lau chùi tấm kiếng máy quét thuộc trang 110</a> .  Hãy kiểm tra để đảm bảo vật liệu in đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của HP. Xem <a href="#">Giấy và Phương tiện In thuộc trang 53</a>  Hãy làm sạch đường dẫn giấy. Xem <a href="#">Hãy làm sạch đường dẫn giấy thuộc trang 182</a> .  <ol style="list-style-type: none"><li>1. Nếu chất lượng bản in sau khi kiểm tra và bản sao từ khay ADF có thể chấp nhận được, hãy lau chùi tấm kiếng máy quét thuộc trang 110.</li><li>2. Nếu sau khi tiến hành bảo dưỡng mà sự cố vẫn còn, xem <a href="#">Các vấn đề sao chép thuộc trang 211</a>.</li></ol>
5	<b>Sản phẩm có gửi fax được không?</b>  Bấm <a href="#">Start Fax (Bắt đầu Fax)</a> để xác nhận rằng âm quay số tồn tại (dùng điện thoại cầm tay, nếu cần). Thử gửi một bản fax.	Đường dây điện thoại không hoạt động hoặc đường dây điện thoại chưa cắm vào sản phẩm.  Dây điện thoại bị lỗi hoặc cắm vào sai khe cắm.	Kiểm tra để đảm bảo sản phẩm đã cắm vào đường dây điện thoại mà bạn biết chắc rằng có hoạt động.  <ol style="list-style-type: none"><li>1. Thử cắm dây điện thoại vào ổ cắm khác.</li><li>2. Thử dùng dây điện thoại mới.</li></ol>



Bước một	Bước xác minh	Các sự cố có khả năng xảy ra	Giải pháp
6	<b>Sản phẩm có nhận fax được không?</b>  Dùng một máy fax khác để gửi fax đến sản phẩm, nếu có.	Bạn đã cắm quá nhiều máy điện thoại, hoặc các máy điện thoại không kết nối đúng trình tự.	Kiểm tra để đảm bảo rằng HP LaserJet M1522 MFP là thiết bị duy nhất dùng đường dây điện thoại này và thử nhận lại bản fax một lần nữa.
		Các thông số fax của sản phẩm bị cài không đúng.	Xem lại và cài lại các thông số cài đặt fax của sản phẩm. Xem <a href="#">Thay đổi cài đặt fax thuộc trang 127</a>
7	<b>Sản phẩm có in từ máy tính hay không?</b>  Dùng chương trình xử lý văn bản để in bằng sản phẩm.	Phần mềm cài chưa đúng hoặc máy gặp lỗi trong quá trình cài đặt phần mềm.	Gỡ cài đặt và tái cài đặt phần mềm của sản phẩm. Kiểm tra lại xem bạn đã theo đúng quy trình cài đặt và cài đúng thông số cổng hay chưa.
		Bạn chưa cắm cáp đúng cách.	Nối lại cáp.
		Bạn đã chọn trình điều khiển không đúng.	Chọn trình điều khiển thích hợp.
		Máy gặp sự cố ở trình điều khiển cổng trong Microsoft Windows.	Gỡ cài đặt và tái cài đặt phần mềm của sản phẩm. Kiểm tra lại xem bạn đã theo đúng quy trình cài đặt và cài đúng thông số cổng hay chưa.
8	<b>Máy có quét tài liệu sang máy tính được không?</b>  Kích hoạt bản quét từ phần mềm giao diện cơ bản trên máy tính của bạn.	Bạn chưa cắm cáp đúng cách.	Nối lại cáp.
		Phần mềm cài chưa đúng hoặc máy gặp lỗi trong quá trình cài đặt phần mềm.	Gỡ cài đặt và tái cài đặt phần mềm của sản phẩm. Kiểm tra lại xem bạn đã theo đúng quy trình cài đặt và cài đúng thông số cổng hay chưa.
		Nếu lỗi vẫn còn, hãy tắt sản phẩm và sau đó mở sản phẩm trở lại.	

## Khôi phục cài đặt mặc định gốc

Việc khôi phục cài đặt mặc định gốc sẽ chỉnh tất cả các thông số cài đặt về giá trị mặc định gốc, và việc này cũng sẽ xóa tên đầu đề fax, số điện thoại, số quay nhanh, và bất kỳ bản fax nào lưu trong bộ nhớ sản phẩm.

---

△ **THẬN TRỌNG:** Quy trình này cũng sẽ xóa tất cả các tên và số fax liên quan với phím công tắc và mã số quay nhanh, và xóa bất kỳ trang nào được lưu trong bộ nhớ. Quy trình này sẽ tự động khởi động lại sản phẩm sau đó.

---

1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm **Setup (Cài đặt)** (↵).
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Service (Dịch vụ)**, sau đó bấm **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Restore defaults** (Khôi phục mặc định), và sau đó bấm **OK**.

Sản phẩm sẽ tự động khởi động lại.

# Các thông báo ở bảng điều khiển

Phần lớn các thông báo ở bảng điều khiển dùng để hướng dẫn người sử dụng trong các thao tác điển hình. Thông báo ở bảng điều khiển cho biết tình trạng của thao tác hiện tại, và bao gồm số lượng trang trên hàng thứ hai của màn hình, nếu phù hợp. Khi sản phẩm nhận dữ liệu fax, dữ liệu in, hoặc lệnh quét tài liệu, các thông báo ở bảng điều khiển sẽ thể hiện tình trạng này. Ngoài ra, các cảnh báo, thông báo cảnh giác, và các thông báo lỗi nghiêm trọng sẽ cho thấy tình huống cần người dùng can thiệp bằng thao tác.

## Thông báo cảnh báo và cảnh giác

Các thông báo cảnh báo và cảnh giác có thể tạm thời xuất hiện và yêu cầu người sử dụng xác nhận thông báo này bằng cách bấm **OK** để tiếp tục làm việc hoặc bấm **Cancel (Hủy bỏ)** để hủy tác vụ này. Đối với một số loại cảnh báo, tác vụ có thể sẽ không thể hoàn tất hoặc chất lượng bản in sẽ bị ảnh hưởng. Nếu thông báo cảnh báo hoặc cảnh giác có liên quan đến việc in ấn và bạn đã bật tính năng tự-động-tiếp-tục, sản phẩm sẽ thử tiếp tục tác vụ in sau khi thông báo cảnh báo xuất hiện khoảng 10 giây mà không được xác nhận đã xem.

## Bảng thông báo cảnh báo và cảnh giác

Để giải quyết các sự cố về fax, xem [Giải quyết sự cố khi fax thuộc trang 152](#).

**Bảng 12-1** Thông báo cảnh báo và cảnh giác

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
<b>Bạn đã nạp mực in không phải của HP</b>	Mực in mới nạp không phải do HP sản xuất ra. Thông báo này sẽ xuất hiện trong nhiều giây, sau đó sản phẩm sẽ quay về trạng thái Ready (Sẵn sàng).	Nếu bạn tin rằng bạn đã mua mực in HP, vui lòng gọi đường dây nóng về gian lận HP theo số 1-877-219-3183. Dịch vụ hoặc sửa chữa yêu cầu do việc sử dụng nguồn cung cấp không phải của HP sẽ không nằm trong phạm vi bảo hành của HP.
<b>Bản quét đã hủy. Xóa tài liệu</b>	Bạn đã bấm nút <b>Cancel (Hủy bỏ)</b> để hủy tác vụ hiện thời trong khi giấy đang nạp vào qua khay ADF. Quá trình hủy không tự động làm trống khay ADF.	Lấy phần giấy kẹt ra Xem <a href="#">Xử lý giấy kẹt trong khay ADF thuộc trang 197</a> . Sau đó, lấy sạch giấy trong khay ADF ra và khởi động máy lại.
<b>Bản sao đã hủy Xóa tài liệu</b>	Bạn đã bấm nút <b>Cancel (Hủy bỏ)</b> để hủy tác vụ hiện thời trong khi giấy đang nạp vào qua khay ADF. Quá trình hủy không tự động làm trống khay ADF.	Lấy phần giấy kẹt ra Xem <a href="#">Xử lý giấy kẹt trong khay ADF thuộc trang 197</a> . Sau đó, lấy sạch giấy trong khay ADF ra và khởi động máy lại.
<b>Bộ nhớ dưới 1 bản. Bấm OK</b>	Sản phẩm đã hoàn tất một bản sao. Các bản sao còn lại đã bị hủy do cạn bộ nhớ.	Bấm <b>Cancel (Hủy bỏ)</b> để xóa lỗi. Chia tác vụ thành nhiều tác vụ nhỏ hơn có chứa ít trang hơn.
<b>Bộ nhớ gần hết Thử lại sau</b>	Sản phẩm không có đủ bộ nhớ để bắt đầu tác vụ mới.	Đợi cho đến khi tác vụ hiện tại hoàn tất trước khi bắt đầu tác vụ mới.
<b>Bộ nhớ sắp hết. Bấm OK</b>	Bộ nhớ sản phẩm đã gần sắp đầy.	Cho phép hoàn tất tác vụ, hoặc bấm <b>Setup (Cài đặt)</b> để hủy tác vụ này.
<b>Bộ nhớ sắp hết Máy chỉ tạo 1 bản sao</b>	Sản phẩm không đủ bộ nhớ để hoàn tất tác vụ sao chép.	Chia tác vụ thành nhiều tác vụ nhỏ hơn có chứa ít trang hơn.
<b>Các thông số đã bị xóa, NGÀY/GIỜ</b>	Sản phẩm đã xóa các thông số tác vụ.	Nhập lại các thông số tác vụ phù hợp.
<b>Chỉ Vừa Trang In trên kính phẳng</b>	Tính năng thu nhỏ/phóng to bản sao (còn gọi là "Vừa Trang In") chỉ dành cho các bản sao dùng máy quét hình phẳng.	Dùng kính phẳng hoặc chọn thông số phóng to/thu nhỏ khác.

**Bảng 12-1 Thông báo cảnh báo và cảnh giác (còn tiếp)**

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
<b>Chọn nhầm khay nạp tài liệu. Nạp lại</b>	Máy đã không chọn vật liệu in trong khay ADF.	Lấy hết vật liệu in khỏi khay ADF, và sau đó nạp chúng vào lại.  Lau chùi sạch trục nạp ADF. Xem <a href="#">Lau sạch bộ trục nạp của khay tự động nạp tài liệu (ADF) thuộc trang 184</a> .  Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem <a href="http://www.hp.com/support/ljm1522">www.hp.com/support/ljm1522</a> hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.
<b>Chưa chọn giấy, Bấm OK</b>	Sản phẩm không cuộn được mẫu vật liệu in.	Kiểm tra thử xem vật liệu in đã được lắp đủ vào khay nạp giấy. Trong khay 1, kiểm tra xem thanh dẫn giấy dọc đang ở vị trí phù hợp với khổ vật liệu in mà bạn đang sử dụng.  Nạp lại vật liệu in vào khay nạp giấy và bấm <b>Setup (Cài đặt)</b> để tiếp tục tác vụ.  Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem <a href="http://www.hp.com/support/ljm1522">www.hp.com/support/ljm1522</a> hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.
<b>Đang dùng hộp mực đen đã qua sử dụng</b>  thay thế bằng  <b>để chấp nhận, bấm OK</b>	Hộp mực in cũ đã được lắp vào hoặc tháo ra.	Bấm <b>OK</b> để quay lại trạng thái Sẵn sàng.
<b>Đã hủy tác vụ gửi. Xóa tài liệu</b>	Bạn đã bấm nút <b>Cancel (Hủy bỏ)</b> để hủy tác vụ hiện thời trong khi giấy đang nạp vào qua khay ADF. Quá trình hủy không tự động làm trống khay ADF.	Lấy phần giấy kẹt ra Xem <a href="#">Xử lý giấy kẹt trong khay ADF thuộc trang 197</a> . Sau đó, lấy sạch giấy trong khay ADF ra và khởi động máy lại.
<b>Đặt mua Hộp mực</b>	Hộp mực in gần cạn.	Đặt mua hộp mực in mới.
<b>In nhầm, Bấm OK</b>	In nhầm do nhập giấy chậm.	Nạp lại giấy.
<b>Kẹt giấy trong (khu vực), Mở nắp và lấy giấy kẹt ra</b>	Giấy bị kẹt tại một trong các bộ phận sau: khu vực trống in, bộ nhiệt áp, đầu nạp in hai mặt, bộ phận nhận giấy hai mặt, và vùng lấy giấy hai mặt..	Xử lý giấy kẹt khỏi khu vực nêu trên bảng điều khiển sản phẩm, và sau đó làm theo các hướng dẫn trên bảng điều khiển. Xem <a href="#">Xử lý kẹt giấy thuộc trang 197</a> .
<b>Kẹt giấy trong khe nạp, NGÀY/GIỜ</b>	Bạn chưa làm sạch khay ADF sau khi bị kẹt giấy lần trước.	Xử lý kẹt giấy.
<b>Kẹt giấy trong khe nạp Xử lý, Nạp lại</b>	Một mảnh vật liệu in bị kẹt trong khay ADF.	Mở nắp lấy tài liệu, lấy sạch các mảnh giấy kẹt, đóng nắp lấy tài liệu, và nạp giấy trở lại vào khay ADF.  Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem <a href="http://www.hp.com/support/ljm1522">www.hp.com/support/ljm1522</a> hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.
<b>Kẹt giấy trong Khay #, Xử lý giấy kẹt và sau đó bấm OK</b>	Sản phẩm phát hiện có tình trạng kẹt giấy trong khay nạp giấy.	Xử lý giấy kẹt khỏi khu vực nêu trên bảng điều khiển sản phẩm, và sau đó làm theo các hướng dẫn trên bảng điều khiển. Xem <a href="#">Xử lý kẹt giấy thuộc trang 197</a> .
<b>Khay Nạp # &lt;LOẠI&gt; &lt;KÍCH THƯỚC&gt;, Bấm OK để dùng loại vật liệu in hiện có.</b>	Thiết bị đang xử lý tác vụ, nhưng khay tương ứng đã hết giấy	Bấm <b>OK</b> để dùng các loại vật liệu in hiện có.
<b>Khay Nạp 1 &lt;LOẠI&gt; &lt;KÍCH THƯỚC&gt;, Bấm OK để dùng loại vật liệu in hiện có.</b>	Thiết bị đang tiến hành tác vụ, như không có khay phù hợp.	Bấm <b>OK</b> để dùng các thông số cài đặt khay hiện có.

**Bảng 12-1 Thông báo cảnh báo và cảnh giác (còn tiếp)**

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
<b>Lắp đặt hộp mực đen</b>	Không lắp hộp mực được do nắp đóng.	Lắp hộp mực.
<b>Lỗi động cơ, bấm OK</b>	Sản phẩm gặp lỗi ở động cơ in.	Đây chỉ là thông báo cảnh giác. Kết quả tác vụ có thể bị ảnh hưởng
<b>Lỗi phổ biến [CSID Người gửi]</b>	Lỗi truyền tín hiệu fax xuất hiện giữa sản phẩm và người gửi.	Cho phép sản phẩm thử gửi lại bản fax. Tháo dây điện thoại của sản phẩm khỏi ổ cắm trên tường, cắm vào một máy điện thoại, và gọi điện bằng máy đó. Cắm dây điện thoại của sản phẩm vào khe cắm của đường dây điện thoại khác.  Thử dùng dây điện thoại khác.  Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem <a href="http://www.hp.com/support/ljm1522">www.hp.com/support/ljm1522</a> hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.
<b>Lỗi phổ biến [CSID Người nhận]</b>	Lỗi truyền tín hiệu fax xuất hiện giữa sản phẩm và người nhận.	Cho phép sản phẩm thử gửi lại bản fax. Tháo dây điện thoại của sản phẩm khỏi ổ cắm trên tường, cắm vào một máy điện thoại, và gọi điện bằng máy đó. Cắm dây điện thoại của sản phẩm vào khe cắm của đường dây điện thoại khác.  Thử dùng dây điện thoại khác.  Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem <a href="http://www.hp.com/support/ljm1522">www.hp.com/support/ljm1522</a> hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.
<b>Lỗi phổ biến của động cơ</b>	Sản phẩm gặp lỗi truyền tín hiệu qua động cơ in.	Đây chỉ là thông báo cảnh giác. Kết quả tác vụ có thể bị ảnh hưởng
<b>Lỗi quét Không thể kết nối</b>	Sản phẩm không thể truyền tín hiệu thông tin đến máy tính.	Kiểm tra lại xem cáp kết nối có bị hỏng hoặc bị lỏng hay không. Thay cáp nếu cần, và thử quét lại.
<b>Lỗi thiết bị, bấm OK</b>	Lỗi tổng quát của động cơ	Đây chỉ là thông báo cảnh giác. Kết quả tác vụ có thể bị ảnh hưởng
<b>Lỗi Bộ Nhớ Cung Cấp 10.0000</b>	Hộp mực in cụ thể gặp lỗi nhãn điện tử.	Lắp lại hộp mực in.  Tắt và bật sản phẩm trở lại.  Nếu vấn đề không được khắc phục, hãy thay hộp mực.
<b>Lỗi Bộ Nhớ Cung Cấp 10.1000</b>	Hộp mực in cụ thể bị lỗi mất nhãn điện tử.	Lắp lại hộp mực in.  Tắt và bật sản phẩm trở lại.  Nếu vấn đề không được khắc phục, hãy thay hộp mực.
<b>Máy quét dùng để quét qua máy tính</b>	Máy tính dùng sản phẩm này để tạo bản quét.	Đợi đến khi tác vụ quét của máy tính hoàn tất, hoặc sau khi hủy tác vụ quét bằng phần mềm trên máy tính, hoặc bấm <b>Cancel (Hủy bỏ)</b> .
<b>Mục không hợp lệ</b>	Câu trả lời hoặc dữ liệu không hợp lệ.	Sửa lại mục nhập này.
<b>Nạp giấy</b>	Tất cả các khay đều đã hết giấy.	Nạp giấy vào khay.
<b>Nạp giấy khay #, Bấm OK</b>	Chế độ in hai mặt thủ công. “#” là số khay nơi in phân nửa tác vụ in tiến hành.	Nạp giấy vào đúng khay.

## Bảng 12-1 Thông báo cảnh báo và cảnh giác (còn tiếp)

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
Nạp giấy khay 1, <THƯỜNG> <KHỎ> / Chế độ lau dọn, OK để bắt đầu	Thông báo giấy của chế độ lau dọn.	Bấm <b>OK</b> để bắt đầu quy trình lau dọn.
Nạp giấy thủ công <KHỎ> <LOẠI>, Bấm OK để dùng loại vật liệu in hiện có	Chế độ Nạp Giấy In Thủ Công.	Nạp giấy vào khay nạp giấy ưu tiên.
Nắp đậy mở	Nắp hộp mực in mở.	Đóng nắp hộp mực in.
Nắp khay ADF đang mở	Nắp đậy ADF đang mở hoặc bộ cảm biến bị lỗi chức năng.	Kiểm tra và đảm bảo nắp đậy ADF đã được đóng lại.  Tháo khay ADF và lắp khay trở lại.  Nếu thông báo vẫn xuất hiện, tắt nguồn bằng cách sử dụng công tắc nguồn, chờ ít nhất 30 giây, và sau đó bật lại nguồn và chờ cho sản phẩm khởi chạy.  Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem <a href="http://www.hp.com/support/ljm1522">www.hp.com/support/ljm1522</a> hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.
Thiết bị đang bận. Thử lại sau	Sản phẩm hiện đang hoạt động.	Đợi đến khi sản phẩm hoàn tất tác vụ hiện thời.
Trang quá phức tạp, bấm OK	Sản phẩm không thể in trang hiện thời vì trang quá phức tạp.	Bấm <b>Setup (Cài đặt)</b> (↖) để xóa thông báo.  Cho phép sản phẩm hoàn tất tác vụ, hoặc bấm <b>Cancel (Hủy bỏ)</b> để hủy tác vụ này.
Trình điều khiển thiết bị sai Bấm OK	Bạn đang dùng trình điều khiển máy in không đúng.	Chọn trình điều khiển máy in phù hợp với sản phẩm của bạn.

## Thông báo lỗi nghiêm trọng

Thông báo lỗi nghiêm trọng có thể cho thấy một số loại lỗi chức năng. Bạn có thể khắc phục sự cố bằng cách tắt và bật máy trở lại. Nếu lỗi nghiêm trọng vẫn xuất hiện, sản phẩm cần phải được sửa chữa.

## Bảng thông báo lỗi nghiêm trọng

Bảng 12-2 Thông báo lỗi nghiêm trọng

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
Lỗi 49, Tắt sau đó bật lại	Sản phẩm gặp phải lỗi phần mềm nhúng nội bộ.	Tắt nguồn bằng cách sử dụng công tắc nguồn, chờ ít nhất 30 giây, và sau đó bật lại nguồn và chờ cho sản phẩm khởi chạy.  Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem <a href="http://www.hp.com/support/ljm1522">www.hp.com/support/ljm1522</a> hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.
Lỗi 55.4, Tắt sau đó bật lên lại	Sản phẩm gặp lỗi hết hạn truyền tín hiệu động cơ.	Tắt nguồn bằng cách sử dụng công tắc nguồn, chờ ít nhất 30 giây, và sau đó bật lại nguồn và chờ cho sản phẩm khởi chạy.  Nếu máy đang dùng thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Sử dụng công tắc nguồn để bật sản phẩm.

## Bảng 12-2 Thông báo lỗi nghiêm trọng (còn tiếp)

Thông báo trên panen điều khiển	Mô tả	Hành động được đề xuất
Lỗi 79 Tắt sau đó bật lại	Sản phẩm gặp lỗi chương trình cơ sở nội bộ.	<p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem <a href="http://www.hp.com/support/ljm1522">www.hp.com/support/ljm1522</a> hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p> <p>Tắt nguồn bằng cách sử dụng công tắc nguồn, chờ ít nhất 30 giây, và sau đó bật lại nguồn và chờ cho sản phẩm khởi chạy.</p> <p>Nếu bạn vừa lắp một thanh DIMM bộ nhớ vào sản phẩm, tắt sản phẩm, tháo thanh DIMM bộ nhớ ra, lắp thanh DIMM này trở lại để đảm bảo thanh này đã lắp đúng vị trí, và sau đó bật lại máy.</p> <p>Nếu máy đang dùng thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Sử dụng công tắc nguồn để bật sản phẩm.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem <a href="http://www.hp.com/support/ljm1522">www.hp.com/support/ljm1522</a> hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p>
Lỗi máy quét #, Tắt sau đó bật lên lại	Sản phẩm gặp lỗi trong vùng trục dưới máy quét.	<p>Tắt nguồn bằng cách sử dụng công tắc nguồn, chờ ít nhất 30 giây, và sau đó bật lại nguồn và chờ cho sản phẩm khởi chạy.</p> <p>Nếu máy đang dùng thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Sử dụng công tắc nguồn để bật sản phẩm.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem <a href="http://www.hp.com/support/ljm1522">www.hp.com/support/ljm1522</a> hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p>
Lỗi Bộ Nhiệt Áp 50.x	Sản phẩm gặp lỗi phần cứng nội bộ.	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Tắt nguồn bằng cách dùng nút công tắc nguồn, và sau đó đợi ít nhất 30 giây.</li><li>2. Nếu máy đang dùng thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện.</li><li>3. Bật nguồn điện và đợi cho sản phẩm khởi chạy.</li></ol> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem <a href="http://www.hp.com/support/ljm1522">www.hp.com/support/ljm1522</a> hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p>
Lỗi Máy Quét 52	Sản phẩm gặp lỗi phần cứng nội bộ.	<p>Tắt nguồn bằng cách sử dụng công tắc nguồn, chờ ít nhất 30 giây, và sau đó bật lại nguồn và chờ cho sản phẩm khởi chạy.</p> <p>Nếu máy đang dùng thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Sử dụng công tắc nguồn để bật sản phẩm.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem <a href="http://www.hp.com/support/ljm1522">www.hp.com/support/ljm1522</a> hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p>

## Sự cố hiển thị của bảng điều khiển

△ **THẬN TRỌNG:** Tĩnh điện có thể tạo ra những lần đen hoặc đốm đen xuất hiện trên màn hình hiển thị của bảng điều khiển. Không được chạm vào màn hình bảng điều khiển nếu bạn có thể đã tích điện (ví dụ như, khi bước trên thảm trong phòng có độ ẩm thấp).

Những lần đen hoặc đốm đen có thể xuất hiện trên màn hình hiển thị của bảng điều khiển sản phẩm, hoặc màn hình có thể chuyển sang màu trắng nếu sản phẩm tiếp xúc với trường từ tính hoặc điện từ. Để giải quyết sự cố này, hãy thực hiện quy trình sau:

1. Tắt sản phẩm.
2. Mang sản phẩm khỏi nơi có trường từ tính hoặc điện từ.
3. Bật lại sản phẩm.



# Xử lý kẹt giấy

## Nguyên nhân kẹt giấy

Thỉnh thoảng, giấy hoặc các loại vật liệu in bị kẹt trong quá trình in ấn. Một số nguyên nhân của hiện tượng nói trên bao gồm:

- Khay nạp giấy được nạp không đúng cách hoặc quá nhiều, hoặc thanh dẫn vật liệu in không được cài đúng cách.
- Vật liệu in được thêm hoặc lấy khỏi khay nạp giấy trong quá trình in hoặc khay nạp giấy đã bị tháo khỏi sản phẩm trong quá trình in.
- Nắp hộp mực bị hở trong quá trình in.
- Quá nhiều trang giấy chồng lại trong khay xuất giấy, hoặc các trang giấy làm nghẽn nơi xuất giấy.
- Vật liệu in đang sử dụng không đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của HP. Xem [Giấy và Phương tiện In thuộc trang 53](#).
- Vật liệu in bị hỏng hoặc có vật lạ dính vào, ví như kẹp giấy hoặc kim cài giấy.
- Môi trường nơi cất giữ vật liệu in quá khô hoặc quá ẩm ướt. Xem [Giấy và Phương tiện In thuộc trang 53](#).

## Nơi cần xem xét khi kẹt giấy

Giấy có thể bị kẹt ở những bộ phận sau:

- Trong khay tự động nạp tài liệu (ADF)
- Trong nơi nạp giấy
- Trong khu vực giấy ra
- Bên trong sản phẩm

Tìm và lấy giấy kẹt bằng cách dùng các hướng dẫn trong trang sau. Nếu bạn không thấy rõ nơi kẹt giấy, đầu tiên hãy nhìn vào bên trong sản phẩm.

Bột mực không bám dính chặt có thể vẫn còn sót lại sau khi bị kẹt giấy. Sự cố này thường sẽ tự biến mất sau khi bạn in một vài trang.

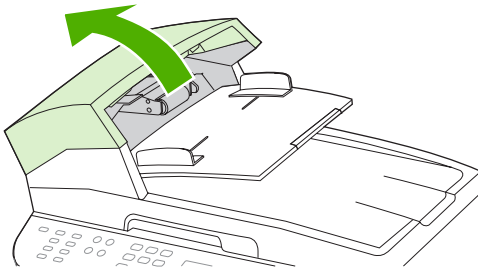
## Xử lý giấy kẹt trong khay ADF

Thỉnh thoảng, vật liệu in bị kẹt quá trình fax, sao chép, hoặc quét tài liệu.

Bạn phát hiện kẹt vật liệu in do thông báo **Doc feeder jam Clear, Reload** (Kẹt giấy trong khe nạp Xử lý, Nạp lại) xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển sản phẩm.

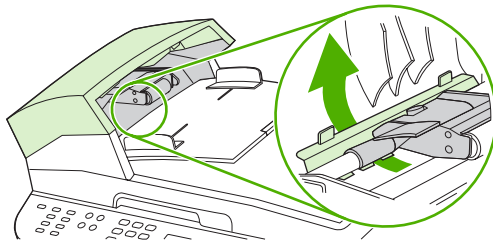
- khay nạp ADF có giấy nạp vào không đúng cách hoặc quá đầy. Xem [Nạp giấy và phương tiện in thuộc trang 58](#) để biết thêm thông tin.
- Vật liệu in không đạt chỉ tiêu kỹ thuật của hãng HP, ví dụ như chỉ tiêu về khổ hoặc loại giấy. Xem [Giấy và Phương tiện In thuộc trang 53](#) để biết thêm thông tin.

1. Mở nắp đậy khay ADF.

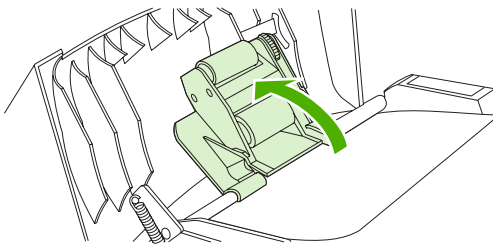


 **GHI CHÚ:** Kiểm tra xem băng dán vận chuyển bên trong khay ADF đã được tháo ra hay chưa.

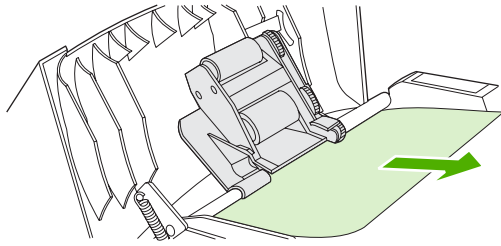
2. Tháo bộ phận làm sạch giấy kẹt. Dùng cả hai tay nhấc hai cần đỡ lên cho đến khi chúng tách khỏi khóa. Xoay và nhấc bộ phận làm sạch ra và đặt sang một bên.



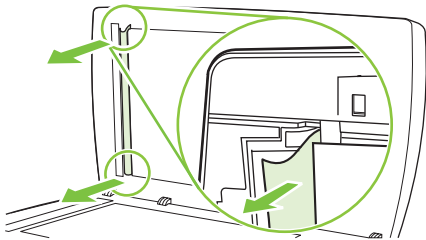
3. Nhấc cần gạt màu xanh lá cây, xoay trục cho đến khi trục mở ra.



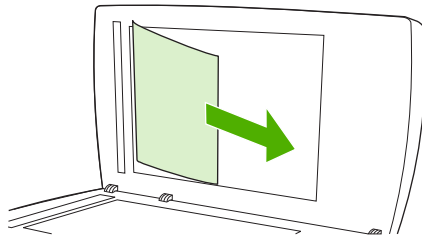
4. Nhẹ nhàng lấy giấy ra mà không làm rách giấy. Nếu bạn thấy lực cản, hãy làm theo bước kế tiếp.



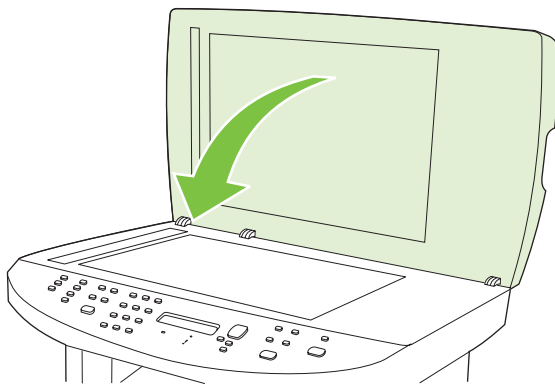
5. Mở nắp đậy khay ADF và nhẹ nhàng tháo vật liệu in ra bằng cả hai tay.



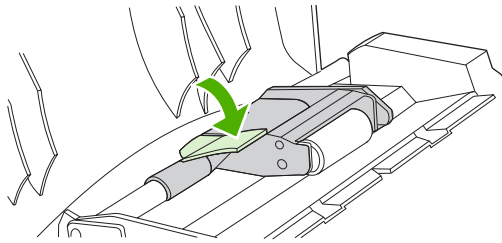
6. Khi vật liệu in gần ra hết bên ngoài, nhẹ nhàng kéo giấy theo hướng trên hình minh họa.



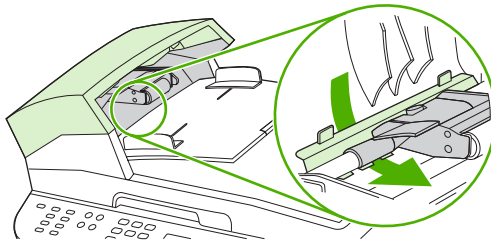
7. Đóng nắp xuống máy quét hình phẳng.



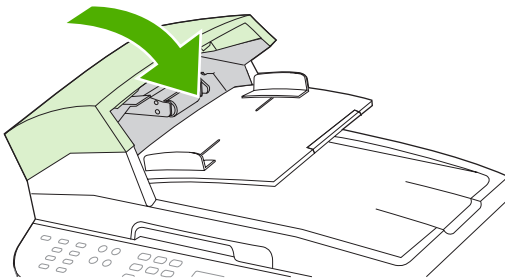
8. Hạ cần gạt màu xanh lá cây.



9. Lắp lại bộ phận làm sạch bằng cách lắp vào theo hình minh họa. Ấn vào hai gờ cho đến khi bộ phận này khớp vào đúng vị trí. Lắp đặt bộ phận làm sạch đúng cách, vì hiện tượng kẹt giấy sẽ tái diễn nếu bộ phận làm sạch không được lắp đặt đúng cách.




10. Đóng nắp đậy ADF.



## Xử lý giấy kẹt trong khay nạp giấy

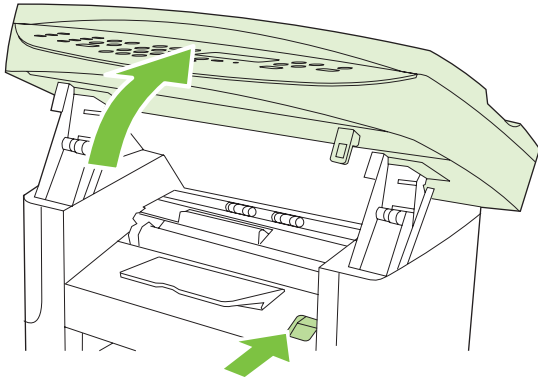
△ **THẬN TRỌNG:** Không dùng vật sắc nhọn như kẹp hoặc kim nhọn để xử lý kẹt vật liệu in. Hồng hóc do các vật nhọn sắc gây ra sẽ không được bảo hành.

Khi tháo vật liệu in bị kẹt, kéo vật liệu in thẳng ra khỏi sản phẩm. Việc kéo vật liệu in ra khỏi sản phẩm theo hướng tạo thành góc sẽ gây hư hỏng cho sản phẩm.

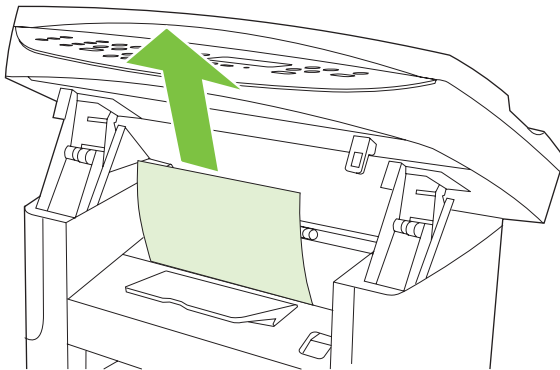
 **GHI CHÚ:** Tùy vào vị trí kẹt giấy, một số bước thao tác có thể được bỏ qua.

---

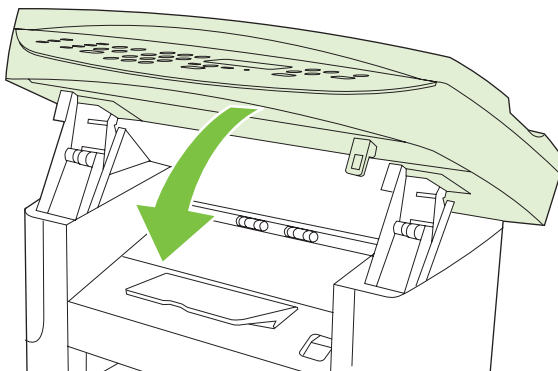
1. Mở nắp hộp mực in.



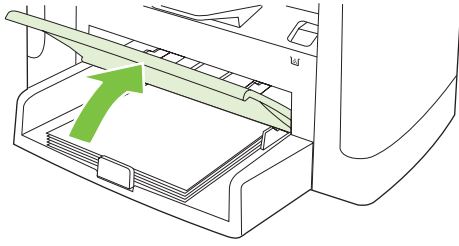
2. Bằng cả hai tay, nắm lấy một phía của vật liệu in mà nhìn thấy rõ nhất (phía này bao gồm cả phần ở giữa) và cẩn thận kéo nó ra khỏi sản phẩm.



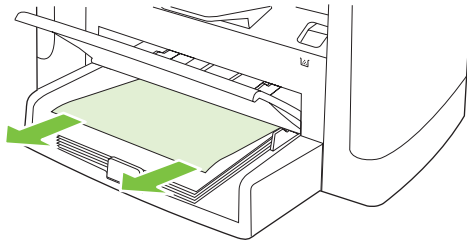
3. Đóng nắp hộp mực in.



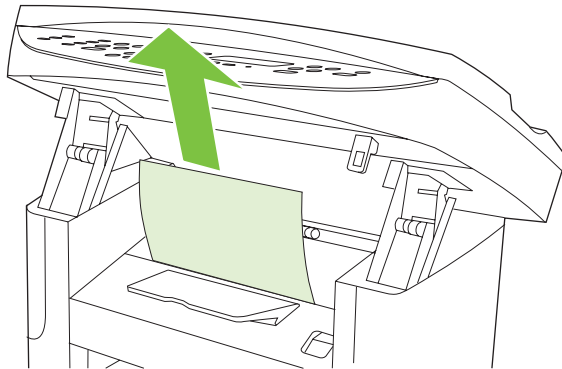
4. Mở khay 1.



5. Bằng cả hai tay, nắm lấy một phía của vật liệu in mà nhìn thấy rõ nhất (phía này bao gồm cả phần ở giữa) và cẩn thận kéo nó ra khỏi sản phẩm.



6. Nếu không trông thấy vật liệu in, hãy mở nắp hộp mực in và tháo hộp mực ra, sau đó xoay thanh dẫn vật liệu in phía trên ra. Cẩn thận kéo vật liệu in lên và lấy ra khỏi sản phẩm.

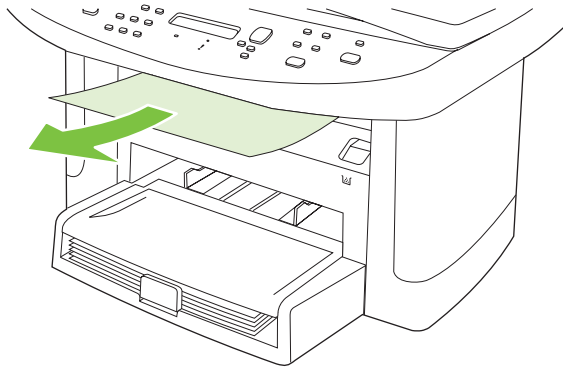


7. Đóng khay 1 và đóng nắp hộp mực in.

## Xử lý giấy kẹt ở ngăn giấy ra phía sau

△ **THẬN TRỌNG:** Không dùng vật sắc nhọn như kẹp hoặc kim nhọn để tháo giấy kẹt. Hỏng hóc do các vật nhọn sắc gây ra sẽ không được bảo hành.

Bằng cả hai tay, nắm lấy một phía của giấy in mà nhìn thấy rõ nhất (phía này bao gồm cả phần ở giữa) và cẩn thận kéo nó ra khỏi sản phẩm.

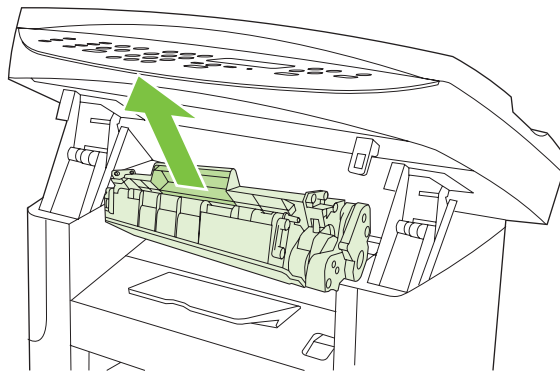


## Xử lý giấy kẹt ở khu vực hộp mực in

△ **THẬN TRỌNG:** Không dùng vật sắc nhọn như kẹp hoặc kim nhọn để tháo giấy kẹt. Hỏng hóc do các vật nhọn sắc gây ra sẽ không được bảo hành.

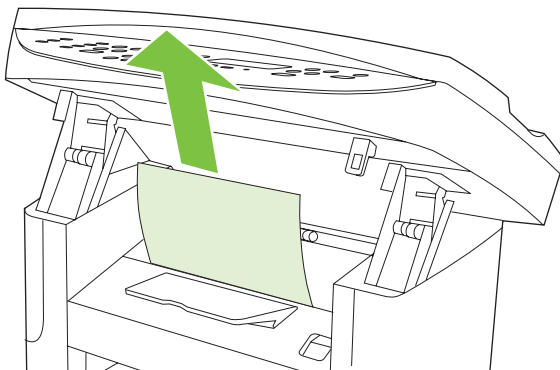
Khi tháo vật liệu in bị kẹt, kéo vật liệu in thẳng ra khỏi sản phẩm. Việc kéo vật liệu in ra khỏi sản phẩm theo hướng tạo thành góc sẽ gây hư hỏng cho sản phẩm.

1. Mở nắp hộp mực in, và lấy hộp mực in ra.

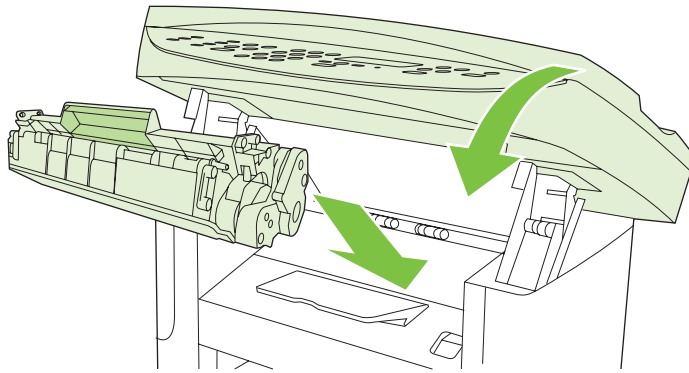


△ **THẬN TRỌNG:** Để tránh hỏng hộp mực, hạn chế tối đa tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng.

2. Bằng cả hai tay, nắm lấy một phía của giấy in mà nhìn thấy rõ nhất (phía này bao gồm cả phần ở giữa) và cẩn thận kéo nó ra khỏi sản phẩm.



3. Thay hộp mực in và đóng nắp hộp mực in lại.



### Tránh tình trạng kẹt giấy tái diễn

- Kiểm tra xem khay nạp giấy có quá đầy hay không. Dung tích khay nạp giấy thay đổi tùy theo loại giấy in mà bạn đang sử dụng.
- Kiểm tra xem các đường dẫn giấy đã được chỉnh đúng vị trí chưa.
- Kiểm tra xem khay nạp giấy đã được lắp chắc chắn vào đúng vị trí chưa.
- Không nạp giấy in vào khay nạp giấy khi sản phẩm đang in.
- Chỉ dùng loại và khổ giấy in HP khuyến nghị sử dụng. Xem [Giấy và Phương tiện In thuộc trang 53](#) để biết thêm thông tin về các loại giấy in.
- Không được xòe giấy ra trước khi nạp giấy vào khay. Khi mở ram giấy, nắm chặt giấy bằng cả hai tay và xoắn giấy bằng cách xoay hai tay bạn theo chiều ngược nhau.
- Không được để giấy in dính chồng trong khay đựng giấy ra. Loại vật liệu in và lượng mực in sử dụng sẽ ảnh hưởng đến dung tích khay giấy ra.
- Kiểm tra đầu nối nguồn điện. Kiểm tra để đảm bảo dây cắm điện được gắn cố định vào sản phẩm và bộ nguồn cấp điện. Cắm dây cắm điện vào ổ cắm điện tiếp đất.




# Giải quyết các sự cố về chất lượng hình ảnh

## Các sự cố khi in ấn




### Vấn đề với chất lượng in

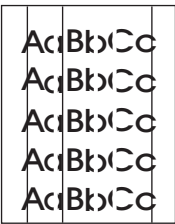

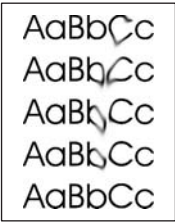
Thỉnh thoảng bạn có thể gặp phải vấn đề với chất lượng in. Thông tin trong các mục sau đây sẽ giúp bạn nhận dạng và khắc phục các vấn đề này.

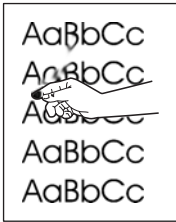

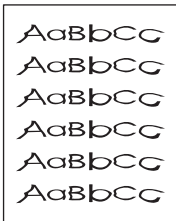
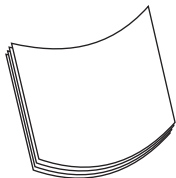
 **GHI CHÚ:** Nếu bạn đang gặp vấn đề về sao chép, xem [Các vấn đề sao chép thuộc trang 211](#).

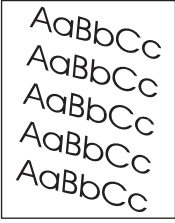
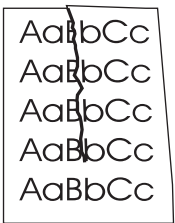
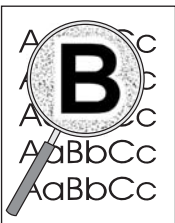

### Các vấn đề chung về chất lượng in

Các vấn đề sau đây mô tả giấy có kích thước thư đã đi qua sản phẩm bằng cạnh ngắn trước. Các ví dụ này sẽ minh họa vấn đề có thể ảnh hưởng đến tất cả các trang mà bạn in. Các chủ đề kế tiếp liệt kê nguyên nhân và giải pháp thông thường cho mỗi ví dụ.

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
Bản in mờ hoặc không rõ. 	Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.	Sử dụng những phương tiện đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật của HP. Xem <a href="#">Giấy và Phương tiện In thuộc trang 53</a> .
	Hộp mực in có thể bị lỗi. Nếu bạn đang dùng hộp mực không phải của HP, không có thông báo nào xuất hiện trên bảng điều khiển hoặc trong HP ToolboxFX.	Thay hộp mực. Xem <a href="#">Hộp mực in thuộc trang 181</a> . Nếu hộp mực chưa gần cạn hoặc chưa hết, hãy kiểm tra thanh trực mực xem thanh này có bị hư hỏng hay không. Nếu có, hãy thay hộp mực in.
	Nếu toàn bộ trang bị nhạt thì mức điều chỉnh mật độ mực in quá ít hoặc đã bật Chế Độ Tiết Kiệm.	Điều chỉnh mật độ mực và không chọn Chế Độ Tiết Kiệm ở phần Đặc Tính của sản phẩm.
Vết bột mực xuất hiện. 	Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.	Sử dụng những phương tiện đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật của HP. Xem <a href="#">Giấy và Phương tiện In thuộc trang 53</a> .
	Đường dẫn giấy có thể cần lau chùi.	Hãy làm sạch đường dẫn giấy. Xem <a href="#">Hãy làm sạch đường dẫn giấy thuộc trang 182</a> , hoặc xem Trợ giúp trực tuyến HP ToolboxFX.
Có hiện tượng mất ký tự. 	Một tờ vật liệu in có thể bị lỗi.	Thử in lại.
	Mức độ ẩm của giấy không đều hoặc giấy có những điểm ẩm trên bề mặt.	Thử giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser. Xem <a href="#">Giấy và Phương tiện In thuộc trang 53</a> .
	Lô giấy có lỗi. Quá trình sản xuất có thể khiến một số vùng không ăn bột mực.	
	Hộp mực in có thể bị lỗi.	Thay hộp mực. Xem <a href="#">Hộp mực in thuộc trang 181</a> . Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem <a href="http://www.hp.com/support/ljm1522">www.hp.com/support/ljm1522</a> hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
<p>Các vết dọc hoặc dải xuất hiện trên trang.</p> 	<p>Hộp mực in có thể bị lỗi. Nếu bạn đang dùng hộp mực không phải của HP, không có thông báo nào xuất hiện trên bảng điều khiển hoặc trong HP ToolboxFX.</p>	<p>Thay hộp mực. Xem <a href="#">Hộp mực in thuộc trang 181</a>.</p>
<p>Lượng bóng bột màu nền trở nên không chấp nhận được.</p> 	<p>Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.</p> <p>Khay nạp giấy ưu tiên giấy đơn có thể đã được lắp đặt không đúng cách.</p> <p>Thông số mật độ in quá cao.</p> <p>Môi trường quá khô (độ ẩm thấp) có thể làm tăng hiệu ứng tô bóng nền.</p> <p>Hộp mực in có thể bị lỗi. Nếu bạn đang dùng hộp mực không phải của HP, không có thông báo nào xuất hiện trên bảng điều khiển hoặc trong HP ToolboxFX.</p>	<p>Dùng trang khác có trọng lượng nhẹ hơn. Xem <a href="#">Giấy và Phương tiện In thuộc trang 53</a>.</p> <p>Hãy đảm bảo rằng khay nạp giấy ưu tiên giấy đơn đã lắp vào đúng vị trí.</p> <p>Giảm thông số mật độ in bằng HP ToolboxFX hoặc máy chủ Web nhúng. Thao tác này sẽ làm giảm hiệu ứng tô bóng nền.</p> <p>Kiểm tra môi trường quanh sản phẩm.</p> <p>Thay hộp mực. Xem <a href="#">Hộp mực in thuộc trang 181</a>.</p>
<p>Vết bẩn bột mực xuất hiện trên phương tiện.</p> 	<p>Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.</p> <p>Nếu vết bẩn bột mực xuất hiện trên cạnh trên của giấy có nghĩa là các thanh dẫn phương tiện bị bẩn, hoặc mảnh vụn đã tích tụ trên đường dẫn in.</p> <p>Hộp mực in có thể bị lỗi. Nếu bạn đang dùng hộp mực không phải của HP, không có thông báo nào xuất hiện trên bảng điều khiển hoặc trong HP ToolboxFX.</p> <p>Nhiệt độ bộ nhiệt áp có thể quá thấp.</p>	<p>Sử dụng những phương tiện đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật của HP. Xem <a href="#">Giấy và Phương tiện In thuộc trang 53</a>.</p> <p>Lau chùi đường dẫn giấy và thanh dẫn giấy in. Xem <a href="#">Hãy làm sạch đường dẫn giấy thuộc trang 182</a>.</p> <p>Thay hộp mực. Xem <a href="#">Hộp mực in thuộc trang 181</a>.</p> <p>Chắc chắn là bạn đã chọn loại giấy in thích hợp trong trình điều khiển máy in.</p> <p>Dùng tính năng in lưu trữ để cải thiện tính năng sấy nóng mực in. Xem <a href="#">In lưu trữ thuộc trang 82</a>.</p>

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
<p>Bột mực dễ dàng vấy bẩn khi chạm vào.</p> 	<p>Sản phẩm chưa được cài để in loại giấy in bạn muốn in trên đó.</p>	<p>Trong trình điều khiển máy in, chọn tab <b>Paper/Quality</b> (Giấy/Chất lượng) và chỉnh <b>Paper Type</b> (Loại Giấy) sao cho tương ứng với loại giấy mà bạn đang in. Tốc độ in có thể chậm hơn nếu bạn định sử dụng giấy nặng.</p>
	<p>Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.</p>	<p>Sử dụng những phương tiện đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật của HP. Xem <a href="#">Giấy và Phương tiện In thuộc trang 53</a>.</p>
	<p>Đường dẫn giấy có thể cần lau chùi.</p>	<p>Lau dọn sản phẩm. Xem <a href="#">Hãy làm sạch đường dẫn giấy thuộc trang 182</a>.</p>
	<p>Nguồn điện có thể bị lỗi.</p>	<p>Cắm phích sản phẩm trực tiếp vào ổ cắm điện xoay chiều thay vì cắm vào bảng điện.</p>
	<p>Nhiệt độ bộ nhiệt áp có thể quá thấp.</p>	<p>Dùng tính năng in lưu trữ để cải thiện tính năng sấy nóng mực in. Xem <a href="#">In lưu trữ thuộc trang 82</a>.</p>
<p>Các vết mực thường xuyên tái xuất hiện cách khoảng trên trang.</p> 	<p>Sản phẩm chưa được cài để in loại giấy in bạn muốn in trên đó.</p>	<p>Chắc chắn là bạn đã chọn loại giấy in thích hợp trong trình điều khiển máy in. Tốc độ in có thể chậm hơn nếu bạn định sử dụng giấy nặng.</p>
	<p>Các bộ phận bên trong có thể bị dính mực.</p>	<p>Vấn đề thường tự mất đi sau khi in thêm vài trang.</p>
	<p>Đường dẫn giấy có thể cần lau chùi.</p>	<p>Lau dọn sản phẩm. Xem <a href="#">Hãy làm sạch đường dẫn giấy thuộc trang 182</a>.</p>
	<p>Hộp mực in có thể bị hỏng.</p>	<p>Nếu vết lặp đi lặp lại xuất hiện ở vị trí tương tự trên một trang, hãy lắp hộp mực in HP mới. Xem <a href="#">Hộp mực in thuộc trang 181</a>.</p>
<p>Trang in có những ký tự bị lỗi.</p> 	<p>Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.</p>	<p>Dùng một trang giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser. Xem <a href="#">Giấy và Phương tiện In thuộc trang 53</a>.</p>
	<p>Nếu các ký tự bị lỗi và chúng tạo ra một hiệu ứng sóng, máy quét laser có thể cần sửa chữa.</p>	<p>Kiểm tra xem vấn đề có xuất hiện trên cả trang cấu hình không. Nếu có, hãy liên hệ với HP. Xem <a href="http://www.hp.com/support/ljm1522">www.hp.com/support/ljm1522</a> hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p>
<p>Trang in bị cong hoặc lượn sóng.</p> 	<p>Sản phẩm chưa được cài để in loại giấy in bạn muốn in trên đó.</p>	<p>Chắc chắn là bạn đã chọn loại giấy in thích hợp trong trình điều khiển máy in.</p>
	<p>Giấy in có thể đã được để trong khay nạp giấy quá lâu.</p>	<p>Nếu sự cố vẫn còn, chọn loại vật liệu in sử dụng nhiệt bộ nhiệt áp thấp hơn, như loại vật liệu in nhẹ hoặc giấy trong.</p>
	<p>Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.</p>	<p>Lật chồng vật liệu in trong khay đựng. Ngoài ra, thử xoay 180° giấy có trong khay.</p>
	<p>Cả nhiệt độ cao và độ ẩm cao có thể làm cong giấy.</p>	<p>Dùng một trang giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser. Xem <a href="#">Giấy và Phương tiện In thuộc trang 53</a>.</p>
		<p>Kiểm tra môi trường quanh sản phẩm.</p>

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
<p>Văn bản và đồ họa bị lệch trên trang in.</p> 	<p>Có thể bạn đã nạp vật liệu in không đúng cách hoặc khay nạp giấy đã quá đầy.</p> <hr/> <p>Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.</p>	<p>Kiểm tra xem phương tiện có được nạp đúng cách và các thanh dẫn phương tiện có bị chặt quá hoặc lỏng quá so với chông giấy không. Xem <a href="#">Nạp giấy và phương tiện in thuộc trang 58</a>.</p> <hr/> <p>Dùng một trang giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser. Xem <a href="#">Giấy và Phương tiện In thuộc trang 53</a>.</p>
<p>Trang in ra có nếp nhăn hoặc nếp gấp.</p> 	<p>Có thể bạn đã nạp vật liệu in không đúng cách hoặc khay nạp giấy đã quá đầy.</p> <hr/> <p>Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.</p> <hr/> <p>Các túi khí bên trong phong bì có thể làm chúng bị nhăn.</p>	<p>Lật ngược chông giấy trong khay tiếp giấy, hoặc thử xoay giấy 180° trong khay tiếp giấy.</p> <hr/> <p>Kiểm tra xem phương tiện có được nạp đúng cách và các thanh dẫn phương tiện có bị chặt quá hoặc lỏng quá so với chông giấy không. Xem <a href="#">Nạp giấy và phương tiện in thuộc trang 58</a>.</p> <hr/> <p>Dùng một trang giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser. Xem <a href="#">Giấy và Phương tiện In thuộc trang 53</a>.</p> <hr/> <p>Nhấc phong bì ra, làm phẳng nó, rồi thử in lại.</p>
<p>Bột mực xuất hiện quanh các ký tự đã in.</p> 	<p>Có thể đã nạp phương tiện sai.</p> <hr/> <p>Nếu có nhiều mực phân tán quanh các ký tự, giấy có thể có điện trở suất cao.</p>	<p>Lật chông giấy trong khay.</p> <hr/> <p>Dùng một trang giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser. Xem <a href="#">Giấy và Phương tiện In thuộc trang 53</a>.</p>
<p>Có hình xuất hiện trên cạnh trên cùng của trang (màu đen liên khối) lặp lại phía dưới trang (trong trường màu xám).</p> 	<p>Cài đặt phần mềm có thể ảnh hưởng đến việc in hình.</p> <hr/> <p>Thứ tự các hình được in có thể ảnh hưởng đến việc in.</p> <hr/> <p>Hiện tượng đột biến điện có thể đã ảnh hưởng đến sản phẩm.</p>	<p>Trong chương trình phần mềm của bạn, thay đổi tông màu (độ đậm) của trong mà trong đó hình xuất hiện lặp lại.</p> <hr/> <p>Trong chương trình phần mềm của bạn, xoay toàn bộ trang 180° để in hình nhạt hơn trước.</p> <hr/> <p>Thay đổi thứ tự các hình sẽ được in. Ví dụ, in hình nhạt hơn ở phía trên cùng của trang, và hình đậm hơn ở phía dưới trang.</p> <hr/> <p>Nếu lỗi xuất hiện sau khi tiến hành tác vụ in, hãy tắt sản phẩm trong thời gian 10 phút, và sau đó bật sản phẩm để khởi động lại tác vụ in.</p>

## Các vấn đề quản lý vật liệu in

Dùng các thông tin trong phần này khi sản phẩm gặp các vấn đề trong quản lý vật liệu in.

### Cẩm nang hướng dẫn vật liệu in

- Để đảm bảo chất lượng tốt nhất, hãy dùng loại giấy chất lượng tốt, không bị răng cưa, cắt, rách, lốm đốm, vật thể nhỏ, hạt bụi, quần góc, bị khuyết, có kẹp giấy và quần hoặc cong cạnh.
- Để đạt chất lượng in tốt nhất, hãy dùng loại giấy nhẵn. Các loại vật liệu in mịn hơn thường cho kết quả tốt hơn.
- Nếu bạn không biết chắc về loại giấy bạn đã nạp (ví dụ như giấy thô ráp hoặc tái chế), hãy kiểm tra nhãn trên bao bì gói giấy.
- Đừng dùng vật liệu in được thiết kế riêng cho máy in phun. Sử dụng vật liệu in dành riêng cho máy in la-de.
- Không dùng loại giấy tiêu đề thư được in bằng mực nhiệt độ thấp, ví dụ như những loại giấy dùng một số ứng dụng nhiệt học.
- Không dùng loại giấy tiêu đề thư dập nổi hoặc gò ghề.
- Sản phẩm dùng nhiệt và áp suất để sấy nóng mực in lên giấy. Kiểm tra để đảm bảo rằng giấy màu hoặc các mẫu in sẵn dùng các loại mực tương thích với nhiệt độ sấy nóng này (200°C hoặc 392°F mỗi 0,1 giây).

△ **THẬN TRỌNG:** Việc không tuân thủ theo các hướng dẫn này sẽ gây ra kẹt giấy hoặc hư hỏng đối với sản phẩm.

### Giải quyết các vấn đề vật liệu in

Các sự cố vật liệu in sau đây gây ra các sai lệch về chất lượng in, kẹt giấy hoặc thậm chí gây hỏng hóc cho sản phẩm.

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
Chất lượng in hoặc độ bám của bột mực kém	Giấy quá ẩm, nhám, nặng hoặc quá nhẵn hoặc giấy được dập nổi hoặc được làm từ lô giấy kém chất lượng.	In thử trên loại giấy khác từ 100 đến 250 với độ ẩm từ 4 đến 6%.
Mất ký tự, kẹt giấy hoặc bị nhăn	Cắt giữ giấy không đúng cách.	Cắt giữ tệp giấy trong vật liệu phủ chống ẩm của nó.
	Giấy có hai mặt khác nhau.	Lật mặt giấy.
Quá nhăn	Giấy quá ẩm, hương thơm giấy sai hoặc cấu trúc thờ ngắn.	Dùng giấy có thờ dài
	Giấy có hai mặt khác nhau.	Lật mặt giấy.
	Nhiệt độ sấy nóng cao sẽ làm cong giấy.	Bật thông số cài đặt <b>Less paper curl</b> (Giấy ít cong hơn).  Trên bảng điều khiển, bấm <b>Setup (Cài đặt)</b> (↶), dùng các nút mũi tên để chọn <b>Service (Dịch vụ)</b> , và sau đó bấm <b>OK</b> . Dùng các nút mũi tên để chọn <b>Less paper curl</b> (Giấy ít cong hơn), bấm <b>OK</b> , dùng các nút mũi tên để chọn <b>On (Bật)</b> , và sau đó bấm <b>OK</b> .
Kẹt giấy, gây hỏng sản phẩm	Giấy bị rách hoặc có răng cưa.	Sử dụng giấy không bị rách hoặc răng cưa.

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
Sự cố khi tiếp giấy	Giấy có các góc không đều.	Sử dụng loại giấy chất lượng cao dành cho máy in la-de.
	Giấy có hai mặt khác nhau.	Lật mặt giấy.
	Giấy quá ẩm, nhám, nặng hoặc quá nhăn hoặc có hướng thớ giấy sai, hoặc có cấu trúc thớ ngắn hoặc được dập nổi hoặc được làm từ lô giấy kém chất lượng.	Thử dùng loại giấy khác từ 100 đến 250 với độ ẩm từ 4 đến 6%. Dùng giấy có thớ dài
Phần in bị lệch (không thẳng).	Bộ dẫn hướng giấy có thể được chỉnh không đúng cách.	Bỏ tất cả giấy ra khỏi khay, chỉnh lại bộ dẫn hướng giấy và sau đó để giấy trở lại khay. Điều chỉnh bộ dẫn hướng giấy cho phù hợp với khổ giấy mà bạn đang sử dụng và thử in lại.
Hơn một tờ giấy cùng nạp một lúc.	Khay giấy có thể đã bị quá tải.	Lấy tất cả vật liệu in ra khỏi khay, và sau đó bỏ lại một số trang vật liệu in vào khay. Xem <a href="#">Nạp giấy và phương tiện in thuộc trang 58</a> .
	Giấy có thể đã bị nhăn, gấp hoặc bị rách.	Kiểm tra xem giấy có bị nhăn, gấp hoặc bị rách không. Thử in trên giấy được lấy từ thếp giấy khác hoặc thếp giấy mới.
	Vật liệu in có thể bị xô ra trước khi nạp vào máy.	Nạp vật liệu in không bị xô. Làm rời ram giấy bằng cách xoay chông giấy.
	Vật liệu in có thể bị quá khô.	Nạp giấy mới đã được lưu trữ đúng cách.
Sản phẩm không đẩy vật liệu in từ khay tiếp giấy.	Sản phẩm có thể đang ở chế độ tiếp giấy thủ công.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nếu thông báo <b>Manual feed</b> (Tiếp giấy thủ công) xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển, bấm <b>OK</b> để tiến hành tác vụ in.</li> <li>Kiểm tra xem sản phẩm có ở chế độ tiếp giấy thủ công không và thử in lại.</li> </ul>
	Trục nạp giấy có thể bị hỏng hoặc bẩn.	Liên hệ với HP. Xem <a href="http://www.hp.com/support/ljm1522">www.hp.com/support/ljm1522</a> hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.
	Bộ dẫn hướng giấy ở khay 2 hoặc khay tùy chọn 3 được đặt ở chiều dài lớn hơn khổ vật liệu in.	Điều chỉnh bộ dẫn hướng giấy cho phù hợp với khổ giấy.

## Các vấn đề về hiệu suất

Thử thực hiện theo các chỉ dẫn trong phần này nếu các trang ra khỏi sản phẩm, nhưng máy không in gì trên chúng, hoặc sản phẩm không ra trang nào.

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
Các trang được in ra nhưng hoàn toàn trắng.	Băng dán có thể vẫn còn trong hộp mực.	Kiểm tra xem băng dán đã được lấy hết ra khỏi hộp mực chưa.
	Tài liệu có thể có các trang trắng.	Kiểm tra tài liệu được in xem có nội dung trên tất cả các trang không.
	Máy in có thể bị lỗi.	Để kiểm tra máy in, hãy in một trang cấu hình. Xem <a href="#">Trang thông tin thuộc trang 166</a> .
	Một số loại vật liệu in có thể làm chậm tác vụ in.	In trên một loại phương tiện khác.

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
Các trang không được in.	Máy in có thể không kéo phương tiện đúng.	Xem <a href="#">Các vấn đề quản lý vật liệu in thuộc trang 209</a> .
	Vật liệu in có thể đang bị kẹt trong sản phẩm.	Xử lý kẹt giấy. Xem <a href="#">Xử lý kẹt giấy thuộc trang 197</a> .
	Cáp mạng hoặc cáp USB có thể bị lỗi hoặc được nối không đúng cách.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ngắt cáp ở cả hai đầu và cắm lại.</li> <li>Thử in một nhiệm vụ đã in được trước đó.</li> <li>Thử sử dụng một cáp USB hoặc cáp mạng khác.</li> </ul>
	Địa chỉ IP của sản phẩm có thể đã bị thay đổi.	In thử một trang cấu hình bằng bảng điều khiển. Xác nhận địa chỉ IP được liệt kê trong hộp thoại <b>Properties</b> (Đặc tính).
	Sản phẩm có thể chưa được cài làm máy in mặc định.	Mở hộp thoại <b>Printers</b> (Máy in) hoặc <b>Printers and Faxes</b> (Máy in và Fax), nhấp chuột phải vào sản phẩm, và sau đó chọn <b>Set as Default Printer</b> (Cài làm Máy in Mặc định).
	Sản phẩm có thể đã bị lỗi.	Kiểm tra bảng điều khiển để xem thông báo lỗi. Xem <a href="#">Các thông báo ở bảng điều khiển thuộc trang 191</a> .
	Sản phẩm có thể đã tạm dừng hoặc ở trạng thái ngoại tuyến.	Mở hộp thoại <b>Printers</b> hoặc <b>Printers and Faxes</b> (Máy in và Fax), và xác minh xem tình trạng của sản phẩm có phải là Sẵn sàng hay không. Nếu máy đang Tạm dừng, nhấp phải vào sản phẩm và nhấp <b>Resume Printing</b> (Tiếp tục In).
	Sản phẩm có thể chưa có điện.	Kiểm tra dây điện và kiểm tra xem sản phẩm có được bật hay không.
	Các thiết bị khác đang chạy trên máy tính của bạn.	Sản phẩm này không thể chia sẻ cổng USB. Nếu bạn có một ổ cứng ngoài hoặc hộp chuyển mạng sử dụng chung một cổng với sản phẩm này, thiết bị kia có thể gây ảnh hưởng. Để nối và sử dụng sản phẩm này, hãy ngắt thiết bị kia hoặc sử dụng hai cổng USB trên máy tính.

## Các vấn đề sao chép

### Ngăn chặn các vấn đề sao chép

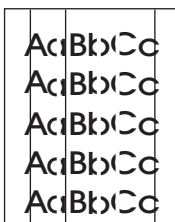
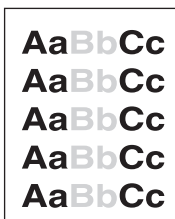
Sau đây là một số bước đơn giản mà bạn có thể làm để cải thiện chất lượng sao chép:

- Sao chép từ máy quét hình phẳng. Thao tác này sẽ tạo ra bản sao chất lượng cao hơn sao chép từ khay tự động nạp tài liệu (ADF).
- Dùng các bản gốc đạt chất lượng.
- Nạp vật liệu in đúng cách. Nếu vật liệu in không được nạp đúng cách, chúng có thể bị lệch, tạo ra các ảnh sao không rõ ràng và nhiều vấn đề khi dùng chương trình OCR. Xem hướng dẫn tại [Nạp giấy và phương tiện in thuộc trang 58](#).
- Dùng hoặc tạo giấy đỡ để bảo vệ bản gốc của bạn.

**GHI CHÚ:** Kiểm tra xem vật liệu in có đáp ứng các chỉ tiêu kỹ thuật của HP hay không. Nếu vật liệu in đáp ứng các chỉ tiêu kỹ thuật của HP, việc tái diễn các vấn đề khi tiếp giấy cho thấy trục nạp và đệm tách đã bị mòn. Liên hệ với HP. Xem [www.hp.com/support/ljm1522](http://www.hp.com/support/ljm1522) hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.

## Các vấn đề về hình ảnh

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
Hình ảnh bị thiếu hoặc mờ.	Hộp mực in có thể bị lỗi.  Bản gốc có thể bị kém chất lượng.  Có thể bạn đã cài thông số độ tương phản không đúng.  Bản gốc có thể dùng nền màu.	Thay hộp mực. Xem <a href="#">Hộp mực in thuộc trang 181</a> .  Nếu bản gốc quá mờ hoặc bị hư hỏng, bản sao có thể sẽ bị ảnh hưởng, ngay cả khi bạn đã hiệu chỉnh độ tương phản. Nếu được, hãy tìm tài liệu gốc có chất lượng tốt hơn.  Dùng nút <b>Lighter/Darker</b> (Sáng/Tối) trên bảng điều khiển để thay đổi các thông số về độ tương phản.  Các nền màu có thể khiến hình ảnh ở mặt trước bị hòa trộn vào nền, hoặc nền có thể hiện ra dưới dạng bóng khác. Nếu được, hãy dùng tài liệu gốc không có nền màu.
Bản sao xuất hiện các sọc đứng màu trắng hoặc màu nhạt.	Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.  Hộp mực in có thể bị lỗi.	Sử dụng những phương tiện đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật của HP. Xem <a href="#">Giấy và Phương tiện In thuộc trang 53</a> .  Thay hộp mực. Xem <a href="#">Hộp mực in thuộc trang 181</a> .
Các đường kẻ lạ xuất hiện trên bản sao.	Kính ADF hoặc kính phẳng của máy quét có thể bị bụi bẩn.  Trống cảm quang trong hộp mực có thể bị xước.	Lau chùi sạch kính ADF hoặc kính phẳng của máy quét. Xem <a href="#">Lau dọn sản phẩm thuộc trang 182</a> .  Lắp hộp mực in HP mới. Xem <a href="#">Hộp mực in thuộc trang 181</a> .
Các vết hoặc nốt đen xuất hiện trên bản sao.	Mực, keo dán, mực bút xóa, hoặc các chất lạ có thể dính trên máy quét hình phẳng hoặc khay tự động nạp tài liệu (ADF).  Nguồn điện dùng cho sản phẩm có thể không ổn định.	Lau dọn sản phẩm. Xem <a href="#">Lau dọn sản phẩm thuộc trang 182</a> .  Thực hiện lại tác vụ in.
Các bản sao quá mờ hoặc quá đậm.	Các thông số phần mềm sản phẩm hoặc trình điều khiển máy in không chính xác.	Kiểm tra xem các thông số chất lượng có chính xác hay không.





Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
		Xem phần Trợ giúp phần mềm của sản phẩm để biết thêm thông tin về cách thay đổi các thông số này.
Nội dung văn bản không rõ ràng.	Các thông số phần mềm sản phẩm hoặc trình điều khiển máy in không chính xác.	Kiểm tra xem các thông số chất lượng có chính xác hay không.  Kiểm tra xem EconoMode (Chế độ Tiết kiệm) đã tắt chưa.  Xem phần Trợ giúp phần mềm của sản phẩm để biết thêm thông tin về cách thay đổi các thông số này.

## Các vấn đề quản lý vật liệu in

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
Chất lượng in hoặc độ bám của bột mực kém	Giấy quá ẩm, nhám, nặng hoặc quá nhăn hoặc giấy được đập nổi hoặc được làm từ lô giấy kém chất lượng.	Thử dùng loại giấy khác từ 100 đến 250 với độ ẩm từ 4 đến 6%.
Mất ký tự, kẹt giấy hoặc bị nhăn	Cắt giữ giấy không đúng cách.	Cắt giữ thép giấy trong vật liệu phủ chống ẩm của nó.
	Giấy có hai mặt khác nhau.	Lật mặt giấy.
Quá nhăn	Giấy quá ẩm, hướng thớ giấy sai hoặc cấu trúc thớ ngắn.	Dùng giấy có thớ dài
	Giấy có hai mặt khác nhau.	Lật mặt giấy.
Kẹt giấy, gây hỏng giấy	Giấy bị rách hoặc có rãnh cưa.	Sử dụng giấy không bị rách hoặc rãnh cưa.
Sự cố khi tiếp giấy	Giấy có các góc không đều.	Sử dụng loại giấy chất lượng cao dành cho máy in la-de.
	Giấy có hai mặt khác nhau.	Lật mặt giấy.
	Giấy quá ẩm, nhám, nặng hoặc quá nhăn hoặc có hướng thớ giấy sai, hoặc có cấu trúc thớ ngắn hoặc được đập nổi hoặc được làm từ lô giấy kém chất lượng.	Thử dùng loại giấy khác từ 100 đến 250 với độ ẩm từ 4 đến 6%.  Dùng giấy có thớ dài
Phản in bị lệch (không thẳng).	Bộ dẫn hướng giấy có thể được chỉnh không đúng cách.	Bỏ tất cả giấy ra khỏi khay, chỉnh lại bộ dẫn hướng giấy và sau đó để giấy trở lại khay. Điều chỉnh bộ dẫn hướng giấy cho phù hợp với khổ giấy mà bạn đang sử dụng và thử in lại.
Hơn một tờ giấy cùng nạp một lúc.	Khay giấy có thể đã bị quá tải.	Bỏ bớt một lượng giấy ra khỏi khay. Xem <a href="#">Nạp giấy và phương tiện in thuộc trang 58</a> .
	Giấy có thể đã bị nhăn, gập hoặc bị rách.	Kiểm tra xem giấy có bị nhăn, gập hoặc bị rách không. Thử in trên giấy được lấy từ thép giấy khác hoặc thép giấy mới.

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
Sản phẩm không đẩy vật liệu in từ khay tiếp giấy.	Sản phẩm có thể đang ở chế độ tiếp giấy thủ công.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nếu <b>Manual (Thủ công)</b> xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển, bấm <b>OK</b> để tiến hành tác vụ in.</li> <li>Kiểm tra xem sản phẩm có ở chế độ tiếp giấy thủ công không và thử in lại.</li> </ul>
	Trục nạp giấy có thể bị hỏng hoặc bẩn.	Liên hệ với HP. Xem <a href="http://www.hp.com/support/ljm1522">www.hp.com/support/ljm1522</a> hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.
	Bộ dẫn hướng giấy ở khay 2 hoặc khay tùy chọn 3 được đặt ở chiều dài lớn hơn khổ vật liệu in.	Điều chỉnh bộ dẫn hướng giấy cho phù hợp với khổ giấy.

## Các vấn đề về hiệu suất

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
Máy không cho ra bản sao nào.	Khay nạp giấy có thể đã hết giấy.	Nạp vật liệu in vào sản phẩm. Xem <a href="#">Nạp giấy và phương tiện in thuộc trang 58</a> để biết thêm thông tin.
	Có thể bạn đã nạp bản gốc không đúng cách.	<p>Trong khay tự động nạp tài liệu (ADF), nạp bản gốc với cạnh hẹp phía trước và bề sẽ quét hướng lên.</p> <p>Trên máy quét hình phẳng, đặt tài liệu gốc sao cho mặt trên hướng xuống dưới với góc trên bên trái của tài liệu nằm ở vị trí góc được chỉ báo bằng biểu tượng trên máy quét.</p>
Các bản sao trống.	Lớp băng dán có thể vẫn chưa được tháo khỏi hộp mực.	Tháo hộp mực khỏi sản phẩm, tháo lớp băng dán ra, và lắp hộp mực trở lại vào máy.
	Có thể bạn đã nạp bản gốc không đúng cách.	<p>Trong khay ADF, nạp bản gốc với cạnh hẹp hướng vào trong khay ADF và bề sẽ quét hướng lên.</p> <p>Trên máy quét hình phẳng, hãy đảm bảo đặt tài liệu gốc sao cho mặt trên hướng xuống dưới máy quét hình phẳng với góc trên bên trái của tài liệu nằm ở vị trí góc được chỉ báo bằng biểu tượng trên máy quét.</p>
	Phương tiện không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của HP.	Sử dụng những phương tiện đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật của HP. Xem <a href="#">Giấy và Phương tiện In thuộc trang 53</a> .
	Hộp mực in có thể bị lỗi.	Thay hộp mực. Xem <a href="#">Hộp mực in thuộc trang 181</a> .
Bạn đã sao chép nhầm bản gốc.	Khay ADF có thể được nạp.	Kiểm tra và đảm bảo khay ADF hiện trống.
Các bản sao bị thu nhỏ kích thước.	Có thể bạn đã cài sản phẩm thu nhỏ kích thước ảnh quét.	Trên bảng điều khiển, bấm <b>Reduce/Enlarge</b> (Thu nhỏ/Phóng to) và kiểm tra xem tính năng có được cài sang <b>Original=100%</b> (Gốc=100%) hay không.

# Các vấn đề khi quét

## Giải quyết các vấn đề ảnh quét

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
Ảnh quét có chất lượng kém.	Bản gốc có thể là hình ảnh hoặc ảnh chụp thể hệ thứ hai.	<ul style="list-style-type: none"><li>• Để xóa các mẫu ảnh, thử thu nhỏ kích thước ảnh sau khi quét.</li><li>• In ảnh quét để xem chất lượng chúng có cải thiện hay không.</li><li>• Kiểm tra lại các thông số độ phân giải có phù hợp với loại tác vụ quét mà bạn đang tiến hành. Xem <a href="#">Độ phân giải và màu sắc của máy quét thuộc trang 109</a>.</li><li>• Để có được kết quả tốt nhất, hãy sử dụng máy quét hình phẳng để quét thay vì dùng khay tự động nạp tài liệu (ADF).</li></ul>
	Hình ảnh xuất hiện trên màn hình có thể không thể hiện chính xác chất lượng bản quét.	<ul style="list-style-type: none"><li>• Thử hiệu chỉnh các thông số màn hình máy tính của bạn để xem nhiều màu hơn (hoặc các gam màu xám). Thông thường, bạn sẽ hiệu chỉnh thông số này bằng cách mở <b>Display</b> (Màn hình) trong Bảng Điều Khiển của Windows.</li><li>• Thử hiệu chỉnh thông số độ phân giải trong phần mềm máy quét. Xem <a href="#">Độ phân giải và màu sắc của máy quét thuộc trang 109</a>.</li></ul>
	Có thể bạn đã nạp bản gốc không đúng cách.	Dùng thanh dẫn vật liệu in khi bạn nạp bản gốc vào khay ADF. Xem <a href="#">Nạp giấy và phương tiện in thuộc trang 58</a> .
	Máy quét có thể bị dơ.	Lau chùi máy quét. Xem <a href="#">Lau chùi tấm kính máy quét thuộc trang 110</a> .
	Các thông số cài đặt đồ họa có thể không phù hợp với loại tác vụ quét mà bạn đang thực hiện.	Thử thay đổi các thông số đồ họa. Xem <a href="#">Độ phân giải và màu sắc của máy quét thuộc trang 109</a> .

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
Máy không quét được toàn bộ ảnh.	Có thể bạn đã nạp bản gốc không đúng cách.	Dùng thanh dẫn vật liệu in khi bạn nạp bản gốc vào khay ADF. Xem <a href="#">Nạp tài liệu gốc để quét thuộc trang 102</a> .
	Nền màu có thể khiến hình ảnh ở mặt trước bị hòa trộn vào nền.	Thử hiệu chỉnh các thông số này trước khi bạn quét bản gốc hoặc xử lý nâng cao chất lượng ảnh sau khi bạn đã quét bản gốc.
	Bản gốc dài hơn 381 mm.	Chiều dài tối đa có thể quét là 381 mm khi bạn dùng khay nạp giấy tự động nạp tài liệu (ADF). Nếu trang vượt quá chiều dài này, máy quét sẽ ngừng lại. (Các bản sao có thể dài hơn.)  <b>THẬN TRỌNG:</b> Không được kéo bản gốc khỏi khay ADF; bạn có thể sẽ làm hư máy quét hoặc hỏng bản gốc của bạn. Xem <a href="#">Xử lý giấy kẹt trong khay ADF thuộc trang 197</a> .
	Bản gốc quá nhỏ.	Kích thước tối thiểu mà máy quét hình phẳng hỗ trợ là 25 x 25 mm. Kích thước tối thiểu mà khay ADF hỗ trợ là 127 x 127 mm. Bản gốc có thể bị kẹt vào máy. Xem <a href="#">Xử lý giấy kẹt trong khay ADF thuộc trang 197</a> .
	Kích thước vật liệu in không đúng.	Trong thông số <b>Scan</b> (Quét), hãy đảm bảo kích thước vật liệu in nhập vào đủ lớn tương ứng với tài liệu bạn đang quét.
Quá trình quét kéo dài quá lâu	Mức độ màu hoặc độ phân giải hiện cài quá cao.	Thay đổi thông số màu sắc và độ phân giải sang thông số phù hợp với tác vụ bạn đang thực hiện. Xem <a href="#">Độ phân giải và màu sắc của máy quét thuộc trang 109</a> .
	Phần mềm được cài để quét tài liệu/ảnh màu.	Giá trị hệ thống mặc định là màu, khiến máy mất nhiều thời gian để quét, ngay cả khi quét bản gốc đơn sắc. Nếu bạn xử lý ảnh qua TWAIN hoặc WIA, bạn có thể thay đổi các thông số để bản gốc dùng để quét có màu xám hoặc trắng đen. Xem phần Trợ giúp phần mềm của sản phẩm để biết thêm chi tiết.
	Một tác vụ sao chép hoặc in đã được gửi trước khi bạn cố gắng tiến hành việc quét.	Nếu một người khác đã gửi tác vụ sao chép hoặc in trước khi bạn cố gắng tiến hành việc quét, tác vụ quét sẽ bắt đầu nếu máy quét không bận. Tuy nhiên, do sản phẩm và máy quét dùng chung bộ nhớ, nên tác vụ quét có thể sẽ chậm hơn.

## Các vấn đề về chất lượng quét

### Ngăn chặn các vấn đề về chất lượng quét

Sau đây là một số bước đơn giản mà bạn có thể làm để cải thiện chất lượng sao chép và quét:

- Sử dụng máy quét hình phẳng để quét thay vì dùng khay tự động nạp tài liệu (ADF).
- Dùng các bản gốc chất lượng cao.

- Nạp vật liệu in đúng cách. Nếu vật liệu in không được nạp đúng cách, chúng có thể bị lệch, và tạo ra các ảnh quét không rõ ràng. Xem hướng dẫn tại [Nạp giấy và phương tiện in thuộc trang 58](#).
- Hiệu chỉnh các thông số phần mềm theo ý định của bạn khi sử dụng các trang quét. Xem [Độ phân giải và màu sắc của máy quét thuộc trang 109](#) để biết thêm thông tin.
- Nếu sản phẩm của bạn thường tiếp nhiều giấy mỗi lần nạp, miếng đệm tách cần được thay thế. Liên hệ với HP. Xem [www.hp.com/support/ljm1522](http://www.hp.com/support/ljm1522) hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.
- Dùng hoặc tạo giấy đỡ để bảo vệ bản gốc của bạn.

## Giải quyết các vấn đề về chất lượng bản quét

Sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp
Giấy trống	Có thể bạn đã nạp bản gốc lật ngược.	Trong khay tự động nạp tài liệu (ADF), lắp đầu-trên của chồng tài liệu gốc vào khay nạp giấy ADF, với chồng giấy bề-mặt-hướng-lên-trên và trang đầu tiên sẽ quét ở trên cùng của chồng giấy.  Trên máy quét hình phẳng, đặt tài liệu gốc sao cho mặt trên hướng xuống dưới với góc trên bên trái của tài liệu nằm ở vị trí góc được chỉ báo bằng biểu tượng trên máy quét.
Quá mờ hoặc quá đậm	Giá trị độ phân giải và màu sắc có thể đã cài không đúng.	Kiểm tra lại để đảm bảo bạn đã cài đúng các thông số màu sắc và độ phân giải. Xem <a href="#">Độ phân giải và màu sắc của máy quét thuộc trang 109</a> .
Các đường kẻ lạ	Mực, keo dán, mực bút xóa, hoặc các chất lạ có thể dính trên mặt kiếng.	Lau chùi sạch bề mặt máy quét hình phẳng. Xem <a href="#">Lau chùi tấm kiếng máy quét thuộc trang 110</a> .
	Có thể kiếng ADF bị dơ.	Lau chùi dải máy quét Xem <a href="#">Lau chùi tấm kiếng máy quét thuộc trang 110</a> (xem 3).
Các vết hoặc nốt đen	Mực, keo dán, mực bút xóa, hoặc các chất lạ có thể dính trên mặt kiếng.	Lau chùi sạch bề mặt máy quét hình phẳng. Xem <a href="#">Lau chùi tấm kiếng máy quét thuộc trang 110</a> .
	Nguồn điện dùng cho sản phẩm có thể không ổn định.	Thực hiện lại tác vụ in.
Văn bản không rõ	Có thể độ phân giải được cài chưa đúng.	Kiểm tra để đảm bảo các thông số độ phân giải đều đúng. Xem <a href="#">Độ phân giải và màu sắc của máy quét thuộc trang 109</a> .

## Các sự cố về fax

Để giải quyết các sự cố về fax, xem [Giải quyết sự cố khi fax thuộc trang 152](#).

## Tối ưu hóa và cải thiện chất lượng hình ảnh

### Dữ liệu kiểm tra chất lượng in

Các vấn đề về chất lượng in có thể được khắc phục bằng cách sử dụng danh sách kiểm tra sau đây:

1. Nhớ sử dụng giấy hoặc phương tiện in đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật. Xem [Giấy và Phương tiện In thuộc trang 53](#). Giấy có bề mặt mịn hơn thường tạo ra kết quả tốt hơn.
2. Nếu bạn sử dụng phương tiện in đặc biệt như là nhãn, phim trong suốt, giấy bóng, hoặc tiêu đề thư, hãy đảm bảo bạn đã in theo loại. Xem [Thay đổi trình điều khiển máy in cho phù hợp với loại và kích thước giấy thuộc trang 62](#).
3. In trang cấu hình và tình trạng mực in qua bảng điều khiển của sản phẩm. Xem [Trang thông tin thuộc trang 166](#).
  - Hãy kiểm tra trang tình trạng mực in để xem có nguồn mực in nào sắp hết hoặc đã hết không. Không có thông tin nào được cung cấp cho các hộp mực không phải của HP.
  - Nếu các trang không in đúng, vấn đề sẽ liên quan đến phần cứng. Liên hệ với HP. Xem [www.hp.com/support/ljm1522](http://www.hp.com/support/ljm1522) hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.
4. In trang thử nghiệm từ HP ToolboxFX. Nếu trang được in ra có nghĩa là vấn đề liên quan đến trình điều khiển máy in. Thử in từ trình điều khiển máy in khác. Ví dụ, nếu bạn đang sử dụng trình điều khiển máy in PCL 6, in từ trình điều khiển máy in PS.
  - Dùng Trình hướng dẫn Cài Máy in trong hộp thoại **Printers** (Máy in) (hoặc **Printers and Faxes** (Máy in và Fax) trong Windows XP) để cài trình điều khiển PS.
5. Hãy thử in từ một chương trình khác. Nếu trang được in đúng có nghĩa là có vấn đề với chương trình bạn sử dụng để in.
6. Hãy khởi động lại máy tính và máy in, và thử in lại. Nếu sự cố vẫn còn, xem [Các vấn đề chung về chất lượng in thuộc trang 205](#).


### Quản lý và cấu hình trình điều khiển máy in

Các thông số cài đặt chất lượng in sẽ ảnh hưởng độ mờ hoặc đậm của bản in và phong cách đồ họa khi in. Bạn cũng có thể dùng thông số cài đặt chất lượng in để tối ưu hóa chất lượng in ấn trên loại vật liệu in nhất định.

Bạn cũng có thể thay đổi các thông số cài đặt trong phần đặc tính sản phẩm cho phù hợp với loại tác vụ in mà bạn đang tiến hành. Các thông số cài đặt sau hiện có trong máy, tùy thuộc vào loại trình điều khiển máy in mà bạn đang dùng.

- **600 dpi**
- **FastRes 1200**
- **Tùy chỉnh:** Thông số này cho ra độ phân giải như thông số mặc định, nhưng bạn có thể thay đổi cấu trúc thang độ.

---


 **GHI CHÚ:** Việc thay đổi độ phân giải có thể làm thay đổi dạng văn bản của bạn.

---

### Tạm thời thay đổi thông số chất lượng in

Để thay đổi thông số chất lượng in dành riêng cho chương trình phần mềm hiện tại, mở đặc tính trong menu **Print Setup** (Cài đặt In) trong chương trình mà bạn đang dùng để in.

## Thay đổi thông số chất lượng in cho tất cả tác vụ in ẩn trong tương lai

 **GHI CHÚ:** Để xem hướng dẫn cho hệ thống Macintosh, xem [Thay đổi cài đặt trình điều khiển máy in cho Windows thuộc trang 35](#).

---

Đối với Windows 2000:

1. Trong khay hệ thống Windows, nhấp vào **Start** (Bắt đầu), chọn **Settings** (Thông số cài đặt), và sau đó nhấp vào **Printers** (Máy in).
2. Nhấp phải vào biểu tượng sản phẩm.
3. Nhấp vào **Properties** (Đặc tính) hoặc **Printing Preferences** (Sở Thích In).
4. Thay đổi thông số này, và nhấp vào **OK**.

Đối với Windows XP:

1. Trong khay hệ thống Windows, nhấp vào **Start**(Bắt đầu), nhấp **Control Panel** (Bảng Điều khiển), và sau đó nhấp vào **Printers and Faxes** (Máy in và Fax).
2. Nhấp phải vào biểu tượng sản phẩm.
3. Nhấp vào **Properties** (Đặc tính), hoặc **Printing Preferences** (Sở Thích In).
4. Thay đổi thông số này, và nhấp vào **OK**.

Đối với Windows Vista:

1. Trong khay hệ thống Windows, nhấp vào **Start**(Bắt đầu), nhấp **Control Panel** (Bảng Điều khiển), và sau đó, trong phần **Hardware and Sound** (Phần cứng và Âm thanh), nhấp vào **Printer** (Máy in).
2. Nhấp phải vào biểu tượng sản phẩm.
3. Nhấp vào **Properties** (Đặc tính), hoặc **Printing Preferences** (Sở Thích In).
4. Thay đổi thông số này, và nhấp vào **OK**.

# Giải quyết sự cố kết nối

## Giải quyết sự cố kết nối trực tiếp

Nếu sản phẩm gặp sự cố kết nối trong khi kết nối trực tiếp vào máy tính, hãy thực hiện các bước sau:

1. Đảm bảo dây cáp USB không dài quá 2 mét (6 feet).
2. Đảm bảo cả hai đầu dây cáp USB đều được kết nối.
3. Đảm bảo dây cáp USB là loại cáp Tốc độ Cao 2.0 đã qua kiểm định.
4. Nếu sự cố vẫn còn, hãy dùng một cáp USB khác.

## Các vấn đề về mạng

### Kiểm tra để đảm bảo rằng sản phẩm đang bật và kết nối mạng.

Kiểm tra các mục sau để đảm bảo rằng sản phẩm sẵn sàng in.

1. Sản phẩm có được cắm điện và hiện đang bật hay không?

Hãy đảm bảo rằng sản phẩm đã được cắm điện và hiện đang bật. Nếu sự cố vẫn còn, cáp nguồn, nguồn điện hoặc sản phẩm của bạn đã bị lỗi.

2. Đèn **Ready** (Sẵn sàng) của sản phẩm có sáng hay không?

Nếu đèn đang nhấp nháy, bạn cần phải đợi đến khi tác vụ hiện thời hoàn tất.

3. Màn hình bảng điều khiển của sản phẩm có trống hay không?

- Đảm bảo rằng sản phẩm đã được bật.
- Đảm bảo sản phẩm đã được lắp đặt đúng.

4. Có thông báo nào khác ngoài thông báo **Ready** (Sẵn sàng) hiện trên màn hình bảng điều khiển của sản phẩm hay không?

- Xem tài liệu kèm theo sản phẩm để biết danh sách đầy đủ các thông báo của bảng điều khiển và các thao tác sửa chữa.

## Giải quyết sự cố truyền tín hiệu qua mạng

Kiểm tra các mục sau để đảm bảo sản phẩm hiện truyền được tín hiệu qua mạng. Thông tin này thừa nhận rằng bạn đã in trang cấu hình mạng (xem [Trang thông tin thuộc trang 166](#)).

1. Có sự cố kết nối vật lý nào giữa máy trạm hoặc máy chủ tập tin và sản phẩm?

Kiểm tra xem việc nối cáp mạng, khả năng kết nối, và các cấu hình định tuyến có đúng hay không. Kiểm tra xem độ dài cáp mạng đó có đáp ứng các chỉ tiêu kỹ thuật của mạng hay không.

2. Các dây cáp mạng có được nối đúng cách hay không?

Đảm bảo rằng sản phẩm được nối vào mạng bằng cáp và cổng kết nối phù hợp. Kiểm tra từng kết nối để đảm bảo chúng an toàn và đúng vị trí. Nếu sự cố vẫn tiếp tục xảy ra, thử cáp hoặc cổng khác trên hub hoặc bộ thu phát. Đèn chỉ báo hoạt động màu hổ phách và đèn trạng thái kết nối màu xanh gần bên cổng kết nối ở phía sau sản phẩm phải sáng lên.



**3.** Thông số tốc độ liên kết sản phẩm có được cài đúng hay không?

Hewlett-Packard khuyến nghị nên để thông số này ở chế độ tự động (thông số mặc định).

**4.** Bạn có thể dùng lệnh "ping" với địa chỉ IP sản phẩm?

Dùng hộp thoại lệnh để dùng lệnh ping giữa sản phẩm và máy tính. Ví dụ:

```
ping 192.168.45.39
```

Đảm bảo rằng màn hình kết quả lệnh pin hiện số lần hoàn chỉnh.

Nếu bạn có thể dùng lệnh ping với sản phẩm, xác định xem cấu hình địa chỉ IP cho sản phẩm trên máy tính có đúng không. Nếu đúng, xóa và sau đó thêm sản phẩm vào lại.

Nếu lệnh ping báo lỗi, kiểm tra xem hub mạng có bật hay không, và sau đó kiểm tra các thông số kết nối mạng, sản phẩm và máy tính được cấu hình dùng chung một mạng.

**5.** Có chương trình phần mềm nào vừa được cài thêm vào mạng?

Đảm bảo rằng chúng tương thích và chúng được cài đặt đúng cùng các trình điều khiển máy in phù hợp.

**6.** Những người sử dụng mạng khác có in được không?

Sự cố này có thể chỉ diễn ra ở một vài máy trạm. Kiểm tra trình điều khiển thiết bị mạng trên máy trạm, trình điều khiển máy in, và tái định hướng.

**7.** Nếu những người sử dụng mạng khác có thể in được, họ có dùng cùng hệ điều hành mạng hay không?

Kiểm tra hệ thống của bạn để đảm bảo đã cài đặt hệ điều hành mạng thích hợp.

# Giải quyết sự cố phần mềm

## Các sự cố thông thường của Windows

Thông báo lỗi:

"General Protection FaultException OE" (Lỗi Bảo vệ ChungLoại trừ OE)

"Spool32"

"Illegal Operation" (Thao tác Không hợp lệ)

Nguyên nhân	Giải pháp
	Đóng tất cả các chương trình phần mềm, khởi động lại Windows, và thử lại.
	Chọn trình điều khiển máy in khác. Nếu bạn đã chọn trình điều khiển máy in PCL 6 của thiết bị, hãy chuyển qua trình điều khiển máy in mô phỏng postscript cấp độ 3 của HP hoặc PCL 5, mà có thể thực hiện bằng chương trình phần mềm.
	Xóa tất cả các tập tin tạm thời khỏi thư mục con Temp (Tạm thời). Xác định tên thư mục này bằng cách mở tập tin AUTOEXEC.BAT và tìm hàng lệnh "Set Temp =". Tên đứng cuối hàng lệnh này chính là thư mục Temp (Tạm thời). Thư mục mặc định là C:\TEMP, nhưng bạn có thể chọn thư mục khác.
	Xem các tài liệu Microsoft Windows kèm theo máy tính để biết thêm thông tin về các thông báo lỗi của Windows.

## Các sự cố thông thường của Macintosh

**Bảng 12-3 Vấn đề với Mac OS X v10.3, Mac OS X v10.4, và Mac OS X v10.5**

Trình điều khiển máy in không được liệt kê trong **Tiện Ích Cài Đặt Máy In**.

Nguyên nhân	Giải pháp
Phần mềm của sản phẩm có thể chưa được cài đặt hoặc cài đặt không đúng.	Đảm bảo là PPD nằm trong thư mục sau trên ổ cứng: <code>Library/Printers/PPDs/Contents/Resources/&lt;lang&gt;.lproj</code> , trong đó "<lang>" là mã ngôn ngữ gồm hai ký tự cho biết ngôn ngữ bạn đang dùng. Cài lại phần mềm nếu cần. Xem hướng dẫn trong phần hướng dẫn làm quen.
Tập tin Mô Tả Máy In Bằng Ngôn Ngữ Postscript (PPD) bị hỏng.	Xóa tập tin PPD ra khỏi thư mục ổ cứng sau: <code>Library/Printers/PPDs/Contents/Resources/&lt;lang&gt;.lproj</code> , trong đó "<lang>" là mã ngôn ngữ gồm hai ký tự cho biết ngôn ngữ bạn đang dùng. Cài đặt lại phần mềm. Xem hướng dẫn trong phần hướng dẫn làm quen.

Tên máy in, địa chỉ IP hoặc tên máy chủ "Rendezvous" hoặc "Bonjour" không có trong **hộp danh sách máy in trong mục Tiện Ích Cài Đặt Máy In**.

Nguyên nhân	Giải pháp
Sản phẩm có thể chưa sẵn sàng.	Chắc chắn là các dây cáp được tiếp xúc đúng cách, đã bật sản phẩm và đèn báo sẵn sàng đã sáng. Nếu bạn đang kết nối qua cổng USB

### Bảng 12-3 Vấn đề với Mac OS X v10.3, Mac OS X v10.4, và Mac OS X v10.5 (còn tiếp)

Tên máy in, địa chỉ IP hoặc tên máy chủ "Rendezvous" hoặc "Bonjour" không có trong hộp danh sách máy in trong mục Tiện Ích Cài Đặt Máy In.

Nguyên nhân	Giải pháp
	hoặc Ethernet, hãy thử kết nối trực tiếp với máy tính hoặc sử dụng một cổng khác.
Bạn đang sử dụng tên sản phẩm, địa chỉ IP hoặc tên máy chủ "Rendezvous" hoặc "Bonjour" không đúng.	Kiểm tra tên sản phẩm, địa chỉ IP hoặc tên máy chủ "Rendezvous" hoặc "Bonjour" bằng cách in trang cấu hình Xem <a href="#">Trang thông tin thuộc trang 166</a> . Kiểm tra xem tên, địa chỉ IP, hoặc tên máy chủ "Rendezvous" hoặc "Bonjour" trên trang cấu hình có phù hợp với tên máy in, địa chỉ IP, hoặc tên máy chủ "Rendezvous" hoặc "Bonjour" trong mục Tiện Ích Cài Đặt Máy In hay không.
Cáp ghép nối có thể bị lỗi hoặc chất lượng kém.	Thay thế cáp ghép nối. Đảm bảo cáp sử dụng có chất lượng cao.

Một lệnh in đã không được gửi tới sản phẩm bạn muốn.

Nguyên nhân	Giải pháp
Chuỗi in này có thể đã bị ngừng.	Mở chuỗi tác vụ in, và sau đó nhấp vào <b>Start Jobs</b> (Bắt đầu In).
Bạn đang sử dụng tên sản phẩm hoặc địa chỉ IP sai. Máy in khác có tên, địa chỉ IP, hoặc tên máy chủ "Rendezvous" hoặc "Bonjour" tương tự có thể đã nhận lệnh in của bạn.	Kiểm tra tên sản phẩm, địa chỉ IP hoặc tên máy chủ "Rendezvous" hoặc "Bonjour" bằng cách in trang cấu hình Xem <a href="#">Trang thông tin thuộc trang 166</a> . Kiểm tra xem tên, địa chỉ IP, hoặc tên máy chủ "Rendezvous" hoặc "Bonjour" trên trang cấu hình có phù hợp với tên máy in, địa chỉ IP, hoặc tên máy chủ "Rendezvous" hoặc "Bonjour" trong mục Tiện Ích Cài Đặt Máy In hay không.

Tập tin PostScript (EPS) không in được bằng các kiểu chữ đúng.

Nguyên nhân	Giải pháp
Sự cố này đang xuất hiện trong một số chương trình.	<ul style="list-style-type: none"><li>Thử tải về các kiểu chữ chứa trong tập tin EPS vào sản phẩm trước khi bắt đầu in.</li><li>Gửi tập tin dạng ASCII thay vì dạng mã nhị phân.</li></ul>

Bạn không thể in từ thẻ USB thứ ba.

Nguyên nhân	Giải pháp
Lỗi này xảy ra khi phần mềm cho máy in dùng cổng USB chưa được cài đặt.	Khi thêm thẻ USB của bên thứ ba, bạn có thể cần phần mềm Hỗ Trợ Thẻ Điều Hợp USB chính hiệu Apple. Hầu hết phiên bản hiện nay của phần mềm này có thể mua qua trang Web của Hãng Apple.


### Bảng 12-3 Vấn đề với Mac OS X v10.3, Mac OS X v10.4, và Mac OS X v10.5 (còn tiếp)

Khi kết nối với cáp USB, sản phẩm không xuất hiện ở mục Tiện Ích Cài Đặt Máy In của hệ thống Macintosh sau khi đã lựa chọn trình điều khiển.

Nguyên nhân	Giải pháp
Sự cố này do hoặc phần mềm hoặc một bộ phận phần cứng.	<b>Xử lý sự cố phần mềm</b> <ul style="list-style-type: none"><li>• Kiểm tra xem Macintosh của bạn có hỗ trợ USB không.</li><li>• Kiểm tra lại hệ điều hành Macintosh của bạn có phải là Mac OS X v10.3 hoặc Mac OS X v10.4 hay không.</li><li>• Chắc chắn là Macintosh của bạn có phần mềm USB thích hợp của hãng Apple.</li></ul> <b>Xử lý sự cố phần cứng</b> <ul style="list-style-type: none"><li>• Kiểm tra xem sản phẩm đã được bật chưa.</li><li>• Kiểm tra xem cáp USB đã được tiếp xúc đúng cách chưa.</li><li>• Kiểm tra xem bạn đang sử dụng cáp USB tốc độ cao thích hợp chưa.</li><li>• Hãy chắc chắn là bạn không có quá nhiều thiết bị USB cùng nối vào một nguồn từ nguồn điện. Ngắt các thiết bị này ra khỏi nguồn và cho cáp trực tiếp tiếp xúc với cổng USB trên máy chủ.</li><li>• Kiểm tra xem có quá hai hub USB không cắm điện cùng kết nối trên một hàng của nguồn cắm. Ngắt tất cả các thiết bị ra khỏi nguồn đó và cho dây cáp tiếp xúc trực tiếp với cổng USB trên máy chủ.</li></ul> <p><b>GHI CHÚ:</b> Bàn phím iMac là một hub USB không được cắm điện.</p>

## Giải quyết lỗi PostScript (PS)

Các tình huống sau đây dành riêng cho ngôn ngữ PS, và có thể xảy ra khi bạn sử dụng nhiều ngôn ngữ cho sản phẩm.

 **GHI CHÚ:** Để nên thông báo trên màn hình hiển thị hoặc bản in khi máy gặp lỗi PS, mở hộp thoại **Print Options** (Tùy chọn In) và nhấp vào nút chọn bên cạnh vùng Lỗi PS. Bạn cũng có thể dùng máy chủ Web nhúng.

### Bảng 12-4 Lỗi PS

Vấn đề	Nguyên nhân	Giải pháp
Tác vụ in dùng kiểu chữ Courier (cài đặt mặc định của sản phẩm) thay cho kiểu chữ bạn yêu cầu.	Kiểu chữ bạn yêu cầu chưa tải về. Công tắc đặc tính có thể dùng để in tác vụ PCL trước khi máy nhận lệnh in PS.	Tải về kiểu chữ mong muốn và tiến hành in lại. Kiểm tra loại và vị trí lưu kiểu chữ. Tải về sản phẩm nếu có. Kiểm tra lại tài liệu kèm theo phần mềm.
Trang in khổ legal có viền cắt bớt.	Tác vụ in quá phức tạp.	Bạn cần in với độ phân giải 600 điểm trên inch, giảm độ phức tạp của trang sắp in, hoặc lắp thêm bộ nhớ.
Bản in trang lỗi PS.	Bản in có thể không dùng PS.	Kiểm tra để đảm bảo rằng tác vụ in dùng PS. Kiểm tra xem chương trình phần mềm có loại bỏ thông số nào hay tập tin đầu đề PS đã được gửi đến sản phẩm chưa.

**Bảng 12-4 Lỗi PS (còn tiếp)**

<b>Vấn đề</b>	<b>Nguyên nhân</b>	<b>Giải pháp</b>
Lỗi Kiểm tra Giới hạn	Tác vụ in quá phức tạp.	Bạn cần in với độ phân giải 600 điểm trên inch, giảm độ phức tạp của trang sắp in, hoặc lắp thêm bộ nhớ.
Lỗi VM	Lỗi Kiểu chữ	Chọn các kiểu chữ có thể tải về không hạn chế từ trình điều khiển máy in.
Kiểm tra Giới hạn	Lỗi Kiểu chữ	Chọn các kiểu chữ có thể tải về không hạn chế từ trình điều khiển máy in.



---

# A Thông tin đặt hàng và phụ kiện

- Để đặt hàng nguồn cung cấp tại Mỹ, hãy truy cập vào trang web [www.hp.com/sbso/product/supplies](http://www.hp.com/sbso/product/supplies).
- Để đặt hàng nguồn cung cấp trên toàn thế giới, hãy truy cập vào trang web [www.hp.com/ghp/buyonline.html](http://www.hp.com/ghp/buyonline.html).
- Để đặt hàng nguồn cung cấp tại Canada, hãy truy cập vào trang web [www.hp.ca/catalog/supplies](http://www.hp.ca/catalog/supplies).
- Để đặt hàng nguồn cung cấp tại châu Âu, hãy truy cập vào trang web [www.hp.com/go/ljsupplies](http://www.hp.com/go/ljsupplies).
- Để đặt hàng nguồn cung cấp tại châu Á Thái Bình Dương, hãy truy cập vào trang web [www.hp.com/paper/](http://www.hp.com/paper/).
- Để đặt hàng phụ kiện, hãy truy cập vào trang web [www.hp.com/go/accessories](http://www.hp.com/go/accessories).

## Mực in (S)

Tên sản phẩm	Mô tả	Số bộ phận
Hộp mực in thay thế	Công suất in trung bình của hộp mực in là khoảng 2.000 trang. Sản lượng thực tế tùy thuộc vào mục đích sử dụng.	CB436A



## Cáp và các phụ kiện giao diện

Tên sản phẩm	Mô tả	Số bộ phận
Cáp USB	đầu kết nối thiết bị dùng cổng USB chuẩn 2 mét	C6518A
	đầu kết nối thiết bị dùng cổng USB chuẩn 3 mét	C6520A
Dây fax	Dây fax của sản phẩm	8121-0811



# B Dịch vụ và hỗ trợ

## Chế độ bảo hành có giới hạn của Hewlett-Packard

SẢN PHẨM HP

HP LaserJet M1522n và M1522nf

THỜI HẠN BẢO HÀNH CÓ GIỚI HẠN

Bảo hành có giới hạn một năm

HP bảo đảm với bạn, là người dùng trực tiếp, rằng các sản phẩm phần cứng và phụ tùng của HP sẽ không có các khuyết tật về mặt vật liệu và khả năng vận hành sau khi mua, trong thời hạn quy định trên. Nếu HP nhận được các thông báo về các khuyết tật như thế trong thời hạn bảo hành, HP sẽ có quyền lựa chọn, sửa chữa hoặc thay thế các sản phẩm có biểu hiện có khuyết tật. Sản phẩm thay thế sẽ là sản phẩm mới hoặc tương đương với sản phẩm mới về mặt hiệu năng hoạt động.

HP bảo đảm với bạn rằng, phần mềm HP sẽ không trục trặc khi xử lý các lệnh chương trình của nó sau khi mua, trong thời hạn nêu trên, gây ra bởi các khuyết tật về mặt vật liệu và khả năng vận hành khi đã được cài đặt và sử dụng đúng. Nếu HP nhận được các thông báo về các khuyết tật như thế trong thời hạn bảo hành, HP sẽ thay thế phần mềm không xử lý được các lệnh chương trình của nó gây ra bởi các khuyết tật đó.

HP không bảo đảm rằng các sản phẩm của HP sẽ không gặp lỗi hoặc bị gián đoạn trong lúc vận hành. Nếu HP không thể, trong một khoảng thời gian hợp lý, sửa chữa hoặc thay thế bất kỳ sản phẩm nào trong điều kiện bảo hành, bạn sẽ có quyền được nhận lại số tiền đã trả để mua sau khi trả ngay sản phẩm đó về cho HP.

Các sản phẩm của HP có thể chứa các chi tiết đã được tái chế có chất lượng tương đương bộ phận mới về mặt hiệu năng hoạt động hoặc có thể đã được lấy làm mẫu ngẫu nhiên để kiểm tra sử dụng.

Chế độ bảo hành không áp dụng cho các khuyết tật có nguyên nhân từ (a) bảo trì hoặc xác lập chuẩn sai hoặc không thỏa đáng, (b) phần mềm, thiết bị nối ghép, các chi tiết máy hoặc mực in không do HP cung cấp, (c) chỉnh sửa hoặc sử dụng trái quy định, (d) sử dụng không phù hợp với các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm về mặt môi trường đã được công bố, hoặc (e) chuẩn bị môi trường vận hành thiết bị hoặc bảo trì thiết bị không đúng.

Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, HP CHỈ CUNG CẤP CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH TRÊN VÀ KHÔNG THỪA NHẬN BẤT KỲ CHẾ ĐỘ HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO KHÁC, THỂ HIỆN BẰNG VĂN BẢN HAY LỜI NÓI, ĐƯỢC DIỄN TẢ CỤ THỂ HAY KHÔNG CỤ THỂ VÀ HP TỪ CHỐI MỌI YÊU CẦU HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO MÀ HP KHÔNG CÔNG BỐ VỀ KHẢ NĂNG BÁN ĐƯỢC SẢN PHẨM, CHẤT LƯỢNG VỪA Ý, VÀ TÍNH PHÙ HỢP CỦA SẢN PHẨM VỚI MỤC ĐÍCH RIÊNG. Một số quốc gia/vùng lãnh thổ, bang hoặc tỉnh không cho phép giới hạn thời hạn bảo hành đối với chế độ bảo hành không công bố, thì điều khoản giới hạn hoặc loại trừ trên có thể không áp dụng đối với bạn. Điều này cho phép bạn có được các quyền lợi cụ thể về mặt pháp luật và bạn cũng có thể có thêm các quyền lợi khác tùy theo từng quốc gia/vùng lãnh thổ, bang hoặc tỉnh. Chế độ bảo hành có giới hạn của HP được áp dụng cho mọi quốc gia/vùng lãnh thổ hoặc địa phương HP có cung cấp dịch vụ hỗ trợ và những nơi HP có bán sản phẩm này ra thị trường. Mức độ bảo hành cho bạn có thể khác nhau theo các tiêu chuẩn địa phương. HP sẽ không điều chỉnh hình dạng, tính phù hợp hoặc chức năng hoạt động của sản phẩm để sử dụng ở các quốc gia/vùng lãnh thổ không nằm trong kế hoạch cung cấp sản phẩm của HP cho sử dụng vì các lý do luật pháp hoặc quy định.

Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, CÁC GIẢI PHÁP TRONG BẢN CÔNG BỐ CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH NÀY CHỈ ÁP DỤNG RIÊNG CHO MỖI BẠN. NGOẠI TRỪ NHƯ ĐÃ NÊU TRÊN, HP HOẶC CÁC NHÀ CUNG CẤP CỦA HP TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP SẼ KHÔNG CHỊU BẤT KỲ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ NÀO VỀ MẤT MẮT DỮ LIỆU HOẶC CÁC THIẾT HẠI TRỰC TIẾP, CÁ BIỆT, NGẪU NHIÊN, GIÁN TIẾP (KỂ CẢ MẤT MẮT VỀ LỢI NHUẬN VÀ DỮ LIỆU) HOẶC CÁC THIẾT HẠI KHÁC, CÓ HAY KHÔNG ĐƯỢC GHI TRONG HỢP ĐỒNG, CÁC SAI SÓT KHÔNG VI PHẠM HỢP ĐỒNG, HOẶC BẤT KỲ THIẾT HẠI NÀO KHÁC. Ở một số quốc gia/vùng lãnh thổ, bang hoặc tỉnh không cho phép giới hạn hoặc loại trừ các thiệt hại ngẫu nhiên hoặc gián tiếp, thì điều khoản giới hạn hoặc loại trừ trên có thể không áp dụng đối với bạn.

CÁC ĐIỀU KHOẢN QUY ĐỊNH VỀ BẢO HÀNH TRONG BẢN CÔNG BỐ NÀY, NGOẠI TRỪ TRƯỜNG HỢP LUẬT PHÁP CHO PHÉP, SẼ KHÔNG GÂY LOẠI TRỪ, GIỚI HẠN, HOẶC THAY ĐỔI HAY BỔ SUNG THÊM ĐỐI VỚI CÁC QUYỀN LỢI ĐƯỢC PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH BẮT BUỘC ÁP DỤNG TRONG VIỆC BÁN SẢN PHẨM NÀY CHO BẠN.

## Dịch vụ bảo hành trường hợp khách hàng tự sửa chữa

Các sản phẩm HP được thiết kế và chế tạo cùng nhiều bộ phận cho phép Khách Hàng Tự Sửa (CSR) để giảm thiểu tối đa thời gian sửa chữa và tạo điều kiện linh hoạt hơn cho việc thay thế các bộ phận bị khiếm khuyết. Nếu trong quá trình kiểm tra, HP phát hiện có thể sửa chữa bằng cách dùng bộ phận CSR, HP sẽ trực tiếp gửi bộ phận đó đến cho bạn để bạn tiến hành thay thế. Hiện nay có hai loại bộ phận CSR: 1) Những bộ phận bắt buộc phải do khách hàng tự sửa chữa. Nếu bạn yêu cầu HP thay thế những bộ phận này, bạn sẽ bị tính tiền vận chuyển và thuê nhân công cho dịch vụ này. 2) Những bộ phận không bắt buộc khách hàng phải tự sửa chữa. Những bộ phận này cũng được thiết kế để Khách hàng Tự Sửa. Tuy nhiên, nếu bạn yêu cầu HP thay thế chúng cho bạn, việc thay thế này có thể sẽ không tốn tiền theo quy định dịch vụ bảo hành dành cho sản phẩm của bạn.

Tùy theo khả năng cung cấp và điều kiện địa lý, các bộ phận CSR sẽ được gửi đến vào ngày làm việc kế tiếp. Dịch vụ chuyển hàng trong ngày hoặc trong bốn giờ có thể sẽ tính thêm tiền nếu điều kiện địa lý cho phép. Nếu bạn cần giúp đỡ, hãy gọi điện cho Trung tâm Hỗ trợ Kỹ thuật HP và nhân viên kỹ thuật sẽ giúp hướng dẫn bạn qua điện thoại. HP sẽ thông báo trong tài liệu gửi kèm bộ phận CSR thay thế rằng bạn có phải gửi bộ phận bị lỗi về lại cho HP hay không. Trong trường hợp bắt buộc phải gửi bộ phận bị lỗi về cho HP, bạn phải gửi bộ phận bị lỗi về lại cho HP trong khoản thời gian hạn định, thường là năm (5) ngày làm việc. Bộ phận bị lỗi phải được gửi về kèm theo các tài liệu cấp kèm theo khi gửi hàng. Nếu bạn không gửi trả lại bộ phận bị lỗi, HP sẽ tính phí thay thế cho bạn. Trong chương trình khách hàng tự sửa, HP sẽ thanh toán tất cả các chi phí vận chuyển và hoàn trả bộ phận và quyết định dịch vụ vận chuyển/vận tải sẽ dùng.

## Tuyên bố bảo hành có giới hạn dành cho hộp mực

Sản phẩm này của HP được bảo đảm sẽ không có các khuyết tật về mặt vật liệu và khả năng vận hành.

Chế độ bảo hành này không áp dụng cho những sản phẩm (a) đã nạp lại mực, tân trang, tái chế hoặc can thiệp vào dưới mọi hình thức, (b) đã bị các sự cố xuất phát từ việc sử dụng sai, bảo quản không đúng, hoặc sử dụng không phù hợp với các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm thiết bị về mặt môi trường đã được công bố (c) có biểu hiện hao mòn trong quá trình sử dụng bình thường.

Để được bảo hành, xin gửi sản phẩm về nơi đã mua (kèm theo bản mô tả sự cố và các bản in mẫu) hoặc liên hệ bộ phận hỗ trợ khách hàng của HP. HP sẽ quyết định lựa chọn hoặc đổi cho bạn sản phẩm mới thay cho sản phẩm có khuyết tật hoặc hoàn tiền lại cho bạn số tiền bạn đã trả để mua sản phẩm.

Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, HP CHỈ CUNG CẤP CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH TRÊN VÀ KHÔNG THỪA NHẬN BẤT KỲ CHẾ ĐỘ HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO KHÁC, THỂ HIỆN BẰNG VĂN BẢN HAY LỜI NÓI, ĐƯỢC DIỄN TẢ CỤ THỂ HAY KHÔNG CỤ THỂ VÀ HP TỪ CHỐI MỌI YÊU CẦU HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO MÀ HP KHÔNG CÔNG BỐ VỀ KHẢ NĂNG BÁN ĐƯỢC SẢN PHẨM, CHẤT LƯỢNG VỪA Ý, VÀ TÍNH PHÙ HỢP CỦA SẢN PHẨM VỚI MỤC ĐÍCH RIÊNG.

Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, HP HOẶC CÁC NHÀ CUNG CẤP CỦA HP TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP SẼ KHÔNG CHỊU BẤT KỲ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ NÀO VỀ CÁC THIẾT HẠI TRỰC TIẾP, CÁ BIỆT, NGẪU NHIÊN, GIÁN TIẾP (KỂ CẢ MẤT MẮT VỀ LỢI NHUẬN VÀ DỮ LIỆU) HOẶC CÁC THIẾT HẠI KHÁC, CÓ HAY KHÔNG ĐƯỢC GHI TRONG HỢP ĐỒNG, CÁC SAI SÓT KHÔNG VI PHẠM HỢP ĐỒNG, HOẶC BẤT KỲ THIẾT HẠI NÀO KHÁC.

CÁC ĐIỀU KHOẢN QUY ĐỊNH VỀ BẢO HÀNH TRONG BẢN CÔNG BỐ NÀY, NGOẠI TRỪ TRƯỜNG HỢP LUẬT PHÁP CHO PHÉP, SẼ KHÔNG GÂY LOẠI TRỪ, GIỚI HẠN, HOẶC THAY ĐỔI HAY BỔ SUNG THÊM ĐỐI VỚI CÁC QUYỀN LỢI ĐƯỢC PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH BẮT BUỘC ÁP DỤNG TRONG VIỆC BÁN SẢN PHẨM NÀY CHO BẠN.

# Chăm sóc Khách hàng HP

## Các Dịch vụ Trực tuyến

Để truy cập 24 giờ vào phần mềm riêng cho thiết bị và thông tin sản phẩm HP mới nhất và thông tin hỗ trợ qua kết nối Internet, hãy truy cập vào trang Web: [www.hp.com/support/ljm1522](http://www.hp.com/support/ljm1522).

HP Instant Support Professional Edition (ISPE) là một bộ các công cụ trên Web giúp xử lý sự cố cho các sản phẩm máy tính để bàn và máy in. Truy cập vào trang web [instantsupport.hp.com](http://instantsupport.hp.com).

## Hỗ trợ qua điện thoại

HP cung cấp dịch vụ hỗ trợ qua điện thoại miễn phí trong thời gian bảo hành. Để biết số điện thoại cho quốc gia/vùng lãnh thổ của bạn, hãy xem tờ rơi gửi kèm với thiết bị này, hoặc truy cập vào trang web [www.hp.com/support/](http://www.hp.com/support/). Trước khi gọi HP, bạn hãy chuẩn bị sẵn các thông tin sau: tên và số sê-ri của sản phẩm, ngày mua, và mô tả vấn đề.

## Thông tin về các phần mềm tiện ích, trình điều khiển thiết bị, các thiết bị điện tử

[www.hp.com/go/ljm1522\\_software](http://www.hp.com/go/ljm1522_software)

Trang Web dành cho các trình điều khiển bằng tiếng Anh, nhưng bạn có thể tải xuống các trình điều khiển bằng các ngôn ngữ khác.

## Đặt mua phụ tùng và mực in trực tiếp từ HP

- Hoa Kỳ: [www.hp.com/sbso/product/supplies](http://www.hp.com/sbso/product/supplies).
- Canada: [www.hp.ca/catalog/supplies](http://www.hp.ca/catalog/supplies)
- Châu Âu: [www.hp.com/go/ljsupplies](http://www.hp.com/go/ljsupplies)
- Châu Á Thái Bình Dương: [www.hp.com/paper/](http://www.hp.com/paper/)

Để đặt hàng các bộ phận và phụ kiện chính hãng của HP hãy truy cập vào HP Parts Store tại [www.hp.com/buy/parts](http://www.hp.com/buy/parts) (chỉ có ở Mỹ và Canada), hoặc gọi đến số 1-800-538-8787 (Mỹ) hoặc 1-800-387-3154 (Canada).

## Thông tin về dịch vụ của HP

Để tìm Đại lý Ủy quyền của HP, hãy gọi đến số 1-800-243-9816 (Mỹ) hoặc 1-800-387-3867 (Canada).

Ở bên ngoài Mỹ và Canada, hãy gọi đến số hỗ trợ khách hàng dành cho quốc gia/vùng lãnh thổ của bạn. Xem tài liệu hướng dẫn kèm theo trong hộp máy.

## Thỏa thuận về sử dụng dịch vụ HP

Gọi 1-800-HPINVENT (1-800-474-6836 (Mỹ)) hoặc 1-800-268-1221 (Canada). Hoặc truy cập vào trang Web Dịch vụ Carepaq™ và Gói Chăm sóc tại [www.hpexpress-services.com/10467a](http://www.hpexpress-services.com/10467a).

Để có dịch vụ mở rộng, hãy gọi đến số 1-800-446-0522.

## HP ToolboxFX

Để kiểm tra tình trạng và cài đặt thiết bị và xem thông tin xử lý sự cố và tài liệu trực tuyến, hãy sử dụng HP ToolboxFX. Bạn thực hiện cài đặt phần mềm đầy đủ để sử dụng HP ToolboxFX. Xem [HP ToolboxFX thuộc trang 168](#).

## Các thông tin và dịch vụ hỗ trợ của HP dành cho máy tính Macintosh

Vào trang [www.hp.com/go/macosx](http://www.hp.com/go/macosx) để biết các thông tin hỗ trợ Macintosh OS X và dịch vụ đăng ký tải về các bản cập nhật trình điều khiển.

Vào trang [www.hp.com/go/mac-connect](http://www.hp.com/go/mac-connect) dành cho các sản phẩm được thiết kế đặc biệt cho người sử dụng máy Macintosh.



# Thỏa thuận về bảo trì của HP

HP có một số loại thỏa thuận về bảo trì đáp ứng nhiều nhu cầu hỗ trợ. Các thỏa thuận về bảo trì này không thuộc phạm vi bảo hành thông thường. Các dịch vụ hỗ trợ có thể khác nhau, tùy theo từng vùng. Hãy tham khảo với đại lý HP tại địa phương của bạn để biết dịch vụ nào khả dụng cho bạn.

## Đóng gói lại thiết bị

Nếu dịch vụ Chăm sóc Khách hàng HP xác định thiết bị của bạn cần phải hoàn trả về HP để sửa chữa, hãy thực hiện theo các bước bên dưới để đóng gói lại thiết bị trước khi gửi trả lại.

△ **THẬN TRỌNG:** Khách hàng phải chịu trách nhiệm đối với những hư hỏng xảy ra trong quá trình vận chuyển do bao gói không đúng cách.

1. Tháo ra và giữ lại hộp mực in.

△ **THẬN TRỌNG:** Cần *đặc biệt lưu ý* nhớ tháo hộp mực ra trước khi vận chuyển thiết bị. Hộp mực in để lại trong thiết bị sẽ bị rò rỉ trong quá trình gửi hàng và làm đổ mực ra động cơ thiết bị và các bộ phận khác.

Để tránh là hư hỏng hộp mực in, hãy tránh chạm vào trục trên hộp, và cất hộp mực in vào trong vật liệu đóng gói khi mua sản phẩm lần đầu tiên hoặc để ở nơi không có ánh sáng trực tiếp.

2. Tháo và giữ lại dây điện nguồn, cáp nối mạng, và các phụ kiện tùy chọn.

3. Nếu có thể được, xin kèm theo cả các bản in mẫu và 50 đến 100 trang giấy in hoặc vật liệu in khác đã bị lỗi khi in.

4. Tại Hoa Kỳ, hãy gọi dịch vụ Chăm sóc Khách hàng HP để xin vật liệu đóng gói mới. Tại các khu vực khác, hãy dùng vật liệu đóng gói cũ khi mua thiết bị, nếu có thể. Hewlett-Packard khuyến bạn mua bảo hiểm cho thiết bị khi vận chuyển.

## Bảo hành mở rộng

Hỗ trợ của HP dành cho sản phẩm phần cứng của HP và tất cả các thành phần bên trong do HP cung cấp. Bảo trì phần cứng bao gồm khoảng thời gian từ 1 đến 3 năm từ ngày mua sản phẩm HP. Khách hàng phải mua dịch vụ Hỗ trợ HP trong phạm vi bảo hành của hãng sản xuất như đã được đề cập. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với Dịch vụ Chăm sóc Khách hàng và nhóm Hỗ trợ của HP.



---

## C Thông số kỹ thuật

Phần này chứa các thông tin sau về sản phẩm:

- [Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể](#)
- [Các đặc điểm kỹ thuật về điện](#)
- [Điện năng tiêu thụ](#)
- [Các đặc điểm kỹ thuật về môi trường](#)
- [Độ ồn](#)

## Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể

**Bảng C-1** Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể

Sản phẩm	Cao	Sâu	Rộng	Nặng
HP LaserJet M1522n	402 mm	406 mm	496 mm	11 kg
HP LaserJet M1522nf	402 mm	406 mm	496 mm	11 kg

## Các đặc điểm kỹ thuật về điện

- △ **THẬN TRỌNG:** Các yêu cầu về điện đã được thiết kế phù hợp với quốc gia/vùng lãnh thổ bán sản phẩm. Xin bạn không chuyển đổi điện thế vận hành. Việc này sẽ làm hỏng sản phẩm và vô hiệu hóa chế độ bảo hành.

**Bảng C-2 Các đặc điểm kỹ thuật về điện**

Mục	Kiểu 110-vôn	Kiểu 230-vôn
Các yêu cầu về điện	110 đến 127 V (+/- 10%)	220 đến 240 V (+/- 10%)
	50 / 60 Hz (+/- 2 Hz)	50 / 60 Hz (+/- 2 Hz)
Dòng định mức	4,5 A	2,3 A

## Điện năng tiêu thụ

**Bảng C-3** Lượng điện tiêu thụ (trung bình, tính theo óát)<sup>1</sup>

Model sản phẩm	Đang in <sup>2</sup>	Đang sao chép <sup>2</sup>	Sẵn Sàng/Ngủ <sup>3</sup>	Tắt
HP LaserJet M1522n	420 W	420 W	10 W	<0,1 W
HP LaserJet M1522nf	420 W	420 W	10 W	<0,1 W

<sup>1</sup> Các giá trị trên là dựa theo các dữ liệu ban đầu. Xem [www.hp.com/support/ljm1522](http://www.hp.com/support/ljm1522) để biết thông tin mới nhất.

<sup>2</sup> Mức điện năng báo cáo có giá trị cao nhất khi đo bằng tất cả các chỉ số vôn kế chuẩn.

<sup>3</sup> Công nghệ sấy nóng nhanh

<sup>4</sup> Thời gian phục hồi từ trạng thái Sẵn sàng/Ngủ sang bắt đầu in < 6 giây.

<sup>5</sup> Tốc độ tản nhiệt nhanh nhất của mọi kiểu máy trong chế độ Sẵn Sàng = 35 BTU/giờ

# Các đặc điểm kỹ thuật về môi trường

**Bảng C-4** Các đặc điểm kỹ thuật về môi trường<sup>1</sup>

	Khuyến dùng	Vận hành	Lưu trữ
Nhiệt độ	15° đến 32.5° C (59° đến 90.5° F)	15° đến 32.5° C (59° đến 90.5° F)	-20° đến 40° C (-4° đến 104° F)
Độ ẩm tương đối	10% đến 80%	10% đến 80%	95% hoặc thấp hơn

<sup>1</sup> Các trị số có thể thay đổi.

# Độ ồn

**Bảng C-5 Độ ồn**

<b>Cường Độ Âm</b>	<b>Công bố theo tiêu chuẩn ISO 9296<sup>1</sup></b>
In (23 ppm)	$L_{wAd} = 6,6$ Bels (A) [66 dB (A)]
Sẵn sàng	Không nghe thấy
<b>Mức áp suất âm - Ở vị trí đứng xem</b>	<b>Công bố theo tiêu chuẩn ISO 9296<sup>1</sup></b>
In (23 ppm)	$L_{pAm} = 52$ dB(A)
Sẵn sàng	Không nghe thấy

<sup>1</sup> Các giá trị trên là dựa theo các dữ liệu ban đầu. Xem [www.hp.com/support/ljm1522](http://www.hp.com/support/ljm1522) để biết thông tin mới nhất.

<sup>2</sup> Cấu hình đã kiểm tra: HP LaserJet M1522nf in giấy một mặt dùng giấy A4 với tốc độ 23 ppm.



---

## D Thông tin về Tuân thủ Quy định


Phần này chứa các thông tin về việc tuân thủ quy định sau đây:

- [Quy chuẩn FCC](#)
- [Chương trình Quản lý Sản phẩm Bảo vệ Môi trường](#)
- [Đạo luật Bảo vệ Người tiêu dùng Sử dụng điện thoại \(Hoa Kỳ\)](#)
- [Các yêu cầu IC CS-03](#)
- [Quy định của EU về hoạt động viễn thông](#)
- [Các công bố về viễn thông của New Zealand](#)
- [Tuyên bố về tính thích hợp](#)
- [Tuyên bố về tính thích hợp](#)
- [Tuyên bố về an toàn](#)

## Quy chuẩn FCC

Đã kiểm tra và xác định rằng thiết bị này tuân thủ các giới hạn cho thiết bị kỹ thuật số Nhóm B, theo Phần 15 của Quy định FCC. Các giới hạn này được thiết kế để cung cấp sự bảo vệ phù hợp chống lại nhiễu có hại khi lắp đặt trong nhà. Thiết bị này tạo, sử dụng, và có thể phát ra năng lượng sóng vô tuyến. Nếu thiết bị này không được lắp đặt và sử dụng theo đúng hướng dẫn, nó có thể gây nhiễu có hại với các liên lạc vô tuyến. Tuy nhiên, không có sự đảm bảo rằng sẽ không xuất hiện nhiễu tại một lắp đặt cụ thể. Nếu thiết bị này gây nhiễu có hại cho đài radio hoặc tivi, có thể được xác định bằng cách tắt và bật thiết bị, người sử dụng nên chỉnh lại nhiễu bằng một trong những biện pháp sau:

- Xoay hoặc chuyển lại vị trí của ăng-ten nhận.
- Gia tăng khoảng cách giữa thiết bị và bộ nhận.
- Cắm thiết bị với ổ điện trên một mạch khác với ổ điện của bộ nhận.
- Tham vấn với người bán hàng của bạn hoặc một chuyên gia radio/tivi có kinh nghiệm.

 **GHI CHÚ:** Mọi thay đổi hoặc chỉnh sửa đối với máy in không được chấp nhận rõ ràng bởi Hewlett-Packard có thể làm mất quyền sử dụng thiết bị này của người sử dụng.

Cần sử dụng cáp giao diện được bảo vệ để tuân thủ các giới hạn của Nhóm B của Phần 15, Quy định FCC.

Thiết bị này tuân thủ Phần 68 của các quy định FCC. Ở mặt sau thiết bị, có nhãn ghi số đăng ký FCC và số lượng máy con tương ứng (REN) cho thiết bị này bên cạnh những thông tin khác. Thông tin này phải được cung cấp cho công ty điện thoại nếu được yêu cầu. REN được dùng để xác định số lượng máy có thể được nối vào đường dây điện thoại. Lạm dụng REN quá mức trên đường dây điện thoại có thể dẫn đến tình trạng máy không reo khi có cuộc gọi đến. Tại hầu hết các vùng, nhưng không phải tất cả, tổng số REN không được vượt quá năm (5.0). Để biết chắc số máy có thể nối vào đường dây điện thoại, theo tổng số REN quy định, hãy liên lạc với công ty điện thoại để biết số REN tối đa cho vùng đó.

Thiết bị này sử dụng các loại đầu cắm USOC sau đây: RJ11C.

Một dây điện thoại và phích cắm theo đúng tiêu chuẩn FCC được cung cấp kèm theo thiết bị này. Thiết bị này được thiết kế để nối vào mạng điện thoại hoặc hệ thống dây điện trong nhà bằng cách sử dụng một đầu cắm tương thích theo đúng quy định ở Phần 68. Thiết bị này không được sử dụng cho dịch vụ gọi bằng tiền xu của công ty điện thoại. Việc nối với Party Line Service (dịch vụ dùng hai hay nhiều điện thoại trong cùng một đường dây) sẽ chịu cước phí của tiểu bang. Nếu thiết bị này gây thiệt hại cho mạng điện thoại, công ty điện thoại sẽ thông báo cho quý vị biết trước là dịch vụ có thể tạm thời bị gián đoạn. Nếu không thể thông báo trước, công ty điện thoại sẽ thông báo cho khách hàng càng sớm càng tốt. Quý vị cũng có quyền nộp đơn khiếu nại với FCC nếu thấy cần thiết. Công ty điện thoại có thể thực hiện những thay đổi về phương tiện, thiết bị, vận hành hoặc quy trình mà có thể tác động đến hoạt động của thiết bị. Nếu việc này xảy ra, công ty điện thoại sẽ thông báo trước để quý vị thực hiện những điều chỉnh cần thiết nhằm duy trì dịch vụ liên tục. Nếu có sự cố xảy ra với thiết bị, vui lòng xem các số điện thoại phía trước của cẩm nang này để biết thông tin về sửa chữa và (hoặc) bảo hành. Nếu sự cố này gây thiệt hại cho mạng điện thoại, công ty điện thoại có thể yêu cầu quý vị tháo gỡ thiết bị khỏi mạng cho đến khi sự cố được khắc phục. Khách hàng có thể thực hiện những sửa chữa sau đây: Thay bất kỳ thiết bị gốc nào đi kèm với thiết bị. Bao gồm hộp mực in, giá đỡ khay và học đựng giấy, dây điện và dây điện thoại. Khách hàng nên lắp đặt một bộ chống đột biến điện AC tại ổ cắm AC nối với thiết bị. Việc này nhằm tránh gây thiệt hại cho thiết bị do sấm sét trong khu vực và các đột biến điện khác.

# Chương trình Quản lý Sản phẩm Bảo vệ Môi trường

## Bảo vệ môi trường

Công ty Hewlett-Packard cam kết cung cấp các sản phẩm chất lượng theo cách bền vững với môi trường. Sản phẩm này được thiết kế với một số tính năng làm giảm thiểu tác động tới môi trường.

## Sản sinh ra khí ozone

Sản phẩm này không sản sinh một lượng khí ozone đáng kể nào (O<sub>3</sub>).

## Điện năng tiêu thụ

Năng lượng sử dụng giảm đáng kể khi ở chế độ Sẵn sàng/Ngủ, giúp tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và tiết kiệm tiền bạc mà không ảnh hưởng đến hiệu suất cao của máy. Để xác định trạng thái được chứng nhận ENERGY STAR® của sản phẩm, xin vui lòng xem Tờ Thông tin Sản phẩm hoặc Bản Chi tiết Kỹ thuật. Các sản phẩm đủ tiêu chuẩn cũng được liệt kê tại:

[www.hp.com/go/energystar](http://www.hp.com/go/energystar)

## Tiêu hao mực in

Chế độ Tiết kiệm sử dụng lượng mực ít hơn, vì vậy có thể kéo dài tuổi thọ của hộp mực.

## Sử dụng giấy

Tính năng in hai mặt thủ công (in cả trên hai mặt giấy) và in N-up (in nhiều trang trên cùng một mặt giấy) của thiết bị này giúp giảm lượng giấy sử dụng và giảm nhu cầu về tài nguyên thiên nhiên.


## Bộ phận làm bằng chất dẻo

Các bộ phận làm bằng chất dẻo nặng trên 25 gram được đánh dấu theo tiêu chuẩn quốc tế, giúp tăng khả năng nhận biết để tái chế khi hết tuổi thọ của sản phẩm.

## Nguồn cung cấp

Thật dễ dàng để hoàn trả và tái chế các hộp mực đã dùng hết của máy in HP LaserJet – hoàn toàn miễn phí với chương trình Đối tác Toàn cầu của HP. Các hướng dẫn và thông tin về chương trình bằng nhiều ngôn ngữ được giao cùng với mỗi máy in HP LaserJet và hộp mực mới. Bạn sẽ giúp giảm bớt tác động tới môi trường hơn nữa bằng cách hoàn trả nhiều hộp mực một lúc thay vì các hộp riêng lẻ.

HP cam kết cung cấp các sản phẩm và dịch vụ sáng tạo, chất lượng cao, bền vững với môi trường, từ việc thiết kế và phân phối sản phẩm đến việc sử dụng và tái chế. Khi bạn tham gia vào chương trình Đối tác Toàn cầu của HP, chúng tôi bảo đảm rằng các hộp mực in HP LaserJet của bạn được tái chế đúng cách, được xử lý để thu lại chất dẻo và kim loại dùng cho sản phẩm mới, và tránh được việc phải chôn lấp hàng triệu tấn rác thải. Vì các hộp mực này được tái chế và sử dụng làm nguyên liệu, nó sẽ không quay trở lại với bạn. Cảm ơn bạn đã có trách nhiệm với môi trường!

 **GHI CHÚ:** Vui lòng chỉ sử dụng các nhãn hoàn trả khi hoàn trả các hộp mực in HP LaserJet. Không sử dụng nhãn này đối với các hộp mực HP inkjet, các hộp mực không phải của HP, các hộp mực đổ lại hoặc tái sản xuất, hoặc để bảo hành. Để có thêm thông tin về việc tái chế hộp mực HP inkjet, xin vui lòng xem trang <http://www.hp.com/recycle>.

## Hướng dẫn Hoàn trả và Tái chế

### Hợp chủng quốc Hòa Kỳ và Puerto Rico

Nhãn đính kèm trên hộp mực in HP LaserJet dùng để hoàn trả và tái chế nhiều hơn một hộp mực in HP LaserJet sau khi sử dụng. Xin vui lòng làm theo hướng dẫn thích hợp dưới đây.

#### Hoàn trả Nhiều hộp mực (hai đến tám hộp)

1. Đóng gói mỗi hộp mực HP LaserJet vào hộp và túi đựng nguyên bản của chúng.
2. Buộc tối đa tám hộp với nhau bằng dây da hoặc dây buộc hàng (tối đa 70 lbs).
3. Sử dụng một nhãn vận chuyển trả trước duy nhất.

#### HOẶC

1. Sử dụng hộp đựng phù hợp của bạn, hoặc yêu cầu cung cấp hộp miễn phí qua địa chỉ <http://www.hp.com/recycle> hoặc gọi 1-800-340-2445 (đựng được tối đa là tám hộp mực in HP LaserJet).
2. Sử dụng một nhãn vận chuyển trả trước duy nhất.

#### Hoàn trả đơn lẻ

1. Đóng gói hộp mực HP LaserJet vào hộp và túi đựng nguyên bản của nó.
2. Dán nhãn vận chuyển vào mặt trước hộp.

#### Vận chuyển

Đối với việc hoàn trả để tái chế tất cả các hộp mực in HP LaserJet, hãy giao gói hàng cho hãng vận chuyển UPS trong lần nhận hàng kế tiếp, hoặc mang tới điểm nhận hàng chính thức của UPS. Để biết địa điểm nhận hàng của UPS tại địa phương, hãy gọi số 1-800-PICKUPS hoặc thăm trang <http://www.ups.com>. Nếu bạn hoàn trả bằng nhãn vận chuyển của Dịch vụ Bưu chính Hoa Kỳ (USPS), hãy giao gói hàng cho nhân viên USPS hoặc mang tới văn phòng USPS. Để biết thêm thông tin, hoặc để yêu cầu thêm nhãn vận chuyển hoặc hộp để đựng nhiều hộp mực, hãy thăm trang <http://www.hp.com/recycle> hoặc gọi 1-800-340-2445. Yêu cầu UPS tới gom hàng sẽ phải trả phí gom hàng thông thường. Các thông tin có thể thay đổi mà không báo trước.

### Hoàn trả ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ

Để tham dự vào Chương trình Đối tác Toàn cầu của HP trong việc hoàn trả và tái chế, bạn chỉ cần thực hiện theo các chỉ dẫn đơn giản trong tờ hướng dẫn về tái chế (có trong gói đựng thiết bị máy in mới của bạn), hoặc tới thăm trang <http://www.hp.com/recycle>. Hãy chọn quốc gia/khu vực của bạn để có thông tin về cách hoàn trả các thiết bị máy in HP LaserJet

### Giấy in

Sản phẩm này có thể sử dụng giấy tái chế nếu như giấy đó đáp ứng được các quy định trong sách hướng dẫn *HP LaserJet Printer Family Print Media Guide*. Sản phẩm này phù hợp để sử dụng giấy tái chế theo tiêu chuẩn EN12281:2002.

### Giới hạn về vật liệu

Sản phẩm này của HP không chứa thêm thủy ngân.

Sản phẩm này của HP chứa một bộ pin có thể cần phải được xử lý đặc biệt khi hết thời hạn sử dụng. Bộ pin đi kèm hoặc được Hewlett-Packard cung cấp cho sản phẩm này có các thông tin sau:

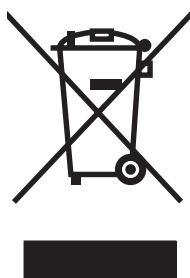
HP LaserJet M1522	
Dạng	Carbon monofluoride lithium
Trọng lượng	0,8 g
Vị trí	Trên bảng bộ định dạng
Cho phép người sử dụng có thể di dời sản phẩm	No (Không)



## 廢電池請回收

Để biết thông tin tái chế, hãy đến trang web [www.hp.com/recycle](http://www.hp.com/recycle), hoặc liên hệ các nhà chức trách địa phương hay Hiệp hội Công nghiệp Điện tử: [www.eiae.org](http://www.eiae.org).

## Vứt bỏ thiết bị thải ra bởi người dùng ở hộ gia đình riêng tại Liên minh Châu Âu



Biểu tượng này trên sản phẩm hoặc bao gói sản phẩm chỉ định rằng sản phẩm không được phép vứt bỏ cùng với rác thải sinh hoạt khác. Thay vào đó, bạn có trách nhiệm vứt bỏ thiết bị không sử dụng bằng cách giao nó tại một điểm thu gom được chỉ định cho mục đích tái chế thiết bị điện và điện tử không sử dụng. Việc thu gom và tái chế riêng các loại thiết bị không sử dụng của bạn mỗi khi vứt bỏ sẽ giúp bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đảm bảo rằng thiết bị đó được tái chế theo cách giúp bảo vệ sức khỏe con người và môi trường. Để biết thêm thông tin về nơi vứt bỏ thiết bị không sử dụng để tái chế, xin hãy liên hệ với phòng hành chính địa phương, dịch vụ vứt bỏ rác thải gia đình hoặc cửa hàng nơi bạn đã mua sản phẩm đó.

## Tờ Thông tin An toàn đối với Nguyên Liệu (MSDS)

Bạn có thể nhận Tờ Thông tin An toàn đối với Nguyên Liệu (MSDS) áp dụng cho các thiết bị có chứa hóa chất (ví dụ như mực in) bằng cách liên hệ với trang web của HP tại địa chỉ [www.hp.com/go/msds](http://www.hp.com/go/msds) hoặc [www.hp.com/hpinfo/globalcitizenship/environment](http://www.hp.com/hpinfo/globalcitizenship/environment).

## Thông tin thêm

Để có thêm thông tin về các chủ đề môi trường này:

- Tờ mô tả về tác động môi trường của sản phẩm này và nhiều sản phẩm có liên quan của HP
- Cam kết của HP đối với môi trường
- Hệ thống Quản lý Môi trường của HP
- Chương trình hoàn trả và tái chế khi sản phẩm hết tuổi thọ
- Tờ Thông tin An toàn đối với Nguyên liệu

Hãy truy cập vào [www.hp.com/go/environment](http://www.hp.com/go/environment) hoặc [www.hp.com/hpinfo/globalcitizenship/environment/index.html](http://www.hp.com/hpinfo/globalcitizenship/environment/index.html).

## Đạo luật Bảo vệ Người tiêu dùng Sử dụng điện thoại (Hoa Kỳ)

Luật Bảo Vệ Người Tiêu Dùng Điện Thoại năm 1991 quy định rằng bất kỳ người nào dùng máy tính hoặc thiết bị điện tử khác, bao gồm cả máy fax, để gửi các thông điệp là bất hợp pháp, trừ những thông điệp có nội dung rõ ràng, chứa trên lề trên hoặc dưới của từng trang gửi đi hoặc trong trang đầu tiên khi gửi, bao gồm ngày giờ gửi và thông tin nhận dạng doanh nghiệp, tổ chức, hoặc cá nhân gửi thông điệp và số điện thoại của máy gửi đi hoặc của doanh nghiệp, tổ chức khác, hoặc cá nhân khác. (Số điện thoại cho không thể là số 900 hoặc bất kỳ số nào khác có cước phí vượt quá mức cước phí truyền dữ liệu đường dài hoặc địa phương)

## Các yêu cầu IC CS-03

**Lưu ý:** Nhãn của Bộ công nghiệp Canada sẽ xác nhận các thiết bị đạt yêu cầu. Sự xác nhận này có nghĩa là thiết bị này đáp ứng một số các yêu cầu về độ an toàn, chế độ vận hành, tính năng bảo mật mạng viễn thông như được mô tả trong (các) tài liệu Yêu Cầu Kỹ Thuật của Các Thiết Bị Đầu Cuối tương ứng. Bộ không đảm bảo thiết sẽ vận hành và thỏa mãn yêu cầu của người sử dụng. Trước khi cài đặt thiết bị này, người sử dụng nên đảm bảo rằng thiết bị được phép kết nối vào các cơ sở hạ tầng viễn thông của các công ty viễn thông địa phương. Thiết cũng phải được cài đặt phương thức kết nối hợp lý. Người tiêu dùng nên nhận thức được rằng sự tuân thủ các điều kiện nói trên không ngăn ngừa được sự sụt giảm chất lượng dịch vụ trong một số trường hợp. Việc sửa chữa thiết bị được xác nhận phải được phối hợp thực hiện qua bên đại diện do nhà cung cấp chỉ định. Bất kỳ hoạt động sửa chữa hoặc thay đổi nào do người sử dụng thực hiện đối với thiết bị này, hoặc thiết bị bị lỗi hoạt động, đều sẽ tạo điều kiện cho công ty viễn thông yêu cầu người sử dụng ngắt kết nối thiết bị. Người sử dụng, vì sự an toàn của chính mình, phải đảm bảo rằng các dụng cụ điện tiếp đất của hệ thống điện, đường dây điện thoại, và hệ thống đường ống kim loại dẫn nước nội bộ, nếu có, phải được kết nối với nhau. Thông báo cảnh giác này đặc biệt quan trọng ở những khu vực nông thôn.

- △ **THẬN TRỌNG:** Người sử dụng không được thử tự mình kết nối các hệ thống này, mà phải liên hệ nhân viên điều tra điện lực có khả năng, hoặc với thợ điện, nếu được. Mã Số Đối Ứng Thiết Bị (REN) của thiết bị này là 0.7.

**Lưu ý:** Mã Số Đối Ứng Thiết Bị (REN) được gán cho từng thiết bị kết nối cung cấp số cổng kết nối tối đa mà thiết bị có thể dùng để kết nối vào ổ cắm điện thoại. Các cổng kết nối trên ổ cắm điện thoại có thể dùng cho nhiều thiết bị, và chỉ phụ thuộc vào yêu cầu tổng số REN của tất cả các thiết bị không vượt quá năm (5.0). Mã bố trí kết nối tiêu chuẩn (loại khe cắm điện thoại) dành cho thiết bị kết nối trực tiếp vào mạng điện thoại là CA11A.



## Quy định của EU về hoạt động viễn thông

Sản phẩm này được chế tạo để kết nối vào Mạng Điện Thoại Công Truyền Thống (PSTN) analog của các quốc gia/vùng lãnh thổ thuộc Khu Vực Kinh Tế Châu Âu (EEA). Sản phẩm này đáp ứng các yêu cầu của Chỉ thị 1999/5/EC (Phụ lục II) EU R&TTE và mang nhãn đáp ứng tiêu chuẩn CE tương ứng. Để biết thêm chi tiết, xem phần Tuyên bố về Tính thích hợp do nhà sản xuất cung cấp trong mục khác của cẩm nang này. Tuy nhiên, do sự khác biệt của các hệ thống PSTN của từng quốc gia, sản phẩm không thể đảm bảo khả năng vận hành hoàn toàn tốt tại tất cả các điểm kết nối vào mạng PSTN. Khả năng tương thích với hệ thống mạng tùy thuộc vào các thông số cài đặt phù hợp do người tiêu dùng chọn để chuẩn bị kết nối máy vào hệ thống PSTN. Vui lòng thực hiện theo các hướng dẫn nêu trong cẩm nang hướng dẫn sử dụng này. Nếu bạn gặp vấn đề về khả năng tương thích với hệ thống mạng, vui lòng liên hệ với nhà cung cấp thiết bị hoặc bộ phận hỗ trợ của Hewlett-Packard tại quốc gia/khu vực sở tại. Khả năng kết nối vào điểm kết nối PSTN có thể tùy thuộc vào các yêu cầu bổ sung do nhà quản lý mạng PSTN địa phương đề ra.

## Các công bố về viễn thông của New Zealand

Sự hỗ trợ của Telepermit cho bất kỳ thiết bị kết nối nào chỉ đồng nghĩa với việc Telecom đồng ý rằng thiết bị đó đáp ứng các điều kiện tối thiểu để kết nối vào mạng của Telecom. Điều này không đồng nghĩa với việc Telecom chứng nhận cho sản phẩm này, cũng như khả năng cung cấp bất kỳ hình thức bảo hành nào. Trên hết, công ty không đảm bảo rằng mọi chức năng thiết bị đều phối hợp hoạt động tốt với thiết bị khác của Telepermit có nguồn gốc hoặc kiểu dáng khác, cũng như không ngụ ý rằng mọi sản phẩm đều tương thích với tất cả các dịch vụ mạng của Telecom.

Thiết bị này không được đảm bảo chia sẻ cuộc gọi một cách hiệu quả với thiết bị khác kết nối vào cùng đường dây.

Thiết bị này cũng không cài tính năng tự động gọi đến Dịch Vụ Khẩn Cấp “111” của Telecom.

Sản phẩm này chưa được kiểm nghiệm về tính tương thích với dịch vụ kiểu chuông đặc trưng FaxAbility của New Zealand.

# Tuyên bố về tính thích hợp

## Tuyên bố về tính Thích hợp

Theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17050-1 và EN 17050-1

**Tên Nhà Sản xuất:** Hewlett-Packard Company DoC#: BOISB-0604-01-rel.1.0  
**Địa chỉ Nhà sản xuất:** 11311 Chinden Boulevard,  
Boise, Idaho 83714-1021, Mỹ

### tuyên bố rằng sản phẩm

**Tên sản phẩm:** HP LaserJet M1522n

**Model theo Quy định Số<sup>2)</sup>** BOISB-0604-01

**Các tùy chọn của sản phẩm:** TẤT CẢ


**Hộp mực in:** CB436A

### phù hợp với các Thông số kỹ thuật sau của Sản phẩm:

**AN TOÀN:** IEC 60950-1:2001 / EN60950-1: 2001 +A11  
IEC 60825-1:1993 +A1 +A2 / EN 60825-1:1994 +A1 +A2 (Loại 1 Laser/Sản phẩm LED)  
GB4943-2001

**EMC:** CISPR22:2005 / EN55022:2006 – Loại B<sup>1)</sup>  
EN 61000-3-2:2000 +A2  
EN 61000-3-3:1995 +A1  
EN 55024:1998 +A1 +A2  
FCC Phần 47 CFR, Phần 15 Loại B1 / ICES-003, Mục 4  
GB9254-1998, GB17625.1-2003

### Thông tin Bổ sung:

Sản phẩm này tuân thủ theo các yêu cầu của Chỉ dẫn EMC 2004/108/EEC và Chỉ dẫn Điện áp Thấp 2006/95/EC, Chỉ dẫn 1999/5/EC (Phụ lục II) R&TTE, và có dấu CE  tương ứng.

Thiết bị này tuân thủ theo Phần 15 của Quy định FCC. Việc vận hành thiết bị phụ thuộc vào hai Điều kiện sau: (1) thiết bị này không gây nhiễu sóng có hại, và (2) thiết bị này phải chấp nhận các nhiễu sóng, kể cả các loại nhiễu sóng có thể sinh ra các hoạt động không mong muốn.

1) Sản phẩm đã được kiểm tra trong một cấu hình tiêu biểu với hệ thống Máy tính Cá nhân Hewlett-Packard.

2) Vì mục đích tuân thủ quy định, sản phẩm này được gán một con số Model theo Quy định. Con số này không được phép nhầm lẫn với tên sản phẩm hoặc số của sản phẩm.

Boise, Idaho , Mỹ

**Tháng Chín năm 2007**

### Chỉ riêng đối với vấn đề quy định:

Địa chỉ Liên hệ tại Nơi bán sản phẩm và Phòng dịch vụ Hewlett-Packard Sales tại địa phương hoặc Hewlett-Packard GmbH, Phòng HQ-  
Châu Âu: TRE / Tiêu Chuẩn Châu Âu,, Herrenberger Strasse 140, , D-71034, Böblingen, (FAX: +49-7031-14-3143),  
<http://www.hp.com/go/certificates>

Địa chỉ liên hệ tại Giám đốc Phụ trách việc Tuân thủ Quy định của Sản Phẩm, Công ty Hewlett-Packard,, PO Box 15, Mail Stop 160, Boise,  
Mỹ: ID 83707-0015, , (Điện thoại: 208-396-6000)

# Tuyên bố về tính thích hợp

## Tuyên bố về tính Thích hợp

Theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17050-1 và EN 17050-1

**Tên Nhà Sản xuất:** Hewlett-Packard Company DoC#: BOISB-0604-02-rel.1.0  
**Địa chỉ Nhà sản xuất:** 11311 Chinden Boulevard,  
Boise, Idaho 83714-1021, Mỹ

### tuyên bố rằng sản phẩm

**Tên sản phẩm:** HP LaserJet M1522nf  
**Model theo Quy định Số<sup>2)</sup>** BOISB-0604-02  
**Các tùy chọn của sản phẩm:** TẤT CẢ  
**Hộp mực in:** CB436A


### phù hợp với các Thông số kỹ thuật sau của Sản phẩm:

**AN TOÀN:** IEC 60950-1:2001 / EN60950-1: 2001 +A11  
IEC 60825-1:1993 +A1 +A2 / EN 60825-1:1994 +A1 +A2 (Loại 1 Laser/Sản phẩm LED)  
GB4943-2001

**EMC:** CISPR22:2005 / EN55022:2006 – Loại B<sup>1)</sup>  
EN 61000-3-2:2000 +A2  
EN 61000-3-3:1995 +A1  
EN 55024:1998 +A1 +A2  
FCC Phần 47 CFR, Phần 15 Loại B1 / ICES-003, Mục 4  
GB9254-1998, GB17625.1-2003

**TELECOM:** ES 203 021; FCC Phần 47 CFR, Phần 68<sup>3)</sup>

### Thông tin Bổ sung:

Sản phẩm này tuân thủ theo các yêu cầu của Chỉ dẫn EMC 2004/108/EEC và Chỉ dẫn Điện áp Thấp 2006/95/EC, Chỉ dẫn 1999/5/EC (Phụ lục II) R&TTE, và có dấu CE  tương ứng.

Thiết bị này tuân thủ theo Phần 15 của Quy định FCC. Việc vận hành thiết bị phụ thuộc vào hai Điều kiện sau: (1) thiết bị này không gây nhiễu sóng có hại, và (2) thiết bị này phải chấp nhận các nhiễu sóng, kể cả các loại nhiễu sóng có thể sinh ra các hoạt động không mong muốn.

- 1) Sản phẩm đã được kiểm tra trong một cấu hình tiêu biểu với hệ thống Máy tính Cá nhân Hewlett-Packard.
- 2) Vì mục đích tuân thủ quy định, sản phẩm này được gán một con số Model theo Quy định. Con số này không được phép nhầm lẫn với tên sản phẩm hoặc số của sản phẩm.
- 3) Các tiêu chuẩn và điều khoản phê duyệt về viễn thông phù hợp cho các quốc gia/vùng lãnh thổ đích đã được áp dụng cho sản phẩm này, ngoài các mục liệt kê ở trên.

Boise, Idaho , Mỹ

**Tháng Chín năm 2007**

### Chỉ riêng đối với vấn đề quy định:

**Địa chỉ Liên hệ tại Châu Âu:** Nơi bán sản phẩm và Phòng dịch vụ Hewlett-Packard Sales tại địa phương hoặc Hewlett-Packard GmbH, Phòng HQ-TRE / Tiêu Chuẩn Châu Âu., Herrenberger Strasse 140, , D-71034, Böblingen, (FAX: +49-7031-14-3143),  
<http://www.hp.com/go/certificates>

**Địa chỉ liên hệ tại Mỹ:** Giám đốc Phụ trách việc Tuân thủ Quy định của Sản Phẩm, Công ty Hewlett-Packard., PO Box 15, Mail Stop 160, Boise, ID 83707-0015, , (Điện thoại: 208-396-6000)

# Tuyên bố về an toàn

## An toàn laser

Trung tâm Thiết bị Và Sức khỏe Điện Quang (CDRH) của Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ đã áp dụng các quy định đối với các sản phẩm laser được sản xuất kể từ 1 tháng 8 năm 1976. Việc tuân thủ quy định là bắt buộc đối với các sản phẩm lưu hành trên thị trường Hoa Kỳ. Thiết bị này được chứng nhận là sản phẩm laser "Loại 1" theo hệ Tiêu chuẩn Hiệu suất Phóng xạ của Cơ quan Dịch vụ Y tế và Con người Hoa Kỳ (DHHS) theo Đạo luật về Quản lý Phóng xạ đối với Sức khỏe và An toàn 1968. Vì lượng phóng xạ phát ra từ thiết bị này được giữ lại hoàn toàn bên trong lớp vỏ bảo vệ và vỏ bọc bên ngoài, nên tia laser không thể thoát ra ngoài trong bất kỳ giai đoạn hoạt động thông thường nào của máy.

⚠ **CẢNH BÁO!** Việc điều khiển sử dụng, điều chỉnh hoặc thực hiện các thao tác vận hành khác với những gì được quy định trong hướng dẫn sử dụng này có thể gây phóng xạ nguy hiểm.

## Các quy định DOC tại Canada

Complies with Canadian EMC Class B requirements.

« Conforme à la classe B des normes canadiennes de compatibilité électromagnétiques. « CEM ». »

## Tuyên bố EMI (Hàn Quốc)

B급 기기 (가정용 정보통신기기)

이 기기는 가정용으로 전자파적합등록을 한 기기로서  
주거지역에서는 물론 모든지역에서 사용할 수 있습니다.

## Tuyên bố về laser cho Phần Lan

### Luokan 1 laserlaite

Klass 1 Laser Apparat

HP LaserJet M1522n, M1522nf, laserkirjoitin on käyttäjän kannalta turvallinen luokan 1 laserlaite. Normaalisissa käytössä kirjoittimen suojakoteloitinta estää lasersäteiden pääsyn laitteen ulkopuolelle. Laitteen turvallisuusluokka on määritetty standardin EN 60825-1 (1994) mukaisesti.

### VAROITUS !

Laitteen käyttäminen muulla kuin käyttöohjeessa mainitulla tavalla saattaa altistaa käyttäjän turvallisuusluokan 1 ylittävälle näkymättömälle lasersäteilylle.

### WARNING !

Om apparaten används på annat sätt än i bruksanvisning specificerats, kan användaren utsättas för osynlig laserstrålning, som överskrider gränsen för laserklass 1.

### HUOLTO

HP LaserJet M1522n, M1522nf - kirjoittimen sisällä ei ole käyttäjän huollettavissa olevia kohteita. Laitteen saa avata ja huoltaa ainoastaan sen huoltamiseen koulutettu henkilö. Tällaiseksi huoltotoimenpiteeksi ei katsota väriainekasetin vaihtamista, paperiradan puhdistusta tai muita käyttäjän

käsikirjassa lueteltuja, käyttäjän tehtäväksi tarkoitettuja ylläpitotoimia, jotka voidaan suorittaa ilman erikoistyökaluja.

### **VARO !**

Mikäli kirjoittimen suojakotelo avataan, olet alttiina näkymättömälle lasersäteilylle laitteen ollessa toiminnassa. Älä katso säteeseen.

### **VARNING !**

Om laserprinterns skyddshölje öppnas då apparaten är i funktion, utsätts användaren för osynlig laserstrålning. Betrakta ej strålen. Tiedot laitteessa käytettävän laserdiodin säteilyominaisuuksista: Aallonpituus 775-795 nm Teho 5 m W Luokan 3B laser.

## **Bản hóa chất (Trung Quốc)**

### 有毒有害物质表

根据中国电子信息产品污染控制管理办法的要求而出台

部件名称	有毒有害物质和元素					
	铅 (Pb)	汞 (Hg)	镉 (Cd)	六价铬 (Cr(VI))	多溴联苯 (PBB)	多溴二苯醚 (PBDE)
打印引擎	X	0	X	X	0	0
复印机组件	X	0	0	0	0	0
控制面板	0	0	0	0	0	0
塑料外壳	0	0	0	0	0	0
格式化板组件	X	0	0	0	0	0
碳粉盒	X	0	0	0	0	0

0: 表示在此部件所用的所有同类材料中, 所含的此有毒或有害物质均低于 SJ/T11363-2006 的限制要求。

X: 表示在此部件所用的所有同类材料中, 至少一种所含的此有毒或有害物质高于 SJ/T11363-2006 的限制要求。

注: 引用的“环保使用期限”是根据在正常温度和湿度条件下操作使用产品而确定的。

---

# Bảng chú giải

**đổi chiếu** Quá trình in nhiều bản sao thành từng bộ. Khi bạn chọn tùy chọn đổi chiếu, sản phẩm sẽ toàn bộ bản in thứ nhất trước khi in thêm các bản sao. Hoặc sản phẩm sẽ in số lượng bản sao của trang thứ nhất và sau đó in số lượng tương tự cho các trang kế tiếp.

**độ tương phản** Sự khác biệt giữa những vùng tối và sáng trên ảnh. Giá trị này càng giảm, thì các vùng gần bóng tối sẽ càng giống nhau. Giá trị này càng tăng, thì càng nhiều vùng bóng tối xuất hiện riêng rẽ nhau.

**đường dây chuyên dụng** Đường dây điện thoại đơn để dành riêng cho các cuộc gọi fax hoặc cuộc gọi thoại.

**điểm ảnh trên inch (ppi)** Đơn vị đo độ phân giải dùng khi quét tài liệu. Thông thường, nếu có càng nhiều điểm ảnh trên inch với độ phân giải cao hơn, bạn càng thấy rõ các chi tiết trên ảnh, và kích thước tập tin sẽ lớn hơn.

**độ phân giải.** Độ sắc nét của hình ảnh, tính bằng đơn vị điểm trên inch (dpi). Giá trị dpi càng cao, độ phân giải càng lớn.

**đường dây dùng chung** Đường dây điện thoại được dùng cho cả các cuộc gọi thoại và fax.

**bán sắc** Loại hình ảnh mô phỏng sắc độ xám bằng cách phân bố số điểm ảnh. Các vùng nhiều màu sắc sẽ chứa nhiều điểm ảnh, trong khi những vùng sáng hơn sẽ chứa số điểm ảnh ít hơn.

**các chức năng fax** Các tác vụ fax được thực hiện qua bảng điều khiển hoặc phần mềm chỉ ảnh hưởng đến tác vụ hiện tại, hoặc được hoàn tất trước khi quay về trạng thái Sẵn sàng, ví như sau khi xóa bộ nhớ. Những chức năng này đều nằm trong các mục tương ứng của chúng trên menu của bảng điều khiển.

**các thông số fax** Các mục nội dung fax, khi được cài hoặc thay đổi, sẽ tiếp tục sử dụng các thông số này cho đến khi chúng được thay đổi. Ví dụ như số lần bạn cài để sản phẩm tự động quay lại số nếu số đó bận. Những thông số này đều nằm trong các mục tương ứng của chúng trên menu của bảng điều khiển.

**dạng tập tin** Cách bố trí cấu trúc tập tin của chương trình hoặc nhóm các chương trình.

**dấu hỏi (?)** Dấu hỏi trong chuỗi quay số fax cho biết sản phẩm sẽ dừng ở thời điểm đó trong trình tự quay số.

**dots per inch (dpi)** Đơn vị đo độ phân giải dùng khi in tài liệu. Thông thường, nếu có càng nhiều điểm trên inch với độ phân giải cao hơn, bạn càng thấy rõ các chi tiết trên ảnh, và kích thước tập tin sẽ lớn hơn.

**e-mail (thư điện tử)** Từ viết tắt của thư điện tử. Phần mềm có thể dùng để truyền các nội dung điện tử qua hệ thống mạng thông tin liên lạc.

**fax** Từ viết tắt của facsimile. Dạng mã hóa điện tử của bản in và việc truyền trang nội dung điện tử này qua đường dây điện thoại. Phần mềm của sản phẩm có thể gửi các nội dung đến các chương trình fax điện tử cần có phần mềm fax và modem.

**hệ thống chuyển mạch chính (PBX)** Một hệ thống chuyển mạch điện thoại cỡ nhỏ thường được dùng trong các trường đại học hoặc công ty lớn để kết nối tất cả các số máy nội bộ trong các tổ chức này. Hệ thống PBX cũng kết nối với mạng điện thoại công truyền thống (PSTN) và có thể dùng kết nối thủ công hoặc quay số, tùy

thuộc vào phương thức các số máy nội bộ dùng để bố trí các cuộc gọi đến và đi. Thông thường, thiết bị này cho khách hàng sở hữu thay vì thuê của công ty điện thoại.

**hình mờ** Hình mờ thêm vào văn bản ẩn dưới nền tài liệu sẽ in. Ví dụ, chữ "Thông tin mật" có thể in ẩn dưới nền của tài liệu để biết tài liệu này thuộc loại tài liệu mật. Bạn có thể chọn tạo một bộ các hình mờ, và các kiểu chữ, kích thước, góc và phong cách trình bày có thể thay đổi. Sản phẩm sẽ chỉ đặt hình mờ lên trên trang đầu hoặc tất cả các trang.

**kiểu chuông đặc trưng** Dịch vụ do một số công ty điện thoại cung cấp tại một số quốc gia/khu vực, cho phép cài hai hoặc ba số điện thoại trên cùng đường dây điện thoại. Mỗi số điện thoại sẽ có kiểu chuông riêng biệt, và máy fax có thể cấu hình để phân biệt kiểu chuông riêng của số fax.

**liên kết** Khả năng kết nối đến chương trình hoặc thiết bị có thể dùng để gửi thông tin từ phần mềm sản phẩm đến chương trình khác, ví dụ như liên kết OCR, fax điện tử và e-mail.

**mạng điện thoại công truyền thống (PSTN)** Hệ thống mạng điện thoại quay số toàn cầu hoặc một bộ phận của hệ thống này. Người thuê bao sẽ được nhận số điện thoại duy nhất, cho phép họ nối vào hệ thống PSTN qua các công ty điện thoại địa phương. Thông thường, giai đoạn này thường được dùng khi liên hệ đến dữ liệu hoặc các dịch vụ phi điện thoại khác cung cấp qua đường dây kết nối thiết lập ban đầu, dùng tính năng truyền tín hiệu điện thoại thông thường và các bản mạch chuyển tiếp điện thoại đường dài.

**phần mềm nhận dạng ký tự quang học (OCR)** Phần mềm OCR chuyển đổi các hình ảnh điện tử chứa văn bản, ví dụ như các tài liệu được quét, sang dạng tài liệu mà các chương trình cơ sở dữ liệu, bảng tính và xử lý văn bản có thể dùng được.

**sắc độ xám** Bóng màu xám thể hiện tỷ lệ mờ và đậm của hình ảnh khi ảnh màu được chuyển sang ảnh sắc độ xám; màu sắc sẽ được thể hiện dưới nhiều sắc độ xám khác nhau.

**thiết bị chống đột biến điện** Thiết bị bảo vệ bộ nguồn và đường truyền tín hiệu khỏi các hiện tượng đột biến điện.

**trình điều khiển máy in** Trình điều khiển máy in là chương trình mà các chương trình phần mềm dùng để truy cập vào các tính năng sản phẩm. Trình điều khiển máy in sẽ diễn dịch các lệnh định dạng của chương trình phần mềm (ví dụ như các kiểu chữ đã chọn và dấu sang trang) thành ngôn ngữ máy in (ví dụ như PostScript hoặc PCL), và sau đó gửi tập tin cần in đến sản phẩm.

**trình duyệt** Từ viết tắt của trình duyệt Web, một chương trình phần mềm dùng để định vị và mở các trang Web.

**ADF** Khay tự động nạp tài liệu. Khay ADF được dùng để tự động nạp các bản gốc vào để thực hiện tác vụ sao chép, quét hoặc fax.

**DSL** Đường dây đăng ký thuê bao kỹ thuật số, một công nghệ cho phép kết nối trực tiếp và truy cập Internet tốc độ cao qua đường dây điện thoại.

**HP Director** Màn hình giao diện phần mềm dùng để làm việc với tài liệu. Khi bạn nạp tài liệu vào khay nạp tài liệu tự động (ADF) và máy tính được kết nối trực tiếp vào sản phẩm, HP Director sẽ xuất hiện trên màn hình máy tính để khởi hoạt các tính năng fax, sao chép hoặc quét.

**HP ToolboxFX** HP ToolboxFX là chương trình cho phép sử dụng các công cụ xử lý sự cố và quản lý sản phẩm, máy chủ Web nhúng, và các tài liệu đi kèm sản phẩm. HP ToolboxFX không hỗ trợ hệ điều hành Macintosh.

**ISDN** Hệ thống Mạng Kỹ thuật số Tích hợp Đa Dịch vụ (ISDN) là hệ thống áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về truyền tín hiệu kỹ thuật số trực tiếp qua hệ thống mạng điện thoại công cộng.

**Readiris** Một chương trình nhận dạng ký tự quang học (OCR) do công ty I.R.I.S. phát triển và được cung cấp kèm theo phần mềm của sản phẩm.

**TWAIN** Một tiêu chuẩn chuyên ngành dành cho máy quét và phần mềm. Khi dùng máy quét tương thích TWAIN cùng chương trình tương thích TWAIN, bản quét có thể được tạo trong chương trình.



**URL** Thông tin định vị tài nguyên thống nhất, một loại địa chỉ toàn cầu dành cho tài liệu và các nguồn tài nguyên trên Internet. Phần đầu của địa chỉ này sẽ cho biết giao thức sử dụng, phần thứ hai cho biết địa chỉ IP hoặc tên miền nơi chứa nguồn tài nguyên.

**USB** Đường truyền nối tiếp chung (USB) là một tiêu chuẩn do USB Implementers Forum, Inc. phát triển, dùng để kết nối máy tính và các thiết bị ngoại vi. USB được thiết kế để cho phép đồng thời kết nối một cổng USB của máy tính với nhiều thiết bị ngoại vi.

**WIA** Kiến trúc Hình ảnh Windows (WIA) là một kiến trúc hình ảnh hiện có trong Windows Me và Windows XP. Một bản quét có thể được kích hoạt trong các hệ điều hành này bằng cách dùng máy quét tương thích WIA.



# Bảng chú dẫn

## A

ảnh chụp  
quét 113  
quét, xử lý sự cố 215  
sao chép 97  
ADF  
định vị 4  
kẹt giấy 197  
kích thước trang hỗ trợ 160

## Â

âm lượng  
cài đặt 18  
âm lượng, điều chỉnh 127  
âm quay số 131

## B

bảng điều khiển  
menu 11  
cài đặt 25  
quét từ (Macintosh) 41  
cài đặt hệ thống HP  
ToolboxFX 174  
tình trạng mực in, kiểm tra  
từ 179  
trang làm sạch, in 182  
xử lý sự cố hiển thị 196  
bảng điều khiển  
thông báo, xử lý sự cố 191  
bảng chú giải thuật ngữ 259  
bản đồ menu  
in 167  
bản quét trống, xử lý sự cố 217  
bản sao đậm 212  
bản sao có kích thước tùy  
chỉnh 89  
bản sao mờ 212  
bản sao trống, xử lý sự cố 214  
báo cáo  
bản đồ menu 167

trang cấu hình 166  
trang sử dụng 167  
trang thử nghiệm 13, 166  
trang trạng thái mực in 166

báo cáo, fax

gỡ sự cố 164  
in tất cả 156  
lỗi 157

báo cáo, sản phẩm  
trang cấu hình mạng 49

báo cáo lỗi, fax  
in 157

báo cáo mạng, in 167

bảo hành

đổi máy và bộ nhiệt áp 234  
hộp mực in 234  
mở rộng 237  
sản phẩm 231

Việc khách hàng tự sửa  
chữa 233

bảo hành cho máy đổi 234

bảo hành mở rộng 237

bảo mật

cài mật khẩu bằng bảng điều  
khiển 125  
cài mật khẩu từ EWS 178  
cài mật khẩu từ  
HP ToolboxFX 172  
cài nhận riêng 126

bảo quản

hộp mực 179

bảo vệ mật khẩu 125

bật/tắt, định vị 4

bỏ chặn số fax 136

bột mực

có vết bản, xử lý sự cố 206  
không bám dính chặt, xử lý sự  
cố 207  
lưu 78

phân tán, xử lý sự cố 208  
vết, xử lý sự cố 205

bột mực bị vết bản, xử lý sự  
cố 206

bột mực không bám dính chặt, xử lý  
sự cố 207

bộ nhiệt áp

bảo hành 234  
hướng dẫn phương tiện 69

bộ nhớ

in lại fax 150  
thông báo lỗi 191  
xóa bản fax 139

Bộ nhiệt áp

lỗi 195

## C

các báo cáo

bản đồ menu 13  
báo cáo mạng 13, 167  
danh sách kiểu chữ PCL 14  
danh sách kiểu chữ PCL 6 14  
danh sách kiểu chữ PS 14  
fax 13  
trang cấu hình 13  
trang dịch vụ 14  
trang sử dụng 14  
trang tình trạng nguồn cung  
cấp 13

các báo cáo, sản phẩm  
trang cấu hình 49

các báo cáo fax, in 13  
các cài đặt tốc độ liên kết 50

các cảnh báo 191

các chỉ tiêu kỹ thuật  
môi trường 243

các cổng

định vị 5

các cổng fax, định vị 5

- các cổng giao diện
    - định vị 5
    - các loại được bao gồm 3
  - các cổng giao tiếp
    - cáp, đặt hàng 229
  - các dải và vệt, xử lý sự cố 206
  - các giao thức, mạng 47
  - các hệ điều hành được hỗ trợ 6, 8, 22, 34
  - các hệ điều hành, mạng 46
  - các hình mờ 39
  - các hộp ID người gọi, kết nối 118
  - các khay
    - các sự cố khi tiếp giấy, xử lý sự cố 210
    - kích thước phương tiện mặc định 59
  - các khay nạp giấy
    - các sự cố khi tiếp giấy, xử lý sự cố 210
  - các mã hóa đơn, fax
    - sử dụng 131
  - các mã số đầu, quay số 127
  - các máy trả lời, kết nối 118
  - các modem, kết nối 118
  - các ngăn chứa
    - tái chế 247
  - các sọc đứng màu trắng hoặc màu nhạt 212
  - các sọc màu trắng hoặc màu nhạt, xử lý sự cố 212
  - các sự cố khi tiếp giấy, xử lý sự cố 210
  - các thông báo cảnh giác 191
  - các thông số cài đặt kiểu chuông đặc trưng 134
  - các thông số kỹ thuật
    - các tính năng sản phẩm 3
  - các tín hiệu bận, các tùy chọn quay số lại 128
  - các trang
    - nạp nhầm 210
    - quá nhãn 209
  - các trang bìa 38, 70
  - các trang không thẳng 208, 210
  - các trang thông tin
    - cấu hình 49
    - cấu hình mạng 49
  - các trang trắng
    - in 71
  - các trình điều khiển
    - các hệ điều hành được hỗ trợ 8
  - các vật liệu đặc biệt
    - các nguyên tắc 57
  - cài đặt
    - phần mềm Windows 7, 27
    - ưu tiên 25, 34
    - trình điều khiển 26, 35
    - phần mềm Macintosh cho các kết nối trực tiếp 35
    - phần mềm Macintosh trên mạng 36
    - cài đặt sẵn trình điều khiển (Macintosh) 38
    - in mạng 48
    - trang cấu hình mạng 49
    - trang cấu hình 49
    - lối tắt (Windows) 79
    - HP ToolboxFX 172
    - cài đặt mặc định gốc, khôi phục 190
  - cài đặt phần mềm được đề xuất 7
  - cài đặt, phần mềm
    - đề xuất 7
    - nhanh 7
    - loại (Windows) 27
  - cài đặt phần mềm nhanh 7
  - cài đặt sẵn (Macintosh) 38
  - cài đặt kích thước giấy tùy chỉnh Macintosh 38
  - cài đặt trình điều khiển Macintosh
    - giấy kích thước tùy chỉnh 38
    - tab Services (Dịch Vụ) 40
  - cài đặt độ tương phản
    - sao chép 92
  - cài đặt dò tìm âm quay số 128
  - cài đặt kích thước kính 130
  - cài đặt mặc định gốc, khôi phục 190
  - cài đặt hình
    - in, xử lý sự cố 205, 218
  - cảnh báo, cài đặt 168
  - cảnh báo e-mail, cài đặt 168
  - cáp
    - số hiệu bộ phận 229
    - USB, xử lý sự cố 211
  - cập nhật chương trình cơ sở 185
  - co dẫn tài liệu
    - Macintosh 38
  - co giãn tài liệu
    - sao chép 89
  - công tắc nguồn, định vị 4
  - có kèm pin 248
  - cổng
    - các loại được bao gồm 3
    - cáp, đặt hàng 229
    - xử lý sự cố Macintosh 223
  - cổng mạng
    - định vị 5
    - cài đặt 48
  - cổng USB
    - định vị 5
    - loại được bao gồm 3
    - xử lý sự cố 211
    - xử lý sự cố Macintosh 223
  - cung cấp
    - tái chế 247
  - Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể 240
  - Các đặc điểm kỹ thuật về điện 241, 242
  - Các đặc điểm kỹ thuật về môi trường 243
  - Các công bố về viễn thông của New Zealand 254
  - Các quy định DOC tại Canada 257
  - Các trang Web 31
  - Các trang Web
    - Tờ Thông tin An toàn đối với Nguyên Liệu (MSDS) 249
  - Các yêu cầu IC CS-03 252
  - Cài đặt trình điều khiển Macintosh
    - các hình mờ 39
  - Cài đặt EconoMode 78
  - Chăm sóc Khách hàng HP 235
  - Cổng USB
    - cài đặt Macintosh 35
- CH**
- chấm, xử lý sự cố 205
  - chặn fax 136
  - chất lượng
    - cài đặt chất lượng in (Macintosh) 38
    - cài đặt sao chép 91
    - cài đặt HP ToolboxFX 173

- in, xử lý sự cố 205, 218
- quét, xử lý sự cố 215, 216
- sao chép, xử lý sự cố 212
- thông số cài đặt in (Windows) 219
- chất lượng ảnh
  - cài đặt HP ToolboxFX 173
- chất lượng bản in
  - cài đặt HP ToolboxFX 173
- chất lượng giấy ra
  - in, xử lý sự cố 205, 218
  - quét, xử lý sự cố 215, 216
  - sao chép, xử lý sự cố 212
- chất lượng hình ảnh
  - quét, xử lý sự cố 215, 216
  - sao chép, xử lý sự cố 212
- chất lượng in
  - cài đặt HP ToolboxFX 173
  - xử lý sự cố 205, 218
- chế độ
  - so sánh 1
- chế độ trả lời, thông số cài đặt 133
- chế độ dò-tĩnh 136
- chế độ chờ thiết bị 174
- chế độ chờ, thiết bị 174
- chỉnh lại kích thước tài liệu
  - sao chép 89
  - Macintosh 38
- chương trình quản lý bảo vệ môi trường 247

## D

- danh bạ, fax
  - nhập 121
  - xóa tất cả các mục 122
  - Tab HP ToolboxFX 170
- dịch vụ
  - đóng gói lại thiết bị 237
  - cài đặt HP ToolboxFX 174
  - số hiệu bộ phận 228
  - thông báo lỗi nghiêm trọng 194
  - Đại lý Ủy quyền của HP 235
- dots per inch (dpi)
  - thông số kỹ thuật 3
- dòng, xử lý sự cố
  - các trang được in 206
- dòng dọc, xử lý sự cố 206

- dpi (điểm mỗi inch)
  - fax 129
- dpi (điểm trên inch)
  - fax 130
- dpi (dots per inch)
  - thông số kỹ thuật 3, 15, 109

## Đ

- độ phân giải
  - thông số kỹ thuật 3
  - quét 109
  - fax 129, 130
- địa chỉ IP
  - cấu hình tự động 50
  - Macintosh, xử lý sự cố 222
- đang nạp giấy
  - khay 1 58
- đang hủy
  - lệnh in 65
- định hướng, cài đặt 76
- định hướng đứng, cài đặt 76
- định hướng ngang, cài đặt 76
- đổi chiều bản sao 90
- độ tối, cài đặt độ tương phản
  - sao chép 92
- độ sáng
  - sao chép độ tương phản 92
  - độ tương phản fax 129
  - in không rõ, xử lý sự cố 205
- điện thoại, kết nối mở rộng 119
- đường dây bên ngoài
  - khoảng dừng, chèn 122
  - quay số tiền tố 127
- độ tối, thông số độ tương phản
  - fax 129
- điểm mỗi inch (dpi)
  - fax 129
- điểm trên inch (dpi)
  - fax 130
- điện thoại nhánh
  - nhận fax từ 137
  - gửi fax từ 148
- điện thoại
  - nhận fax từ 137, 151
- điện thoại, kết nối tải về
  - gửi fax từ 148
- đường dây nóng về gian lận 180
- đường kẻ, xử lý sự cố
  - bản sao 212
  - quét 217

- đặt hàng mực in và phụ kiện 228
- đại lý ủy quyền 235
- đóng gói lại thiết bị 237
- đóng gói thiết bị 237
- điện
  - yêu cầu 241, 242
- điện năng tiêu thụ 242
- độ ồn 244
- Đại lý Ủy quyền của HP 235
- Đạo luật Bảo vệ Người tiêu dùng Sử dụng điện thoại 251
- Địa chỉ IP
  - các giao thức được hỗ trợ 47
  - cấu hình thủ công 50
- Đường dây nóng về gian lận của HP 180

## E

- e-mail
  - cài đặt cảnh báo trong HP ToolboxFX 169
- e-mail, quét
  - cài đặt độ phân giải 109
  - Macintosh 41
- e-mail, quét đến
  - Windows 107

## F

- fax
  - độ phân giải 129, 130
  - báo cáo 13
  - báo cáo, gỡ sự cố 164
  - báo cáo, in tất cả 156
  - báo cáo lỗi, in 157
  - bảo mật, bảo vệ mật khẩu 125
  - bảo mật, nhận riêng 126
  - các mã hóa đơn 131
  - cài đặt mặc định gốc, khôi phục 190
  - chặn 136
  - chế độ trả lời 16, 133
  - chế độ dò-tĩnh 136
  - chuông-trả-lời 132
  - chuyển tiếp 133
  - gỡ sự cố gửi 160
  - gỡ sự cố nhận 161
  - gửi bằng phần mềm 146
  - gửi bằng phím quay số nhanh 145

gửi fax từ điện thoại 148  
 hủy 138  
 in lại từ bộ nhớ 150  
 kẹt giấy, xử lý sự cố 197  
 khoảng dừng, chèn 122  
 kiểu chuông 16, 134  
 nhận-kèm-tem 136  
 nhận khi bạn nghe chuông  
 fax 151  
 nhận qua điện thoại  
 nhánh 137  
 nhận từ phần mềm 135  
 nhật ký gửi 171  
 nhật ký nhận 171  
 nhóm ad hoc 143  
 quay lại số bằng cách thủ  
 công 144  
 quay số, âm hoặc nhíp  
 điệu 131  
 quay số cách thủ công 142  
 quay số nhanh 145  
 quay số tiền tố 127  
 sửa-lỗi 159  
 tạm hoãn gửi 149  
 thông báo lỗi 153  
 thông số độ tương phản 129  
 thông số âm lượng 127  
 thông số cài đặt V.34 159  
 thông số dò-tìm-âm-quay-  
 số 128  
 thông số kích-thước-kính 130  
 thông số quay số lại 128  
 tự động giảm 135  
 từ máy tính (Macintosh) 42  
 xếp hàng 125  
 xóa khỏi bộ nhớ 139  
 faxmục  
 quay-số-nhóm 146  
 fax điện tử  
 nhận 135  
 gửi 146

## G

gấp, xử lý sự cố 208  
 gỡ bỏ  
 phần mềm Windows 28  
 gỡ cài đặt phần mềm  
 Macintosh 36  
 gỡ sự cố  
 báo cáo fax 164

gửi fax 160  
 nhận fax 161  
 quay số 161  
 thông số sửa-lỗi fax 159  
 tốc độ, gửi fax 164  
 trang cấu hình, in 49  
 trang cấu hình mạng, in 49  
 gửi chuyển tiếp fax 133  
 gửi fax  
 báo cáo lỗi, in 157  
 các mã hóa đơn 131  
 chuyển tiếp 133  
 gỡ sự cố 160  
 hủy 138  
 nhật ký, HP ToolboxFX 171  
 quay số cách thủ công 142  
 quay số nhanh 145  
 tạm hoãn 149  
 từ điện thoại kết nối tải về 148  
 từ phần mềm 146  
 gửi fax  
 nhóm ad hoc 143  
 gửi faxmục  
 quay-số-nhóm 146  
 gửi thiết bị 237  
 Gói dịch vụ hỗ trợ HP  
 SupportPack 237  
 Gói dịch vụ hỗ trợ SupportPack,  
 HP 237

## GI

giải quyết sự cố  
 lỗi PostScript 224  
 sự cố Macintosh 222  
 giấy  
 bị nhăn 208  
 các loại được hỗ trợ 62  
 cài đặt sao chép 93  
 cài đặt HP ToolboxFX 174  
 cong, xử lý sự cố 207  
 kẹt giấy 197  
 kích thước, chọn 73  
 kích thước, thay đổi 94  
 kích thước được hỗ trợ 55  
 kích thước tài liệu, chọn 72  
 kích thước tùy chỉnh, cài đặt  
 Macintosh 38  
 loại, chọn 75  
 loại, thay đổi 94  
 nguồn, chọn 74

nhiều trang trên một bản 39  
 thông số tự động giảm  
 fax 135  
 trang đầu tiên 38, 70  
 xử lý sự cố 209  
 ADF, kích thước hỗ trợ 160  
 giấy đặc biệt  
 các nguyên tắc 57  
 giấy bị lệch 208, 210  
 giấy lượn sóng, xử lý sự cố 207  
 giới hạn về vật liệu 248

## H

hiệu ứng tô bóng nền, xử lý sự  
 cố 206  
 hình mờ 77  
 hộp mực  
 bảo hành 234  
 lưu trữ 179  
 số hiệu bộ phận 228  
 tái chế 180  
 tái sử dụng 180  
 thay 181  
 tình trạng, kiểm tra 179  
 tình trạng, xem  
 bằngHP ToolboxFX 168  
 Đường dây nóng về gian lận của  
 HP 180  
 hộp mực, in  
 Tình trạng Macintosh 40  
 hộp mực in  
 bảo hành 234  
 mở nắp hộp, định vị 4  
 số hiệu bộ phận 228  
 tái chế 180, 247  
 tái sử dụng 180  
 tình trạng, kiểm tra 179  
 tình trạng, xem bằng  
 HP ToolboxFX 168  
 tình trạng Macintosh 40  
 hỗ trợ  
 đóng gói lại thiết bị 237  
 trực tuyến 235  
 hỗ trợ khách hàng  
 đóng gói lại thiết bị 237  
 trực tuyến 235  
 hỗ trợ kỹ thuật  
 đóng gói lại thiết bị 237  
 trực tuyến 235  
 hỗ trợ trực tuyến 235

- hủy
  - các lệnh sao chép 88
  - fax 138
  - lệnh quét 108
- Hộp công cụ. Xem HP ToolboxFX
- HP Instant Support Professional Edition (ISPE) 235
- HP LaserJet Scan (Windows) 104
- HP ToolboxFX
  - đang mở 168
  - tab tình trạng 168
  - thông tin thiết bị 173
  - tình trạng mực in, kiểm tra từ 179
  - Help tab (Tab trợ giúp) 172
  - Tab fax 169
  - Tab tài liệu 172
  - Tab Các cài đặt Mạng 175
  - Tab Thông số cài đặt Hệ thống 172
  - Tab Thông số cài đặt In 174
- HP Web Jetadmin 29, 177
- I**
- in
  - bản đồ menu 167
  - báo cáo mạng 167
  - cạnh này sang cạnh kia 93
  - danh sách kiểu chữ 166
  - hai mặt, Macintosh 40
  - hai mặt, Windows 80
  - kết nối mạng 48
  - kết nối trực tiếp với máy tính 44
  - kết nối USB 44
  - lỗi tắt 79
  - trang cấu hình 166
  - trang sử dụng 167
  - trang thử nghiệm 166
  - trang trạng thái mực in 166
  - trên khổ giấy khác nhau 72
  - xử lý sự cố 211
  - Macintosh 38
- in đồng đẳng
  - từ chối 45
- in hai mặt 40
- in không rõ 205
- in lại fax 150
- in mờ, xử lý sự cố 205
- in n-up
  - Windows 81
- in từ cạnh này sang cạnh kia 93
- Instant Support Professional Edition (ISPE) 235
- J**
- Jetadmin, HP Web 29, 177
- K**
- kẹt giấy
  - fax, xử lý 197
  - khay, xử lý 200
  - khu vực hộp mực in, xử lý 203
  - ngăn chặn 204
  - ngăn giấy ra, xử lý 202
  - nguyên nhân 197
  - vị trí 197
  - ADF, xử lý 197
- kẹt giấy ở khu vực hộp mực in, xử lý 203
- kiểm soát vòng 125
- kiếng, lau chùi 110, 185
- kiểu chuông
  - đặc trưng 134
- kiểu chữ
  - danh sách kiểu chữ dùng để in 166
- kích thước
  - phương tiện 55
- kích thước 240
- kích thước, giấy
  - Thông số Vừa Trang in, gửi fax 135
- kích thước, phương tiện
  - lựa chọn khay 62
- kích thước, sao chép
  - thu nhỏ hoặc phóng to 89
  - xử lý sự cố 214
- ký tự, xử lý sự cố 207
- KH**
- khay
  - in hai mặt 40
  - kẹt giấy, xử lý 200
  - khả năng chứa giấy 62
- khay đựng giấy ra
  - định vị 4
- khay 1
  - định vị 4
- đang nạp 58
- kẹt giấy, xử lý 200
- khay nạp giấy ưu tiên
  - định vị 4
  - đang nạp 58
  - kẹt giấy, xử lý 200
- khay tiếp giấy
  - đang nạp giấy 58
- khay tự động nạp tài liệu (ADF)
  - định vị 4
  - nạp tài liệu để sao chép 86
  - dung lượng 86
  - kích thước trang hỗ trợ 160
  - kẹt giấy 197
- khay tự động nạp tài liệu
  - đang nạp để quét 102
- khoảng dừng, chèn 122
- khôi phục cài đặt mặc định gốc 190
- L**
- lau chùi
  - bên ngoài 185
  - dải máy quét 92, 185
  - khay tự động nạp tài liệu 184
  - kiếng 110, 185
  - kính máy quét 91
  - nắp sau 185
- làm sạch
  - đường dẫn giấy 182
- lệnh in
  - hủy 65
- liên hệ với HP 235
- loại, phương tiện
  - lựa chọn khay 62
- loại, vật liệu in
  - cài đặt HP ToolboxFX 174
- lỗi, PostScript 224
- lỗi lặp lại, xử lý sự cố 208
- lỗi tắt 79
- lỗi tắt, in 79
- lưu trữ
  - các đặc điểm kỹ thuật về môi trường 243
- LaserJet Scan (Windows) 104
- Linux 31
- Lỗi Bảo vệ ChungLoại trừ OE 222
- Lỗi Spool32 222
- Lỗi Thao tác Không hợp lệ 222

- M**
- mạng
    - các giao thức được hỗ trợ 47
    - các hệ điều hành được hỗ trợ 46
    - cài đặt Macintosh 36
    - cài đặt tốc độ liên kết 50
    - cấu hình 19, 43
    - cấu hình địa chỉ IP 50
    - chế độ chờ thiết bị 174
    - phát hiện sản phẩm 47
    - xử lý sự cố 220
    - HP Web Jetadmin 177
  - màu
    - cài đặt quét 110
  - màu sắc, cài đặt quét 109
  - mặc định, khôi phục 190
  - mật độ, in
    - thay đổi cài đặt 68
  - mật độ in
    - thay đổi cài đặt 68
  - máy chủ Web nhúng 29, 36
  - máy chủ Web nhúng (EWS)
    - tính năng 176
  - máy quét
    - đang nạp để quét 103
    - dài, lau chùi 92
    - kính, lau chùi 91
    - lau chùi kiếng 110
    - nạp tài liệu để sao chép 87
  - máy quét hình phẳng
    - kích-thước-kính mặc định, thông số 130
  - máy trả lời, kết nối
    - thông số fax 132
  - menu
    - bảng điều khiển, truy cập 11
    - thiết lập fax 14
    - Báo cáo 13
    - Các chức năng fax 12
    - Cài đặt hệ thống 17
    - Cấu hình mạng 19
    - Dịch vụ 19
    - Thiết lập sao chép 12
    - Tình trạng Fax Job 11
  - model
    - số, định vị 5
  - môi trường sử dụng, thông số kỹ thuật 243
  - mục quay-số-nhóm
    - gửi fax đến 146
    - sửa 124
    - tạo 124
    - xóa 124
  - mực in
    - lưu trữ 179
    - tái chế 180
    - thay hộp mực 181
    - tình trạng, kiểm tra 179
    - tình trạng, xem bằng HP ToolboxFX 168
    - trang trạng thái, in 166
    - Đường dây nóng về gian lận của HP 180
  - Macintosh
    - các hệ điều hành được hỗ trợ 6
    - các hệ điều hành được hỗ trợ 34
    - cài đặt trình điều khiển 35, 38
    - cài đặt in 35
    - cài đặt hệ thống in cho các kết nối trực tiếp 35
    - cài đặt hệ thống in cho mạng 36
    - chỉnh lại kích thước tài liệu 38
    - fax 42
    - gửi fax từ 147
    - hỗ trợ 236
    - quét e-mail 41
    - quét tập tin 41
    - quét từng trang 41
    - quét từ bảng điều khiển 41
    - quét từ phần mềm theo quy chuẩn TWAIN 104
    - sự cố, giải quyết 222
    - thẻ USB, xử lý sự cố 223
    - trình điều khiển được hỗ trợ 8
    - trình điều khiển, xử lý sự cố 222
    - xóa phần mềm 36
    - Bộ xử lý Lõi Intel 6
    - PPC 6
    - Thiết bị cấu hình 36
  - Macintosh Configure Device (Thiết bị Cấu hình Macintosh) 36
  - Menu cài đặt hệ thống 17
  - Menu cấu hình mạng 19
  - Menu dịch vụ 19
  - Microsoft Word, gửi fax từ 148
- N**
- nạp vật liệu in
    - khay nạp giấy ưu tiên 58
  - nặng 240
  - nắp, làm sạch 185
  - nền xám, xử lý sự cố 206
  - nơi đến, thêm
    - Windows 106
- NG**
- ngăn, giấy ra
    - kẹt giấy, xử lý 202
  - ngày tháng fax, thiết lập
    - sử dụng bảng điều khiển 119
    - sử dụng Trình Hướng Dẫn Cài Đặt Fax HP 120
  - nguồn cung cấp
    - tái sử dụng 180
- NH**
- nhấn, xử lý sự cố 208
  - nhận fax
    - báo cáo lỗi, in 157
    - chặn 136
    - chế độ trả lời, thông số 133
    - chế độ dò-tĩnh 136
    - gỡ sự cố 161
    - in lại 150
    - khí bạn nghe chuông fax 151
    - kiểu chuông, thông số 134
    - nhật ký, HP ToolboxFX 171
    - thông số chuông-trả-lời 132
    - thông số nhận-kèm-tem 136
    - thông số tự động giảm 135
    - từ điện thoại nhánh 137
    - từ phần mềm 135
    - xếp hàng 125
  - nhận riêng 126
  - nhật ký, fax
    - gỡ sự cố 164
    - in tất cả 156
    - lỗi 157
  - nhật ký cuộc gọi, fax
    - gỡ sự cố 164
  - nhật ký hoạt động, fax
    - gỡ sự cố 164
  - nhật ký sự kiện 168
  - nhiều trang trên một bản
    - Windows 81



nhip điệu quay số 131  
nhóm ad hoc, gửi fax đến 143

## P

panen điều khiển  
cài đặt 34  
pixel/inch (ppi), độ phân giải  
quét 109  
ppi (pixel/ inch), độ phân giải  
quét 109  
Phần mềm dựa theo quy chuẩn  
TWAIN, quét từ 104  
Phần mềm dựa theo quy chuẩn  
WIA, quét từ 104  
Phần mềm HP-UX 31  
Phần mềm Linux 31  
Phần mềm OCR 105  
Phần mềm Readiris OCR 105  
Phần mềm Solaris 31  
Phần mềm UNIX 31  
PostScript, lỗi 224  
PPDs, Macintosh 222

## PH

phân phối lại bột mực 180  
phân tán, xử lý sự cố 208  
phát hiện thiết bị qua mạng“ 47  
phần mềm  
các hệ điều hành được hỗ  
trợ 6, 22  
các hệ điều hành được hỗ  
trợ 34  
các thành phần Windows 21  
cài đặt đề xuất 7  
cài đặt nhanh 7  
cài đặt 25, 34  
cài đặt kết nối trực tiếp,  
Macintosh 35  
cài đặt mạng, Macintosh 36  
gỡ cài đặt Macintosh 36  
gửi fax 146  
máy chủ Web nhúng 29, 36  
nhận fax 135  
quét từ TWAIN hoặc WIA 104  
thành phần 7  
HP ToolboxFX 29, 168  
HP Web Jetadmin 29  
Linux 31  
Readiris OCR 105  
Solaris 31

Thiết bị Cấu hình  
Macintosh 36  
UNIX 31  
Windows 29  
phần mềm nhận dạng ký tự quang  
học 105  
phone book, fax  
thêm các mục 145  
phông  
chọn 83  
phóng to tài liệu  
sao chép 89  
phương tiện  
định hướng, cài đặt 76  
bị nhẵn 208  
cài đặt sao chép 93  
chọn loại và kích thước 62  
cong, xử lý sự cố 207  
in trên phương tiện đặc  
biệt 69  
kích thước, chọn 73  
kích thước, thay đổi 94  
kích thước được hỗ trợ 55  
kích thước mặc định dành cho  
khay 59  
kích thước tài liệu, chọn 72  
kích thước tùy chỉnh, cài đặt  
Macintosh 38  
loại, chọn 75  
loại, thay đổi 94  
nguồn, chọn 74  
nhiều trang trên một bản 39  
nhiều trang trên một bản,  
Windows 81  
trang đầu tiên 38, 70  
phương tiện bị cong 207  
phương tiện in  
được hỗ trợ 55  
phụ kiện  
số hiệu bộ phận 228

## Q

quay lại bằng cách thủ công 144  
quay số  
cách thủ công 142  
fax 15  
gỡ sự cố 161  
khoảng dừng, chèn 122  
quay lại số bằng cách thủ  
công 144

thông số âm hoặc nhịp  
điệu 131  
tiền tố, chèn 127  
tự động quay số lại, thông  
số 128  
tử điện thoại 148  
quay số gọi quốc tế 142  
quay số lại  
thủ công 144  
tự động, thông số 128  
quay số nhanh  
lập trình 145  
sửa 123  
tạo 123  
xóa 123  
xóa tất cả 122  
quay số thủ công 142  
quét  
đến e-mail (Macintosh) 41  
đang nạp ADF 102  
đang nạp máy quét hình  
phẳng 103  
đến thư mục (Windows) 107  
đến tập tin (Windows) 107  
đến e-mail (Windows) 107  
đến chương trình  
(Windows) 107  
định dạng tập tin 109  
độ phân giải 109  
đen và trắng 110  
ảnh chụp 113  
các phương pháp 104  
chất lượng, xử lý sự cố 215,  
216  
giấy trống, xử lý sự cố 217  
hủy 108  
màu sắc 109  
phần mềm dựa theo quy chuẩn  
TWAIN 104  
phần mềm dựa theo quy chuẩn  
WIA 104  
phần mềm OCR 105  
quét, xử lý sự cố 216  
sách 112  
sắc độ xám 110  
tập tin (Macintosh) 41  
từng trang (Macintosh) 41  
tử bằng điều khiển  
(Macintosh) 41

từ bảng điều khiển 104  
 từ HP LaserJet Scan  
 (Windows) 104  
 quét đen và trắng 110  
 quét sắc độ xám 110  
 quét từng trang (Macintosh) 41  
 Quét đến nút, cài đặt 106  
 Quy định của EU về hoạt động viên  
 thông 253  
 Quy chuẩn FCC 246

## S

sao chép  
 đổi chiều 90  
 độ tương phản, điều chỉnh 92  
 ảnh chụp 97  
 bản gốc có khổ giấy hỗn  
 hợp 98  
 cài đặt độ sáng/tối 92  
 cài đặt nháp 93  
 cài đặt phương tiện 93  
 cạnh này sang cạnh kia 93  
 chất lượng, điều chỉnh 91  
 chất lượng, xử lý sự cố 212  
 hai mặt 99  
 hai mặt, thủ công 99  
 hủy 88  
 khôi phục cài đặt mặc định 95  
 khổ giấy 94  
 kích thước, xử lý sự cố 214  
 loại giấy 94  
 menu thiết lập 12  
 một lần chạm 88  
 nạp vào máy quét hình  
 phẳng 87  
 nạp vào ADF 86  
 nhiều bản sao chép 88  
 phóng to 89  
 sách 96  
 thay đổi số mặc định 88  
 thu nhỏ 89  
 vật liệu in, xử lý sự cố 213  
 xử lý sự cố 214

sách  
 quét 112  
 sao chép 96

sản phẩm  
 so sánh chế độ 1  
 số sê-ri, định vị 5

sản phẩm không chứa thủy  
 ngân 248  
 so sánh, các chế độ sản phẩm 1  
 số điện thoại  
 Đường dây nóng về gian lận của  
 HP 180  
 số bản sao chép, thay đổi 88  
 số hiệu bộ phận  
 cấp 229  
 mực in 228  
 số lần đổ chuông trả lời 132  
 số sê-ri, định vị 5  
 sử dụng giấy/bìa khác nhau 70

## T

tab Services (Dịch Vụ)  
 Macintosh 40

tái chế  
 Chương trình hoàn trả thiết bị  
 máy in và bảo vệ môi trường  
 của HP 248

tạm hoãn gửi fax 149

tập tin, quét  
 Macintosh 41

tập tin EPS, xử lý sự cố 223

tiêu đề fax, thiết lập  
 sử dụng bảng điều khiển 119  
 sử dụng Trình Hướng Dẫn Cài  
 Đặt Fax HP 120

tính năng  
 sản phẩm 3

tính năng tiện dụng 3

tình trạng  
 cảnh báo, HP ToolboxFX 168  
 mực in, kiểm tra 179  
 tab Services (Dịch Vụ)  
 Macintosh 40  
 tác vụ fax 11  
 xem bằng HP ToolboxFX 168

tình trạng nguồn cung cấp, tab  
 Services (Dịch Vụ)  
 Macintosh 40

tình trạng thiết bị  
 tab Services (Dịch Vụ)  
 Macintosh 40

tốc độ  
 fax, gỡ sự cố 164  
 quét, xử lý sự cố 216  
 tốc độ chậm, gỡ sự cố  
 gửi fax 164

tốc độ chậm, xử lý sự cố  
 quét 216

tuyên bố về an toàn 257  
 tuyên bố về an toàn laser 257  
 tuyên bố về an toàn laser của Phần  
 Lan 257

tự động thông số giảm, fax 135

Tab fax, HP ToolboxFX 169

Tab tài liệu, HP ToolboxFX 172

Tab tình trạng,  
 HP ToolboxFX 168

Tab trợ giúp, HP ToolboxFX 172

Tab Các cài đặt Mạng,  
 HP ToolboxFX 175

Tab Thông số cài đặt Hệ  
 thống, 172

Tab Thông số cài đặt In,  
 HP ToolboxFX 174

Thông số cài đặt trình điều khiển  
 thiết bị Windows  
 sổ tay 66

Thông số cài đặt V.34 159

Thông số Fit to Page (Vừa Trang  
 in), fax 135

Tờ Thông tin An toàn đối với  
 Nguyên Liệu (MSDS) 249

Trang cấu hình 49

Trang Web  
 hỗ trợ khách hàng  
 Macintosh 236  
 HP Web Jetadmin, tải về 177

Trình điều khiển cho Linux 8

Trình điều khiển PCL drivers  
 các hệ điều hành được hỗ  
 trợ 8

Trình điều khiển PCL 23

Trình điều khiển Mô phỏng  
 PS 23

Trình điều khiển Thiết bị in  
 PostScript, thông số cài đặt HP  
 ToolboxFX 175

Tuyên bố EMI Hàn Quốc 257

TCP/IP  
 các giao thức được hỗ trợ 47  
 các hệ điều hành được hỗ  
 trợ 46

## TH

thải bỏ, hết thời hạn sử dụng 248

thải bỏ khi hết thời hạn sử dụng 248  
 tháo rời nắp hộp mực, định vị 4  
 thay hộp mực 181  
 thêm  
   quét nơi đến (Windows) 106  
 thẻ gọi điện 142  
 thỏa thuận về bảo trì 237  
 thỏa thuận về sử dụng dịch vụ 237  
 thông báo  
   bảng điều khiển 191  
   nghiêm trọng 194  
 thông báo lỗi  
   bảng điều khiển 191  
   nghiêm trọng 194  
 thông báo lỗi, fax 152  
 thông số độ tương phản fax 129  
 thông số cài đặt số tay Windows 66  
 thông số giao thức, fax 159  
 thông số kỹ thuật  
   điện 241, 242  
   độ ồn 244  
   vật lý 240  
 thông số kỹ thuật nhiệt độ môi trường 243  
 thông số kỹ thuật về độ ẩm môi trường 243  
 thông số kỹ thuật về tiếng ồn 244  
 thông số sửa-lỗi, fax 159  
 thông tin về tuân thủ quy định 246  
 thời gian fax, thiết lập  
   sử dụng bảng điều khiển 119  
   sử dụng Trình Hướng Dẫn Cài Đặt Fax HP 120  
 thuật ngữ 259  
 thu nhỏ tài liệu  
   sao chép 89  
 thư mục, quét đến 107

## TR

trang  
   bị lệnh 208, 210  
   không in 211  
   trắng 210

trang đầu tiên  
   sử dụng giấy khác nhau 38, 70  
   trắng 71  
 trang cấu hình  
   in 166  
 trang cấu hình mạng 49  
 trang sử dụng, in 167  
 trang thử nghiệm, in 166  
 trang trắng  
   xử lý sự cố 210  
 trang web  
   hỗ trợ khách hàng 235  
 trình điều khiển  
   các thông số kỹ thuật 3  
   được hỗ trợ 23  
   cài đặt 25, 26, 34, 35  
   cài đặt sẵn (Macintosh) 38  
   cài đặt Macintosh 38  
   lỗi tắt (Windows) 79  
   cài đặt Windows 79  
   Macintosh, xử lý sự cố 222  
 trình điều khiển máy in  
   các thông số kỹ thuật 3  
   Macintosh, xử lý sự cố 222

## U

UNIX 31

## Ư

ưu tiên, cài đặt 25, 34

## V

vấn bản, xử lý sự cố 207  
 vật liệu in  
   cài đặt HP ToolboxFX 174  
   kẹt giấy 197  
   xử lý sự cố 209  
 vật liệu in được hỗ trợ 55  
 vết, xử lý sự cố 205  
 vệt, xử lý sự cố 206  
 việc tái chế mực in 180  
 Vứt bỏ Rác thải tại Liên minh Châu Âu 249

## W

Windows  
   các hệ điều hành được hỗ trợ 6, 22  
   các thành phần phần mềm 21, 29

cài đặt trình điều khiển 26, 79  
 gửi fax từ 147  
 nhiều trang trên một bản 81  
 quét đến thư mục 107  
 quét đến e-mail 107  
 quét từ phần mềm TWAIN hoặc WIA 104  
 thêm bản quét vào nơi đến 106  
 trình điều khiển được hỗ trợ 8, 23  
 vấn đề xử lý sự cố 222  
 Word, gửi fax từ 148

## X

xóa bản fax khỏi bộ nhớ 139  
 xóa phần mềm  
   Windows 28  
 xóa phần mềm Macintosh 36  
 xử lý sự cố  
   bột mực không báo dính chặt 207  
   các trang bị lệnh 208, 210  
   các trang không in 211  
   cáp USB 211  
   chất lượng in 205  
   danh sách kiểm tra 188  
   dòng, các trang được in 206  
   in không rõ 205  
   lỗi lặp lại 208  
   nhấn 208  
   phân tán bột mực 208  
   phương tiện bị cong 207  
   trang trắng 210  
   vấn bản 207  
   vết bản bột mực 206  
   vết bột mực 205  
 xử lý sự cố  
   đường kẻ, bản sao 212  
   đường kẻ, quét 217  
   bản quét trống 217  
   các sự cố khi tiếp giấy 210  
   các thông báo ở bảng điều khiển 191  
   chất lượng quét 215, 216  
   chất lượng sao chép 212  
   giấy 209  
   kẹt giấy 197  
   kích thước sao chép 214  
   mạng 220

màn hình bảng điều  
khiển 196  
sao chép 214  
tập tin EPS 223  
thông báo lỗi nghiêm  
trọng 194  
trang quá đậm 212  
trang quá mờ 212  
vấn đề Windows 222

## Y

yêu cầu điện thế 241



© 2007 Hewlett-Packard Development Company, L.P.

[www.hp.com](http://www.hp.com)



CB534-90980